

QUYỀN SÁCH BIẾN ĐỔI CÁC DÂN TỘC

SỨC MẠNH CỦA KINH THÁNH LÀM THAY ĐỔI
CÁC QUỐC GIA

LOREN CUNNINGHAM

Dịch giả:

DANIEL DOAN

“Ngày hôm nay, còn gì thực tế hơn bằng việc chỉ ra vũ khí tối hậu để chống lại bất công, bạo lực và chủ nghĩa khủng bố qua Quyển Sách của Đức Chúa Trời là Kinh Thánh? Phải, đối với nhiều trường hợp thì Kinh Thánh đang ở ngay trước mắt (không phải đã có ở khắp nơi giống như Loren nói), nhưng nhu cầu của ngày hôm nay tùy thuộc vào giáo sư, môn đồ, người tiên phong, người cải cách (còn trường hợp của những “kẻ lén lút” đem Kinh Thánh thì sao?) để xuyên thủng các đồn lũy vô tín, để tuyên bố mạnh mẽ uy quyền tể trị của Đấng Christ. Thế giới đang mong chờ, cánh cửa đang mở ra, Đức Chúa Trời đang kiên nhẫn – nếu bạn cũng chờ đợi, thì hãy đọc quyển sách này. Nó không nói về nan đề, mà nói về giải pháp. Ước gì tôi đã viết một quyển sách như vậy”.

Brother Andrew,
tác giả quyển sách “Kẻ lén lút của Đức Chúa Trời”

“Tôi tin rằng Quyển Sách Biến Đổi Các Dân Tộc là một trong những quyển sách rất quan trọng từng được viết về công tác truyền giáo. Tôi được biết không có quyển sách nào giống như vậy. Đây là quyển sách hiếm hoi và là ngoại lệ đem tới một cái nhìn trọn vẹn về nước Đức Chúa Trời bằng rất nhiều thí dụ và khuôn mẫu mang tính lịch sử để cho thấy rằng mọi sự đã được hoàn thành ngay trong thời đại của chúng ta. Tôi sẽ yêu cầu những ai đi mở mang Hội thánh và thực tập sinh ở Hội thánh để ý đến quyển sách này. Loren đã mất gần như cả đời để hiểu ra những điều này – hy vọng chúng ta thực hành những gì đã chép trong đời sống mình! Đây có thể là một trong những đóng góp rất quan trọng mà Loren đã làm để nhìn thấy Đại Mạng Lệnh được hoàn thành”.

Bob Roberts,
Mục sư Quản nhiệm Hội thánh NorthWood;
Nhà sáng lập Glocalnet;
Tác giả quyển sách Biến đổi và Toàn cầu

“Quyển Sách Biến Đổi Các Dân Tộc dạy dỗ, uốn nắn và truyền cảm hứng cho các đầy tớ của Đức Chúa Trời trên khắp toàn cầu về cách Đức Chúa Trời đang biến đổi các dân tộc. Lời của Ngài giải phóng quyền năng làm thay đổi bất kỳ quốc gia nào. Loren Cunningham có thể nói một cách có uy quyền về đề tài này, trước tiên là vì ông nhận được khái tượng biến đổi các dân tộc hơn ba-mươi năm trước; thứ hai là vì ông đã sáng lập ra một trường học tự do về hình thức lớn nhất thế giới, là nơi Kinh Thánh được dạy dỗ cách trung tín; thứ ba là vì ông là một trong những giáo sĩ duy nhất đã đi đến từng quốc gia trên đất”.

Luis Bush,
Biến đổi Kết nối Thế giới,
Điều phối viên Quốc tế

“Quyển sách này là nguồn cảm hứng để thấy được sự khác biệt mà Lời Chúa đã biến đổi mọi sự trong quá khứ. Nó còn dẫn chúng ta đến chỗ phải nghĩ đến sự khác biệt mà Lời Chúa sẽ đem đến trong tương lai nếu chúng ta áp dụng vào đời sống và văn hoá”.

Steve Douglas,
Chủ tịch tổ chức quốc tế
Chinh Phục Sinh Viên Cho Đấng Christ (CCC)

“Từng trang đầy hào hứng trong quyển sách này, một lần nữa Loren Cunningham cho thấy khi lẽ thật của Kinh Thánh được đưa vào áp dụng, kết quả là có sự biến đổi – trong đời sống cá nhân, gia đình, hay cả dân tộc. Loren trình bày từ lịch sử để cho thấy rằng người nào yêu mến Luật pháp của Đức Giê-hô-va sẽ được thịnh vượng”.

***Paul Eshleman,
người sáng lập tổ chức Dự Án Phim JESUS***

“Trên bình diện toàn cầu, tương lai chúng ta tùy thuộc vào tương lai của các dân tộc...và tương lai của từng dân tộc tùy thuộc vào khả năng đón nhận Lời Chúa của dân tộc đó. Trong quyển sách này, Loren Cunningham cho thấy câu trả lời đầy khôn ngoan và mang tầm vóc khái tượng bằng câu hỏi: các nền văn hoá khác nhau sẽ vâng lời Chúa và lắng nghe Chúa Giê-sus Christ như thế nào? Thật hứng thú khi cùng với Loren khám phá nhiều sự khác biệt từ các dân tộc và các nền văn hoá qua lịch sử và địa lý”.

***Giáo sư – Tiến sĩ John C. Badoux,
Chủ tịch danh dự của Swiss Federal Institute of Technology
Lausanne (EPFL)***

“Trong Quyển Sách Biến Đổi Các Dân Tộc, Loren đưa ra lý do căn bản vì sao Lời Đức Chúa Trời không chỉ là công cụ của Ngài để kéo mọi người đến với sự cứu rỗi trong Đấng Christ, mà còn là một công cụ để biến đổi các dân tộc...Tôi tin rằng quyển sách này sẽ không chỉ môn đồ hoá đọc giả, mà còn có sự tôn trọng Lời Chúa ở đúng vị trí của nó. “Vì Chúa đã làm cho

lời Chúa được tôn cao hơn cả danh thánh Chúa” (Thi Thiên 138:2).

***Danny Lehman,
Giám đốc YWAM ở các quần đảo Hawaii
và là thành viên Ban Lãnh đạo Quốc tế Toàn cầu của YWAM***

“Quyển Sách Biến Đổi Các Dân Tộc vừa là lời nhắc nhở cho những gì Đức Chúa Trời đã làm trong quá khứ, và cũng là những gì rất thực tiễn mà mỗi người tin Chúa có thể làm. Loren Cunningham sẽ khuấy động trí tưởng tượng của bạn và làm mới lại hy vọng ở trong bạn dành cho cả thế giới”.

***Rick Warren,
tác giả của quyển sách Sống Theo Đúng Mục Đích***

“Nhiều năm qua tôi được biết về vị giáo sĩ hiện đại này, Loren Cunningham không chỉ có sự nhiệt thành dành cho người hư mất, mà còn được Đức Thánh Linh lèo lái để nhìn thấy Kinh Thánh được phân phát, được nghiên cứu và dạy dỗ khắp nơi. Khi tôi đọc quyển sách này, tôi thấy được lý do thúc đẩy vẫn không thay đổi. Lời Chúa quả thật đã làm nên lịch sử”.

***Dean Sherman, Trưởng khoa Quốc tế,
Cao đẳng Mục vụ Cơ Đốc,
Trường Đại học Các dân tộc***

“Lời hằng sống của Đức Chúa Trời cho phép chúng ta gặp gỡ Chúa Jêsus Christ. Chúng ta có thể nhận lãnh quyền phép của Đức Thánh Linh để biến đổi chính chúng ta, gia đình chúng ta,

xã hội chúng ta, và đất nước chúng ta. Ở Hàn Quốc, chúng tôi đón nhận Kinh Thánh và được đầy đầy Đức Thánh Linh. Một cơn phẩn hưng và biến đổi rất lớn xảy ra vào thế kỷ hai-mươi đã trở thành câu chuyện của ngày xưa. Sự biến đổi này vẫn đang diễn ra, không chỉ ở Hàn Quốc mà là ở khắp mọi nơi. Quyền sách mới của Loren Cunningham giúp mọi người ở khắp nơi thấy rõ bước đầu tiên để bắt đầu thay đổi quốc gia của họ là gì! Chúng ta cần phải đọc quyền sách này!

***Tiến sĩ KunMo Chung,
Chủ tịch của Korean National Prayer Breakfast;
Chủ tịch của Habitat for Humanity Korea;
Chủ tịch của Myongji University***

“Tình yêu của Đức Chúa Trời dành cho các dân tộc trên đất được truyền tải qua các câu chuyện hấp dẫn có thật của ông. Trong khi bóng tối tăm không ngừng bao phủ mọi nơi, quyền sách này đem đến hy vọng và là lời nhắc nhở về quyền năng của Kinh Thánh.

***Joyce Meyer,
tác giả quyền sách bán chạy nhất
và là một giáo sư Kinh Thánh***

“Loren Cunningham là một trong những người dẫn đầu phong trào giáo sĩ lớn nhất của thế kỷ hai mươi và còn tiếp tục cho đến thế kỷ hai-mươi-mốt, ông là một giáo sĩ đi đầu của Hội thánh. Thật ngạc nhiên với quyền sách nói về Kinh Thánh và quyền năng biến đổi các nền văn hoá của nó đã được viết ra bởi một người, là lời chứng sống động về Đấng Christ, Lời

hằng sống, được bày tỏ bằng xương bằng thịt qua một trong những đầy tớ trung tín của Ngài.

Jack W. Hayford,
Chủ tịch International Foursquare Churches;
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng và Viện The King

Tôi trao tặng quyển sách này cho Darlene...

người vợ yêu quý,

người mẹ tuyệt vời,

và là người cộng sự chân chính.

Thật tuyệt khi có em trong đời.

LỜI CẢM ƠN

Chúng tôi gửi lời biết ơn đến những người đã dành thời gian và chuyên môn của mình để thực hiện quyển sách này. Trước hết, xin gửi lời cảm ơn rất nhiều đến Pacheco Pyle, là người đã đốc sức hoàn thành dàn ý đầu tiên và đã dành nhiều giờ để nghiên cứu. Cảm ơn Marit Newton và Warren Walsh cùng nhiều người khác từ YWAM Publishing đã làm còn nhiều hơn cả những gì được xem là trách nhiệm của họ. Chúng tôi rất biết ơn đến nhiều người khác nữa đã giúp các câu chuyện và những dữ kiện được trở nên dễ đọc, trong đó có Peter Adams, Larry Allen, Paul Allen, Al Akimoff, Tiến sĩ E. H. Jim Ammerman, Tom Bloomer, Gail Boemker, Terry Bragg, Ryan Davis, Carol Dowsett, Bill Efinger, Katherine Ewing, Herbert Ford, George Foster, Jeff Fountain, Dawn Gauslin, Lynn Green, Phyllis Griswold, Thomas Grunder, Keith và Marilyn Hamilton, Debbie Hicks, Olivia Jackson, Todd Johnson, Warren và Gayle Keapproth, Emele Kila, YounSook Luce, April Otis McCallum,

Alv Magnus, Vishal và Ruth Mangalwadi, Colleen Milstein, Bob Moffitt, Kalafi Moala, Oliver Olson, Lisa Orvis, Colin Pettit, Winkie Pratney, Pari và Diane Ricard, Bráulia Ribeiro, Ricardo Rodrigues, Jeff Rogers, Jim Rogers, Ed Sherman, Debbi Smith, Ronald Smith, Jim Stier, và Tom Wheaton.

NỘI DUNG

Lời nói đầu	15
Lời tựa	19
Mục sư Trần Xuân Hoàng	
PHẦN I	
CHÚNG TA SẼ CÓ TẤT CẢ HAY MẤT TẤT CẢ	
1. Quyền sách bị mất và tìm được	23
2. Cần phải làm gì?	31
3. Chúng ta có thể xoay chuyển trào lưu	39
4. Phấn hưng hay biến đổi	51
5. Dám ước mơ	61
PHẦN II	
SỰ BIẾN ĐỔI ĐIỂN HÌNH	
6. Một nhà lập quốc thực thụ <i>William Carey</i>	71
7. Một anh hùng chúng ta cần gặp: <i>Abraham Kuyper</i>	79
8. Trượt tuyết cùng Kinh Thánh <i>Hans Nielsen Hauge</i>	89
9. Câu chuyện thành công sau “một đêm” <i>Hàn Quốc</i>	99
10. Cuộc cách mạng tại mảnh đất nhỏ <i>Pitcairn</i>	109
11. Sự biến đổi lớn nhất: <i>Martin Luther</i>	115
12. Mở khóa của cải <i>Đức (tiếp theo)</i>	123
13. John Calvin và thành phố bốc mùi ở châu Âu <i>Geneva</i>	131
14. Đặt nền móng cho sự tự do <i>Geneva (tiếp theo)</i>	137

PHẦN III

NHỮNG LỄ THẬT ĐEM ĐẾN SỰ BIẾN ĐỔI TỪ QUYỀN SÁCH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

15. Chìa khóa: Đức Chúa Trời là ai?	151
16. Điều quan trọng là: Bạn tin Đức Chúa Trời	159
17. Những lễ thật quan trọng về loài người chúng ta	171
18. Bạn có thể biết lễ thật	179
19. Chúng ta có trách nhiệm sống theo lễ thật	189
20. Tại sao các quốc gia giàu nghèo	195

PHẦN IV

CÓ NGOẠI LỆ KHÔNG?

21. Vâng lời một nửa, phước hạnh một nửa <i>Nhật Bản</i>	207
22. Sự trở lại đầy ngoạn mục của Nhật Bản	217
23. Nhiều thách thức, nhiều hy vọng <i>Châu Phi</i>	223
24. Hy vọng tri hoãn <i>Châu Mỹ La-tinh</i>	235
25. Gió Thánh Linh vận hành khắp châu Mỹ La-tinh	243

PHẦN V

ĐEM QUYỀN SÁCH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI CHO CẢ THẾ GIỚI

26. Hướng tầm nhìn ra thế giới	251
27. Hãy phân phát Kinh Thánh	259
28. Lợi thế vượt trội	267
29. Vươn đến con số 7%	277

PHẦN VI

TẬP CHÚ VÀO ĐỨC CHÚA TRỜI

30. Đức Thánh Linh và Lời Chúa	293
31. Chúa Jêsus, Lời hằng sống	305
Một thí dụ cho các dân tộc	315

Tác giả	323
Mục vụ Tiên Phong	325

LỜI NÓI ĐẦU

Khi tôi viết quyển sách này, phải thừa nhận rằng tôi không coi mình là một học giả. Tôi có vài tấm bằng trong tay, gồm những cái sau đại học từ trường Đại Học Nam California, cho nên tôi không phải là một gã vô học. Nhưng tôi biết có những người đã dành cả một đời để thực hiện nhiều công trình nghiên cứu khiến tôi rất khâm phục. Những chuyên gia này bao gồm nhiều người nam và người nữ tin kính đã tìm thấy rất nhiều điều hay là nghiên cứu về các quốc gia rất tỉ mỉ và sâu sắc, họ đã kết hợp tính chuyên nghiệp của mình và sự trung thành với Lời Chúa.

Tuy nhiên, tôi cũng có một lợi điểm khi đề cập đến các quốc gia và những vấn đề mà họ đang nghiên cứu đó. Lúc tôi 13 tuổi, là lần đầu tiên nhận được sự kêu gọi để bước vào chức vụ, tôi đã thấy hứng thú về các dân tộc. Khi lớn lên, tôi được đi đến nhiều nơi, thường là 30 đến 40 quốc gia mỗi năm. Tôi đã đặt chân đến mỗi quốc gia trên đất – một vinh dự mà tôi muốn được chia sẻ cùng với chỉ một tá người khác. Khi đi ra

những quốc gia như vậy, tôi có cơ hội nhìn thấy sự thay đổi của các nước. Quyền sách này nói lên những gì tôi đã quan sát được suốt cuộc đời mình khi đeo đuổi một đời sống lắng nghe tiếng Chúa cho các dân tộc. Lợi điểm của tôi chưa hẳn là sâu sắc – nó chỉ rộng chừng một dặm và sâu khoảng vài xen-ti-mét gì đó thôi. Tôi có thể cho thấy nhiều hơn – bức tranh lớn hơn, nếu đọc giả muốn. Với rất nhiều chương trong quyền sách này chúng ta chỉ có thể chạm đến những khía cạnh mà tôi nghĩ cần phải có sự sâu sắc hơn thế. Tôi hy vọng quyền sách sẽ mở ra một cuộc thảo luận. Tôi tin rằng nó sẽ gợi lên sự thèm khát bên trong bạn muốn tìm hiểu nhiều hơn về sự phát triển của các dân tộc được đề cập trong đây và những quốc gia khác nữa đang còn ở trong tình trạng tuyệt vọng.

Tôi hoàn toàn tin rằng chúng ta có thể thay đổi thế giới tốt hơn. Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta chìa khóa cho từng nan đề trong thế kỷ 21 này – những nan đề xảy ra ở các nước phát triển và đang phát triển. Mọi thứ, mọi nơi đều có thể thay đổi.

Tôi đã tận hiến cuộc đời mình cho mục đích này. Trên hành trình công tác, tôi có vinh dự được làm việc với những người nam người nữ rất trẻ trung và được chia sẻ chung một mục đích với họ. Tôi đã viết quyền sách với lời cầu nguyện rằng chính bạn cũng sẽ dự phần trong công tác này. Thân thể của Đấng Christ có những câu trả lời cho các nan đề to lớn của thế giới. Chúng ta có những câu trả lời trong một Quyền Sách mà nhiều người trong chúng ta đã biết đến nó gần hết cuộc đời của mình. Chúng ta có thể nhìn thấy các dân tộc thay đổi. Khi chúng ta áp dụng Kinh Thánh vào trong đời sống nhiều hơn nữa, chúng ta sẽ nhìn thấy thế giới quan của con người và các

dân tộc được chỉnh đốn lại. Điều đó sẽ biến đổi suy nghĩ, giá trị và cách hành xử của họ.

Khi bạn đọc quyển sách này, hãy tìm kiếm những ý nghĩa rất cốt lõi của Kinh Thánh sẽ làm mới lại các dân tộc. Cũng hãy để ý những phương pháp, đặc biệt là phương pháp kể chuyện. Chính Đức Chúa Trời đã bắt đầu câu chuyện từ sách Sáng Thế Ký, và 70% nội dung trong Kinh Thánh là kể chuyện. Các câu chuyện cho thấy lẽ thật trong một bối cảnh đầy cảm xúc; chính lúc đó tạo nên sự ảnh hưởng. Các câu chuyện của Đức Chúa Trời là đời đời, trong khi câu chuyện của chúng ta cho thấy lẽ thật thích hợp dành cho ngày hôm nay như thế nào. Hy vọng các câu chuyện xuất phát từ những tác nhân đã làm thay đổi một quốc gia sẽ thúc đẩy bạn áp dụng Lời Chúa vào công tác biến đổi các dân tộc.

LỜI TỰA

MỤC SƯ TRẦN XUÂN HOÀNG

Loren Cunningham – người sáng lập tổ chức Thanh Niên Với Sứ Mạng – đã đặt chân đến mọi quốc gia và lãnh thổ trên thế giới để chia sẻ Phúc Âm. Trong quyển sách này, Loren sẽ kể cho chúng ta nghe nhiều câu chuyện thật về Lời Hằng Sống của Đức Chúa Trời đã đem đến những ảnh hưởng và biến đổi lớn lao trên các quốc gia từ xưa đến nay. Chính vì vậy, mời bạn hãy cùng tôi bắt đầu đọc quyển sách này,

- để khám phá và học biết quyền năng biến đổi trong Lời Hằng Sống của Đức Chúa Trời đã xảy ra trên các dân tộc khi họ tôn cao và sống đúng theo Lời Chúa,
- để cùng ca ngợi và dâng lời suy tôn Ba Ngôi Đức Chúa Trời khi chúng ta nhận biết quyền năng và tấm lòng của Ngài cho các dân tộc,
- để cùng được khích lệ và tiếp tục kết ước với Đại Mạng Lệnh của Chúa, đem Phúc Âm và Lời Hằng

Sống của Ngài đến với muôn dân, muôn nước và làm cho mọi người trở nên môn đồ của Ngài,

- để cùng xác quyết niềm hy vọng và tiếp tục kiên trì trong sự cầu nguyện, cầu thay cho đất nước Việt Nam cho đến khi chúng ta nhìn thấy sự phấn hưng và biến đổi của Chúa trên đất nước của mình.

Bạn đã sẵn sàng? Chúng ta cùng bắt đầu...

I

CHÚNG TA SẼ CÓ TẤT CẢ
HAY MẤT TẤT CẢ

QUYỂN SÁCH BỊ MẤT VÀ TÌM ĐƯỢC

Nhiều năm về trước, ở dưới những ngọn núi phía đông dãy Hi-ma-lay-a, có một giáo sĩ đang truyền giảng. Khi ông đứng giữa chợ của một ngôi làng rất dơ bẩn, ông giơ quyển Kinh Thánh lên và nói rằng: “Đây là Quyển Sách của Đức Chúa Trời!” Rồi ông giải thích với mọi người những gì có ở trong quyển sách ấy.

Nói xong, đám đông tản ra về. Một người đàn ông đến gần, anh là người dệt áo choàng bằng tay đến từ một ngôi làng ở rất cao trên dãy núi Hi-ma-lay-a. Người này hỏi vị giáo sĩ rằng: “Đó có thật là Quyển Sách của Đức Chúa Trời không?”

“Phải, đây là Quyển Sách của Đức Chúa Trời. Mọi điều về cuộc sống ở trong đó”.

Người đàn ông nói rằng: “Tôi có thể kể câu chuyện của bộ tộc tôi cho ông nghe được không?” Anh bắt đầu kể câu chuyện đã được truyền kể lại từ cha mình, ông nội và tổ phụ của anh. Họ là một bộ tộc đến từ một nơi xa xôi về phía Tây của những dãy núi lớn. “Chúng tôi sống nhờ vào Quyển Sách của Đức

Chúa Trời. Nhưng tổ phụ của chúng tôi bắt đầu di chuyển ra khỏi vùng đất của họ”. Ông ta tiếp tục kể về cách họ đã thực hiện chuyến đi đầy nguy hiểm sang phía Đông băng qua các dãy núi như thế nào. “Đang khi vượt các dãy núi, một cơn bão đã quét qua phía chúng tôi và thế là Quyển Sách bị lạc mất”.

Từ lúc đó, bộ tộc của ông không biết phải sống như thế nào. Họ vẫn tiếp tục tìm kiếm Quyển Sách từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Anh ta nói: “Hai tuần trước, một người phụ nữ lớn tuổi trong làng của chúng tôi có một giấc chiêm bao”. Bà mơ thấy một người ngoại quốc đứng lên ở một ngôi làng, giơ cao Quyển Sách trong tay. Nếu các trưởng lão gọi ai đó đi ra ngày hôm nay, thì người đó sẽ tìm thấy người ngoại quốc ấy. “Họ sai tôi đi”, anh ta dừng lại. “Ông sẽ đem Quyển Sách của Đức Chúa Trời đến với bộ tộc của tôi để chúng tôi biết phải sống làm sao, được không?”

Một giáo sĩ làm việc trên các dãy núi Hi-ma-lay-a đã chia sẻ kinh nghiệm đặc biệt này trong Hội thánh của cha tôi khi tôi còn là một thiếu niên. Bây giờ, nhiều năm trôi qua, tôi không nhớ tên vị giáo sĩ đó, nhưng tôi không bao giờ quên câu chuyện của ông. Khi ông nói, tôi hình dung thấy mấy người đó đèo qua những dãy núi Hi-ma-lay-a. Tôi có thể nhìn thấy họ gắng sức chống chọi với cơn rét, bị tuyết che khuất không thể thấy đường đi. Tôi đã nghĩ họ rất vui khi tìm thấy một thung lũng an toàn nào đó, rồi nổi tuyệt vọng và đau khổ của họ khi biết rằng mình đã lạc mất Quyển Sách được viết lại bằng tay. Quả là một thảm kịch!

Đáng buồn thay, việc mất đi Quyển Sách của Đức Chúa Trời và không biết phải sống như thế nào đã xảy ra giữa vòng loài người xuyên suốt lịch sử.

Sự sa sút đến điên dại

Kinh Thánh cũng cho biết có một nhóm dân tộc bị lạc mất Quyền Sách và phải sống trong sự tối tăm. Dưới thời trị vì của vua Ma-na-se, vương quốc Giu-đa đã xoay khỏi Đức Chúa Trời hằng sống. Người dân nhanh chóng làm nhơ nhuốc vùng đất với yêu thuật và phù thủy. Họ dựng lên rất nhiều tà thần ngoại bang, những tượng chạm và những tượng A-sê-ra từ nông thôn cho đến ngay cả trong đền thờ của Chúa. Họ tìm đến những đồng bóng và kẻ cầu vong thay vì Đức Chúa Trời. Vua Ma-na-se cho phép sự thờ hình tượng bên trong đền thờ của Đức Chúa Trời, và những kẻ mạo danh là đàn ông thì phục vụ cho sở thích của mấy ông chủ. Người dân còn thờ lạy thần Mo-lóc bằng cách nung nóng tảng đá cho đến khi đỏ bừng lên, rồi đặt những đứa bé sơ sinh lên đó để đốt nóng cho tới chết. Nhà vua cũng thiêu chết những con trai mình như là của lễ dâng cho thần Mo-lóc. Thật ra, Vua Ma-na-se “cũng đổ nhiều huyết vô tội ra, đến nỗi Giê-ru-sa-lem bị ngập từ đầu này đến đầu kia”.

Khi A-môn con trai của Ma-na-se lên làm vua, ông tàn bạo đến nỗi chính những người thân cận nhất đã ám sát ông ngay sau khi lên ngôi nắm quyền được hai năm. Rồi dân chúng đã tìm cách trả thù và tàn sát những kẻ đã âm mưu chống lại A-môn. Trong lúc có quá nhiều máu đã đổ ra, một cậu bé mới tám tuổi, tên là Giô-si-a, được phong làm vua thế cha mình. Bạn có tưởng tượng một cậu bé đã phải đối diện với hoàn cảnh còn hơn cả bấp bênh như thế nào không?

Thật tuyệt vời, trong bầu không khí đầy dẫy những âm

muu, sự phản bội và nguy hiểm, một vị vua trẻ tuổi đã không sa vào con đường ác của cha mình. Thay vì thế, Giô-si-a bắt đầu tìm cầu Đức Chúa Trời.

Tìm lại kho báu bị thất lạc

Khi được 26 tuổi, Giô-si-a ra lệnh xây dựng lại đền thờ của Đức Chúa Trời. Một ngày kia đang khi ở giữa đồng gạch vụn và bụi bẩn, một công trình tái thiết đền thờ vô cùng đồ sộ diễn ra, thầy tế lễ Hinh-kia tìm thấy một vật được bọc bằng vải rất kín đáo. Khi ông mở lớp vải bọc bên ngoài, ông nhìn thấy những miếng giấy da màu vàng được đánh dấu cẩn thận. Tim ông như ngừng đập khi nhận ra đồ vật đang ở trong tay mình: những cuộn giấy da bị lãng quên là Lời của Đức Chúa Trời – đã bị dân sự khước từ rồi biến mất đi.

Vị thầy tế lễ này đã nhanh chóng tìm đến thư ký Sa-phan, đặt cẩn thận những bản viết tay cổ vào tay của người. “Tôi đã tìm được quyền luật pháp!” Hinh-kia thốt lên.

Sa-phan đã vội mang những cuộn giấy da đến gặp vua Giô-si-a, thuật lại những gì Hinh-kia đã tìm thấy. Theo lệnh nhà vua, Sa-phan bắt đầu đọc to những Lời đó. Khi Giô-si-a lắng nghe, lòng vua cảm thấy như bị xuyên thấu vì có tội lỗi của chính mình và dân sự của vua. Ông kêu lớn tiếng ăn năn, nài xin Đức Chúa Trời tha thứ cho mình và dân sự. Ông đã hứa vâng theo đường lối Chúa, giống như những gì được truyền dạy từ những cuộn giấy da. Sau đó Giô-si-a ra lệnh nhóm hết thầy mọi người lại, “vô luận nhỏ lớn” và đọc toàn bộ Lời của Đức Chúa Trời thật lớn cho họ nghe.

Một cuộc phấn hưng và biến đổi đã xảy ra, định hình lại cả

nước. Dân sự nhờ Quyền Sách mà nhớ lại Giao Ước của Đức Chúa Trời và những phước hạnh sẽ theo sau nếu họ làm theo Lời Chúa dạy. Họ đã biết khi lìa bỏ thì cái giá phải trả là thế nào. Chính vì nhận thức được sự đau khổ đã bắt lấy họ, dân sự bèn ăn năn giống như vua, than khóc và nài xin Đức Chúa Trời tha thứ cho họ và chữa lành đất nước.

Về sau, vua Giô-si-a đã dẫn dắt dân sự cả nước lìa khỏi đường ác. Theo như mạng lệnh của nhà vua, họ hủy diệt những miếu thờ thần ngoại bang và dừng lại những sự thờ lạy thiếu hiểu biết của mình, đuổi hết thầy magic kẻ mại dâm khỏi đền thờ và phá sập các nơi giết chết trẻ sơ sinh. Giô-si-a ra lệnh cho dân sự đập nát hết thầy các pho tượng, những tượng thần A-sê-ra và những tượng chạm, thiêu hủy và khiến chúng ra tro.

Trong mọi sự, Giô-si-a khiến lòng mình vâng theo những Lời được ghi chép lại và hướng dẫn dân sự mình làm y như vậy. Đáng tiếc thay, những vị vua lên ngôi sau ông đã dẫn dân sự lìa khỏi Quyền Sách lần nữa, họ phải rơi vào những giai đoạn khó khăn. Nhưng chúng ta có thể học từ vị vua Giô-si-a và dân sự của ông biết làm thế nào để đem đến sự chữa lành và phục hồi cho các dân tộc ngày hôm nay.

Quyền sách làm biến đổi các dân tộc

Dù đó là đất nước Y-sơ-ra-ên thời xưa, những dãy núi Hi-ma-lay-a xa xôi, hay chính quốc gia của chúng ta, có rất nhiều cách khiến chúng ta lạc mất Lời của Đức Chúa Trời. Kết cuộc lúc nào cũng rất bi thảm. Nhưng phước hạnh tuân đổ trên một quốc gia khi họ tìm thấy Quyền Sách của Đức Chúa Trời.

Những gì được ghi chép lại xuyên suốt lịch sử là rất rõ ràng: *khi những người chủ chốt có được Kinh Thánh và áp dụng những gì được dạy dỗ trong chính đời sống của họ, một quốc gia được biến đổi.* Đó là ý tưởng vĩ đại đằng sau quyền sách này – là điều mà chúng ta sẽ đi rất sâu vào chi tiết.

Lời sắt như gương hai lưỡi

Thật tuyệt vời khi biết rằng vẫn còn hy vọng cho các dân tộc nếu chúng ta gìn giữ Kinh Thánh và áp dụng lẽ thật vào trong đời sống. Tuy nhiên, trước khi chúng ta có trong đầu suy nghĩ lu mờ về việc sở hữu một quyển Kinh Thánh tuyệt vời, thì chúng ta cần phải suy xét một cách nghiêm túc đến khía cạnh còn lại, bởi vì đó cũng là chân lý, ngay bây giờ dù chúng ta đang sống trong một đất nước như thế nào: *nếu có những người đang khước từ Kinh Thánh và dừng việc áp dụng Lời Chúa vào trong đời sống cá nhân, thì dân tộc hay đất nước đó đang tự hủy diệt chính mình.*

Những phước hạnh mà chúng ta nhận được từ quyển Kinh Thánh không phải là di sản đời đời. Những lựa chọn của chúng ta quyết định chúng ta có bền lòng giữ lấy quyển sách đó hay không. Ít ra, vẫn còn có nhiều tín hữu ngày hôm nay quan tâm đến Kinh thánh trong nền văn minh phương Tây. Hầu hết đều không biết rằng họ đang mất dần các ơn phước mà những nền tảng đó đã và đang mang lại.

Chúng ta cần phải hỏi chính mình một vài câu hỏi khó trả lời. Có phải thời kỳ Cơ Đốc giáo suy thoái ở phương Tây đã qua rồi chẳng? Chúng ta có đang mất đi sự lèo lái và lối sống mà chúng ta đã rất mong chờ không? Nếu chúng ta đang phớt

lờ nguồn phước hạnh, chúng ta sẽ còn nói mình đang sống trong sự tự do, an ninh, sáng tạo và thịnh vượng về mặt vật chất nữa chẳng? Tôi tin là có rất nhiều lý do cần phải quan tâm và hy vọng chúng ta sẽ cùng nhau xem xét trong chương tiếp theo.

CẦN PHẢI LÀM GÌ?

T*rung Hoa Lục Địa đang nhanh chóng chiếm lĩnh vị trí đứng đầu thế giới, trong khi các quốc gia phương Tây lại đang chuyển mình theo hình xoắn ốc xuống chỗ suy tàn.*

Một lần nữa, chính thực tế này đã thúc đẩy tôi trong lúc nói chuyện với một nhà báo đến từ Trung Hoa. Chúng tôi đang cùng với hàng ngàn người từ khắp các nước tập trung tại Gisborne, New Zealand, vào lúc rạng đông trước thềm một thiên niên kỷ mới. Có rất nhiều nhân sự từ các kênh truyền thông quốc tế len lỏi trong đám đông nổi dài khắp bãi biển Gisborne vào buổi tối trước rạng đông của ngày hôm đó, bởi vì ngày đầu tiên của cả thế giới, trùng với lịch của quốc tế, sẽ có dạng tại thành phố này. Tất nhiên, cũng vì thế mà thành phố đầu tiên này sẽ nhìn thấy mặt trời mọc lên để bắt đầu một thiên niên kỷ sắp tới. Tôi đã có mặt ở đó với tư cách là diễn giả cho một buổi gặp gỡ gồm rất nhiều tín hữu đón chào năm 2000 trong sự ngợi khen và thờ phượng.

Vào đúng thời khắc trong đại của lịch sử, tôi có cuộc đối

thoại với một phóng viên đến từ một trong những tờ báo phổ thông của Trung Hoa. Tôi nói với anh phóng viên đó rằng: “Trung Hoa có thể đứng đầu thế giới trong kỷ nguyên mới này”. Anh ta nhìn tôi lấy làm ngạc nhiên. Tôi tiếp tục: “Trung Hoa có thể đứng đầu thế giới trong vòng ba hay bốn thế hệ nếu thoả đáng hai điều kiện...”

Sau khi tôi đề cập hai điều kiện, anh ta đứng trầm ngâm xen lẫn một chút hy vọng. Mặt khác, tôi thực sự tỉnh táo khi nhận thấy vị thế tạm thời của đất nước mình.

Hai điều kiện cần được thoả đáng để Trung Hoa trở thành quốc gia đứng đầu thế giới là gì?

Điều kiện thứ nhất: Trung Hoa sẽ đi đầu thế giới nếu người dân của đất nước này tiếp tục có nhiều người tin theo Chúa Jêsus với tỷ lệ như hiện nay và sống nương cậy nơi Kinh Thánh.

Một sự phát triển đáng kinh ngạc

Để thấy được điều gì đang xảy ra ở Trung Hoa, chúng ta cần phải hiểu rõ một vài bối cảnh của đất nước này. Trải qua nhiều thập kỷ, những gì được dạy dỗ đã áp chế các tôn giáo truyền thống ở Trung Hoa, Đạo Khổng Tử và Phật Giáo. Điều này đặc biệt ảnh hưởng giữa vòng các nhà lãnh đạo và các tác nhân thay đổi đất nước này. Chính vì vậy mà một sự phát triển đáng kinh ngạc của rất nhiều Hội thánh Tin Lành diễn ra, cho dù nhà nước vô thần đã có nhiều năm nỗ lực, Trung Hoa vẫn không tin

vào tư tưởng vô thần trong cuộc sống. Các Hội thánh không chính thức – còn gọi là Hội thánh tư gia – là dạng Hội thánh phát triển nhanh nhất thế giới. Các chuyên gia nói rằng Hội thánh Trung Hoa đạt mức phát triển đáng kinh ngạc từ 3% đến 4% mỗi năm, đem đến một con số ước chừng 110 triệu, hay 8.5% dân số.

Thật khó để nắm rõ một con số đại loại như thế. Nhưng hãy nghĩ thử xem! Nếu những tín hữu này là một quốc gia, thì họ có thể là đất nước với tỷ lệ dân số xếp thứ 11 trên thế giới.

Lời của Đức Chúa Trời nhanh chóng đâm rễ vào trong nhiều đời sống của người Trung Hoa. Điều thú vị hơn đó là những người mới cải đạo là những người trẻ, đã được dạy từ khi còn nhỏ rằng không có Đức Chúa Trời. Mặc kệ cơn bắt bớ từ chỗ không có cơ hội tìm việc làm cho đến mất đi sự tự do và ngay cả đến mất mạng sống của mình, hàng triệu người Trung Hoa đang quay trở lại với Đấng Christ. Họ đang tìm thấy Đức Chúa Trời và Quyển Sách của Ngài. Theo như David Aikman, Trưởng Phòng *Thời Báo Bắc Kinh* và là người theo sát đất nước Trung Hoa nói rằng: “Trung Hoa đang trở thành một quốc gia Cơ Đốc giáo. Tôi mong đợi sẽ nhìn thấy số lượng Cơ Đốc nhân ở Trung Hoa từ 20-30% trong vòng 20 năm tới”.

Tốt nghiệp Trường Kinh Thánh bí mật

Lần đầu tiên nhìn thấy con số khủng khiếp này đó là khi tôi được nhóm lại với các tín hữu trong căn phòng phía sau một nhà máy cũ, nằm ở vùng ngoại ô, thuộc một thành phố lớn tại Trung Hoa. Những tấm plas-tic màu đen che chắn tất cả các cửa sổ. Những người bạn với điện thoại di động trên tay đã

liên tục cập nhật suốt cả con đường đi đến chỗ nhóm lại để cảnh báo cho chúng tôi biết khi nào có cảnh sát đến. Dù đã rất thận trọng nhưng nguy hiểm vẫn còn rất lớn, vì thế mà mọi người phải hát thánh ca trong thâm lặng.

Tôi đến giảng cho một lớp học sắp sửa tốt nghiệp thuộc một trường Kinh Thánh ở Trung Hoa. Tôi được vinh dự là diễn giả cho buổi lễ trao bằng tốt nghiệp. Hầu hết những người trẻ này đã đối diện với sự bất bớ. Một vài người đã bị bỏ tù. Mười hai sinh viên của trường đã tử vì đạo. Song, khi tôi lắng nghe tiếng thờ phượng trong thâm lặng nhưng sôi sục sự nhiệt thành, tôi đã bắt lấy sự phấn khích trong họ. Họ không hề khuất phục, đầy dũng cảm, sẵn sàng đi theo tiếng gọi của mình cho dù giá phải trả như thế nào.

Những người nam và người nữ trẻ tuổi mà tôi nhìn thấy buổi hôm đó chỉ là một phần rất nhỏ của một làn sóng đang làm chung hưởng các sử gia nghiên cứu về Hội thánh và gieo rắc sự sợ hãi trong lòng một số các lãnh đạo của đất nước Trung Hoa. Nếu Trung Hoa tiếp tục đặt hy vọng của họ nơi Đức Chúa Trời của Kinh Thánh và sống vâng phục Lời của Ngài, thì đất nước của họ sẽ phồn vinh – họ sẽ sớm muộ n đứng đầu thế giới.

Điều kiện thứ hai để Trung Hoa trở thành quốc gia đứng đầu thế giới sẽ được thoả đáng nếu các nước Tây phương tiếp tục ngoảnh mặt khỏi Kinh Thánh với tỷ lệ hiện nay. Nước Mỹ và các nước phương Tây đang loạng choạng trong vị thế lãnh đạo của mình.

“Mỹ có phải là một quốc gia đạt được đỉnh cao?”

Đó là câu hỏi của nhà kinh tế học, Tiến sĩ Michael Schluter, đồng tác giả quyển sách *The R Factor*, đã đặt ra cho một nhóm các lãnh đạo YWAM gần đây. Tiến sĩ Schluter, là nhà sáng lập tổ chức tạm dịch là Nền Tảng Cho Các Mối Quan Hệ (Relationships Foundation), ông là thành viên chủ chốt trong nỗ lực đem lại sự phục hoà ở Nam Phi sau nạn phân biệt chủng tộc tại quốc gia này.

Khi Tiến sĩ Schluter dấy lên câu hỏi đầy ngạc nhiên như thế, chúng tôi có một chút dè chừng. Ông tiếp tục giải thích rằng có lẽ Đức Chúa Trời sẽ đoán xét một quốc gia không phải dựa vào nguồn thu nhập quốc dân của đất nước đó, mà dựa vào sự vâng lời Kinh Thánh của đất nước đó như thế nào – đặc biệt là với hai Đại Mạng Lệnh quan trọng: yêu Chúa và yêu người. Nếu các mối quan hệ lành mạnh là tiêu chuẩn để xếp loại một quốc gia thay vì so sánh nguồn thu nhập quốc dân hay tổng sản phẩm trong nước, thì nước Mỹ sẽ không nằm trong danh sách xứng đáng được xếp vào vị trí hiện tại của mình.

Hãy nhìn vào thực tế. Nước Mỹ đứng đầu thế giới về tỷ lệ ly dị – 43% các cuộc hôn nhân đầu tiên đều kết thúc bằng sự ly thân hay ly dị chỉ trong vòng 15 năm. Nước Mỹ giữ hơn 2 triệu tù nhân trong nhà tù – một con số khá cao tính theo đầu người trên thế giới. Còn có tệ nạn nghiện rượu, ma túy, cờ bạc và tranh ảnh đồi trụy đang trở nên lan tràn.

Tại sao xã hội ở Mỹ lại vô cùng tan vỡ trong khi hơn 84% người Mỹ tự nhận mình là Cơ Đốc nhân? Câu trả lời thật rõ ràng. Trong khi nhiều người nói rằng họ đã được tái sanh, và gần như 70% đi nhóm lại mỗi tuần, họ lại không sống đúng theo Lời Chúa. Theo như cuộc thăm dò ý kiến của nhóm Barna

tại Ventura, tiểu bang California, chỉ có 7% người ở độ tuổi từ 18 đến 35 là có những lựa chọn đạo đức đặt nền tảng từ Kinh Thánh; đối với những người lớn tuổi hơn, là những người trên 35 tuổi, con số ấy cao hơn một chút vào khoảng 18%.

Vậy thì nước Mỹ dựa vào đâu để đưa ra những lựa chọn của họ? Theo như cuộc khảo sát, thì hầu như các quyết định đều dựa vào “cảm tính” hay “lợi nhuận” của chính bản thân họ.

Châu Âu chối bỏ di sản của mình

Các quốc gia ở phía Tây Châu Âu đang ngoảnh mặt khỏi Đức Chúa Trời và Kinh Thánh thậm chí còn nhanh hơn cả nước Mỹ. Ngày càng có nhiều người Châu Âu xem Hội thánh và niềm tin nơi Đức Chúa Trời là lỗi thời, không còn thích hợp, và là trở ngại cho sự phát triển. Trung Tâm Nghiên Cứu Giá Trị Con Người Của Châu Âu cho biết người dân đã chối bỏ di sản Cơ Đốc của họ như thế nào. Chỉ có 21% số người sống ở Châu Âu nói tôn giáo là “rất quan trọng” đối với họ, và chỉ 15% đi nhóm lại mỗi tuần một lần. Vài người tin vào những điều đại loại như thiên đàng, địa ngục hay tội lỗi.

Các nghiên cứu khác cũng thêm vào bức tranh thê thảm này. Tại Anh, chỉ 11% đi nhà thờ thường xuyên một tháng một lần. Nên cũng chẳng nghi ngờ trước tỷ lệ ly dị, tình trạng bất hợp pháp, tự tử và lạm dụng ma túy là rất cao, cùng với tình trạng bạo lực gia tăng trong nhiều thành phố. Ở Na-uy, một nửa số trẻ em được sinh ra là con của những bà mẹ chưa kết hôn, tình trạng các cặp yêu đương không kết hôn ngày càng gia tăng. Ở Đức, là nơi khai sinh cuộc Cải Chánh, chỉ có 8% đi nhà thờ thường xuyên. Đáng buồn thay, khắp

các quốc gia đã từng là những đất nước của Cơ Đốc giáo lại thường đối chọi về một vấn đề nào đó có liên quan đến Hội thánh. Thay vào đó là Thời Đại Mới, tà giáo và các triết lý huyền bí đang phát triển một cách phổ biến và dần trở thành trào lưu chính.

Sự phát triển của đạo Hồi ở Châu Âu thêm vào vấn nạn này. Số người Hồi Giáo được sinh ra đạt tỷ lệ vượt xa những người không tin vào đạo Hồi. Vì nhiều lý do mà các chuyên gia vẫn không hiểu, người Châu Âu đang có rất ít trẻ sơ sinh. Họ đang có tỷ lệ sinh đẻ ở mức báo động – thậm chí còn không đủ để thay thế cho chính họ. Mặt khác, Châu Âu đã ngoại nhập hàng triệu công nhân vào làm việc, hầu hết là những người đến từ khu vực Trung Đông và Bắc Phi. Những người nhập cư Hồi Giáo đang giữ tỷ suất sinh đẻ rất cao. Nếu khuynh hướng này còn tiếp tục, thì đạo Hồi sẽ trở thành tôn giáo thống trị khu vực Châu Âu vào cuối thế kỷ này.

Đang khi các quốc gia Tây phương lo ngại trước tình trạng gia tăng đạo Hồi ở Châu Âu, thì dường như họ cũng đang bị mù trước một vấn nạn lớn hơn thế – tình trạng mất đức tin của họ. Nếu chúng ta là những người Tây phương tiếp tục khước từ sự hiện diện của Đức Chúa Trời, hay chính sự tồn tại của Ngài, và đặc biệt là nếu chúng ta tiếp tục ngoảnh mặt khỏi những lẽ thật tuyệt đối được bày tỏ trong Kinh Thánh, thì vị trí lãnh đạo của chúng ta sẽ phải bị thay thế. Các nền văn hoá của chúng ta sẽ chuyển mình tìm kiếm những thói truy lạc, chủ nghĩa vật chất, sự thiếu trách nhiệm, sự không trung thực, tham nhũng và bạo hành. Chúng ta sẽ tụt xuống chỗ nghèo đói. Giống như chi phái Giu-đa suốt thời trị vì của vua Ma-na-se, nước Mỹ và phương Tây sẽ sụp đổ. Và nếu Hội thánh Trung Hoa tiếp tục tăng trưởng với mức độ đáng kinh ngạc như thế,

thì sớm muộn họ sẽ trở thành lãnh đạo mới của thế giới trong vòng ba đến bốn thế hệ.

Tuy nhiên, tôi không tin chuyện các nước phương Tây sẽ đi vào tụt dốc. Chúng ta có thể nhìn thấy cả Trung Hoa và phương Tây – và tất cả các quốc gia trên thế giới – đang vươn đến tiềm năng mà Đức Chúa Trời đã đặt để ở mỗi lãnh thổ. Thậm chí là có thể thấy Tây phương và Trung Hoa đang sống trong hoà bình và hiệp nhất, cùng nhau hầu việc một Đức Chúa Trời. Chúng ta có thể nhìn thấy các quốc gia đã chuyển mình như thế nào; chúng ta còn thấy các nền móng đang được phục hồi nữa. Những nền móng đó được lưu giữ trong một quyển sách – đó là Quyển Sách của Đức Chúa Trời.

Khi chúng ta đặt lòng trông cậy nơi Đức Chúa Trời và nhờ quyền phép của Đức Thánh Linh mà thực hiện công tác môn đồ hoá muôn dân, dạy họ hết thảy những gì Ngài đã bày tỏ trong Quyển Sách của Ngài, thì chúng ta có thể nhìn thấy từng quốc gia thay đổi. Liệu chúng ta có tin và hành động chẳng?

CHÚNG TA CÓ THỂ XOAY CHUYỂN TRÀO LƯU

Biến đổi một cộng đồng, một thành phố, một đất nước là có thể không? Chúa Jêsus chắc phải nghĩ đến điều này. Ngài đã dạy chúng ta phải cầu nguyện để nước Cha được đến và ý Ngài được nên ở dưới đất cũng như ở trên trời. Ngài ban cho chúng ta mệnh lệnh phải môn đồ hoá muôn dân và dạy họ giữ hết thầy những gì Ngài đã dạy chúng ta.

Nếu ý muốn của Đức Chúa Trời không thể thực thi trên đất và các dân tộc không thể tiếp nhận những lời dạy dỗ đầy khôn ngoan của Đức Chúa Trời, vậy thì Chúa Jêsus sẽ giao phó sứ mạng này cho chúng ta chăng? Không. Ngài là Đấng công bình và yêu thương. Ngài sẽ không đòi hỏi chúng ta thực hiện một công tác nào vượt quá khả năng của chúng ta đâu. Đây là điều đã quá rõ ràng, đó là Ngài không muốn chúng ta ngồi yên chấp nhận hiện trạng của mình.

Một vài người tuyên bố rằng chúng ta không thể kìm hãm tội ác diễn ra trên đất. Họ nói rằng thời gian càng trôi thì mọi thứ sẽ ngày càng tồi tệ hơn cho đến ngày Chúa trở lại. Tôi

đồng ý rằng tội ác sẽ thêm nhiều lên, Chúa Jêsus không phải là người theo thuyết định mệnh và tôi cũng không. Chúng ta có thể nhìn thấy các quốc gia được biến đổi. Kinh Thánh nói rằng nơi nào tội lỗi gia thêm, thì ân điển lại càng dư dật hơn nữa. Chúa không muốn chúng ta bỏ cuộc trước sự đồ sộ của tội ác.

Bạn có tin rằng tương lai sẽ tốt đẹp hơn không? Hãy chú ý mạng lệnh môn đồ hoá và dạy dỗ muôn dân của Chúa Jêsus được đưa ra ở giữa hai lý do vô vùng tốt lành để chúng ta có được sự trông cậy: Ngài tuyên bố rằng hết thảy quyền phép là của Ngài và Ngài hứa sẽ ở cùng chúng ta luôn. Chúa Jêsus phán rằng:

Hết cả quyền phép ở trên trời và dưới đất đã giao cho ta. Vậy, hãy đi dạy dỗ muôn dân, hãy nhân danh Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh mà làm phép báp tem cho họ, và dạy họ giữ hết cả mọi điều mà ta đã truyền cho các ngươi. Và này, *ta thường ở cùng các ngươi luôn* cho đến tận thế (Ma-thi-ơ 28:18-20, phần in nghiêng là do tác giả thêm vào).

Ngài không để chúng ta một mình trong công tác làm đảo lộn các dân tộc. Ngài không mong đợi chúng ta sẽ thực hiện nó bằng sức riêng. Đấng An-pha và Ô-mê-ga mời gọi chúng ta đồng công với Ngài dưới *thẩm quyền của Ngài*.

Khi chúng ta đọc Kinh Thánh, chúng ta có thêm lòng dạn dĩ. Chúng ta thấy rằng Đức Chúa Trời đã sáng tạo nên mọi thứ và chính Ngài đang nâng đỡ mọi sự - những gì chúng ta thấy cũng như không thể thấy được. Chúa Jêsus không đang ngồi yên vị một cách thoải mái mà chẳng quan tâm đến hiện trạng của thế giới. Ngài đang hành động, Chúa đang sử dụng quyền phép và thẩm quyền của Ngài để phục hoà các dân tộc và đem con người trở về với Ngài. Chúa đang kêu gọi chúng ta dự phần vào một cuộc chiến lớn nhất trong lịch sử cùng với Ngài.

Sống thực tế

Nếu chúng ta đang để mình rơi vào chỗ tuyệt vọng và hờ hững, thì chúng ta không sống đúng thực tế. Chúng ta cần phải thấy được mình là ai trong Đấng Christ và để thêm sức cho chính cái xương sống của chúng ta.

Tôi đã hỏi điều này ở nhiều hội nghị diễn ra khắp nơi trên thế giới rằng: “Bao nhiêu người trong chúng ta đã được cứu?” Nhiều cánh tay giơ lên khắp khán phòng. Sau đó tôi hỏi rằng: “Bao nhiêu người trong chúng ta là hoàn hảo?” Chẳng một cánh tay nào giơ lên. Rồi tôi hỏi tiếp: “Bao nhiêu người thấy mình tốt hơn rất nhiều so với trước khi được tái sinh?” Mọi cánh tay đều giơ lên.

Chúng ta có thể thấy Đức Chúa Trời biến đổi các dân tộc theo cách mà chúng ta đã nhìn thấy chính Ngài biến đổi cuộc đời của chúng ta. Sứ đồ Giăng nói rằng: “vì Đấng ở trong các con là lớn hơn kẻ ở trong thế gian”. Sứ đồ Phao-lô nói rằng Đấng Christ là đầu của mọi quyền cai trị và mọi thế lực. Khi chúng ta nhìn vào thế giới trong sự soi sáng của chân lý, chúng ta sẽ thấy rằng tội lỗi và sự tan thương không thể chiến thắng. Chúng ta phải đứng lên và làm mọi sự có thể vì biết rằng những điều đó không có sự thắng sau cùng.

Thế gian không nhất thiết phải xấu xa như hiện nay

Một vài người cho rằng tôi không có thực tế, rằng tôi đang quảng cáo cho một điều gì đó không tưởng. Không đâu! Làm gì

có quốc gia nào là hoàn hảo cho đến khi Chúa Jêsus trở lại và thiết lập Giê-ru-sa-lem mới. Nhưng thế gian không đáng ở trong tội ác. Tội lỗi đang làm tối tăm nhiều nơi, nhưng sự sáng cũng đang chiếu sáng nhiều hơn. Kinh Thánh nói rằng tối tăm chẳng hề nhận lấy sự sáng. Chúa Jêsus nói rằng Ngài là sự sáng của thế gian, Chúa cũng phán rằng: Chúng ta, những môn đồ của Ngài, là sự sáng của thế gian.

Một đảo quốc có nhiều người tin đạo

Tôi rất được khích lệ khi đến thăm các địa điểm mà những đứa con của sự sáng có dân số đông hơn những người còn trong sự tối tăm. Hòn đảo Atafu của dân tộc Tokelau là một nơi như vậy. Tôi đã đến bằng một trong những con tàu Marine Reach của YWAM. Chúng tôi đang thực hiện một chuyến thăm vài quốc đảo nằm giữa Thái Bình Dương, làm công tác truyền giáo bằng những buổi múa rối đơn giản, dạy dỗ dân làng và hỗ trợ về chăm sóc y tế. Khi cập bến Atafu, chúng tôi khám phá được rằng từng người dân trên hòn đảo gồm 275 người nam và người nữ đã dâng đời sống của họ cho Chúa Jêsus. Khi người dân biết được chúng tôi cũng là Cơ Đốc nhân, họ chào đón chúng tôi rất nồng nhiệt. Chúng tôi chuẩn bị cho buổi múa rối ở giữa chợ và không lâu sau đó đã thu hút được một đám đông. Khi đội của chúng tôi điều khiển những con múa rối, diễn tả một thông điệp Phúc Âm nhẹ nhàng, tôi quan sát xung quanh mình. Những người lớn tuổi cười rất tự nhiên, giống như đứa trẻ vậy. Tôi đã nhìn thấy và ghi nhớ hình ảnh đó. Quả là một bầu không khí tuyệt vời không hề có sự căng thẳng!

Sau đó, vị mục sư quản nhiệm Hội thánh duy nhất trên hòn

đảo đã đến gặp riêng tôi và chia sẻ mối bận tâm của ông. Ông rất lo lắng bởi vì một người đàn ông làm nước dừa lên men để chế biến rượu rất hay say xỉn. Vị mục sư cũng nói cho tôi biết có vài người nói dối ở trong làng. Tôi khích lệ ông, nhưng lại nghĩ tới những nan đề mà các mục sư ở nhiều nơi khác trên thế giới cũng đang đối diện. Thật hay vì đó cũng là những nan đề nghiêm trọng đối với người Atafu.

Nan đề bắt đầu lộ rõ hơn khi chúng tôi đến hòn đảo tiếp theo trong vùng, phải đi thuyền suốt đêm mới tới nơi. Không lâu sau, chúng tôi biết được hòn đảo lân cận cũng chỉ mang danh Cơ Đốc nhân mà thôi. Mặc dù họ đã rất niềm nở chào đón chúng tôi, nhưng chúng tôi có thể cảm nhận được người dân trên đảo không thực sự muốn chúng tôi đến đó. Họ tỏ ra thiếu tự nhiên và bày tỏ sự khó chịu rất khéo, dường như họ đã kìm hãm sự bức bối trong lòng mình. Chúng tôi buồn bã khi biết rằng ở trên đảo đã từng xảy ra một vụ cưỡng hiếp – một điều không được nhắc đến từ hòn đảo Atafu bên cạnh.

Những cái thùng và những cái giường

Làm sao chúng ta có thể nhìn thấy sự sáng dậy lên trong cộng đồng của chúng ta như cách mà hòn đảo Atafu đã kinh nghiệm? Làm sao chúng ta thấy được ánh sáng thắng hơn bóng tối xảy ra nhiều hơn trên thế giới? Điều đó chỉ sẽ xảy ra khi chúng ta hoàn toàn tận hiến. Chúa Jêsus phán rằng chúng ta là sự sáng của thế gian, nhưng chúng ta không nên bị động trước vai trò này. Trong Mác 4:21, Ngài đã dùng các thí dụ về việc thắp đèn rồi đặt nó dưới cái thùng hay ở dưới cái giường. Ngài đang nói gì?

Cái thùng tượng trưng cho sự đầy đủ về vật chất. Nếu mục đích sống của hết thảy chúng ta chỉ là để thoả mãn nhu cầu của bản thân, nhu cầu gia đình, thì chúng ta đang thấp đèn rồi lấy thùng úp lên. Chúng ta đang sống vì chủ nghĩa vật chất mà không để cho sự sáng của chúng ta chiếu soi.

Chúa Jêsus cũng phán rằng chúng ta không thấp đèn rồi để dưới cái giường. Cái giường tượng trưng cho sự thoải mái. Nếu mục đích của hết thảy chúng ta đang sống là để hưởng thụ, để tránh khỏi những hoàn cảnh mà chúng ta sẽ không còn được thoải mái nữa, thì chúng ta đang chôn giấu sự sáng của Đấng Christ.

Chúa muốn sự sáng của Ngài chiếu sáng cả thế giới này cho đến những kẻ đang sống trong sự tối tăm cũng phải nhìn thấy nó. Điều này chỉ có thể xảy ra khi chúng ta bắt đầu vâng lời Ngài, cầu xin Ngài chỉ cho chúng ta biết làm thế nào để trở thành sự sáng của thế gian. Chúa Jêsus phán gì với chúng ta?

Không chỉ tiếp nhận sự cứu rỗi mà còn phải được môn đồ hoá

Nếu muốn biến đổi các dân tộc, trước hết chúng ta cần phải dẫn mọi người đến với Chúa Jêsus Christ để tiếp nhận Ngài làm Cứu Chúa một cách cá nhân. Chúa Jêsus phán với chúng ta trong Mác 16:15 là hãy đi khắp thế gian giảng Tin Lành cho mọi người. Đó là điểm khởi đầu. Không chỉ một mà có đến nửa tỷ người đang chờ đợi chúng ta vâng phục mạng lệnh đó. Nói cách khác, một phần tư thế giới chưa từng nghe về Phúc Âm. Chúng ta cần phải chiếu sáng. Khi chúng ta tạo cơ hội để mọi người được nghe về Tin Lành, họ đang thoát khỏi cái mà sứ đồ

Phao-lô gọi là quyền của sự tối tăm để đến với vương quốc sáng láng. Đó là ý nghĩa của việc được cứu. Đó là sự thay đổi về quốc tịch.

Nhưng ngay cả nếu chúng ta dẫn dắt mọi người như vậy – tức là cho từng người trên đất này cơ hội để đáp ứng với Phúc Âm – thì vẫn chưa đủ. Sứ cứu rỗi chỉ là một nửa trong Đại Mạng Lệnh. Chúa Jêsus còn ban cho chúng ta nửa còn lại – môn đồ hoá – trong Ma-thi-ơ 28:19-20. Trong phân đoạn Kinh Thánh này Ngài phán với chúng ta phải môn đồ hoá, mà không chỉ một cá nhân nào đó thôi đâu (như đã được nhấn mạnh trong Mác 16:15). Trong Ma-thi-ơ 28, Ngài phán với chúng ta phải nghĩ đến muôn dân.

Hãy cùng nhìn lại những lời Chúa Jêsus phán trong Ma-thi-ơ 28:19-20.

Môn đồ hóa

Hãy đi và dạy dỗ...

Môn đồ hoá nghĩa là sao? Môn đồ hoá là quá trình dẫn dắt một người tiến tới sự biến đổi theo các tiêu chuẩn của Kinh Thánh. Sứ đồ Phao-lô nói trong Rô-ma 12:2 rằng sự biến đổi tức là có một tâm trí mới – một lối suy nghĩ mới. Tâm trí được biến đổi xảy ra khi một người đầu phục Đức Chúa Trời, lắng nghe Ngài và sống với Lời Chúa.

Chúng ta môn đồ hoá người khác bằng cách sống đúng những lời dạy dỗ của Chúa Jêsus – một phương cách cổ điển cho tất cả những ai đảm nhận công tác môn đồ hoá. Trước tiên, Chúa Jêsus đã làm nhiều điều trước mặt các môn đồ. Sau

đó Ngài đã dạy họ ý nghĩa của những việc Ngài đã làm. Tiếp theo, Ngài cho các môn đồ cơ hội để thực tập, dạy họ biết thái độ của Ngài. Sau đó sai họ đi ra để thực hiện những điều đó. Rồi họ trở lại và tường thuật các việc mình đã làm. Đó là tiến trình môn đồ hoá.

Trong các chương tiếp theo, chúng ta sẽ nhìn thấy những khuôn mẫu để chúng ta biết phải môn đồ hoá từ cá nhân cho đến muôn dân là như thế nào. Nói ngắn gọn, chúng ta môn đồ hoá muôn dân bằng cách bắt đầu với từng cá nhân, giống như Chúa Giêsu đã làm. Khi chúng ta nhìn thấy từng cá nhân được biến đổi, áp dụng lẽ thật của Đức Chúa Trời trong mọi khía cạnh đời sống của họ, ở bất kỳ vị trí nào trong xã hội mà họ đang sống và làm việc, họ sẽ ảnh hưởng người khác là những người, tới lượt họ, sẽ ảnh hưởng nhiều người khác nữa. Ở một thời điểm nào đó sẽ có – một số lượng nhỏ nhưng đủ mạnh – để thay đổi cả một đất nước. Chúa Giêsu đã sử dụng thí dụ về việc lên men để giải thích quá trình này – một chút làm dậy cả đồng bột. Đó là một loại vi-rút.

Các dân tộc

Dạy dỗ muôn dân...

Chúa Giêsu ra lệnh cho chúng ta phải môn đồ hoá muôn dân. Tất cả. Không ngoại trừ quốc gia nào. Ngài không phán là hãy đi đến những chỗ dễ dàng hay những nơi hợp pháp để thực hiện công tác cải đạo. Ngài phán với chúng ta hãy đi đến tất cả. Chúng ta không được phớt lờ bất kỳ đất nước nào chỉ vì ở đó khó khăn, quá rộng lớn, quá nguy hiểm, không còn hy

vọng, quá giống nhau hay quá “xa lạ”, quá xa hay quá gần. Phúc Âm và những phước hạnh kèm theo là dành cho muôn dân. John Wesley đã một lần nói rằng: “Tôi xem mọi nơi trên thế giới là người lân cận mình”. Chúng ta cần phải nói rộng suy nghĩ của mình để nhìn thấy cả trái đất này, nhìn xem nó như cách Đức Chúa Trời đang nhìn thấy nó – từng người và từng đất nước đều có giá trị đối với Ngài.

Làm phép báp-tem

*Hãy nhân danh Đức Cha, Đức Con và Đức Thánh Linh mà
làm phép báp-tem cho họ...*

Chúng ta sẽ thấy quyển sách đề cập về tầm quan trọng của Ba Ngôi Đức Chúa Trời trong công tác môn đồ hoá muôn dân. Nhưng thế còn mạng lệnh làm phép báp-tem của Chúa Jêsus? Một số người hỏi: “*Làm thế nào thực hiện phép báp-tem cho cả một dân tộc được?*” Tất nhiên chúng ta không thể theo nghĩa đen mà báp-tem cả một dân tộc giống như cách chúng ta làm với một người mới tin Chúa được. Vậy thì Chúa Jêsus muốn nói điều gì ở đây? Khi chúng ta báp-tem càng nhiều người, dạy họ Lời Chúa và hướng dẫn họ tiếp nhận Chúa Jêsus, là Lời hằng sống, chúng ta sẽ có được số người vừa đủ để thay đổi đất nước của mình. Đó là cách mà muôn dân chết đi và sống lại theo thế giới quan của Kinh Thánh, qua những thay đổi trong từng khía cạnh của xã hội.

Dạy họ

Dạy họ giữ hết cả mọi điều mà ta đã truyền cho các ngươi...

Chúa Jêsus cũng phán bảo chúng ta phải dạy dỗ muôn dân, Ngài cũng ban cho chúng ta một giáo trình – *mọi điều mà ta đã truyền cho các ngươi*. Đó là giáo trình của chúng ta – mọi điều. Toàn bộ Kinh Thánh là quyển sách giáo khoa để chúng ta dạy dỗ muôn dân. Hãy để ý là không chỉ nhấn mạnh về mặt kiến thức mà thôi. Chúa Jêsus phán rằng phải dạy họ giữ hết cả mọi điều.

Đây là một công tác đồ sộ, nhưng nó không ngoài tầm với của chúng ta. Hễ Ngài còn thêm sức cho chúng ta chừng nào thì chúng ta có thể làm bất kỳ điều gì và mọi thứ mà Chúa Jêsus muốn.

Chính Chúa Jêsus đã sống bày tỏ Lời của Ngài với chúng ta. Ngài đã đến thế gian để cho chúng ta thấy lẽ thật là như thế nào trong đời thực. Rồi Ngài phán với chúng ta hãy đi dạy người khác, Ngài hứa sẽ ở cùng chúng ta luôn luôn. Ngài còn tóm tắt sứ điệp mà chúng ta sẽ rao truyền nữa. Ngài dạy hai đại điều răn quan trọng nhất đó là phải hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn mà kính mến Chúa là Đức Chúa Trời ngươi, và hãy yêu người lân cận như mình. Đó là sứ điệp ngắn gọn của chúng ta, là những nguyên tắc mà chúng ta phải dạy muôn dân.

Tuy nhiên, các nguyên tắc không mang tính cá nhân và vô cảm, cho dù có tốt đẹp thế nào cũng không thể và sẽ không bao giờ thay đổi con người hay các dân tộc được. Chúng ta mở rộng vương quốc của Đức Chúa Trời khi chúng ta cam kết sống với các nguyên tắc của Ngài. Chúng ta bỏ đi tính nổi loạn chống lại Ngài mà tiếp nhận sự tha thứ của Ngài bởi đức tin nơi Con Ngài. Chúng ta được sống. Thánh Linh của Ngài có

thể đầy đầy chúng ta và khiến Lời của Ngài trở thành Lời hằng sống. Chúng ta bắt đầu biết được Lời hằng sống trong Lời văn tự là ai. Chúa Jêsus khiến các nguyên tắc của Ngài trở thành tính cách của chúng ta. Tính cách của chúng ta, được thể hiện qua lời nói và hành động, trở thành một chút men trong xã hội của chúng ta, cho dù ở đâu, hãy ảnh hưởng sự công chính trong xã hội ở đó. Đây là cách nước Đức Chúa Trời được đến và ý muốn của Ngài được nên ở dưới đất cũng như ở trên trời.

PHẤN HƯNG HAY BIẾN ĐỔI

Cúng ta nghe thấy rất nhiều về nhu cầu muốn được phấn hưng trong thời đại ngày hôm nay. Nhưng sự phấn hưng vẫn chưa đủ. Các dân tộc cần *sự biến đổi*. Vậy sự khác nhau là gì?

Trong cơn phấn hưng, nhiều người kinh nghiệm quyền năng của Đức Chúa Trời. Hàng ngàn người tiếp nhận Chúa Jêsus làm Cứu Chúa của họ, đôi khi cả một cộng đồng. Con người bỏ đi những thú vui tội lỗi và thường có những biểu lộ quyền năng siêu nhiên của Đức Chúa Trời, người bệnh được lành và nhiều dấu kỳ phép lạ khác. Đó là một thời khắc vui mừng lớn, là lúc mà mọi người sẽ cảm thấy thật khó để ăn và ngủ trước những gì Đức Chúa Trời đang làm, không biết sau đó Ngài sẽ còn làm gì nữa.

Những ai nghiên cứu lịch sử Hội thánh đều có thể kể ra rất nhiều cơn phấn hưng giống như vậy. Thí dụ, cơn phấn hưng xảy ra ở nước Anh trong giai đoạn của George Whitefield và anh em nhà Wesley, xảy ra ở nước Mỹ vào giai đoạn của

Jonathan Edwards và sau đó với những bài giảng của Charles Finney. Cơ phần hưng gần đây hơn đã xảy ra ở xứ Wales vào giai đoạn đầu của thế kỷ 20 rồi lan tới đảo Hebrides của đất nước Scotland suốt những năm 1950. Cơ phần hưng đã trở lại với phong trào Jesus Followers ở Miền Nam California vào cuối những năm 1960 và 1970. Ngay tại Hội thánh Ngũ Tuần Brownsville ở Pensacola, tiểu bang Florida, một cơn phục hưng kéo dài đến hơn 5 năm, đặng chạm hàng trăm ngàn đời sống.

Cũng giống như chúng ta đang rất cần những giai đoạn phần hưng này, nhưng nếu chúng ta muốn nhìn thấy sự thay đổi triệt để, thì cơn phần hưng cần phải dẫn đến một bước tiếp theo là: sự biến đổi. Điều này xảy ra khi chúng ta dầm mình trong Kinh Thánh, cầu xin Đức Chúa Trời vừa giúp chúng ta tìm kiếm các nguyên tắc để thử lại đời sống của mình – đây là quá trình mà sứ đồ Phao-lô gọi là sự đổi mới của tâm thần.

Đây chính là điều đã xảy ra khắp nước Anh vào hai thế kỷ trước. Trong suốt giai đoạn của John Wesley, cơn phần hưng đã dẫn đến sự biến đổi. Chúng ta có thể gọi đó là một cuộc cách mạng.

Wesley và cách mạng công nhân

Con người trải các thời đại nghĩ rằng họ đang sống trong giai đoạn tội lỗi nhất của lịch sử - đó là bản chất của con người. Nhưng bằng nhiều cách, John Wesley và những người bạn của ông đã phải đối diện với rất nhiều thử thách khó khăn hơn chúng ta ngày hôm nay. Thật khó để chúng ta hình dung một nước Anh vô thần và đầy dẫy tội lỗi vào giữa thế kỷ 18. Hàng ngàn người đổ vào các thành phố trong suốt thời kỳ Cách

Mạng Công Nghiệp, tìm kiếm một cuộc sống tốt hơn. Thay vì thế, họ đã trở thành những công nhân chế biến rượu trong các nhà máy. Đó là một giai đoạn vô cùng đen tối.

Lỗi tai diếc

Không có ai bên vực cho đàn ông, phụ nữ và trẻ em đang làm việc hàng tiếng đồng hồ đầy nguy hiểm trong tình trạng bị ngược đãi ở các nhà máy và khu mỏ mà chỉ kiếm được vài đồng thù lao ít ỏi. Sự đói khát xảy ra liên tục. Hàng ngàn người trở thành con mồi cho tình trạng nghiện rượu, tìm kiếm lối thoát khỏi cảnh kinh khiếp mỗi ngày. Trẻ em và thanh niên trở thành nạn nhân cho bệnh lao, bệnh bạch hầu, dịch tả và rất nhiều những căn bệnh khác đã lan tràn ở các khu ổ chuột và các khu nhà chứa quá đông người.

Trẻ em nghèo không được đến trường. Chỉ mới bốn hay năm tuổi, chúng đã phải đi làm ở các nhà máy và khu mỏ, bị bắt làm việc nhiều hơn mười hai tiếng một ngày. Trong các nhà máy dệt chúng phải làm việc nối chỉ và quét đường, buộc những sợi chỉ lại trên các máy móc chuyển động rồi trườn dưới những phần chuyển động để nhặt các sợi bông rớt ra. Một số bị lấy mất miếng da đầu khi tóc của chúng bị cuốn vào máy; những đứa khác bị nghiền tay; những đứa khác rơi vào máy móc rồi chết. Trong các nhà máy diêm những đứa nhỏ chết vì hít phải phốt-pho; những đứa còn sống thì phốt-pho làm mòn răng của chúng.

Xuống đến những khu mỏ, trẻ em kéo những chiếc xe chở than hay phải vác những cái giỏ to đựng than đá ở trên lưng của chúng. Những người chủ mỏ than có thể dùng ngựa hay

la, nhưng vì thú vật tốn quá nhiều tiền để ra vào khu mỏ thường xuyên. Thế là họ dùng trẻ em, là những đối tượng có thể bò trườn qua chỗ mà người lớn không làm được.

Phốt lờ trước sự ngược đãi, Hội thánh coi như bị điếc trước những người nghèo. Nhiều Hội thánh được mở ra đã trở thành chỗ thoải mái cho người giàu. Thuyết thần thánh cai trị tư tưởng thần học của họ, thể hiện một Đấng tạo hoá kiểu “thợ đồng hồ” không còn có mặt trong sinh hoạt hằng ngày của con người nữa. Niềm tin này, sánh bước với thuyết tiền định của giáo lý Calvin, chỉ đem lại sự thúc đẩy quá ít trước tình trạng hiện tại.

Tấm lòng ấm lên cách kỳ lạ

Tạ ơn Đức Chúa Trời, Ngài đã chuẩn bị một người thay đổi đất nước. John Wesley là mục sư được Hội thánh Anh giáo phong chức, nhưng mọi thứ không suông sẻ với ông. Ông luôn tìm cách làm điều đúng. Trong khi họ là những sinh viên tại trường Oxford, John và bạn mình là Charles ở trong một nhóm được gọi là “Holy Club”. Sự kỷ luật cầu nguyện và đọc Kinh Thánh đã thu hút những lời chỉ trích từ phía các sinh viên gọi họ là “mấy thằng Giám Lý”.

Cho dù đã rất nỗ lực, nhưng Wesley vẫn nghi ngờ về sự cứu rỗi của mình. Ông đã từng là một giáo sĩ thất bại khi đến với người Mỹ chính gốc ở Georgia. Ông gần như muốn bỏ cuộc khi về nhà với suy nghĩ đó. Rồi một sự kiện đã xảy ra làm thay đổi trọng tâm cuộc đời của ông.

Vào ngày 24 tháng 10 năm 1738, ông ngồi tham dự một lớp học Kinh Thánh ở quận Aldersgate của thành phố Luân Đôn,

lắng nghe một người thuộc Hội Moravian giảng từ những lời dẫn nhập của Luther cho đến sách Rô-ma. Wesley về sau đã ghi lại kinh nghiệm biến đổi trong cuốn nhật ký của mình:

Khoảng mười lăm phút trước nửa đêm, đang khi [diễn giả] nói về sự thay đổi mà Đức Chúa Trời làm việc trong lòng bởi đức tin nơi Đấng Christ, thì tôi đã cảm thấy tấm lòng của mình ấm lên một cách kỳ lạ. Tôi thấy rằng mình đã đặt đức tin nơi Đấng Christ, chỉ một mình Đấng Christ, để được cứu rỗi; và một sự đảm bảo đến với tôi khi biết rằng Ngài đã xoá sạch tội lỗi của mình và cứu tôi thoát khỏi luật pháp của sự tội và sự chết.

Mọi thứ thay đổi, tình yêu của Đức Chúa Trời tràn ngập tấm lòng Wesley và ông biết chắc rằng chính mình đã được tha thứ mọi tội lỗi. Ngay lập tức, ông hướng cả cuộc đời vào việc chia sẻ Tin Lành cho người khác.

John và Charles, một người bạn viết lời nhạc, tin rằng họ có thể cải chánh Hội thánh ở Anh. Tuy nhiên, các Hội thánh bảo thủ có tiếng tăm không hề chào đón những bài giảng và bài hát đầy cảm xúc của họ. Hai anh em bị đuổi ra khỏi Hội thánh sau buổi nhóm. Thế là anh em nhà Wesley công bố sứ điệp ở ngoài trời. Đây là một sự việc gây sốc vào lúc bấy giờ, phương pháp này được một người bạn trong Holy Club sử dụng ở Oxford, là George Whitefield. Khi Wesley và Whitefield giảng cho người nghèo, họ đã nhen nhóm một ngọn lửa mà sau này trở thành một trong những phong trào xã hội lớn nhất và mang tính cực đoan nhất thời ấy.

Hình thành cuộc cải chánh

Đang lúc những người được John cải đạo có xuất thân từ tầng lớp thượng lưu, thì những người tuyệt vọng lại là đám đông muốn nghe ông nhiều hơn. Hàng ngàn công nhân ở trong tình trạng dơ bẩn, nghèo đói, thất học đã nghe thấy Phúc Âm và tìm thấy hy vọng.

Anh em nhà Wesley nhanh chóng có được rất nhiều người, họ cố gắng môn đồ hoá những người mới cải đạo. Không có Hội thánh nào tiếp nhận những người mới tin Chúa với tình trạng lồi thối lệch thẹo, cho nên John đã bắt đầu những nhóm nhỏ hàng tuần để dạy họ biết làm thế nào để sống với Lời Chúa. Ông tiếp tục đi lại trên lưng ngựa – trải qua 250,000 dặm suốt cuộc đời – giảng Phúc Âm cho mọi người, đưa người mới cải đạo vào trong các nhóm môn đồ hoá, huấn luyện họ trở thành những lãnh đạo. Ông đã huấn luyện cho 10,000 lãnh đạo nhóm nhỏ. Nhiều nhóm nhỏ đã trở thành những viên gạch đầu tiên hình thành nên cuộc cải chánh. Trong mỗi nhóm, những người mới tin Chúa được môn đồ hoá và huấn luyện, họ coi trọng sự đồng công với nhau vì nhiều lý do chung.

Tránh khỏi một cuộc đắm máu

Đến 1798, những người thuộc hội Giám Lý, theo cách mà họ đã được gọi, có tất cả 100,000 người. Họ tin rằng Đức Chúa Trời đã kêu gọi họ, như John Wesley đã nói rằng: “để cải thiện đất nước, cụ thể là Hội thánh, và để rải khắp đất sự thánh khiết theo Thánh Kinh”. Sứ điệp của Wesley nhấn mạnh về Phúc Âm “toàn vẹn”. Linh hồn con người được cứu rồi vẫn chưa đủ; tâm trí và thân thể của họ và mọi thứ xung quanh cũng cần phải được biến đổi nữa.

Chính vì sự thuyết phục này, chức vụ của John Wesley tại Anh không chỉ là truyền giáo. John đã mở ra một trạm phát thuốc y tế, một nhà sách, một trường học miễn phí và một nơi ở cho các goá phụ. Ông đã lên án dịch vụ nô lệ trước khi người khơi dậy chiến dịch bài trừ nô lệ nổi tiếng là William Wilberforce ra đời. Vì quyền công dân và tự do tôn giáo, Wesley đã thức tỉnh lương tâm của cả nước trước hành vi bóc lột người nghèo một cách xấu xa. Ông mở ra các xưởng xe chỉ và đan len, rồi tự mình học nghề y để giúp đỡ những người cơ cực.

Chức vụ của Wesley cũng dẫn đến sự hình thành các quyền công dân và quyền an toàn lao động. Thủ tướng tiền nhiệm của nước Anh ông David Lloyd George đã nói rằng hơn một trăm năm qua, những người thuộc hội Giám Lý là những lãnh đạo đầu tiên của phong trào công đoàn.

Một nhà cải chánh kính sợ Chúa tên là Samuel Plimsoll, ông là một nhà kinh doanh đặt niềm tin nơi Kinh Thánh. Ông nghĩ các lái buôn đã chở quá nhiều thùng hàng để rồi quăng hết xuống biển khi tàu sắp chìm và mọi người bị chết đuối, họ chở theo những thứ đó để cuối cùng giúp họ có được nhiều khoản bồi thường bảo hiểm và có thể khôi phục lại những gì đã mất. Chống lại sự xấu xa này, Plimsoll đã tạo ra một biểu tượng để vẽ một vạch thẳng ở trên tàu thể hiện mức an toàn cho phép tàu bè chở hàng hoá. Ngày hôm nay, công cụ này vẫn được gọi là con dấu Plimsoll đã cứu lấy hàng ngàn sinh mạng trong suốt nhiều năm.

Một nhà Tin Lành khác, Robert Raikes, đã xuất hiện với ý tưởng về trường Chúa Nhật cho những đứa trẻ lao động có cơ hội được giáo dục. Những người khác được cảm động bởi công tác cải cách lao động của Wesley đối với trẻ mồ côi, bệnh

viện dành cho trẻ mồ côi, bệnh viện và nhà tù. Florence Nightingale và Elizabeth Fry là hai nhà cải cách, nổi tiếng về việc phát triển ngành y tá và cải cách những nhà tù.

Những gì John Wesley để lại gồm có công tác giải phóng phụ nữ khỏi ách nô lệ. Wesley đã đối xử với phụ nữ ngang bằng về phương diện thuộc linh trong phong trào Giám lý. Những con người của đức tin như Josephine Butler, Susan B. Anthony và Charles Finney đã tiếp bước John Wesley, lên tiếng thay cho phụ nữ có quyền nhận được sự giáo dục tốt và hướng nghiệp, bao gồm kể cả chức vụ trong đó nữa. Các nhà Giám lý đầu tiên là William và Catherine Booth là những người thừa hưởng di sản của Wesley, giải phóng hàng ngàn phụ nữ bước vào chức vụ qua Hội Cứu Thế Quân và thức tỉnh Hội thánh một lần nữa trước tình trạng người nghèo đang sống ngoài cánh cửa nhà thờ.

Khi các cuộc cải cách này xuất hiện ở Anh, nhiều người trong giới thượng lưu cả nước đã nhìn thấy Cách Mạng Pháp vào 1789-1799 với một nỗi sợ hãi đó là khi cuộc cách mạng chuyển thành một cuộc đẫm máu, giới quý tộc bị sát hại, các thầy tu và nhiều người khác nữa. Có lẽ điều tương tự sẽ xảy ra ở Anh! Nó có thể đã xảy ra, nhưng theo sử gia J. Wesley Bready, phong trào đổi mới được dẫn dắt bởi Wesley đã ngăn trừ chuyện đó. Cuộc phấn hưng chuyển thành một sự biến đổi đã tạo ra những thay đổi về chính trị, kinh tế và xã hội, làm giảm đi sự bất công và nghèo đói, để đem hàng ngàn người bước vào một tầng lớp trung lưu lành mạnh.

Chủ nghĩa lạc quan và một ý thức về sự kêu gọi

Phong trào đổi mới của Wesley không chỉ ảnh hưởng ở Anh. Nó còn lan đến các quốc gia ở Châu Âu và Mỹ. Những người hưởng ứng từ Wesley đã trở thành các giáo sĩ đi đến một vùng đất mới đang phát triển là nước Mỹ. Khi những người an cư lạc nghiệp đầu tiên ở Mỹ đã trải rộng khắp lục địa, thì các diễn giả thuộc hội Giám Lý đã cưỡi trên lưng ngựa. Họ đến với một quyển Kinh Thánh trong tay và những quyển sách khác trong túi của mình, sẵn sàng để giảng đạo và mở Hội thánh. Không lâu sau gần như mỗi cộng đồng khắp các giao lộ đã xuất hiện một nhóm người thuộc hội Giám Lý đang làm việc ở đó. Sự điệp về ý chí tự do và ân điển của Đức Chúa Trời từ những con người Giám lý này đã định hình nước Mỹ, sản sinh ra chủ nghĩa lạc quan và một ý thức về sự kêu gọi thiêng liêng.

Wesley đã không sống đủ lâu để nhìn thấy tất cả các cuộc cải cách được tác động bởi những nỗ lực của ông đang môn đồ hoá đất nước của mình. Nhưng thật khó để tưởng tượng thế giới của chúng ta ngày hôm nay đã từng có hàng ngàn đến hàng ngàn người từ các nhóm nhỏ biết học Kinh Thánh và áp dụng Lời Chúa trong đời sống của mình. Tất cả đã bắt đầu khi tấm lòng của một người được ấm lên cách kỳ lạ để vâng phục Đức Chúa Trời và Lời của Ngài, dạy dỗ đất nước mình biết làm thế nào để sống trong đường lối của Ngài. Đức Chúa Trời muốn thực hiện điều tương tự cho ngày hôm nay.

DẤM ƯỚC MƠ

Chuyện gì nếu sự thay đổi trào lưu đó xảy ra trên đất nước của chúng ta? Đất nước của chúng ta sẽ như thế nào nếu ngày càng có nhiều người áp dụng lẽ thật của Kinh Thánh vào đời sống?

Thật khó để hình dung một quốc gia có đại đa số những con người nghiêm túc trước ý định khôn ngoan của Đức Chúa Trời dành cho tạo vật của Ngài. Tôi thấy hình dung việc này dễ hơn những người trẻ có thể nhìn thấy.

Tôi lớn lên ở Los Angeles sống giữa những người hàng xóm khác nhau tự hào về dòng giống của mình. Chúng tôi luôn cảm thấy an toàn khi để cửa không khoá vào buổi tối. Khi còn là rất nhỏ, tôi chạy xe đạp khắp cả thành phố, cha mẹ của tôi không hề lo lắng về chuyện đó. Tôi chẳng biết về ma túy như marijuana, hê-rô-in hay tiếng súng ở trường trung học; chỉ một vài đứa trẻ hút xì-gà hay uống rượu mà thôi. Mọi người tin rằng tình dục là dành cho một người nam và một người nữ đã kết hôn với nhau. Nếu một cặp yêu đương nào đó chưa kết hôn

mà có thai, thì họ hoặc là kết hôn hoặc là bỏ đứa bé bằng cách phá thai. Chẳng ai đem chuyện tình dục ra bàn luận; nhiều người Mỹ không bao giờ nghe thấy chuyện ấy. Hầu như mỗi cuộc hôn nhân là “cho đến khi cái chết chia lìa chúng ta”. Sẽ là hiếm hoi nếu biết được một thanh niên nào đó không có cha mẹ ở nhà.

Hãy thử tưởng tượng điều tốt đẹp trong thời kỳ đó một lần nữa mà không có đến một cạm bẫy và những điểm mù. Sẽ như thế nào nếu càng có nhiều người hàng xóm sống cuộc đời mình theo đúng đường lối của Đức Chúa Trời, như đã được bày ra trong Kinh Thánh? Hãy nhớ, chúng ta không đang nhìn về một thời kỳ phồn thịnh nào đó mà đang hướng đến cái mà Đức Chúa Trời có thể thực hiện trong thời đại của chúng ta. Cho nên hãy ước mơ:

- Nhiều người tôn kính Đức Chúa Trời và tôn trọng lẫn nhau, trân trọng sự sống như là món quà của Đức Chúa Trời.
- Các bà mẹ sẽ gìn giữ đứa con chưa ra đời của mình, mọi ông bố sẽ cung ứng nhu cầu đầy đủ cho con cái của họ.
- Phân biệt chủng tộc sẽ chỉ là hiếm hoi. Sự hoà thuận và hiệp một kéo mọi chủng tộc và mọi màu da lại với nhau.
- Chúng ta không phải sợ các cuộc bạo loạn hay trộm cướp nữa.
- Các đảng phái sẽ không còn nữa vì không có thành viên. Những người trẻ sẽ tìm thấy một cộng đồng thực sự và mục đích trong thân thể của Đấng Christ.

- Con người biết gìn giữ đường phố sạch đẹp. Sẽ không còn những chữ viết nguệch ngoạc lên tường, trên cầu hay nhà cửa nữa.
- Mọi người sẽ bảo vệ môi trường, thực thi trách nhiệm quản trị trên tạo vật của Đức Chúa Trời.
- Sự ngược đãi trẻ em và đánh vợ sẽ không còn nữa.
- Ly dị sẽ vô vùng hiếm hoi.
- Các mối quan hệ bị rạn nứt sẽ được phục hồi khi con người ăn năn và tha thứ cho nhau.
- Những vụ việc xấu xa mang tính đoàn thể sẽ biến mất.
- Các nhà thương mại sẽ đến với nhau trước hết bằng sự thương xót.
- Các chính trị gia, nhân viên văn phòng và toà án sẽ là những người tận tụy cho dân chúng.
- Hàng tỷ đô-la sẽ được khai phóng cho các dự án công cộng vì sẽ có rất ít sự tham nhũng, gian lận hay thoái thác việc đóng thuế.
- Năng suất làm việc sẽ tăng cao khi kẻ nghiện rượu, các loại thuốc nghiện khác và phim ảnh đồi trụy sẽ không còn nữa, con người đi làm với khả năng, mục đích và kỹ năng.
- Các nhà tù không người sẽ phải tái thiết để sử dụng cho các công trình khác hoặc là bỏ đi.
- Chúng ta sẽ luôn nhìn thấy xung quanh, giúp đỡ những người ở xa, chia sẻ Phúc Âm và tiếp trợ nhu cầu thuộc thể của họ.
- Mọi người sẽ nói lẽ thật trong tình yêu thương. Những lời nói báng bổ và vu cáo sẽ không còn là chuyện bình thường nữa.

- Sự nóng giận trên đường phố sẽ chỉ còn là hiện tượng đặc biệt cho các học giả lịch sử phải cân nhắc.

Còn điều gì nữa có thể xảy ra? Đất nước của bạn sẽ như thế nào? Hãy ước mơ, rồi bước ra bằng đức tin để nhìn thấy mọi thứ trở thành hiện thực.

Đó có thể là đất nước của bạn

Khi chúng ta nhìn thấy một quốc gia nổi bật với những thay đổi như trên và có được sự phồn thịnh và tự do, thì chúng ta sẽ khám phá không ngừng trong lịch sử của đất nước đó có những người như John Wesley, là người đã tìm kiếm Đức Chúa Trời và dành thì giờ với Quyển Sách của Ngài, tìm cách môn đồ hoá đất nước của họ.

Ngày hôm nay Đức Chúa Trời đang tìm kiếm những con người dám nắm lấy Lời của Ngài một cách nghiêm túc, tìm kiếm nó như một quyển sách hướng dẫn để biến đổi các dân tộc và ảnh hưởng lên thế hệ của họ. Bạn có thể là người đó. Dành thì giờ ở với Chúa, quỳ gối trước Lời của Ngài, sẽ thay đổi mọi khía cạnh trong đời sống của bạn. Làm như vậy, bạn sẽ ảnh hưởng tới những người xung quanh. Và khi càng có nhiều người làm như vậy, cả một đất nước sẽ được thay đổi. Điều đó có thể xảy ra với đất nước của bạn.

Phục vụ Đức Chúa Trời bằng môi miếng không bao giờ thay đổi cuộc đời của ai hay bất kỳ dân tộc nào. Giữ một cuốn Kinh Thánh mà không đọc sẽ chẳng thay đổi ngay cả chính mình. Điều này đòi hỏi phải đọc Kinh Thánh và vâng lời Đức

Chúa Trời bằng quyền phép Thánh Linh của Ngài. Khi chúng ta vâng lời Ngài và Lời của Ngài, tính cách của chúng ta được tăng trưởng. Lời của Đức Chúa Trời trở thành một phần trong chúng ta, là tiêu chuẩn cho cuộc đời chúng ta. Đây chính là điều sẽ thay đổi một quốc gia.

Những người xây dựng đất nước là ai?

Gần đây nhiều lãnh đạo và học giả đã và vẫn đang bàn luận về vai trò xây dựng đất nước là của ai. Cuộc bàn luận của họ rải đầy khắp các kênh truyền thông, Internet và các tập sách, nhưng tôi không nghe thấy một câu trả lời rõ ràng từ bất kỳ người nào trong số họ. Vậy thì, ai là người xây dựng đất nước? Các tổ chức Phi Chính Phủ (NGO)? Để trả lời câu hỏi này chúng ta cần phải định nghĩa các phạm trù trước. Một dân tộc là gì?

Khi chúng ta nói “quốc gia”, chúng ta thường nói về chính quyền – tổ chức chính trị hay chính phủ. Chúng ta nghĩ ngay đến những phạm trù như ranh giới, hộ chiếu và màu cờ. Nhưng Kinh Thánh cho chúng ta một sự hiểu biết về các dân tộc khác hoàn toàn. Chúng ta thấy trong Sáng Thế Ký các gia đình trở thành các chi tộc như thế nào, rồi từ đó hình thành nên các dân tộc, rồi được chia thành nhiều thứ tiếng khác nhau ở khắp đất. Nhìn như vậy, thì các dân tộc chỉ đơn giản là những gia đình hay các sắc dân nào đó. Họ có chung một di sản, ngôn ngữ, niềm tin và cách sống mà chúng ta gọi là “văn hoá”.

Từ *dân* trong Tân Ước là từ Hy-lạp *ethné*, cũng gần với phạm trù của chúng ta là *sắc tộc*. Tôi tin đây vẫn là cách Đức Chúa Trời nhìn vào các dân tộc – các sắc tộc được hình thành

từ nhiều gia đình và bộ tộc – những người có cùng một văn hoá và ngôn ngữ. Muôn dân là *các dân tộc*.

Nếu chúng ta muốn xây dựng đất nước, chúng ta cần phải xây dựng con người – các gia đình, các bộ tộc, các nhóm sắc tộc, toàn bộ đất nước. Đó là công tác Chúa Jêsus giao phó cho chúng ta trong Ma-thi-ơ 28:19. Ngài nói rằng những kẻ theo Ngài là những người xây dựng đất nước. Nhưng chúng ta làm điều này như thế nào?

Bảy khía cạnh để bắt đầu

Chúng ta bắt đầu từ đâu? Đó là câu hỏi tôi đang hỏi Đức Chúa Trời vào năm 1975. Tôi đang nghĩ đến phương hướng cho đất nước mình và các quốc gia trong tương lai. Làm thế nào để thay đổi các dân tộc? Làm thế nào để nhìn thấy nền tảng đạo đức tốt đẹp được khôi phục trở lại?

Mùa hè năm đó tôi đang ở Colorado, đi nghỉ mát cùng với gia đình ở Núi San Juan. Chúng tôi đang vui vẻ trong phòng mà một người bạn đã chuẩn bị. Vào buổi sáng nọ, khi tôi đang ngồi bên đóm lửa đã tắt ngụi, Chúa nhỏ nhẹ phán với tôi. *Có bảy khía cạnh xã hội giống như những phòng học để môn đồ hoá muôn dân*. Tôi lấy bút và giấy ghi lại những suy nghĩ vụt đến một cách tức thời nhưng đầy đủ. Tôi viết xuống bảy khía cạnh đó thật nhanh trên giấy của mình:

- Gia đình
- Tôn giáo (Hội thánh và sứ mạng)
- Giáo dục
- Lễ hội (thể thao, giải trí, nghệ thuật)

- Truyền thông (media)
- Kinh tế (bao gồm thương mại, khoa học và kỹ thuật)
- Chính quyền

Thật thú vị, tôi vừa nghĩ vừa xếp tờ giấy lại rồi bỏ vào túi. Hôm sau, một nhân viên kiểm lâm chạy đến ca-bin của chúng tôi bằng chiếc xe máy, khiến bụi đất bay tứ tung. “Ông Cunningham”, anh ta nói, “có một cuộc gọi điện đang chờ ông ở trạm kiểm lâm”.

Cuộc gọi từ một người bạn nói rằng Bill và Vonette Bright, là những nhà sáng lập tổ chức Chiến Dịch Sinh Viên Cho Đấng Christ (CCC), đang ở Boulder muốn gặp tôi và Darlene nữa.

Qua ngày hôm sau, một người bạn đem chúng tôi bay qua những dãy núi Rockies trên chiếc Cessna Centurion. Chúng tôi đến thăm vợ chồng Tiến sĩ Bright. Tôi đang tính mở mẫu giấy màu vàng từ túi áo ra để chia sẻ với Bill đang khi ông nói rằng: “Loren, Chúa đã cho tôi thấy một vài cách có thể thay đổi đất nước của chúng ta”.

Ông mở một mảnh giấy nhỏ rồi đọc những gì viết trong đó. Danh sách của ông gần giống mẫu giấy của tôi! Sau đó tôi cũng cho ông xem danh sách của mình.

Lúc ấy tôi biết rằng đó không chỉ là những lời dành cho cá nhân tôi hay cho YWAM mà thôi. Đó là những lời dành cho thân thể của Đấng Christ. Một vài ngày sau đó, tôi chia sẻ trong một ngôi nhà thờ lớn chứa hàng trăm người trẻ ở Hamburg, nước Đức, trình bày với họ 7 khía cạnh mà Đức Chúa Trời muốn chúng ta nhắm đến để xoay chuyển cả thế giới này.

Vài tuần sau, Darlene nghe thấy Tiến sĩ Francis Schaeffer, một nhà sáng lập Hội L’Abri (L’Abri Fellowship), trong một buổi

phông vắn trên ti-vi đang đưa ra một danh sách những lĩnh vực đời sống mà các tín hữu cần phải chiếm lĩnh.

Quý vị sẽ không coi là vô lý khi Đức Chúa Trời phán cùng một sứ điệp với ba người ở ba nơi khác nhau trong thân thể Đấng Christ chứ, Ngài đang cố gắng cho con cái biết được thông điệp của Ngài phải không? Điều tôi không hề biết đó là làm thế nào những người nam và người nữ chiến lược của Đức Chúa Trời lại vẫn đang tìm đến những khía cạnh này hàng trăm năm qua, để nhìn thấy các dân tộc được biến đổi. Trong vài chương tiếp theo, chúng ta sẽ nhìn thấy vài người trong số họ. Những câu chuyện đầy năng quyền của họ. Họ là những anh hùng. Họ là những người xây dựng đất nước thực sự.

II

SỰ BIẾN ĐỔI ĐIỂN HÌNH

MỘT NHÀ LẬP QUỐC THỰC THỤ

WILLIAM CAREY

Ấn Độ

Thật khó tưởng tượng những gì William Carey đã nhìn thấy khi lần đầu tiên đặt chân đến Ấn Độ vào năm 1793. Carey, một thợ đóng giày, là mục sư, một nhà ngôn ngữ tự học, đã nhìn thấy nhu cầu cấp bách cần được cải thiện trong từng khía cạnh xã hội của người Ấn Độ. Ruth và Vishal Mangalwadi cho chúng ta một hình ảnh về Ấn Độ vào thời bấy giờ trong quyển sách *Huyền Thoại Về William Carey: Một Hình Mẫu Cho Sự Biến Đổi Văn Hoá (The Legacy of William Carey: A Model for Cultural Transformation)*, nhờ quyển sách mà chúng ta có được những miêu tả dưới đây.

Khi Carey đến Ấn Độ, đất nước này bị chìm ngập trong sự giả dối. Ấn Độ giáo đảm bảo rằng chỉ có vài người, là những kẻ đứng đầu xã hội, có được đặc quyền sở hữu vật chất và giáo dục. Hệ thống phân chia giai cấp khiến số còn lại phải sống trong tình trạng nghèo khổ. Người Ấn Độ xem đây là một mệnh

lệnh đúng đắn cho mọi thứ. Tầng lớp thấp kém chính là cuộc đời chuộc tội mà họ đã phạm trong kiếp trước.

Các giáo sư Ấn Độ giáo nói rằng không có sự khác biệt giữa họ và thần thánh. Con người chỉ đang ảo tưởng rằng họ đang tách biệt khỏi thần thánh. Cho nên, mọi thứ họ đụng đến đều mang tính thiêng liêng. Chính niềm tin này đã chia cắt tôn giáo khỏi đạo đức, khiến người dân Ấn Độ có thể hoạt động tôn giáo mà vẫn làm nhiều điều sai trái.

Khi Carey đến Ấn Độ, thì ba ngàn năm của Ấn Độ giáo đang khiến người dân đi đến chỗ không còn gì cả. Sự học hành gần như đã không còn nữa; vấn đề giáo dục cơ bản không còn tồn tại. Cái “văn hoá hối lộ lan tràn khắp nơi” đã đẩy tỷ lệ cho vay cho mượn từ 36% lên đến gần 100%, khiến cho việc đầu tư không còn khả dụng nữa.

Nhân quyền không còn tồn tại. Phụ nữ bị coi thường. Chẳng hạn, Ấn Độ giáo đã chấp nhận tình trạng giết hại bé gái sơ sinh, sắp đặt hôn nhân từ khi còn nhỏ, chế độ đa thê, thiêu sống những goá phụ (*suttee*) và cái chết không đau đớn. Hy vọng duy nhất của người phụ nữ đó là phục vụ đàn ông thật tốt để có được sự xứng đáng làm đàn ông ở kiếp sau. Người phung bị chôn sống hay bị thiêu cho tới chết để đảm bảo một kiếp sau tốt hơn. Trẻ em mắc bệnh bị treo trong một cái giỏ suốt ba ngày liền, không được chăm sóc, để xem thử liệu chúng có thắng được “tà linh” hay không. Mỗi mùa đông, những người cha mẹ đều đẩy con cái của họ ra bờ đất bùn là nơi Sông Hooghly đổ ra biển, để bị nhận chìm hay làm mồi cho cá sấu ăn. Những ai được giữ vai trò làm mẹ đều phải tận hiến đến nỗi dâng con cái của họ cho Nữ Thần Sông Hằng như vậy.

Chúng ta có thể hiểu được rằng nếu như William Carey đánh mất nhìn xung quanh rồi quyết định chỉ tập trung vào giải

cứu những cá nhân nào ông có thể bắt chuyện thuộc linh với họ thì cũng chẳng lạ gì. Nhưng ông đã không dừng lại ở mức độ truyền giảng (tức là một nửa Đại Mạng Lệnh trong Mác 16:15). Ông còn dấn thân mình vì một nửa còn lại của Đại Mạng Lệnh (Ma-thi-ơ 28:19). Carey bắt đầu công tác vĩ đại đó là: môn đồ hoá đất nước Ấn Độ. Chúng ta không có nhiều thời gian để khám phá hết tất cả những gì nhà xây dựng đất nước đáng chú ý này đã làm. Cho nên, tôi chỉ gợi ý cho quý vị hãy đọc những quyển sách tuyệt vời của Mangalwadis. Nhưng hãy nhanh chóng xem thử William Carey đã ảnh hưởng từng lĩnh vực trong bảy khía cạnh của đất nước Ấn Độ như thế nào.

Gia đình

William Carey đã tìm cách giải quyết vấn đề gia đình trong quốc gia Ấn Độ. Ông nhận thấy rằng không một quốc gia nào tìm được sự tự do nếu phụ nữ của đất nước đó vẫn còn bị áp bức. Đầu tiên, ông đã vận động hành lang để nhìn thấy hành vi giết trẻ sơ sinh phải bị cấm, ông giành được chiến công đó vào năm 1804. Việc khó hơn đó là dứt đi gốc rễ của tập tục thiêu sống các goá phụ đầy kinh khiếp trong ngày tang chồng của họ trên giàn thiêu. Nhưng cuối cùng Carey đã nhìn thấy tập tục đó bị cấm vào năm 1829.

Tôn giáo

Tất nhiên, Carey và những đồng sự cùng làm việc thân cận đã nỗ lực rất nhiều về mặt tôn giáo, gây dựng Hội thánh của Chúa

Jêsus Christ trên mảnh đất của người Ấn Độ. Họ bắt đầu mở ra nhiều Hội thánh Báp-tít ở Ấn Độ, là những Hội thánh ngày nay vẫn đang được nhân rộng ra. Carey cũng sáng lập ra Trường Cao Đẳng Serampote, là trường huấn luyện các vị mục sư người Ấn Độ đầu tiên. Ông cũng coi sóc quá trình dịch Kinh Thánh sang gần 40 ngôn ngữ khác nhau để người Ấn Độ có thể đọc nó trong tiếng mẹ đẻ của mình.

Giáo dục

Carey đã mở ra hàng tá các trường dạy chữ cho trẻ em đủ mọi tầng lớp và cũng chào đón phụ nữ tới học nữa. Như đã được đề cập, ông mở trường Cao Đẳng Serampote, là trường cao đẳng dạy nghệ thuật tự do đầu tiên trong tiếng mẹ đẻ. Ông là tác giả cuốn từ điển tiếng Sanskrit đầu tiên dành cho các học giả và mở ra những thư viện cho mượn sách đầu tiên ở Ấn Độ.

Nghệ thuật

Một giáo sĩ không hề biết một mảy may như ông cũng góp phần phát triển nghệ thuật ở Ấn Độ. Carey đã cho thấy tài văn chương bằng cách dịch thuật và xuất bản các tài liệu cổ về người Ấn Độ. Ông đề cao tiếng Bengali, đã được nói đến trước đó “là ngôn ngữ dành cho quý sứ và phụ nữ”, trở thành thứ ngôn ngữ đứng đầu về văn chương của Ấn Độ. Ông viết những bài Thánh Ca điệu balat trong tiếng Bengali, chủ yếu nhắm vào những bản nhạc tình yêu có thể học thuộc lòng dành cho

người dân Ấn Độ, để có thể truyền tải thông điệp về Đấng Christ một cách hiệu quả hơn.

Truyền thông đại chúng

Carey còn đem đến phương tiện truyền thông rộng rãi cho đất nước Ấn Độ, mở ra xưởng in đầu tiên và dạy người dân Ấn Độ biết sử dụng nó thế nào, cũng như chỉ họ biết cách tự sản xuất giấy cho mình. Ông còn phát hành tờ báo đầu tiên trong một ngôn ngữ Á Đông. Ông tin rằng “ngoài các ấn phẩm về lễ thật và niềm tin, Cơ Đốc giáo còn tìm kiếm sự tự do ngôn luận”. Tờ báo bằng tiếng Anh của ông đã sản xuất những bài báo giúp cải cách nhiều điều trong xã hội của Ấn Độ vào nửa đầu thế kỷ 19.

Kinh tế

Thật khó tưởng tượng được nền kinh tế của đất nước Ấn Độ ngày hôm nay sẽ ra sao nếu Carey không đưa vào ý tưởng gửi tiền ở ngân hàng, thúc đẩy mức lợi tức hợp lý và đầu tư nước ngoài. Nhưng đó không phải là tất cả những gì ông đã làm để gây lợi tức cho nền kinh tế của đất nước này. Về mặt kỹ thuật, ông đưa máy hơi nước vào Ấn Độ. Về mặt y tế, ông dẫn đầu chiến dịch khám chữa bệnh nhân đạo cho người phung, bày tỏ mối quan tâm của Kinh Thánh đối với từng cá nhân. Về mặt khoa học, ông thành lập Hợp Tác Xã Nông Nghiệp, thực hiện một nghiên cứu có hệ thống về nông nghiệp, đưa sự dạy dỗ hiện đại về thiên văn học để thay thế cho cảnh nô lệ trong thuật

chiêm tinh của người Ấn Độ. Một nhà thực vật học tận tụy, Carey cũng xuất bản những quyển sách đầu tiên về khoa học tự nhiên cho đất nước Ấn Độ. Ông khác với người theo Ấn Độ giáo, là những người dạy phải chối bỏ những thứ thực tại như là ảo tưởng. Thay vào đó, ông tin Kinh Thánh, trong đó Đức Chúa Trời nhìn sự sáng tạo và phán là tốt lành. Carey nhớ rằng: “Hỡi Đức Giê-hô-va các công việc Ngài sẽ ngợi khen Ngài”. Vì Lời của Đức Chúa Trời dạy rằng loài người có quyền trên thiên nhiên, ông còn viết những bài tiểu luận ủng hộ việc bảo tồn rừng từ 50 năm trước khi chính phủ tiến hành thực hiện.

Chính phủ

Một vài thành công đáng chú ý nhất của Carey còn đến từ khía cạnh chính phủ, là chỗ mà ông đã phải đối diện với những trở ngại ghê gớm. Chúng ta cần hiểu rằng khi Carey lần đầu đặt chân đến Ấn Độ, ông đang thực hiện những việc bất hợp pháp. Công Ty Đông Ấn-Anh, liên kết với Crown, đã tẩy chay tất cả các hoạt động giáo sĩ. Một vài người thấy rằng những cuộc cải tổ đã đến với đất nước Ấn Độ và nghĩ rằng nhà cầm quyền thực dân Anh đã làm nên việc đó. Họ đã nhận định sai. Người Anh đã ở Ấn Độ từ những năm 1600 mà chẳng làm được gì để đi đến những cuộc cải tổ.

Người Anh tin rằng khi để cho những sự cưỡng bách tôn giáo xảy ra một cách công khai thì sẽ làm cho việc quản lý thuộc địa dễ dàng hơn. Trước khi Carey và những người bạn tin nơi Kinh Thánh của ông xuất hiện ở Ấn Độ, thì các nhà cầm quyền thuộc địa đã bóc lột đất nước Ấn Độ; họ không nghĩ đến lợi ích của người dân Ấn Độ.

Chính những môn đồ của Chúa Jêsus đã làm giảm đi mức độ nặng nề của các vấn nạn này. Các tín hữu trở về nhà ở Anh, như William Wilberforce ở Nghị Viện Anh, đã tham gia cùng với Carey trong việc kêu cứu cho đất nước Ấn Độ. Cuối cùng, họ đã thuyết phục lương tâm của nước Anh để mở cửa cho một “ngành dân chính” trong chính thuộc địa của họ, để làm bàn đạp cho những cuộc cải tổ.

Một trận chiến rất lớn khiến Carey phải dằn vặt cả cuộc đời của ông mà vẫn không thể thắng lợi được. Hệ thống phân chia giai cấp vẫn còn tồn đọng, làm cho hàng trăm triệu người phải sống trong sự khốn khổ không có lối thoát.

Gần đây các lãnh đạo trên thế giới đã phải kêu cứu cho sự tăng trưởng kinh tế ở Ấn Độ - sự phát triển ở các khu vực đặc biệt có những toà nhà và thương nghiệp mọc lên, bao gồm những tăng trưởng mang tính rất hiện đại của giới trung lưu. Nhưng các lãnh đạo này lại không nhìn thấy thực trạng của hơn 160 triệu người Ấn Độ không được dự phần trong nền kinh tế mới. Người Dalit, được biết đến là những người “không đáng đưng đến”, chiếm khoảng 17% dân số Ấn Độ. Phạm trù *không đáng đưng đến* là một ý niệm mang tính hợp pháp; nếu một Dalit đưng phải ai đó hay vật gì đó thuộc về một người ở tầng lớp cao hơn, thì người đó phải lập tức thực hiện nghi lễ rửa sạch mình. Bên dưới hệ thống phân chia giai cấp, những người thuộc thành phần Dalit không tìm thấy hy vọng cho một tương lai tốt đẹp hơn. Hệ thống phân chia giai cấp không những khiến con người không có việc làm mà còn làm cho họ thấy mình kém giá trị, như việc chùi rửa nhà xí công cộng và tập tục Ấn Độ giáo cấm trẻ em thuộc giới Dalit (tiện dân) đi đến trường. Giới Dalit cố gắng sống quăng đời ngắn ngủi của họ để không phải bị đói, nuôi gia đình của họ trong những khu ổ

chuột kinh khiếp, hoặc là sống ngoài đường phố trong các thành thị ở Ấn Độ. Những người khác thì dự phần trong nền kinh tế tăng trưởng của Ấn Độ chỉ biết đi ngang qua hay đi vòng qua thân xác của những người đó, vội vã cất bước vào chỗ làm việc. Cuộc chiến chống lại hệ thống phân chia giai cấp phải được tiếp tục.

Tuy nhiên, tôi vẫn thấy được khích lệ khi nhìn thấy sự thay đổi thực sự nơi đường chân trời. Hội thánh ở Ấn Độ là một trong những Hội thánh tăng trưởng nhanh nhất trên thế giới. Hàng ngàn người đang quyết định tin Chúa Jêsus mỗi ngày. Theo quan điểm của một người sinh viên, là thành viên một Hội thánh đang trên đà phát triển, giáo sĩ và tiến sĩ J. N. Manokaran, có khoảng sáu mươi triệu người Ấn Độ tin nơi Đấng Christ đang nhóm thờ phượng trong 400,000 nhà thờ và các nhà thờ tư gia. Ba trăm ngàn mục sư, giáo sĩ và nhiều nhà truyền đạo đang thu hoạch một mùa gặt lớn có rất nhiều người tin và họ đang thực hiện công tác môn đồ hoá đất nước này. Joshua Pillai thuộc Chức vụ Dawn báo cáo cho biết các mục sư Ấn Độ đang thiết lập hơn năm mươi ngàn Hội thánh mỗi năm. Tức là có bốn mươi mốt Hội thánh mới mỗi ngày! Các tín hữu Ấn Độ đang vươn ra ngoài biên giới của họ. Mười ngàn giáo sĩ Ấn Độ đang đi ra các vùng đất lân cận, cũng như làm việc xuyên văn hoá trong các quốc gia đó. Một vài chuyên gia tin rằng khi tính đến số lượng các giáo sĩ nội địa, thì Ấn Độ xếp hàng thứ hai trên thế giới trong việc gửi đi nhiều giáo sĩ nhất.

Carey đã thiết lập một nền tảng vững chắc. Nhưng khi nhìn khắp quốc gia, thì tâm trí của hàng trăm triệu người vẫn chưa được biến hoá. Họ vẫn còn bám vào đường lối cũ kỹ. Ấn Độ cần rất nhiều nhà xây dựng đất nước để tiếp tục những gì William Carey đã bắt đầu.

MỘT ANH HÙNG CHÚNG TA CẦN GẶP:

ABRAHAM KUYPER

Hà-Lan

Nhiều người đã nghe biết về William Carey. Nhưng ít người biết về Abraham Kuyper (được phát âm là Kuyper), một nhà xây dựng đất nước. Cho phép tôi giới thiệu đến bạn một người Hà-Lan, một nhà diễn thuyết đã trở thành thủ tướng của đất nước Hà-Lan. Ông có nhiều điều để chúng ta học hỏi – cụ thể là làm thế nào để trở thành một chứng nhân trung thành cho Chúa Jêsus Christ trong một xã hội theo chủ nghĩa đa nguyên. Hãy quay trở lại Châu Âu vào giữa thế kỷ 19 để gặp gỡ người đàn ông tuyệt vời này.

Vào những ngày của Kuyper, lục địa này vẫn đang ở trong sự phục hồi từ những biến cố lớn, như cuộc xâm lược đẫm máu từ Cách Mạng Pháp và các cuộc chiến tranh của Napoleon. Hai ý tưởng lớn đã hình thành trong thời kỳ hỗn loạn này đó là: Chủ Nghĩa Mác và chủ nghĩa thần học tự do của kỷ nguyên Lãng Mạn. Hầu hết các trường đại học lớn ở Châu Âu

đã rất tôn sùng chủ nghĩa lý trí và chủ nghĩa nhân quyền, những niềm tin mà con người có thể là chân lý và giải quyết những vấn đề của họ mà không cần đến Đức Chúa Trời. Những tư tưởng thống trị này cũng chi phối các trường thần học huấn luyện những mục sư trẻ. Cho nên khi Abraham Kuyper quyết định trở thành một mục sư, ông xin học ở một trường đại học Hà-Lan là nơi mà các giáo sư đã dạy ông rằng Chúa Jêsus chỉ là một con người và Kinh Thánh là tập hợp những câu chuyện huyền bí.

Thèm khát niềm tin của những người trong giáo xứ

Vào thời điểm ông hoàn tất việc học thần học của mình và bắt đầu vai trò mục sư lần đầu tiên, Kuyper có rất ít hay chẳng có niềm tin vào một Đức Chúa Trời là Đấng hằng sống và muốn có mối quan hệ cá nhân. Nhưng khi năm tháng trôi qua, ông vô cùng ngạc nhiên khi thấy chính mình đang thèm khát đức tin của những con người rất bình thường trong Hội thánh ở quê của ông. Không lâu sau một người trong giáo xứ dẫn ông đến với Đấng Christ để xưng nhận Ngài là Cứu Chúa của cá nhân mình.

Sử dụng tài diễn thuyết và năng lượng dồi dào trong người, Kuyper ngay lập tức dâng đời sống mình để dẫn dắt Hội thánh quay trở lại với nền tảng Kinh Thánh. Ông chấp nhận làm mục sư cho một Hội thánh lớn ở Utrecht vào năm 1867. Trong khi phục vụ như một mục sư trọn thời gian, ông cũng trở thành một nhà viết báo, viết về những mảng chính trị và tôn giáo cho các tờ báo mới. Cuối cùng ông trở thành nhà biên soạn cho hai tờ báo khác nhau – tuần báo và nhật báo – trong vòng bốn

mười năm. Nhưng đó không phải là tất cả. Ông còn làm việc như là một nhà giáo giảng dạy trên lớp, một nhà hoạt động chính trị, một thành viên của Nghị Viện, cuối cùng trở thành thủ tướng của đất nước Hà Lan, rồi tiếp tục với những việc làm này kéo dài mấy thập kỷ, ngoại trừ chức vị thủ tướng.

Tìm thấy các lĩnh vực xã hội

Cũng phải ngạc nhiên một chút vì sức khoẻ của Kuyper yếu dần. Năm 1875, chỉ một năm sau khi ông được chọn làm Nghị Sĩ, ông phải mất đến hai năm để hồi phục sức khoẻ, là điều ông đã làm được trong chuyến nghỉ phép tại Thụy Sĩ. Đang khi Kuyper ở đó cầu nguyện và tra xem Kinh Thánh, Đức Chúa Trời đã bắt đầu cho ông một sự hiểu biết rất quan trọng. Đúng 100 năm trước khi Chúa phán cùng tôi và Tiến sĩ Bill Bright về các khía cạnh xã hội, Ngài đã bày tỏ cho Abraham Kuyper những điều tương tự. Tôi không biết liệu Tiến sĩ Bill Bright có nghe nói về Abraham Kuyper vào năm 1975 hay không. Còn tôi không lại chẳng hề biết về người này.

Kuyper đã gọi nó là “lĩnh vực có chủ quyền tối cao”. Khái niệm này đã bày tỏ cho những người theo Đấng Christ biết làm thế nào tôn Chúa Giêsu là Chúa trong từng lĩnh vực của các quốc gia hiện đại ở Châu Âu.

Khi Kuyper nghiên cứu những bài viết của John Calvin, ông biết được rằng Đức Chúa Trời không muốn bị cho vào cái hộp “tôn giáo” gọn gàng nào đó, chỉ được mở ra vào ngày Chúa Nhật. Đức Chúa Trời phải là Chúa trong mọi khía cạnh đời sống, giống như Hội thánh cầu nguyện mỗi tuần rằng: Xin nước Cha được đến, ý Cha được nên ở đất cũng như ở trời. Giê-rê-

mi 27:5 nói rằng Đức Chúa Trời đã tạo nên thế gian và mọi vật ở trong đó, Ngài ban cho người nào làm vui lòng Ngài. Đức Chúa Trời nắm trong tay Ngài *tất cả* các lĩnh vực và *tất cả* nhu cầu của xã hội đều cần những sự dạy dỗ của Đấng Christ, để ngăn chặn xu hướng phạm tội của loài người, để sản sinh ra tình yêu thương và sự toàn vẹn.

Không có chính trị thần quyền

Kuyper cũng đã đồng ý với Calvin rằng Hội thánh giống như một trụ sở không nên *cai trị* trên các lĩnh vực khác một cách trực tiếp, ngay cả khi toàn bộ xã hội đều phải thừa trình trước mặt Đức Chúa Trời. Không, Kuyper nghĩ rằng chúng ta không thiết lập một chế độ chính trị thần quyền. Đức Chúa Trời tôn trọng ý chí tự do của chúng ta. Ngài cũng tôn trọng sự phân tán quyền lực. Đức tin không thể nào bị thúc ép mà có được.

Nhưng nhà nước cũng không nên thống trị, giống như xã hội loài người đã đề xuất như vậy. Các cá nhân cũng không được làm những điều theo ý riêng mình muốn, giống như những đề xuất rất cực đoan của những người theo chủ nghĩa tự do dân chủ và những người chủ trương vô chính phủ đang nói. Thay vì thế, Kuyper đã hiểu rằng Đức Chúa Trời định cho con người hoạt động theo các “lĩnh vực”, mỗi lĩnh vực đều có quyền hạn riêng. (Sự hiểu biết này gần giống như sự phân chia quyền lực giữa các tiên tri, thầy tế lễ và các vua trong thời Do Thái cổ, hay sự phân chia quyền lực giữa tổ chức hành pháp, lập pháp và toà án xét xử của một nhà nước trong các quốc gia hiện đại.

Kuyper đã nhìn thấy năm khía cạnh khác nhau: chính quyền

tự chủ (những cá nhân tự chịu trách nhiệm trước mặt Đức Chúa Trời), gia đình tự chủ (những người cha người mẹ được giao cho trọng trách giáo dục và rèn luyện con cái của mình), Hội thánh tự trị (quản lý các công việc trong Hội thánh và ban lãnh đạo, song song với việc thực thi kỷ luật trong Hội thánh), chính quyền nhân dân (được uỷ thác phải “mang lấy thanh gươm” để giới hạn những ảnh hưởng tội lỗi của con người) và chính quyền xã hội (các đoàn thể tình nguyện như các câu lạc bộ, các công ty kinh doanh, các tầng lớp xã hội và các tổ chức).

Chúa Jêsus, Chúa của muôn loài

Đang khi Kuyper nhấn mạnh từng lĩnh vực cần phải tìm thấy những nguyên tắc từ Lời Chúa, thì ông đã dạy rằng chính Chúa Jêsus phải là Chúa ở trên tất cả các khía cạnh đó, tức là từng khía cạnh phải tự chịu trách nhiệm trước mặt Đức Chúa Trời. Không có lĩnh vực nào lấn lướt quyền hạn mà Chúa đã ban cho khi liên hệ với những lĩnh vực khác. Mà đúng hơn là từng cá nhân nên đem đến những ảnh hưởng và những sự dạy dỗ của Chúa trên từng lĩnh vực đời sống mà họ đang dự phần.

Bạn có thể thấy sự khôn ngoan mà Chúa đã ban cho Kuyper để thực hiện những điều này một cách tương quan với nhau, nhưng các lĩnh vực đều có quyền hạn riêng. Vì khi Hội thánh đóng vai trò là một cơ sở xâm phạm vào các vấn đề của nhà nước, thì bạn đang có một nền tôn giáo chuyên chế. Nếu nhà nước xâm phạm vào các lĩnh vực gia đình hay bức chế các lĩnh vực gia đình, thì kết cuộc là bạn chỉ có sự sùng bái tôn giáo. Thay vì vậy, chúng ta nên có sự phân chia quyền lực giữa

các lĩnh vực đã được Chúa ban cho quyền hạn, mỗi cá nhân có sự tự do trong một xã hội có trật tự.

Những nền tảng cho một Hà-lan hiện đại

Quay trở lại với giai đoạn sức khỏe suy giảm của ông là chỗ mà Đức Chúa Trời đã bày tỏ những sự thông sáng này, Kuyper đã dẫn thân vào một hoạt động lớn hơn khi quay về Hà Lan. Ông đã nỗ lực hết sức để đem lại nhiều ảnh hưởng từ Phúc Âm vào trong lĩnh vực truyền thông, chính trị, trường học, Hội thánh và gia đình. Ông quay trở lại để làm việc với cả hai tờ báo, sử dụng chúng để dạy dỗ những đọc giả của mình áp dụng chân lý từ Kinh Thánh vào trong từng khía cạnh đời sống. Ông tái tổ chức lại một đảng chính trị, thúc đẩy một nhóm người thuộc tầng lớp trung lưu để đem đến nhiều sự cải cách dựa vào những gì Kinh Thánh dạy.

Trong nền giáo dục, Kuyper và những người bạn đồng sự với mình đã đấu tranh giành lấy quyền có được “các trường học tự do”. Họ tin rằng các bậc phụ huynh có quyền cho con cái của mình vào học trường công lập của nhà nước dạy về một quan điểm đặc trưng nào đó – bao gồm cả “Trường Học Dạy Về Kinh Thánh”. Thật ra, khuôn mẫu này vẫn đang được tiếp tục ở Hà-Lan ngày hôm nay, không chỉ trong hệ thống giáo dục mà còn xảy ra với ngành báo chí, các hiệp hội thương mại, các đảng chính trị và các đài phát thanh đều phản ánh một quan điểm đặc trưng nào đó.

Vào năm 1880, Kuyper đã mở ra một trường đại học tại Amsterdam – *Vereniging voor Christelijk Wetenschappelijk Onderwijs*, hay Hiệp Hội Giáo Dục Khoa Học Cơ Đốc. Ông đã

trở thành hiệu trưởng đầu tiên, người sáng lập ra ngôi trường với nguyên tắc tôn Jêsus là Chúa. Ngành học này đã khích lệ các sinh viên yêu Chúa với cả tâm trí của mình và áp dụng lẽ thật của Ngài vào trong từng lĩnh vực của đất nước. Ngày hôm nay ngôi trường đó đã tự gọi chính mình là *Vrije Universiteit*, hay Trường Đại Học Tự Do. Đó là một trong những trường đại học lớn nhất trên thế giới. Nhiều năm qua, ngôi trường này đã sản sinh ra, hay đã từng có trong ngành nghề, một vài nhân vật dẫn dắt đất nước. Trong khi nhiều thứ đã thay đổi, trường đại học này tiếp tục nhìn nhận rằng nguồn gốc của ngôi trường vẫn được đâm rễ trong niềm tin Cơ Đốc. Ngôi trường này đề cao các tiêu chuẩn và giá trị Cơ Đốc, đặc biệt là qua việc dự phần vào xã hội.

Đầu tư cho tương lai

Kuyper đã trở lại Nghị Trường vào năm 1894 với sức lực cường tráng hơn, lập ra một giai đoạn hoạt động chính trị đã làm ngạc nhiên bạn bè và kẻ thù. Nữ hoàng nước Hà-Lan đã yêu cầu Kuyper trở thành thủ tướng vào năm 1901. Trong bài diễn văn của mình, Kuyper đã tuyên bố ý định của mình là xây dựng một đất nước dựa trên những nguyên tắc Kinh Thánh. Ông đã cải cách nhiều tầng lớp xã hội trong sự nghiệp chính trị của mình, bảo đảm quyền lợi cho người nghèo, các dân tộc thiểu số và công nhân. Ảnh hưởng của ông được biết đến trên bình diện quốc tế, ông được gọi sứ giả hoà bình cho nước Anh và người Phi gốc Hà-Lan trong cuộc chiến ở Nam Phi.

Giống như Wesley của Anh quốc và Carey của Ấn Độ, Abraham Kuyper đã đầu tư cho tương lai. Ông là một người

đầy nghị lực và trí tuệ, ông biết ông không thể cải cách toàn bộ đất nước một mình. Ông đã viết vào một mục báo của mình như sau:

Chúng ta đang đầu tư cho một mẻ lưới lớn. Chúng ta không nên đắm mình vào những chiến thắng rõ ràng chỉ kéo dài trong một khoảnh khắc nào đó, nhưng phải nhắm đến sự thành công cuối cùng vì ích lợi của chúng ta. Câu hỏi không phải là chúng ta ảnh hưởng như thế nào hôm nay, mà chúng ta sẽ sử dụng sức mạnh của mình như thế nào cho một nửa thế kỷ tới; không phải chúng ta nhìn vào số ít ỏi của ngày hôm nay, mà là sẽ có bao nhiêu người trẻ đứng lên thay thế chúng ta.

Suy nghĩ hạn hẹp - thất bại lâu dài

Tất nhiên, không phải ai cũng quan tâm đến thế hệ mai sau. Chúng ta biết vua Ê-xê-chia trong Kinh Thánh. Ông là một vị vua tốt, một trong những vị vua rất tốt. Nhưng ông đã phạm tội nghịch với Đức Chúa Trời. Một tiên tri đã đến với ông và nói quả quyết rằng: “Dòng dõi của ông sẽ không hề hấn gì, nhưng dòng dõi của con trai ông sẽ gạt lấy điều chính ông và dân sự của mình đã gây ra”.

Ê-xê-chia đã rất vui mừng khi vị tiên tri nói như vậy. Tại sao? Vì chính ông được dung thứ khỏi sự đoán phạt của Đức Chúa Trời. Đáng lẽ ông nên than khóc vì những đau khổ sẽ xảy ra cho dòng dõi tương lai của mình mới phải.

Trong thời đại của chúng ta, có quá nhiều người trong chúng ta giống như vua Ê-xê-chia, sống với một tầm nhìn hữu hạn. Chúng ta chỉ muốn nghĩ đến những điều mình có thể kiếm lợi cho chính mình. Thay vì thế, chúng ta nên giống như Wesley,

Carey và Kuyper, suy nghĩ cho ba hay bốn thế hệ về sau. Chúng ta nên sống cuộc đời của mình sao cho dòng dõi của con cái chúng ta sẽ được phước.

Xin đừng hiểu sai những gì tôi đang nói. Nhưng có một nhân tố chủ chốt trong lối suy nghĩ hữu hạn của chúng ta đó là nhấn mạnh quá nhiều vào những lời tiên tri về ngày cuối cùng.

Vài năm trước, tôi đang nói chuyện với người hành khách trên một chuyến bay, cô là một trong những nhà môi trường học hàng đầu thế giới. Tôi hỏi cô ấy chúng ta đang xử lý vấn đề ô nhiễm như thế nào. Cô ấy trả lời: “Chúng ta đang thúc đẩy sự tiến bộ của từng nhóm người chủ chốt ngoại trừ một nhóm người – các Cơ đốc nhân Tin Lành”. Cô ấy tiếp tục giải thích là vì những người Tin Lành tin rằng Chúa Jêsus đang trở lại bất kỳ giây phút nào và đó chính là điều đã khiến họ không quan tâm đến tình trạng ô nhiễm môi trường. “Nếu chỉ cần thay đổi được nhóm người này”, cô ấy nói tiếp rằng: “thì chúng ta có thể thay đổi tình trạng này hoàn toàn”.

Tôi biết ý cô ấy nói là gì. Tôi đã nghe nói vấn đề này được miêu tả là “chúng ta kiệt của thời kỳ cuối”. Rất nhiều người trong Hội thánh chỉ tập trung vào hiện tại. Họ tin rằng nếu lập kế hoạch cho tương lai, thì có nghĩa là họ không tin rằng Chúa Jêsus đang trở lại.

Một vài người trong chúng ta vẫn đang tin rằng ông bà và tổ tiên cũng giống như vậy. Họ đã bị thuyết phục rằng thế hệ sắp tới không có tương lai. Họ tập trung mọi thứ vào hoạt động cải đạo càng nhiều người càng tốt trước ngày Chúa trở lại lần thứ hai. Họ rút khỏi chính trị, nghệ thuật, giáo dục cùng những khía cạnh có ảnh hưởng khác và bỏ lơ việc duy trì sự kính sợ Chúa trong những đấu trường quan trọng đó. Thay vì rèn luyện con cái của mình trở thành lãnh đạo thế

giới, họ lại nói nghịch lại việc dự phần vào những khía cạnh đó.

“Chúng tôi thà để những người trẻ xuống địa ngục còn hơn”

Gần đây tôi nghe thấy một thí dụ rất ấn tượng về vấn đề trốn chạy của Hội thánh. Tiến sĩ William Dyrness, một giáo sư thần học và văn hoá tại trường Thần Học Fuller, kể về một nhà sản xuất phim của Twentieth Century Fox vào những năm 1930. Nhà sản xuất phim này đã viết những lá thư gửi đến một vài trường cao đẳng Cơ Đốc, đề nghị họ gửi đi các sinh viên tốt nghiệp để học trở thành những người viết kịch bản phim, để giúp cho việc làm ra những bộ phim tốt hơn và toàn vẹn hơn. Hội thánh có bắt lấy cơ hội quý như vàng này không? Không. Một hiệu trưởng trường cao đẳng đã viết thư gửi lại nói rằng ông thà để những người trẻ xuống địa ngục còn hơn gửi họ vào Hollywood.

Chúng ta cần phải giành lại vị trí lãnh đạo trong các lĩnh vực có ảnh hưởng của xã hội, giống như Abraham Kuyper đã làm ở Hà-Lan và William Carey đã làm ở Ấn Độ. Chúng ta không được để cho niềm tin của mình về mấy lời tiên tri và thời kỳ cuối ngăn trở mọi nỗ lực sẵn có để môn đồ hoá muôn dân, bao gồm cả chính chúng ta. Chúa Jêsus đã phán rằng chúng ta phải sanh lợi cho đến khi Ngài trở lại. Tức là phải hành động, chứ không phải thụ động. Khi Chúa Jêsus trở lại, Ngài phải thấy chúng ta bận rộn giành lại từng mảnh đất cho vương quốc của Ngài.

TRƯỢT TUYẾT CÙNG KINH THÁNH

HANS NIELSEN HAUGE

Na-uy

Một trong những người xây dựng đất nước vĩ đại đã sinh trưởng tại một trang trại ở Na-uy. Nhiều người nghĩ đất nước này giàu có là vì mỏ dầu phong phú ở Bắc Vịnh. Nhưng câu chuyện vẫn còn nhiều điều để kể. Tôi đã quan sát sự nghèo đói rất lớn xảy ra ở các quốc gia sản xuất dầu hoả. Những kẻ chuyên quyền ăn hối lộ cai trị những quốc gia này, người dân sống trong sự tiều tụy không hề có được tự do. Na-uy lại rất khác. Các phước hạnh tuôn đổ vì phẩm chất con người ở trong nước. Chính phẩm chất đó là kết quả lớn lao từ một người Na-uy đã dạy dỗ Lời Chúa cho mọi người vào thế kỷ 19.

Một vài năm trước, tôi có được vinh dự gặp gỡ Vua Harald đời thứ 5 của Na-uy. Đó là năm 1995. Tôi nhận được lời mời từ Tổng Thư Ký Hoàng Gia, là người đã nghe tôi chia sẻ khi còn là thiếu niên. Người này đã đọc hết các sách của tôi và cũng đưa

cho vua đọc nữa. Alv Magnus, một lãnh đạo của YWAM tại Na-uy, đã cùng với tôi đến gặp vua ở cung điện Hoàng Gia.

Trước khi chúng tôi được chỉ định chỗ ngồi, tôi hỏi ông Tổng Thư Ký để biết chúng tôi được gặp vị Vua trong bao lâu. Ông ấy trả lời là: “Ngài ấy sẽ nói với ông biết khi nào có thể ra về”.

Cánh cửa lớn mở ra trước mặt là một phòng họp, mọi thứ bên trong được đóng bằng gỗ quý, có những khung tranh mạ vàng treo trên tường. Các cửa sổ nhìn ra những bãi đất nghiêng dài rộng, từ xa là thành phố Oslo ở bên kia cánh cổng. Vị vua đứng chào chúng tôi cách nồng hậu, rồi ngồi ở giữa chúng tôi. Trước đó tôi nghĩ đến những điều phải nói với ngài ấy để không lãng phí cuộc gặp gỡ này.

Sau phần chào hỏi, tôi nói: “Thưa ngài, khi ông nội của ngài còn nhỏ, Na-uy là một quốc gia nghèo nhất trong khu vực Châu Âu”. Vua đồng ý. Đất nước Na-uy không chỉ nghèo, nhưng người dân cũng không được đi học và thiếu sự tự do.

“Thưa ngài, mới đây chúng tôi được biết Na-uy là quốc gia giàu có nhất nếu tính theo đầu người. Mọi người có được hệ thống giáo dục với 100% dân số đều được đi học, và người dân vui vẻ trong sự tự do. Ngài có thể giải thích về sự thay đổi đột ngột chỉ trong một khoảng thời gian ngắn như vậy không?”

Vua Herald ngồi dậy đung cánh tay tôi và nói rằng: “Thưa ông Cunningham, tôi không biết! Các đại sứ lúc nào cũng hỏi tôi và tôi chỉ nói là: ‘Tôi không biết’”.

Tôi hỏi: “Ngài có muốn biết một người đã thay đổi đất nước của ngài không, thưa vua?”

Câu chuyện bắt đầu từ hai trăm năm trước, một người trai trẻ tên là Hans Nielsen Hauge (đọc là How-gah). Hầu hết mọi người sống ngoài đất nước Na-uy không bao giờ biết về ông.

Còn những người sống trong đất nước Na-uy, nhiều người giống như vị vua này – chỉ biết Hauge là một vị anh hùng trong lịch sử của dân gian. Nhưng ảnh hưởng của cuộc đời ông là vô cùng to lớn. Alv Magnus, vị khách của tôi ngày hôm đó trong cung điện, đã viết một luận án cử nhân về Hauge. Thế là Alv và tôi kể cho vị vua nghe một người trai trẻ đã ảnh hưởng đến đất nước của ông như thế nào.

Chúng tôi ngồi rất lâu, còn vua Harald trông rất hứng thú với câu chuyện. Cuối cùng, chúng tôi nhận được lời nhắc nhở đó là thời gian của tôi đã hết rồi, thế là chúng tôi đi sang phía phòng chờ, tôi thấy có rất nhiều đại sứ và các viên chức đang chờ đợi tới lượt vào gặp vua.

Đây là câu chuyện mà Vua Harald thấy rất thích đến nỗi các đại sứ cũng phải chờ.

Chỉ đủ ăn

Hauge sống từ năm 1771 cho đến 1824. Ông là con trai của một người làm nông, lớn lên trong một gia đình yêu mến Kinh Thánh. Ông nhạy bén với các vấn đề thuộc linh nhưng không bao giờ thấy mình xứng đáng để được cứu rỗi. Hans rất thông minh trong việc sử dụng đôi tay, từ khi còn trẻ tuổi ông đã biết thành công trong công việc là như thế nào. Tuy nhiên, ông cảm thấy không dễ dàng vì ông nhận ra mình đang được thúc đẩy bởi lòng tham vật chất hơn là yêu mến Chúa.

Một ngày nọ, khi Hauge được 25 tuổi, cuộc đời ông bị đảo lộn. Ngày 5 tháng 4 năm 1796, trong khi vừa hát thánh ca vừa làm việc ngoài đồng. Thành linh, Đức Chúa Trời cảm động tấm lòng của ông, tâm trí của ông nhận được sự hiểu biết kỳ lạ.

Ngay lập tức ông cảm nhận được sự tha thứ tội lỗi. Ông còn nhận biết rằng mình phải rao giảng Lời Chúa khắp đất nước Na-uy.

Khi Hauge bắt đầu chức vụ của mình, Na-uy chỉ có đủ thức ăn để nuôi mình. Mặc dù có những lá buôn và địa chủ rất giàu có, hầu hết người Na-uy là nông dân. Jeff Fountain, giám đốc YWAM tại khu vực Châu Âu cho biết có một nạn đói đã xảy ra vào lúc bấy giờ, mọi người phải dùng vỏ cây để làm bánh mì. Tìm thấy những cái xác bị chết vì đói dọc đường là chuyện bình thường. Bối cảnh lúc đó không có gì thay đổi, mặc dù chỉ có vài ngôi trường nhưng không có trường đại học nào cả. Sau hàng trăm năm bị các nước lân cận đô hộ, cả nước chỉ còn lại những ngôi làng đánh bắt cá và những nông trại chắp vá còn tồn tại. Con người không hề có sự tự do cá nhân trong vương quốc của người Na-uy nói tiếng Đan Mạch. Họ không được phép gặp gỡ ở nơi công cộng hay du lịch vòng quanh đất nước nếu không được nhà nước cho phép.

Một mối đe dọa hình thành

Tuy nhiên, Hauge đã phớt lờ những lệ luật này. Ông bắt đầu đi khắp nơi bằng đôi chân và ván trượt tuyết, chia sẻ niềm tin mà ông vừa mới tìm thấy một cách mạnh mẽ. Khi ông đi qua nhiều nơi trong nước, những lời giảng mạnh mẽ của ông đã khiến nhiều Hội thánh vào thời bấy giờ rất sửng sốt. Có nhiều người lún sâu vào chủ nghĩa duy lý hay trạng thái thờ ơ. Nhưng Đức Chúa Trời lại dùng chính những lời nói mạnh mẽ của ông để hâm nóng lại tấm lòng của rất nhiều người Na-uy và để chinh phục họ về với Ngài.

Các nhà cầm quyền đã bỏ tù Hauge vì ông là người xáo động các cuộc hội họp tôn giáo mà không có sự giám sát của các cha xứ trong khu vực. Hauge đã trả lời với những người lên án mình rằng Kinh Thánh dạy các tín hữu phải có sự xây dựng lẫn nhau. Thật đúng như vậy, khi Hauge rao giảng, rất nhiều người đã lắng nghe và tin. Vào giữa những năm 1796 và 1804, Hauge đã phân phối Kinh Thánh từ làng này sang làng khác, nuôi nấng cả nước bằng Lời của Đức Chúa Trời.

Sự háo hức và hy vọng mới bùng dậy trên đất nước Na-uy vốn chỉ còn là sự nghèo đói. Trong vòng ba thập kỷ, Hauge đã hình thành hơn ba ngàn nhóm nhỏ trong các nhà thờ của một đất nước chỉ có 800,000 người. Khi các tín hữu gặp gỡ nhau để cầu nguyện và học Lời Chúa trong các nhóm nhỏ, họ được tăng trưởng hơn trong mối liên hệ với Chúa và với nhau. Họ chăm sóc lẫn nhau từ một tiêu chuẩn nhất quán đó là Kinh Thánh. Giống như Joseph Shaw nói trong quyển tiểu sử *Pulpit under the Sky* về Hauge rằng: “Đức Chúa Trời khiến nhiều người đến cùng họ và nhiều nơi mới xuất hiện từ chính cộng đồng của họ”.

Chức vụ của Hauge và cuộc phấn hưng cứ liên tục phát triển đã trở thành còi báo động đối với chính quyền, giới tăng lữ và các tầng lớp thượng lưu. Họ coi sứ điệp của Hauge chẳng có gì là thú vị. Không những thế, những gì người nông dân này đang tuyên truyền bị coi là phong trào cách mạng và không hề được chấp nhận! Tệ hơn nữa, người này đang thúc đẩy và huấn luyện những nông dân khác rời bỏ “nhà cửa” và có những hành động tương tự.

Cho nên Hauge và những người truyền đạo bị xem là dân thường mà ông đã tuyển mộ đều bị tổng giam hết lần này đến lần khác. Hauge bị bắt 11 lần trong vòng 7 năm.

Tạo ra của cải bằng sự liêm chính trong thương mại

Cho dù ở trong tù hay ở ngoài, Hauge vẫn tiếp tục phục vụ Đức Chúa Trời và môn đồ hoá dân tộc của mình. Để vươn đến nhiều người hơn, ông đã viết sách. Bên cạnh việc viết sách về những định hướng tôn giáo, ông còn viết về cách giáo dục trẻ em, làm thế nào để tạo ra của cải bằng sự liêm chính trong ngành thương mại và nhiều đề tài khác mà ông đã tìm thấy qua Lời Chúa.

Khi Hauge khám phá Kinh Thánh, ông có cái nhìn rất thực tiễn về cuộc sống hiện tại trên đất. Ông thấy Kinh Thánh chứa đựng rất nhiều nguyên tắc cho từng lĩnh vực trong đời sống con người. Ông dạy rằng Lời Chúa phải trở thành “báu vật quý giá nhất so với mọi thứ trên đất này”.

Ông giảng rằng hết thảy chúng ta và tất cả những gì chúng ta có đều đến từ Đức Chúa Trời. Chúa muốn chúng ta là những quản gia trung tín với những gì Ngài đã ban cho con người. Vì Đấng Tạo Hoá đã tạo nên con người theo ảnh tượng của Ngài, Hauge khích lệ mọi người tạo ra của cải bằng những việc làm chân thật. Ông giúp người nghèo tìm ra phương hướng để tự nuôi sống mình. Ông nói với những người theo mình phải sử dụng điều họ có để ảnh hưởng đất nước của họ cho Đức Chúa Trời.

Hauge không chỉ dạy cho mọi người biết Kinh Thánh nói gì về thương mại; ông còn đưa những nguyên tắc ấy vào thực tiễn nữa. Ông khởi đầu nhiều thương vụ. Một mặt, ông xây dựng một xưởng sản xuất giấy, xưởng thuộc da, xưởng đúc. Thêm vào đó, ông còn giúp định hướng cho các tín hữu tìm

thấy những cơ hội nghề nghiệp trong thị trấn là những chỗ mà họ có thể sống khác biệt. Bằng những điều đó, nhà truyền đạo với nghề lái buôn đã cải thiện nền kinh tế của cả nước.

Học đọc

Hauge cũng nhìn thấy cơ hội in ấn để truyền bá Phúc Âm và dạy dỗ các tín hữu. Vì vậy, ông học cách in ấn và đóng sách. Ông viết và sản xuất đủ loại sách vở - 33 quyển sách được xuất bản trong thời của ông. Khi những tác phẩm đó trở nên nổi tiếng, nhiều người bắt đầu học cách đọc chữ để có thể đọc được những quyển sách của ông. Trong suốt 8 năm đầu của chức vụ, Hauge đã trở thành nhà xuất bản lớn nhất trong thời của mình. Hơn 200,000 quyển sách của ông được phân phối khắp nước – đây là một hiện tượng trong một đất nước chỉ có 800,000 người.

Huấn luyện nông dân làm lãnh đạo

Sự phấn hưng đã bắt đầu biến đổi Na-uy. Khi Shaw quan sát, mặc dù “chính họ không thực sự thấy rõ mọi thứ...Hauge và những diễn giả thiếu kinh nghiệm khác đã hướng đến một thách thức cho toàn bộ hệ thống”.

Khi Hauge tiếp tục tuyển mộ những diễn giả còn non kém từ tầng lớp nông dân, thì phong trào nhanh chóng lan rộng. Những người bình thường dạy dỗ và khích lệ lẫn nhau tăng trưởng trở thành những nhà diễn thuyết và lãnh đạo. Những người nông dân đã từng xem một ngôi làng hay một thung lũng

là thế giới của họ đã bắt đầu liên hệ với nhiều người ở khắp nước, tạo ra một hình ảnh quốc gia rõ ràng hơn. Các nông dân bắt đầu chuyển sang nhiều thị trấn khác và trở thành những người thợ thủ công. Một vài người được Hauge cải đạo đã quyên tiền bắt đầu những vụ thương mại mới – các nhà máy dệt, nhà in và xưởng gỗ. Khi họ viết thư liên lạc với người khác trong phong trào Hauge, họ học được rất nhiều điều, ngay cả những phương pháp cải tiến nông nghiệp nữa. Họ còn có ảnh hưởng với chính quyền. Khi các tín hữu hiểu Kinh Thánh dạy như thế nào về chính quyền, họ tìm cách dự phần vào. Họ sử dụng những kỹ năng mềm học được từ những nhóm nhỏ của Hauge để được bầu chọn đứng trong Nghị Viện Anh.

Các tín hữu người Na-uy không ngừng phản chiếu phẩm chất của Đấng Christ, ảnh hưởng ngay trong chính những khía cạnh văn hoá của mình: trong gia đình, nơi làm việc và cộng đồng xã hội. Họ bắt đầu môn đồ hoá xã hội. Từng chút từng chút một đất nước Na-uy đã thay đổi.

Những năm tháng tối tăm

Những thay đổi này đã đe dọa giới thượng lưu. Vào tháng 10 năm 1804, các bậc cầm quyền đã bắt Hauge bỏ vào ngục một lần nữa, ông bị xiềng xích vì giảng đạo mà không được phép. Ông không phải ngồi tù trong vòng 10 năm.

Hauge không hề muốn trở thành mối đe dọa chính trị - ông chỉ muốn từng lĩnh vực của đất nước được xây dựng bằng chân lý của Kinh Thánh. Nhưng các nhà chức trách nghĩ rằng ông là một người nguy hiểm. Những sự dạy dỗ và cuộc phấn hưng thuộc linh mà ông đã khơi dậy đang thay đổi toàn bộ hệ

thống của quốc gia. Họ xiềng ông lại, gây cho ông nhiều thương tích trên thân thể. Tuy nhiên, họ không thể nào dừng lại những thay đổi mà ông đã khởi xướng, những thay đổi vẫn còn tiếp tục khắp nước Na-uy khi Hauge còn ngồi trong nhà lao.

Khi ông bị cầm tù, sức khỏe của ông đi xuống và tinh thần của ông cũng vậy. Ông nghĩ rằng không ai nhớ tới mình nữa. Mỉa mai thay, khi bị giam cầm trong sự cô độc, chính quyền đương thời đã phóng thích Hauge bởi vì họ cần sự tinh thông của ông để thành lập các nhà máy chế biến muối dọc miền duyên hải. Chiến Tranh Na-pô-lê-ông đã cắt đứt nguồn cung cấp muối tự nhiên, nhưng thực phẩm của họ cần được bảo quản bằng muối. Cho nên vào năm 1809, Hauge được ra khỏi tù đủ lâu để xử lý cuộc khủng hoảng đó. Ông nghiên cứu những địa điểm tốt nhất, tìm kiếm chỗ nào có được khối lượng muối cao nhất dọc miền duyên hải. Ông đã giúp thành lập các nhà máy chế biến muối. Sau đó, chính quyền lại bắt ông vào ngục trở lại.

Cuối cùng, tháng 12 năm 1814 ông được tự do hoàn toàn. Mặc dù lúc ấy ông chỉ mới 44 tuổi, những năm tháng ở trong tù đã làm giảm sức khỏe của ông. Ông dành những năm còn lại ở nông trại của mình, dạy dỗ và viết lách.

Một người từng được gọi là “món quà của Đức Chúa Trời cho Na-uy” đã thực hiện công tác môn đồ hoá đất nước của mình cho đến những ngày cuối cùng, ông qua đời ở tuổi 53. Ông đã đi lại bằng đôi chân hay ván trượt tuyết hơn mười ngàn dặm, phân phối Kinh Thánh và sách vở của mình.

Nhìn xa hơn

Của cải và sự tự do của Na-uy có thể dễ dàng cho chúng ta biết về Hauge. Một người đã bắt đầu thay đổi đất nước. Giống như Shaw có lưu ý, sự giảng dạy Lời Chúa và công tác của Hauge “đã đánh một đòn đầu tiên vào sự chuyên chế của hệ thống kinh tế độc quyền kéo dài hàng thế kỷ của tầng lớp thượng lưu”. Cuối cùng, vài người được Hauge cải đạo đã đeo đuổi nền độc lập cho người Na-uy. Họ giúp hình thành một hiến pháp mới cho Na-uy tại Eidsvoll vào năm 1814. Những người theo gót Hauge đã khiến đất nước này trở thành một trong những nơi tự do nhất trên đất, họ đã làm điều đó dựa trên các nguyên tắc của Kinh Thánh.

Di sản của Hauge cũng ảnh hưởng đến các vùng đất khác nữa, vì đất nước Na-uy đã bắt đầu sai phái hàng ngàn giáo sĩ. Đến nay, Na-uy vẫn còn là một trong những quốc gia sai phái giáo sĩ nhiều nhất trên thế giới.

Hauge không thể sống đủ lâu để nhìn thấy Na-uy trở nên phồn thịnh hay là một quốc gia sai phái rất nhiều giáo sĩ. Nhưng ông đã là người khởi xướng sự nghiệp này. Nếu chúng ta muốn thay đổi các quốc gia, có thể chúng ta sẽ không nhìn thấy được kết quả trong cuộc đời mình. Tuy nhiên, Kinh Thánh hứa rằng nếu chúng ta chọn lựa trong sự kính sợ Chúa, thì kết quả sẽ tồn tại đến ba bốn thế hệ. Với một vài trường hợp, các phước hạnh sẽ kéo dài đến ngàn đời. Chúng ta không nên đặt ra mục tiêu thay đổi chỉ cho hiện tại. Chúng ta nên bắt đầu gây dựng vì tương lai của thế hệ sau này, của con cháu chúng ta và giống như những gì Hauge đã làm vậy.

CÂU CHUYỆN THÀNH CÔNG SAU “MỘT ĐÊM” HÀN QUỐC

Một trong những sự thay đổi lịch sử hoàn toàn đã xảy ra tại Hàn Quốc trong suốt thế kỷ 20. Nhưng câu chuyện của chúng ta bắt đầu từ thế kỷ 15 với một vị vua nước Hàn tên là Sejong.

Vua Sejong nói ông đã nhận được một dấu từ trời rằng thần dân của ông phải sống nghèo nàn vì họ không biết đọc. Vào lúc bấy giờ, muốn đọc được tiếng Hàn cần phải ghi nhớ hàng ngàn nét chữ của tiếng Hoa. Điều này khiến người nghèo không thể nào biết đọc. Chỉ giới thượng lưu mới có được thứ giáo dục xa xỉ đó. Cho nên Vua Sejong, cùng với một người uyên bác, đã sáng tạo ra một hệ thống chữ viết có ngữ âm đơn giản và mới mẻ gọi là *hangeul*. Bảng chữ cái mới ban đầu được gọi là *hunmin jeongeum*, hay “những âm thanh chính xác để hướng dẫn con người”.

Nỗ lực này của nhà vua đã sớm thu hút những kẻ thù. Các thư ký toà án đã nhìn thấy hệ thống chữ viết đã được đơn giản hoá lại trở thành mối đe dọa trực tiếp đến đời sống hằng ngày

của họ. Họ coi thường tính chính xác của bảng chữ cái vì nó quá dễ học. Họ chế nhạo *hangeul* chỉ thích hợp dành cho phụ nữ và trẻ em. Các thư ký đã đốt bỏ hầu hết giấy tờ của nhà vua, còn người Hàn Quốc đã sống trong sự nghèo khổ và không biết chữ.

Cho đến thời kỳ hiện đại, đa số các học giả và tầng lớp thượng lưu ở Hàn Quốc đã tiếp tục sử dụng chữ viết cổ khó học của người Hoa. Họ liên hệ với những người ở tầng lớp hạ lưu bằng chữ *hangeul*. Song, bằng cách nào đó chữ viết *hangeul* dù bị từ chối nhưng vẫn tồn tại sau nhiều thế kỷ cho đến khi Quyển Sách của Đức Chúa Trời đến.

Máu của người tuận đạo

Đối với “Vương Quốc Hermit”, người Hàn Quốc đã xua đuổi người nào đem đến Quyển Sách của Đức Chúa Trời. Khi các giáo sĩ Thiên Chúa Giáo đến vào năm 1784, họ đã phải đối diện với sự thờ ơ, sự bất bớ và sự tuận đạo. Nhưng họ đã thành công trong việc mở mang Hội thánh ở Hàn Quốc. Vào năm 1866, tám-mươi-hai năm sau khi các giáo sĩ đầu tiên xuất hiện, người Hàn Quốc đã tàn sát mười ngàn tín hữu Thiên Chúa Giáo.

Một năm trước cuộc tàn sát, một giáo sĩ Tin Lành tên là Robert Thomas đã nỗ lực vào Hàn Quốc. Ông đã tìm cách quảng vào đám đông một gói Kinh Thánh trước khi họ đánh ông tới chết.

Lời Chúa trong chữ viết của vua Sejong

Ở ngoài đất nước này, một vài người Hàn Quốc đã tin Chúa và quay trở lại với Lời Chúa. Một trong số đó là Suh Sang-Yoon. Các giáo sĩ Tô Cách Lan đã dẫn dắt ông tin đến Đấng Christ vào năm 1876 tại Manchuria. Suh Sang-Yoon đã giúp đỡ công tác dịch thuật Tân Ước sang tiếng Hàn, sử dụng chữ viết *hangeul*, là chữ viết đơn giản bốn-trăm-năm tuổi của vua Sejong. Sau đó ông đã đem các sách Phúc Âm trở lại quê hương mình. Thêm vào đó, các giáo sĩ Tin Lành đã đến vào thế kỷ 19, rao truyền Lời Chúa và mở ra các trường học, bệnh viện đa khoa và nhiều trường đại học. Lời Chúa được gieo trồng và bắt đầu lan rộng.

Nhưng Phật Giáo và các tôn giáo khác vẫn còn thống trị vương quốc Hermit. Vào đầu thế kỷ 20, các tín hữu Hàn Quốc đã chiếm khoảng một-nửa của một-phần-trăm dân số - chỉ khoảng 42,700.

Lưu truyền chữ viết và giữ vững đức tin

Thời kỳ xấu nhất đã đến vào những ngày đầu của thế kỷ 20. Một sự cai trị tàn bạo của Nhật Bản trong vòng ba-mươi-sáu năm đã đe dọa sẽ nghiền nát con người Hàn Quốc. Người Nhật đã ngăn cấm tiếng Hàn xâm nhập vào trường học và sử dụng ở nơi công cộng. Chỉ có Hội thánh thầm lặng liên tục bị bắt bớ đã lưu truyền chữ viết, dạy dỗ Kinh Thánh được viết bằng chữ *hangeul* cho dù cơn bắt bớ đang diễn ra. Hình phạt cho việc dạy Kinh Thánh bằng tiếng Hàn là bị bắt bỏ tù. Một vài người bị giết vì dạy dỗ Lời Chúa.

Đáng buồn thay, khi người Nhật bị đuổi khỏi nước vào cuối Chiến Tranh Thế Giới II, một thế lực tàn ác hơn đã chiếm cả

miền Bắc – một kẻ độc tài có tên là Kim Il Sung. Ông đã giết hàng ngàn tín hữu Hàn Quốc. Vào năm 1950, ông đã xâm lược Nam Hàn, cố gắng bằng vũ lực để thống nhất bán đảo này dưới chế độ vô thần. Cuộc tấn công của ông đã bị đẩy lùi trong Chiến Tranh Hàn Quốc. Khi cuộc xung đột chỉ còn kéo dài khoảng ba năm, nó đã xé nát đất nước, máu và sự chia cách đã tràn ngập cả bán đảo Triều Tiên. Khoảng năm-triệu người bị giết, bị thương hay bị mất tích, với hơn một nửa dân thường bị thương vong. Cuộc chiến tranh đã xâu xé mười-triệu người từ các gia đình và bỏ lại một-trăm-ngàn trẻ em bị mồ côi. Đất nước rơi vào chỗ tan nát và nạn đói lớn xảy ra.

Cầu xin một chiếc xe đạp

Khi tôi đến thăm Hàn Quốc lần đầu tiên vào năm 1971, sự nghèo đói và chế độ quân pháp vẫn còn chi phối đất nước này. Tôi sẽ không bao giờ quên được lần viếng thăm đó. Tại Seoul, tôi đã chia sẻ ở Hội thánh của Tiến sĩ David Yonggi Cho. Vào lúc Hội thánh “chỉ” có khoảng sáu-ngàn tín đồ. Tôi đã đứng trước các tín hữu Hàn Quốc này và nói rằng Đức Chúa Trời đã bày tỏ với tôi rằng: Hàn Quốc đang trở thành một cường quốc, gửi đi nhiều giáo sĩ khắp thế giới. Sau đó, một vài tín hữu đã đến cùng tôi, chào hỏi với những chữ: “Kahm sah hahm nee tah”, có nghĩa là: “cám ơn”. Sau đó, họ tử tế nói không đồng ý với lời dự đoán đó của tôi. Họ quá nghèo không thể gửi giáo sĩ đi ra được. Bên cạnh đó, chính phủ của họ cũng làm cho họ không thể có được hộ chiếu để đi lại quốc tế.

Cả hai mối lo ngại đó là rất đúng. Hàn Quốc lúc bấy giờ còn rất nghèo. Mười năm trước đó, quân đội đã thôn tóm quyền

lực. Con người phải sống khổ sở trong nhiều thập kỷ. Từ lúc đặt chân đến tôi đã thấy sự nghèo đói vốn ăn sâu vào tiềm thức của con người. Một trong những điều tôi để ý khi máy bay vừa đáp xuống đất đó là đất nước này không hề có cây cối. Chúng tôi biết lý do là vì người dân cần nhóm lửa trong nhiều năm chiến tranh đến nỗi họ đã cưa đổ hết cây cối. Khi đi vòng quanh Seoul, tôi dễ thấy thành phố đầy ắp những căn hộ cao tầng và những con hẻm thì đầy rác. Các tuyến xe buýt chật kín người gồng sức đi trên phố, trong khi hàng tá những chiếc xe ngựa nhỏ phóng tới xếp hàng dài cùng rất nhiều phương tiện xe cộ khác của quân đội. Không phải ai cũng có khả năng sở hữu một chiếc xe máy. Thật ra, tôi không thấy một chiếc xe hơi đậu trước Hội thánh của Tiến sĩ Cho. Chính tiến sĩ Cho đã cầu nguyện và tin cậy Chúa để có được một chiếc xe đạp giúp ông đi thăm tín hữu thuận tiện hơn.

Từ nghèo đói đến thành công trong vòng 30 năm

Ba-mươi năm sau, tôi quay trở lại để chia sẻ tại Hội thánh của mục sư Cho. Khi đến Seoul lúc trời tối, tôi nhìn lại và ngạc nhiên trước những đổi thay. Người Hàn Quốc đã có một vấn đề mới, với hàng ngàn và hàng ngàn chiếc xe Hyundai, Daewoo và Kia chen nhau hết cái này đến cái khác kẹt cứng trên đường cao tốc. Những nhà cao tầng mọc lên, nhiều văn phòng và căn hộ đắt tiền mới toanh – xé toạc cả bầu trời. Tôi nhìn kỹ hơn và thấy có gì đó khiến mình ấm lòng – các biểu tượng thập tự giá lấp lánh ánh đèn nê-ông không thể đếm được trên đỉnh chóp của rất nhiều Hội thánh trải dài hai bên đường đại lộ đã làm rực lên cái màu xám xịt của buổi chiều tối.

Khi đến giờ chia sẻ của tôi vào buổi sáng Chúa Nhật tại Hội thánh của Tiến sĩ Cho, một lần nữa tôi không dám tin vào sự khác biệt này. Hội thánh Phúc Âm Toàn Vẹn Yoido giờ đây đã có hơn bảy-trăm-ngàn tín hữu, trở thành Hội thánh lớn nhất thế giới. Từ lúc người dân có xe hơi nhiều hơn, thì các tín hữu phải đậu xe ở những bãi đỗ xe rất xa, sau đó phải đi bằng xe buýt để đến Hội thánh.

Cái tôi thấy đầu tiên ở Seoul giờ đây đang được thuật lại trên các bản tin và báo chí. Nền kinh tế tăng trưởng gần đây đã khiến Hàn Quốc trở thành “Sur Tử châu Á” xếp thứ mười-sáu trong các nước có nền kinh tế phát triển nhất thế giới. Trước kia Hàn Quốc bị quân pháp cai trị, giờ đây có được nhà nước dân chủ vì dân. Còn về sự dự đoán không thể tin được mà Chúa đã cảm động tôi nói ra từ bục giảng của tiến sĩ Cho vào năm 1971 – đó là Hàn Quốc sẽ sai phái nhiều giáo sĩ đi ra – thì sao? Với dân số chỉ có khoảng bốn-mươi-tám triệu người, Hàn Quốc bây giờ đã sai phái các giáo sĩ ra hải ngoại nhiều thứ hai, chỉ đứng sau nước Mỹ.

Ăn nói nhỏ nhẹ cùng sự khôn ngoan

Theo như một bài báo của *Thời Báo Seoul* gần đây, Hàn Quốc bây giờ có hơn mười-hai-ngàn giáo sĩ hải ngoại. Đây là số lượng nhiều gấp hai tính theo đầu người so với các giáo sĩ Mỹ, mặc dù nước Mỹ được biết là một quốc gia chiếm đại đa số là Cơ Đốc nhân. Hội thánh Trưởng Lão Onnuri tự cam kết bước vào công trường truyền giáo theo cách mà rất nhiều Hội thánh ở Hàn Quốc đang dự phần. Hội thánh được thành lập mười-chín năm về trước chủ yếu là để huấn luyện nhiều giáo sĩ. Các

giáo sĩ Hàn Quốc làm việc ở nhiều quốc gia, với số lượng chủ yếu ở các nước Trung Đông, là nơi vô cùng khó khăn trong công tác truyền giáo. Một người giáo sĩ chia sẻ về cách làm việc theo kiểu “ăn nói nhỏ nhẹ cùng sự khôn ngoan”, để vươn tới mọi người trong mọi hoàn cảnh. Hội thánh Hàn Quốc cũng vươn đến Trung Hoa và ngay cả Bắc Triều Tiên.

Nói chuyện trên vô tuyến truyền hình

Chuyện gì đã xảy ra? Làm thế nào vận mệnh của một đất nước lại có thể thay đổi trong vòng không tới ba-mươi năm như vậy? Sự phát triển kinh tế của Hàn Quốc đã song hành cùng với sự phát triển mau lẹ của Hội thánh – là một trong những điều vô cùng vĩ đại trong lịch sử thế giới.

Vừa mới đây, tôi thuê một khách sạn của thành phố Mumbai (Bombay) rồi lắng nghe bộ trưởng tài chính của Ấn Độ phát biểu trên ti-vi. Ông nói rằng: “Nếu Hàn Quốc có thể trở thành một đất nước phồn vinh chỉ trong vòng hai-mươi-lăm năm, thì Ấn Độ cũng có thể”. Tôi buột miệng nói lớn trước đầu ti-vi rằng: “Không thể nếu không có Chúa Jêsus!” Vì đó là lý do Hàn Quốc vươn tới thành công.

Một phần ba hay có nhiều người Hàn Quốc hơn thế bây giờ đang tin theo Đấng Christ. Điều đó có nghĩa là các tín hữu Hàn Quốc đã tăng trưởng từ một nửa của một-phần-trăm đến ít nhất là một phần ba đất nước trong vòng không tới một-trăm năm! Tôi không thể nào tưởng tượng được một Hội thánh phát triển vượt trội như vậy trong lịch sử.

Những buổi cầu nguyện lớn vào lúc bình minh

Vùng đất mà Hội thánh Hàn Quốc đang phát triển vượt trội đã thấm đượm máu của những người tuận đạo, hàng ngàn người vào thế kỷ mười-chín và hai-mươi. Một câu chuyện tôi sẽ không bao giờ quên được về những chiến sĩ dồn các tín hữu Hàn Quốc – đàn ông, đàn bà và trẻ em – vào trong một Hội thánh. Những tên lính ấy đã đóng những thanh chắn ngoài cửa rồi cho cả toà nhà bị lửa thiêu trụi. Các tín hữu đã hát thánh ca cho tới chết, những bài thánh ca của họ cất lên còn lớn hơn tiếng những cây xà gầy vụn sập xuống vì bị thiêu cháy.

Những tín đồ Hàn Quốc của Chúa Jêsus đã tồn tại qua cơn bắt bớ giống như trong lò luyện thép. Sống dậy từ những chỗ đó, người Hàn Quốc đã tận hiến trong sự cầu nguyện và học Kinh Thánh một cách khác thường. Nếu quý vị đến thăm Hàn Quốc ngày hôm nay, quý vị sẽ tìm thấy hàng trăm ngàn người đầy ắp các Hội thánh vào mỗi 5 giờ sáng để cầu nguyện và đọc Kinh Thánh trong vòng hai tiếng đồng hồ trước khi bắt đầu công việc. Những buổi cầu nguyện suốt đêm hằng tuần và những kỳ nghỉ thuộc linh để kiêng ăn và cầu nguyện là điều rất quen thuộc với họ. Tôi đã đến thăm Núi Cầu Nguyện Osanri ở ngoài Seoul, nơi mà hàng ngàn người Hàn Quốc dành thời gian mỗi tuần quỳ gối với quyển Kinh Thánh mở ra. Kết quả của hết thảy sự nhiệt thành này đó là nhiều tín hữu và Hội thánh đã được nhân rộng nhanh chóng làm thay đổi bầu không khí thuộc linh của đất nước.

Mười trong số mười một Hội thánh lớn nhất trên thế giới đều ở Seoul. Hội thánh Ngũ Tuần lớn nhất trên thế giới (của Tiến sĩ Cho), Hội thánh Trưởng Lão lớn nhất, Hội thánh Giám Lý lớn nhất và Hội thánh Báp-tít lớn nhất, tất cả đều nằm trong

thành phố. Tôi đã từng có được vinh dự đến chia sẻ trong những Hội thánh này. Tôi thấy hội chúng là những tín đồ đầy sức sống có đời sống cầu nguyện và đọc Kinh Thánh mạnh mẽ. Đây là những tín đồ vui mình hàng giờ trong Quyển Sách có thể giúp mọi người biết phải sống như thế nào.

Đất nước với phương tiện không dây bạc nhất thế giới

Hàn Quốc không phải là đất nước hoàn toàn tự do khỏi tội lỗi, nhưng ảnh hưởng của Kinh Thánh đã xâm nhập vào từng lĩnh vực xã hội của Hàn Quốc. Vào năm 1996, hai vị tổng thống tiền nhiệm đều bị buộc tội là tham nhũng. Tại sao những vụ buộc tội này lại rõ rệt đến như thế? Bởi vì trong những năm đầu, sự tham nhũng là chuyện bình thường đối với chính quyền.

Những dấu hiệu chữa lành khác ở Hàn Quốc là những bước ổn định lớn mà đất nước này đã làm được trong ngành kỹ thuật, giáo dục và văn chương. Trong khi xe đạp từng là thứ xa xỉ vào năm 1971, thì Hàn Quốc giờ đây lại dẫn đầu về kỹ thuật và chế tạo sản xuất, xe ô-tô và điện tử liên tiếp được xuất khẩu. Thật ra, nếu tính theo đầu người thì Hàn Quốc là đất nước sử dụng Internet nhiều hơn bất kỳ quốc gia nào. Sự thúc đẩy của Hàn Quốc muốn cho mọi người sử dụng mạng trực tuyến là một phần của bức tranh lớn – đây là sự cam kết để đảm bảo rằng mọi người đều được giáo dục. Gần đây, tiến sĩ Sek Yen Kim-Cho, một giáo sư ngôn ngữ học thuộc một trường Đại Học ở Buffalo, trường Đại Học Quốc Gia ở New York, đã nói với tôi rằng tỷ lệ thất học ở Hàn Quốc chỉ còn 0.002 phần trăm mà thôi.

Khi tôi nghe về tỷ lệ giáo dục đáng kinh ngạc này của Hàn

Quốc, tôi nhớ đến hết thảy những tín hữu thâm lặng ở đó. Trải qua nhiều năm họ đã giữ vững đức tin, ngay cả chữ viết, cho dù những đe dọa về việc bị bắt bỏ tù và cái chết. Họ đọc Lời Chúa với chữ viết mà vị vua Hàn Quốc vào thế kỷ mười-lăm đã phát minh sau khi nhận được một thông điệp từ trời. Làm thế nào mong muốn giúp đỡ người Hàn Quốc và nhiều thế hệ tín hữu Hàn Quốc của nhà vua đã dẫn đến sự thành công “chỉ qua một đêm” của Hội thánh và đất nước?

CUỘC CÁCH MẠNG TẠI MẢNH ĐẤT NHỎ PITCAIRN

Phóng thích Lời của Đức Chúa Trời và áp dụng các nguyên tắc của Kinh Thánh sẽ nâng đỡ và chúc phước cho bất kỳ đất nước nào, vì các nguyên tắc này đều mang tính phổ dụng. Điều này đã được chứng tỏ từ quốc gia này đến quốc gia khác, từ nhỏ cho đến lớn. Khi Đức Chúa Trời sử dụng một người hay đất nước nào bằng Lời của Ngài và Thánh Linh của Ngài, thì kết quả sẽ là một sự biến đổi.

Một buổi sáng đẹp trời của tháng Tám năm 1991, chúng tôi thả neo đến một địa phận nhỏ của nước Anh là đảo Pitcairn. Để đến được nơi xa xôi này, chúng tôi phải neo buồm ba ngày từ quần đảo Gambier của người Po-li-nê-di thuộc nước Pháp bằng một trong những chiến thuyền Marine Reach của YWAM, chiếc Pacific Ruby.

Những người trên đảo chạm trán chiếc thuyền lớn của chúng tôi bằng xuồng lớn. Chúng tôi được họ mời vào. Đó là cách duy nhất cho những ai muốn đến thăm Pitcairn, với dân

số chỉ có 55 người vào năm 1991 và một vùng đất không tới hai-dặm-vuông.

Hòn đảo nhô lên khỏi mặt biển với những vách đá méo mó khắp tư bề. Thật tạ ơn Chúa vì chúng tôi có những người chỉ đường, chúng tôi cẩn thận nhảy xuống chiếc thuyền của họ đang lắc lư trên sóng biển. Rồi ngoằn ngoèo đi qua những cơn sóng dữ tợn đang vỗ mạnh vào những tảng đá để tiến đến nơi cập bến bé nhỏ của họ.

Khi chúng tôi leo lên “Ngọn Đồi Khó Khăn”, một đoạn dốc để đi đến chỗ ở của họ, Adamstown, tôi cảm thấy rất vui khi đến đó. Tôi biết rằng đất nước nhỏ bé này chắc hẳn phải có một câu chuyện ly kỳ lắm đây.

Tự tạo nên địa ngục cho mình

Những kẻ nổi loạn của HMS Bounty đã chiếm đóng hòn đảo này hơn hai-trăm năm trước. Vào 1789, chín thủy thủ phản kháng lại những gì họ tin là những điều kiện không công bằng trên chiếc Bounty đã nổi loạn và chiếm cả con tàu. Đầu tiên, họ đã bỏ chạy sang Tahiti. Sau khi đã dừng lại ở một vài hòn đảo, chín kẻ nổi loạn đã thuyết phục, hay bắt cóc cách công khai rất nhiều người Pô-li-nê-di – có đến sáu người đàn ông, mười-một người phụ nữ và một đứa trẻ. Tên cầm đầu là Fletcher Christian đã nghe nói về một hòn đảo không có người ở gọi là Pitcarn đã bị đánh dấu sai trên bản đồ với hàng trăm dặm. Hòn đảo hoàn toàn “không có trên bản đồ”.

Những kẻ sống sót từ nhóm thủy thủ liều mạng và những người trên đảo là tổ tiên của những người hay nở nụ cười đã chào đón chúng tôi lúc cập bến Pitcarn.

Sau nhiều ngày trên biển, những kẻ nổi loạn đã tìm thấy hòn đảo đơn độc này, một nơi vững như đá trời lên tại một khu vực chẳng có gì cả ở phía Nam Thái Bình Dương. Sau khi đem hết tất cả mọi thứ có thể lên trên đồi – là nơi sau này họ đã đặt tên là Ngọn Đồi Khó Khăn – những người đó đã thực hiện một bước tiến khó khăn. Họ biết người Anh sẽ lùng sục các đại dương để tìm bắt họ và đem họ ra trước công lý với bản án cuối cùng là một sợi dây thòng lọng treo cổ. Vì thế, họ đốt bỏ chiếc thuyền *Bounty*, nhận chìm nó và tự khiến mình tách biệt khỏi sự sống.

Hòn đảo có nước sạch, họ đã đem súc vật từ Tahiti và nhiều loại cây trồng để lấy thức ăn. Đời sống ở đó không đến mức quá tệ khi họ ẩn mình cách xa cả thế giới. Nhưng chỉ sau vài năm, chính những người trên đảo Pitcarn đã làm cho cuộc sống trở nên giống như địa ngục. Một trong những người đã khám phá được cách làm rượu từ những gốc cây *tĩ*, là loại thực vật tăng trưởng rất nhiều ở trên đảo. Không lâu sau chỗ người này ở có thể sản xuất đủ rượu để giữ cho họ cứ ở trong tình trạng say xỉn. Những cuộc đụng độ bắt đầu xảy ra, thường là với phụ nữ và những chủng tộc được xem là dơ dáy. Một vài người bị bỏ rơi vì mắc bệnh cho tới chết. Một người tự sát bằng cách chúi mũi vào những vách đá trên biển. Không ai biết rõ, vì có những báo cáo khác nhau, nhưng có ít nhất hai cuộc tàn sát đã xảy ra. Cuối cùng, người Pô-li-nê-di và những kẻ nổi loạn đều qua đời ngoại trừ một người – Alexander Smith, ông đã tự đổi tên thành John Adams. Bên cạnh Smith hay còn gọi là Adams, vẫn còn mười người phụ nữ sống sót, cùng với con cái của những kẻ nổi loạn.

Từ nhà thương điên cho đến quyền sách

Điều xảy ra tiếp theo đã thay đổi tình trạng tuyệt vọng. Adams tìm thấy một quyển Kinh Thánh trong cái rương trôi trên biển của Fletcher Christian – mẹ của Fletcher Christian đã lén bỏ vào trong rương trước khi ông rời khỏi nước Anh. Adams bắt đầu nghiên cứu Quyển Sách. Không lâu sau ông đã gặp gỡ Tác Giả và đã đầu phục cuộc đời mình cho Đức Chúa Trời. Adams đã dạy Kinh Thánh cho phụ nữ và mấy gã trẻ tuổi. Rồi mọi thứ đã thay đổi trên đảo Pitcairn.

Quý ngài Charles Lucas, đã viết phần giới thiệu trong quyển sách lịch sử đầu tiên về Pitcairn như sau:

Nhiều trường hợp đáng chú ý về sự thay đổi tôn giáo đã được ghi lại trong lịch sử Cơ Đốc giáo, nhưng sẽ rất khó để tìm thấy câu chuyện tương tự như của John Adams. Sự thật đã xảy ra là rất rõ ràng. Không hề có thắc mắc nào cả về con người này và những gì ông đã làm sau khi hết tay những người bạn thuỷ thủ của ông bị chết. Ông không có sự chỉ dẫn nào từ con người hay một nhà tâm vấn nào để khiến ông trở lại lối sống công bình, không ai có thể khiến ông cảm thấy phải gánh lấy trách nhiệm dẫn dắt những người nam và người nữ sống kính sợ Chúa. Ông có một quyển Kinh Thánh và một quyển sổ cầu nguyện, có thể ông đã được giáo dục hoặc là không được giáo dục, đó là tất cả công cụ sẵn có để ông sử dụng. Ông có thể nhớ lại những kinh nghiệm hồi bé của mình. Nhưng chỉ có một cách đơn giản duy nhất và rõ ràng nhất để giải thích chuyện gì đang diễn ra trên đảo, đó là công tác của Đấng Toàn Năng, một thuỷ thủ đã từng phạm tội sống ở một quốc gia xa xôi tìm thấy Chúa và đã dạy dỗ người khác sống theo Chúa.

Vào năm 1808, chiếc thuyền của người Mỹ, là Topaz, đã vô tình đến hòn đảo chưa được thám hiểm và tìm thấy chỗ ở của Adams, những người đàn bà và thanh niên, một số người bấy giờ đã vào cuối tuổi thiếu niên rồi. Vài năm sau, viên thuyền trưởng cùng thủy thủ đoàn của con tàu Topaz và nhiều người từ các tàu khác đã miêu tả đó là một nơi hạnh phúc và thanh bình.

Dù cho lý do là gì đi nữa, thì tiếng kêu la của những kẻ nổi loạn đã lắng xuống. Hai viên thuyền trưởng người Anh cuối cùng đã đến Pitcairn trong một chuyến công tác, vì sợ nội các của Vua George nên đã bỏ rơi người dân Pitcairn để trở về nước Anh. Họ nói rằng văn hoá trên đảo này giống như Thời Kỳ Hoàng Kim. Kể từ lúc Adams bắt đầu dạy mọi người Kinh Thánh, người phụ nữ không còn bị quyến dụ nữa. Không trộm cướp. Mọi người sống trong trật tự và thái bình.

Đó là gần hai-trăm-năm trước. Bấy giờ vào năm 1991, chúng tôi được phép đến thăm con cháu của những kẻ phản loạn và phụ nữ Pô-li-nê-di. Qua nhiều năm, những người Pitcairn đã chuyển đến đảo Norfolk, New Zealand, hoặc là ở chỗ khác, để tìm việc làm và chỗ ở cho gia đình mình. Đã có nhiều sự thay đổi xảy ra. Ngày nay chỉ còn khoảng năm-mười người sống trên đảo Pitcairn.

Gia đình tôi đã ở lại tại nhà vị mục sư, tôi đã chia sẻ trong Hội thánh nhỏ bé của họ. Nhóm của chúng tôi, bao gồm một bác sĩ, hai y tá, một nha sĩ, và một y tá hỗ trợ nha sĩ, đã giúp đỡ người dân Pitcairn rất nhiều nhu cầu về y tế.

Một trong những điều vô cùng cảm động đó là lúc họ cho tôi xem quyển Kinh Thánh là một tặng phẩm. Họ để quyển Kinh Thánh đó trong một cái lồng kính đặt trên một cái bệ bằng gỗ. Họ mở ra cho tôi xem, và tôi đã sờ chạm quyển Kinh Thánh đó

một cách rất cẩn thận. Khi tôi cầm quyển sách được bọc da rất cổ xưa này trong tay mình, tôi nghĩ đến việc Lời Chúa đã thay đổi mọi thứ của người dân trên đảo từ xưa. Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ thấy mấy đứa trẻ đang đùa giỡn dưới ánh mặt trời. Tôi cố tưởng tượng khung cảnh trước khi Kinh Thánh thay đổi Pitcairn từ một nơi đầy dẫy sự say xỉn, giết người và tự sát. Tôi chạm mấy ngón tay của mình trên những trang giấy màu vàng và nghĩ đến việc Kinh Thánh đã tạo nên sự khác biệt ở nơi đó, một nơi quá nhỏ bé so với các quốc gia khác.

SỰ BIẾN ĐỔI LỚN NHẤT:

MARTIN LUTHER

Đức

Thật dễ nhìn thấy sự thay đổi ở một đất nước nhỏ bé như Pitcairn. Một nơi nhỏ bé giống như phòng thí nghiệm thì có sự thay đổi xảy ra là điều quá hiển nhiên. Nhưng với các quốc gia lớn khác thì sao? Chúng ta có thể nhìn thấy sự tác động tương tự của Kinh Thánh không? Có chứ, điều này cũng đã diễn ra ở Đức vào những năm 1500.

Tại một nơi ở Đức gọi là Saxony, một thanh niên trẻ tuổi tên là Martin Luther đã bước vào tu viện của Augustine, với hy vọng sẽ tìm thấy sự tha thứ và sự cứu rỗi linh hồn. Nhưng mặc dù ông đã rất nghiêm khắc tuân theo hết thảy những tập tục tôn giáo và còn làm hơn thế nữa, ông vẫn cảm thấy rất rõ là mình chưa được cứu. Ông cố gắng đến cạn kiệt sức lực mong tìm thấy sự cứu rỗi bằng những việc lành, thì lúc nào cũng cảm thấy bị hành hạ bởi những mặc cảm tội lỗi. Ông cảm thấy Chúa

lúc nào cũng sẵn sàng trừng phạt ông. Nhà tu trưởng tên là John Staupitz đã cố khích lệ chàng trai trẻ này. Ông nói rằng Chúa sẽ dùng anh cho mục đích lớn. Ông còn nói rằng: “Hãy để việc học Kinh Thánh là sở thích của con”.

Ngẫu nhiên từng trang một

Suốt năm thứ hai của ông ở tại tu viện, Martin bắt đầu đọc Kinh Thánh trong thư viện. Ông bắt đầu ngẫu nhiên từng trang, cầu xin Chúa làm cho Lời của Ngài trở nên dễ hiểu với ông.

Khi vị trưởng tu viện sai ông đến Vatincan để chạy việc, thì Martin đã bắt lấy cơ hội đó để ăn năn nhiều hơn, cố gắng tìm kiếm sự cứu rỗi ở “cổng trời” như cách người Rô-ma gọi. Ông trèo lên những Nấc Thang Thiêng Liêng tại Rô-ma bằng đầu gối để cho thấy mình là một người cung kính, tin vào những lời hứa suốt mười-lăm năm trong sự ăn năn hối cải. Thành linh, một đoạn Kinh Thánh mà ông đã đọc qua xuất hiện trong tâm trí mạnh mẽ đến nỗi ông đã phải đứng dậy. Ông cảm thấy chính Chúa đang phán cùng mình rằng: “người công bình sống bởi đức tin!” – Đấng Christ không hề ban cho ông sự tha thứ vì mười-lăm năm ăn năn hối cải. Ngài đang cung ứng một sự cứu rỗi trọn vẹn và miễn phí đến đời đời. Đó là những lời lẽ rất mạnh mẽ, nhưng Martin vẫn còn thiếu sự kiên định trong tâm hồn mình.

Điều ông nhìn thấy đang khi còn ở Rô-ma đã làm chàng trai trẻ bị sốc. Sự suy đồi đạo đức về mặt tính dục và lòng tham lam tràn lan khắp nơi, Luther đã phản ứng với các thầy tu là những kẻ rất cay nghiệt về thánh chức của họ. Chứng kiến sự

tồi tệ ở ngay tại “Cổng Trời” đã đâm rễ trong lòng đến nỗi tới sau này Luther đã kêu gọi Hội thánh phải có sự cải cách.

Nhưng trước tiên, ông đã tìm kiếm sự thay đổi cho chính mình. Ông được phong chức thầy tu vào năm 1507 và đã trở thành giáo sư tại trường đại học Wittenberg. Ông còn phục vụ như một thầy tu ở địa phương và làm người lắng nghe sự xưng tội tại Hội thánh Castle. Dầu vậy, ông vẫn còn trăn trở trong mình, chính những cống hiến về mặt học thuật đã khiến ông trở thành một diễn giả và giáo sư nổi tiếng.

Cuối cùng, vào năm 1513, đang khi chuẩn bị một bài học, ông đọc về sự công bình của Đức Chúa Trời trong Thi Thiên chương 31 câu 1. Suy nghĩ về sự công bình của Chúa không làm ông thấy dễ chịu tí nào. Rồi Martin nhớ lại Rô-ma đoạn 1 câu 17, là câu Kinh Thánh nói về sự công bình của Đức Chúa Trời và quyền phép sự cứu rỗi dành cho những ai tin. Những lời lẽ mà ông đã nghe đột nhiên trở nên rất rõ ràng hơn trong trí của mình khi đang lụm cụm bò lên từng Nấc Thang Thiêng Liêng: “Người công bình sẽ sống bởi đức tin”. Từng câu chữ đã soi sáng cho ông thấy rằng sự công bình là sự ban cho của Đức Chúa Trời dành cho người nào tin Đấng Christ đã chịu chết cho họ. Sau đó, ông đã viết rằng: “Khi tôi nhận ra điều này, chính tôi cảm thấy hoàn toàn được tái sinh. Cánh cổng thiên đàng vẫn đang mở toan để tôi bước vào. Ở chỗ đó và nhiều chỗ khác trong toàn bộ Kinh Thánh đã cho tôi thấy một cách nhìn mới mẻ”.

Quyền năng của Lời Chúa và công tác của Đức Thánh Linh hành động trong lòng và tâm trí đã thay đổi Martin Luther. Giờ đây, Luther tập trung cải đạo những người xung quanh mình, giảng về sự cứu rỗi là sự ban cho của Đức Chúa Trời dành cho

kẻ nào tin, chứ không phải tìm kiếm mà được. Giai đoạn này đã xảy ra một sự chạm trán gây chia rẽ Hội thánh, thay đổi Châu Âu, và còn thay đổi toàn bộ thế giới nữa.

Rao bán sự cứu rỗi

Tình trạng thực tế đã huỷ hoại Luther khi ông còn là một thầy tu và cũng là người lắng nghe sự xưng tội ở địa phương. Ông có thể nhìn thấy một nhóm người quen thuộc xuất hiện. Ông cảm thấy buồn và rất khó chịu khi Hội thánh bày bán bùa xá tội.

Bùa xá tội hứa hẹn sự miễn trừ khỏi hình phạt sau khi người nào phạm tội qua đời. Người ta có thể mua bùa xá tội cho chính mình hay cho người thân đã chết của mình đang ở trong chốn hình khổ. Một trong những quyền hạn của Đức Giáo Hoàng là đưa ra những bùa xá tội này.

Trong khi Luther đang phục vụ trong Wittenberg, Đức Giáo Hoàng đã quyết định đẩy mạnh việc buôn bán bùa xá tội như là một hình thức gây quỹ. Ông đang cố gắng hoàn tất công trình vinh quang đó là Thánh Đường Saint Peter. Những kẻ đại diện cho Đức Giáo Hoàng rao bán bùa xá tội với khẩu hiệu là: “Khi tiếng đồng xu bỏ vào trong thùng tiền vang lên, thì linh hồn ở trong nơi hình khổ sẽ được bay lên”.

Khi họ đến trong làng của Luther để gieo rắc những điều tiêu cực thì ông cảm thấy phiền toái. Ông thấy người dân trong giáo khu mua bùa xá tội bằng tiền mà đáng lẽ họ cần để mua đồ ăn và giúp ích cho gia đình. Điều này không đúng chút nào. Ông bắt đầu dạy dỗ ngược lại với những hình thức buôn bán bùa xá tội đó, nói rằng món quà cứu rỗi của Đức Chúa Trời đã được Đấng Christ chuộc lại trên thập tự giá rồi.

Cuối cùng, vào năm 1517, Luther đã viết một tờ giấy mời gọi cuộc tranh luận. Ông đã viết chín-mươi-chín luận đề và theo thư thông lệ, đóng lên cửa nhà thờ tại Wittenberg. Bên cạnh việc lên án hình thức buôn bán bùa xá tội, thì chín-mươi-chín luận đề của Luther cũng đề cập về sự ăn năn, sự tha thứ tội lỗi, lòng tham và hệ thống thứ bậc thế tục của Hội thánh.

Luther định là sẽ mở ra một cuộc tranh luận chính thức có trật tự. Thay vì vậy, những luận đề của ông đã khơi dậy một cơn bão mâu thuẫn. Chín-mươi-lăm luận đề được nhanh chóng chuyển ngữ từ tiếng La-tinh sang tiếng Đức và được sao chép lại một cách tốt hơn nhờ xướng in, đó là một công trình sáng tạo rất quan trọng. Trong vòng hai tuần, chín-mươi-chín luận đề lan tràn khắp nước Đức. Trong vòng một tháng đã đi khắp Châu Âu.

Công tác quan trọng nhất được giấu kín

Hội thánh đã ngay lập tức phản ứng trước lời thách thức về thẩm quyền của Đức Giáo Hoàng. Điều này gấn cho Luther một cái mác dị giáo và ông bị triệu hồi về Rô-ma để giải thích cho những hành động của mình. Nếu ông đi, chắc chắn ông sẽ bị giết chết, giống như những nhà cải cách khác. Thay vì vậy, một hoàng tử nước Đức can thiệp và động viên ông phải trốn đi. Trong khi sống ẩn dật, Luther đã hoàn thành công tác quan trọng nhất: ông đã dịch Kinh Thánh sang tiếng Đức, là ngôn ngữ phổ biến của mọi người. Trước đó, Kinh Thánh ở trong tiếng La-tinh, và chỉ giai cấp thượng lưu mới đọc được. Đem Kinh Thánh trở lại với người dân là một hành động đã làm thay đổi đất nước của Luther và nhiều người khác nữa. Chúng ta sẽ

nhìn thấy trong chương tiếp theo Kinh Thánh tiếng Đức đã làm thay đổi một trong những cuộc cải cách vĩ đại nhất của mọi thời đại.

Luther không hề muốn rời bỏ Hội thánh. Giống như những người khác trước đó, ông chỉ muốn đem Hội thánh trở lại với nền tảng của đức tin, để mang đến sự cải cách. Tuy nhiên, mặc dù cả hai bên đều muốn sự giảng hoà, sự đoạn tuyệt là quá nặng nề. Nghe nói trước khi đặc phái viên của Đức Giáo Hoàng đến tại Nghị Viện Worms vào năm 1521, Luther đã từ chối dừng lại công tác chuyển ngữ Lời Chúa. Ông nói rằng: “Tôi không thể và sẽ không rút lui, vì làm một việc trái với lương tâm thì chẳng có an toàn hay khôn ngoan gì cả. Tôi không rút lui, tôi không thể làm khác hơn. Cầu xin Chúa giúp tôi. Amen”.

Đức Giáo Hoàng đã ra lệnh dứt phép thông công đối với ông. Ở trong một thế giới mà Hội thánh quyết định sự cứu rỗi cho từng cá nhân, thì hành động tội tệ nhất mà Đức Giáo Hoàng có thể làm đối với Luther đó là kết án ông xuống địa ngục.

Ý tưởng làm thay đổi mọi thứ

Tất cả các sự kiện này đang nói lên điều gì đó vĩ đại hơn những gì người khác có thể hiểu. Khi Luther từ chối thẩm quyền của Đức Giáo Hoàng, ông đang nói một điều rất quan trọng về bản chất của chính Hội thánh. Hầu hết mọi người nghĩ “Hội thánh” là một tổ chức tôn giáo - cụ thể là phải có giám mục và giáo hoàng. Người bình thường chỉ là những thành viên thụ động. Họ phải phụ thuộc vào chức thầy tu và

phải ở dưới sự dạy dỗ cũng như sự giáo huấn của giám mục.

Thật khó để chúng ta hiểu về mức độ kiểm soát của Hội thánh lúc bấy giờ trên đời sống con người. Các giám mục cai quản giống như các hoàng tử, dự phần vào những vai trò mà chúng ta xem là của chính phủ ngày hôm nay. Thí dụ, giáo hoàng có thể triệu tập quân đội và gây chiến, còn giám mục có thể bỏ tù dân thường và hành quyết họ. Hội thánh còn có quyền đe dọa nhà vua phải phục tùng.

Khi Luther thách thức thẩm quyền như thế, ông đang nói rằng Hội thánh không chỉ có các thầy tu và giám mục. Hội thánh là bao gồm những ai tin nơi Đấng Christ - là “thầy tế lễ của mọi kẻ tin”. Ông và những nhà Cải Chánh khác đã tìm thấy ý tưởng này trong Cựu Ước và Tân ước nói rằng: trong vương quốc có thầy tế lễ - có nghĩa là Đức Chúa Trời muốn liên hệ trực tiếp với con người và dẫn dắt họ.

“Thầy tế lễ của hết thầy kẻ tin” là ý tưởng trọng tâm của Cuộc Cải Chánh. Những ai tin nơi Đấng Christ có thể đến với Chúa một cách trực tiếp mà không cần lệ thuộc vào thẩm quyền từ con người hay lễ nghi gì cả. Những phân đoạn Kinh Thánh ở trong Tân Ước, cụ thể là những lời lẽ của sứ đồ Phao-lô trong Ga-la-ti 3:28, ông nói rằng không còn người Giu-đa hay Gờ-réc, nô lệ hay tự chủ, đàn ông hay đàn bà, đã bổ sung cho niềm tin đó rằng tất cả mọi người đều bình đẳng trước mặt Đức Chúa Trời. Tất cả đều làm một trong Đức Chúa Jê-sus Christ.

Cho nên, mỗi người được tự do ở dưới quyền hạn của Đức Chúa Trời để tìm kiếm Lời Chúa và sống đúng với lương tâm của mình. Như Luther đã nói: “Một Cơ Đốc nhân là người tự do hơn ai hết và không phải lệ thuộc dưới bất kỳ điều gì”,

song “Cơ Đốc nhân còn là một đầy tớ có nghĩa vụ và phải vâng phục lẫn nhau”. Đây quả là một ý tưởng cách mạng thực sự đến từ Lời Chúa đã làm thay đổi không chỉ nước Đức mà còn hết quốc gia này đến quốc gia khác giống như Cuộc Cải Chánh vậy.

MỞ KHÓA CỬA CẢI

ĐỨC (TIẾP THEO)

Hiểu biết mới về thầy tế lễ đến với các tín hữu đã bắt đầu tái thiết lại Hội thánh ngay lập tức. Rất nhiều người đã trở thành “người Tin Lành” và tách ra khỏi Rô-ma. Trong lúc ấy, những người Công Giáo Chống Lại Cuộc Cải Chánh đã bắt đầu giải quyết những sự lạm dụng trong Hội thánh. Sự việc trải qua nhiều thế kỷ, nhưng có nhiều thứ khiến Luther phải kinh hoàng, chẳng hạn như mua bùa xá tội, đã được xử lý. Tuy nhiên, sự chia rẽ giữa Tin Lành và Công Giáo đã dẫn đến bạo lực và chiến tranh xảy ra trong nhiều thế kỷ - vẫn còn cho đến ngày nay ở nhiều nơi như Bắc Ai-len.

Vài năm về trước, một cha xứ Công Giáo từ thành phố Mê-xi-cô đã đến thăm công tác sứ mạng của chúng tôi tại Kona, Hawaii. Ông là một người anh em thật sự trong Chúa. Ông đã hướng dẫn nhiều buổi nhóm phấn hưng, nhấn mạnh vào khía cạnh cứu rỗi cá nhân và sự thánh khiết, hơn tám trăm giáo khu ở nhiều quốc gia. Khi em gái của tôi là Janice hỏi vị cha xứ người Mê-xi-cô nghĩ như thế nào về Martin Luther. Tôi nghĩ câu

trả lời của ông sẽ rất hay. Ông nói rằng: “Chúa đã sai Martin Luther để kêu gọi Hội thánh trở lại ăn năn, nhưng Hội thánh đã không chịu lắng nghe”. Đến ngày hôm nay, chính vị cha xứ đến từ Mê-xi-cô này đang làm những gì có thể để kêu gọi càng nhiều người theo đạo Công Giáo nhận biết Đấng Christ một cách cá nhân.

Phải mất rất nhiều thế kỷ để Tin Lành và Công Giáo có được một sự hợp tác rất nhỏ như thế này. Hành động bạo lực lúc đầu đã xảy ra trong thời kỳ của Luther là rất tàn ác. Sự đổ máu đã khiến Luther phải kinh hoàng. Nhưng chính sự dạy dỗ của ông như một kip nổ đã nhanh chóng lan ra ngoài bức tường của Hội thánh lúc bấy giờ.

Qua thời gian, tư tưởng Cải Chánh – và Kinh Thánh mà các nhà Cải Chánh bênh vực lẫn chia sẻ ra với mọi người – đã đóng góp rất nhiều vào sự thay đổi tích cực trong xã hội và hiểu biết của mọi người về nhà nước. Cuộc Cải Chánh và chính sản phẩm của nó đã làm nên một nền dân chủ, vì học thức của người dân, và tư tưởng về quyền lợi con người. Cuối cùng đã đem đến một sự bùng nổ rất lớn về tài nguyên và tri thức trong nền lịch sử thế giới.

Quyền Kinh Thánh ai cũng có thể đọc

Có vài ngoại lệ, trước khi cuộc Cải Chánh bùng nổ, Kinh Thánh chỉ được giới học giả và tu sĩ có tri thức đụng đến. Họ sẽ truyền dạy lại nội dung của Kinh Thánh cho người nào họ thấy thích hợp. Thật ra, rất nhiều người trong giới tri thức chính trị và xã hội cảm thấy *nguy hiểm* khi cho phép dân thường tự đọc Kinh Thánh, tức là những người nào biết đọc. Người ta sẽ hiểu

sai về tôn giáo hoặc là, tệ hơn, họ sẽ đặt câu hỏi với các bậc cầm quyền.

Tuy nhiên, các nhà Cải Chánh tin rằng mọi người là bình đẳng trước mặt Đức Chúa Trời và đều có thể trực tiếp đến cùng Ngài. Tín hữu cũng có chỗ trong vương quốc của các thầy tế lễ. Cho nên, mọi người đều cần phải có Lời Chúa. Có cách nào khác để họ biết Đức Chúa Trời muốn họ phải sống như thế nào chẳng? Tiếc thay, bản dịch Kinh Thánh phổ biến duy nhất lại là bản dịch Jerome's Latin, được hoàn tất trọn vẹn vào thế kỷ 5. Không có ai ngoài các học giả và những tu sĩ hiểu được tiếng La-tinh.

Dịch Kinh Thánh sang ngôn ngữ phổ thông và phân phối Kinh Thánh là công việc nguy hiểm. Suốt 100 năm trước đây ở Anh quốc, nhiều người đã phải trả giá bằng cả mạng sống của mình hoặc phải bị lưu đày vì cố gắng chuyển ngữ Kinh Thánh sang ngôn ngữ phổ thông. Khi họ hoàn tất công tác dịch thuật thì các nhà cầm quyền lại tịch thu và đốt hết Kinh Thánh.

Tuy nhiên, Martin Luther đã quyết rằng dân tộc của ông cần phải có một quyển Kinh Thánh mà họ có thể đọc hiểu. Bản Kinh Thánh tiếng Đức của ông, được dịch hoàn tất khi ông ở trong tình trạng lẫn trốn, đã được trao tận tay người dân. Thật khó để diễn tả hành động rất quan trọng này. Bản dịch của Luther đã thay đổi tiếng Đức và thúc đẩy một trong những phong trào cải cách không ngừng chưa từng có trước đây.

Trước đó, đã có một công tác quan trọng làm nền cho chính sự biến đổi từ trong tấm lòng và tâm trí từ quyển Kinh Thánh tiếng Đức. Vào năm 1437, một người Đức khác tên là Johannes Gutenberg đã phát minh ra loại máy in linh hoạt. Nhiều quyển sách không còn là những sản phẩm xa xỉ chỉ dành cho giới chính trị và xã hội nữa. Chính kỹ thuật này đã xuất hiện

vừa đúng lúc để nhanh chóng lan tràn bản dịch mới của Luther, cũng như các quyển sách nhỏ và nhiều đầu sách chứa đựng sự dạy dỗ của Kinh Thánh.

Nhiều bạn bè Á Châu của tôi cho biết họ đã có máy in trước cả Gutenberg. Điều đó có vẻ đúng, nhưng các máy in của họ đã không đem đến sự tự do và thịnh vượng. Phát minh ra máy in cùng với việc sản xuất Kinh Thánh trong tiếng phổ thông đã thay đổi bộ mặt của nước Anh và cả thế giới.

Mở khóa của cải

Vừa lúc Kinh Thánh có mặt trong ngôn ngữ của mọi người, thì một yếu tố quan trọng khác trong quá trình biến đổi này lại nảy sinh. Có Kinh Thánh trong ngôn ngữ của họ vẫn chưa đủ. Con người cần phải biết đọc. Các nhà Cải Chánh đã mở ra nhiều chương trình đọc Kinh Thánh xuyên suốt nước Đức và nhiều nơi ở Châu Âu. Một khi con người biết đọc Kinh Thánh, họ cũng có thể đọc những tài liệu khác nữa – các mẫu sách nhỏ về tôn giáo, nhiều câu chuyện dài hơn, thơ ca, các mẫu tài liệu về chính trị và tin tức, cùng nhiều sách khác từ nông nghiệp, kế toán, cho đến kiến trúc – nói cách khác, họ có thể tiếp cận đủ loại thông tin hữu ích. Ý tưởng đã được lan truyền đi và nhiều khả năng sáng tạo được khai phóng.

Điều này làm thay đổi toàn bộ lịch sử. Trước kia, trái đất không hề có một đất nước phong phú về mọi lĩnh vực. Vua chúa và những kẻ bạo ngược là những người giàu có. Vài gia đình quý tộc cũng được xếp vào hàng giàu có. Nhưng không có dân thường. Nhiều cá nhân tiềm năng đã bùng nổ sau khi con người hiểu rõ khái niệm về thầy tế lễ của mọi kẻ tin. Khi

con người biết đọc, một số lượng chưa từng có trước đây bắt đầu sử dụng đầu óc của họ ở nhiều nơi, nhiều ý tưởng xuất hiện tạo ra của cải và thay đổi đời sống nhiều người. Giới trung lưu bắt đầu xuất hiện, nhiều quốc gia trở nên giàu có *sau khi* nhiều người có vị trí quan trọng đã áp dụng Lời Chúa vào đời sống của họ.

Tìm được kiến thức mới bắt đầu trở nên nhanh chóng hơn. Nhiều thế kỷ trước đây khu vực Châu Âu chậm chạp hơn khu vực Trung Đông và phương Đông trong việc phát triển theo hướng sáng tạo. Họ đã quên đi di sản đã được thừa hưởng từ Hy-lạp và La-mã, trong khi thế giới Hồi Giáo lại vui vẻ hấp thụ và xây dựng mọi thứ từ nền tảng mà họ đã tiếp nhận. Các nước Ả-rập đã phát minh ra những con số mà chúng ta đang sử dụng ngày hôm nay và khái niệm về số không; người Trung Hoa có nhiều phát minh xuất hiện trước cả phương Tây, bao gồm thuốc súng và giấy. Nhưng nhiều sáng kiến đã phai mờ dần khi đem so sánh với những khám phá trong sáng và mới lạ ra từ Châu Âu.

Khoảng 100 năm trước thời Luther, nhiều người Châu Âu đã tái khám phá chữ viết bằng tiếng Hy-lạp và La-mã. Một sự sống lại quan trọng về kiến thức và khám phá ra các khái niệm mới nổi tiếng trong thời kỳ Phục Hưng đã xảy ra tại Châu Âu. Thời đại khám phá cũng đã bắt đầu, người Châu Âu hướng tàu thuyền của họ ra khơi để khám phá thế giới của họ. Quan trọng hơn hết đó là họ đã khám phá được ngôn ngữ cổ đã giúp mở ra một cuộc nghiên cứu hoàn toàn mới mẻ về Kinh Thánh.

Tuy nhiên, giống như cuộc Phục Hưng, điều quan trọng là tâm trí của con người được mở ra và nhiều tác phẩm văn học lẫn nghệ thuật được khai phóng, chính cuộc Cải Chánh đã thay đổi đời sống của những người bình thường. Càng có nhiều

người biết đọc, thì nhiều khám phá đã bắt đầu xuất hiện theo cấp lũy thừa tại phương Tây, phần còn lại của thế giới cuối cùng cũng trở nên mờ dần đi. Ngày nay, kiến thức của chúng ta có được gấp hai cứ mỗi 3 đến 5 năm. Chỉ cần nói đến một lĩnh vực như sinh vật học thì kiến thức được nhân đôi cứ mỗi 180 ngày.

Đôi khi các lãnh đạo hiểu sai về sự mất cân bằng giữa các lĩnh vực chuyên môn có Cơ Đốc nhân và không có Cơ Đốc nhân ở trên thế giới. Vào cuối những năm 1990, các phóng viên tin tức tung tin Trung Hoa đánh cắp những bí mật nguyên tử từ phương Tây. Thủ Tướng Trung Hoa Chu Dung Cơ từ chối các báo cáo này. Tôi nghe thấy lời nhận định của ông, đã được dịch và tường thuật lại trên CNN rằng: “Quý vị không nghĩ rằng người Trung Hoa cũng thông minh không kém gì quý vị sao?”

Tất nhiên, đất nước Trung Hoa có những con người thông minh. Mỗi quốc gia đều có những con người thông minh và không được thông minh. Từ khi người Trung Hoa trở nên đông dân hơn các nước khác, thì càng có nhiều người Trung Hoa có năng khiếu. Có nhiều người thông minh được sinh ra mỗi ngày ở Ấn Độ, Nga và ở các nước Trung Đông. Nhưng có bao nhiêu thanh niên phương Tây đến Trung Hoa, Ấn Độ, Nga, hay khu vực Trung Đông để nghiên cứu khoa học và kỹ thuật? Tôi không nói để đưa ra một quan điểm cạnh tranh hay cho thấy niềm tự hào dân tộc. Chúng ta cần phải để ý đến vấn đề cơ bản này.

Đâu là nguyên nhân “làm tiêu hao trí óc” của những nhà khoa học, tiến sĩ và những người có chuyên môn? Tại sao họ lại rời bỏ đất nước của mình để đến những nơi hoàn toàn khác biệt về văn hoá và tín ngưỡng? Họ đang tìm kiếm sự tự do và cơ hội để phát triển tiềm năng của mình. Sau khi đạt được điều

đó, họ liền xây nên nhiều nhà thờ và điện đài. Họ không nhận ra có nhiều Hội thánh xung quanh mình và Kinh Thánh là lý do cho mọi sự mà họ đang tìm kiếm ở nơi đất khách.

Mariano Grondona, một giáo sư thuộc bộ máy nhà nước của khoa Luật tại trường Đại Học Quốc Gia Buenos Aires, nói rằng không có quốc gia nào được xem là phát triển trước những năm 1600, dù ở phương Đông hay phương Tây: “Chính Cuộc Cải Chánh Tin Lành đã tiên phong phát triển kinh tế ở phía bắc Châu Âu và Bắc Mỹ”. Ông còn nói rằng ngày hôm nay tốc độ phát triển kinh tế ở các nước Tin Lành đã suy sụp dần vì lòng nhiệt thành đã nguội dần.

Chúng ta cần phải làm sao để các quốc gia biết áp dụng lẽ thật và sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, Đấng Sáng Tạo và là Đấng đang nâng đỡ toàn cõi vũ trụ này, sẽ là Đấng duy nhất khiến họ trở nên phồn thịnh. Dù cho đất nước có nhỏ bé và được tự do làm theo ý mình như Pitcairn hay to lớn và có nền móng vững chắc như nước Đức đi nữa, thì Đức Chúa Trời là Đấng, nhờ Thánh Linh và Lời của Ngài, có quyền làm được mọi sự. Hãy đồng công với Ngài, chúng ta có thể đem đến phước hạnh cho các dân tộc. Những nguyên tắc tìm thấy trong Lời Chúa là vô tận. Điều đó đã được chứng tỏ từ đất nước này đến nước khác để mang lại sự tự do và công lý, sự sáng tạo dư dật, và không ngừng khiến con người phát triển tiềm năng của họ.

JOHN CALVIN VÀ THÀNH PHỐ BỐC MÙI Ở CHÂU ÂU

GENEVA

Một trong những thí dụ điển hình chứng minh Kinh Thánh đã thay đổi một quốc gia đó là câu chuyện về đất nước Thụy Sĩ.

Bạn sẽ phải nín thở khi đặt chân đến đất nước này. Một nơi xanh sạch đẹp không có vết nhơ ở hai bên đường, có tuyết phủ trắng các dãy núi. Các khu biệt thự kiểu nhà gỗ nhỏ với những ô cửa sổ với bồn hoa ẩn mình giữa các thung lũng và đậu trên những vùng đồi cao. Lái xe đi xa hơn bạn sẽ thấy rất nhiều thành phố với vườn tược, công viên, các lâu đài lớn và đại lộ đầy ắp những cửa hàng thanh lịch đủ mọi loại quần áo thời trang và các mặt hàng xa xỉ khác.

Thật là cuốn hút khi nghĩ về một đất nước như thế có lá cờ đỏ và thập tự màu trắng làm trung tâm. Nhưng Thụy Sĩ đã từng là một đất nước rất nghèo khổ, luôn phải sống nhờ vào lòng khoan dung của các nước láng giềng. Cuộc Cải Chánh ở Thụy Sĩ đã thu hút rất nhiều người và xảy ra ở nhiều nơi. Nhưng để hiểu được sự biến đổi của đất nước này, thì chúng ta cần phải

nhìn lại câu chuyện ẩn giấu đằng sau quá khứ của thành phố Geneva. Một trong những lãnh đạo YWAM là tiến sĩ Tom Bloomer đã thực hiện một nghiên cứu về lịch sử của đất nước Thụy Sĩ, đặc biệt là về thành phố Geneva. Tôi rất biết ơn Tom và Jim Stier đã cho phép tôi chia sẻ câu chuyện này từ quyển sách *Sự Biến Đổi Cho Các Dân Tộc* (Transformation for the Nations). Họ chứng minh rằng những nơi tồi tệ đã trở thành một nơi tươi sáng cho cả thế giới. Đó là một câu chuyện về sự biến đổi, nhưng lại đến từ quyền năng của Lời Chúa.

Một thành phố được biến đổi

Hãy tưởng tượng chúng ta đến thăm thành phố Geneva vào năm 1530. Hơi hướng của thành phố này sẽ chào đón chúng ta trước. Geneva thật ra đã tự tìm cho mình cái tên riêng đó là: Thành Phố Nặng Mùi Nhất Châu Âu. Chúng ta sẽ nhìn thấy một thành phố có những bức tường đổ nát và đường xá đầy rác rưởi lẫn những thứ thừa thải của con người. Mùi nôn mửa, rượu lên men và nước tiểu nghẹt cứng trong lỗ mũi. Chúng ta sẽ giữ thật chặt đồ đạc của mình mỗi khi đám đông vây quanh. Chúng ta đã biết thành phố này có rất nhiều tội phạm, người tị nạn chính trị, lính đánh thuê, gián điệp, những người đi biển từ Hồ Geneva, các lái buôn, gái mại dâm và những người nghèo sống ở các khu ổ chuột. Ngày hôm nay, chúng ta rất vui vì không phải ở lâu trong cái ổ dịch bệnh của thành phố.

Có lẽ bạn nghĩ rằng những thành phố ở thời Trung Cổ đều bốc mùi và nghèo khổ phải không. Đúng vậy, nhưng Geneva là nơi điển hình. Nên cũng thật là bất ngờ về sự thay đổi đột ngột của thành phố này.

Từ tệ nhất đến tốt nhất

Làm thế nào một thành phố tồi tệ như Geneva lại trở nên thịnh vượng đến như vậy? Làm thế nào một nơi đầy tội ác và tham nhũng lại trở thành nơi giao thương và là trung tâm của các cơ quan làm công tác nhân đạo và các tổ chức quốc tế như vậy? Làm thế nào một nơi không có tiếng tăm lại trở thành một vị trí có các trường học uy tín mà cả thế giới muốn gửi con cái của mình đến học như vậy? Tại sao Geneva lại trở thành một nơi để các nước thù địch gặp gỡ và ký kết các hiệp ước quan trọng như vậy? Làm thế nào một thành phố và một đất nước như thế lại sống trong sự tự do mà không phải đối diện với chiến tranh suốt 3 thế kỷ như vậy?

Tất nhiên, một nghiên cứu đầy đủ về lịch sử của thành phố Geneva và đất nước Thụy Sĩ có thể sẽ nói nhiều hơn những gì quyển sách này muốn đề cập. Nhưng nếu chúng ta muốn hiểu được những khác biệt giữa các dân tộc, tại sao lại có những đất nước phải sống trong nghèo khổ và có những nước được hưng thịnh, thì chúng ta phải để ý thật kỹ đất nước Thụy Sĩ và đặc biệt là thành phố Geneva này.

Sự biến đổi của thành phố Geneva đã bắt đầu với một người có tên là John Calvin. Calvin là một nhân vật quan trọng khi nhắc đến cuộc Cải Chánh ở Pháp giống như Martin Luther đối với cuộc Cải Chánh ở Đức vậy. Calvin và những nhà Cải Chánh khác trong thế giới nói tiếng Pháp đã nhấn mạnh đến sự cứu rỗi cá nhân. Họ đã kêu gọi mọi người ăn năn và tin Đức Chúa Trời. Nhưng họ đã không dừng lại ở đó. Ngay sau đó, họ

dạy dỗ mọi người một cách có hệ thống từ bục giảng mà biến đổi cả xã hội.

Dạy mọi người biết phải sống thế nào

Suốt hàng thế kỷ ở Geneva, Hội thánh và giới quý tộc là những người duy nhất có quyền hành. Không ai được thắc mắc tại sao phải làm theo – vì điều đó đã quá rõ ràng với họ. Geneva là một thành phố phát triển độc lập. Người dân sống cách tự do, nhưng ai dạy họ biết về cuộc sống? Calvin và những người bạn của ông đã tìm kiếm Lời Chúa, dạy người dân những gì Đức Chúa Trời phán về mọi khía cạnh trong đời sống. Mục tiêu của họ là xây dựng một thành phố dựa trên Lời Chúa, một thành phố có thể trở thành mô hình mẫu cho nhiều thành phố khác ở khắp Châu Âu.

Calvin đã chia sẻ rất nhiều bài giảng nhấn mạnh rằng: làm tốt trách nhiệm cá nhân và làm việc đều là sự thờ phượng. Trong quá khứ, lối suy nghĩ của con người trong Hội thánh đã có hướng phân biệt giữa “thiên lương” và “phàm tục”, họ dạy rằng chỉ có ở trong Hội thánh mới là thánh khiết, tách biệt khỏi những thế tục của đời sống hằng ngày. Người ta phải đi đến Hội thánh để được tẩy sạch linh trước khi nhúng mình trở lại thế giới trần gian suốt một tuần.

Ngược lại, các nhà Cải Chánh đã dạy người ta phải làm sạch thế giới của họ bằng Lời Chúa và sự cầu nguyện. Giống như Phao-lô khuyên Ti-mô-thê trong I Ti-mô-thê 4:4-5 rằng hết thảy mọi vật thuộc về Đức Chúa Trời đều là thánh. Calvin và những nhà Cải Chánh khác đã có cái nhìn toàn diện về cuộc sống. Mọi việc làm đều có thể là sự kêu gọi của Đức Chúa Trời.

Sự thờ phượng không chỉ diễn ra vào ngày Chúa Nhật. Công việc được làm xong một cách xuất sắc trong sáu ngày còn lại cũng được coi là sự thờ phượng “như là làm việc cho Chúa” vậy. Các nhà Cải Chánh tin rằng Đức Chúa Trời tể trị mọi sự trong đời sống, dù là chốn riêng tư hay nơi công cộng. Là người môn đồ thật tức là đầu phục tất cả mọi sự dưới sự dẫn dắt của Đức Chúa Trời.

Rất nhiều ý tưởng của các nhà Cải Chánh giống như vậy và khác nữa đã loé sáng khắp lục địa. Ngay sau khi Calvin chia sẻ một bài giảng vào ngày Chúa Nhật, thì một quyển sách nhỏ cầm tay được xuất bản và đem đi khắp Châu Âu. Những bài giảng đó đã đụng chạm rất nhiều khía cạnh xã hội.

Các nhà Cải Chánh đã rao giảng ý nghĩa của việc có Đức Chúa Trời làm trung tâm trong một gia đình là như thế nào. Đàn ông ở Geneva là những người cha đáng sợ - bất lương, vô trách nhiệm và luôn say xỉn. Sự mất trật tự trong gia đình chính là phản ánh một thành phố nghèo khổ và vô đạo đức. Giờ đây, các nhà Cải Chánh đã nhấn mạnh vào việc chăm sóc gia đình, sống tỉnh thức, chăm chỉ làm việc, trả đủ hoá đơn, dâng hiến phần mười và tiết kiệm cho tương lai. Những lời dạy dỗ này cũng đã trở thành luật pháp ở Geneva, hội đồng thành phố Geneva đã ban hành bộ luật mà Calvin đã chỉ ra cho họ.

Khi Max Weber, một nhà kinh tế học người Đức, đang tìm hiểu lý do vì sao phương Tây có sự thịnh vượng, thì ông đã tuyên bố nguyên nhân bắt đầu ở Geneva. Trong quyển sách *The Protestant Ethic and the Spirit of Capitalism*, ông đã đề cập công lao thuộc về Calvin và những lời dạy dỗ của ông cho thành phố.

John Calvin đã tìm kiếm các quy tắc làm kinh tế ở trong Lời Chúa; thí dụ như ông đã dạy các chủ ngân hàng không nên

tăng phí lợi tức quá cao, vì đó là tội cho vay nặng lãi. Ông chỉnh đốn lại mức lãi tối đa là 4%, đủ cao để các lãnh đạo có được một khoảng tiền vốn nhưng đủ thấp để người vay mượn có thể cân đối tài chánh để đầu tư. Mức lãi 4% của Calvin đã được áp dụng suốt 4 thế kỷ ở Thụy Sĩ.

Tất cả những sự dạy dỗ đó đã ngay lập tức tác động đến nền kinh tế. Thành phố Geneva và đất nước Thụy Sĩ bắt đầu hưng thịnh.

ĐẶT NỀN MÓNG CHO SỰ TỰ DO

GENEVA (TIẾP THEO)

Ngày hôm nay có rất nhiều người, kể cả những chính khách, tin rằng chỉ có một khối lượng tài nguyên nào đó trên thế giới mà thôi. Các chính sách được tán thành cho rằng chúng ta phải nghĩ ra cách chia nhỏ lượng tài nguyên ít ỏi thành các phần nhỏ hơn. Nhưng Kinh Thánh không nói như vậy. Tái phân bổ tài nguyên không bao giờ mang lại sự hưng thịnh. Làm như vậy chỉ tạo ra sự tham lam, hối lộ, bất công và ganh đua giai cấp. Những người có quyền lực nắm trong tay nguồn tài nguyên trong khi người nghèo và kẻ yếu bị nhận chìm ngày càng sâu hơn. Giới trung lưu cùng nhau biến mất. Sự thờ ơ xuất hiện, thay thế cho sự vui vẻ và sản lượng mà con người đã mất công khai thác.

Người Thụy Sĩ và các nước khác trong thời kỳ Cải Chánh đã biết được rằng tài nguyên không hề cạn kiệt khi con người được tự do sử dụng các nguyên tắc Thánh Kinh để tạo ra tài nguyên mới. Sự phồn vinh gia tăng khi các cá nhân được phép giải phóng tiềm năng thật mà Đức Chúa Trời đã ban cho họ.

Các nhà kinh tế hiện nay đang có nhiều ý tưởng giống như John Calvin, là người đã tìm thấy các nguyên tắc từ Lời Chúa. Những nguyên tắc này sẽ cho bạn biết rằng một đất nước sẽ được thịnh vượng nếu họ chăm chỉ làm việc, tiết kiệm tiền, đảm bảo gia đình không bị sút mẻ, có các mức lợi tức hợp lý và sống dưới một hệ thống pháp luật và có trách nhiệm. Tổ chức Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế và Ngân Hàng Thế Giới cũng áp dụng các nguyên tắc này đối với các nước thành viên. Nhưng vào thế kỷ 16, John Calvin đã tìm thấy những điều này ở trong Kinh Thánh.

Giáo dục con cái Đức Chúa Trời

Để đồng ý với những người đứng đầu thành phố trong việc giúp cải cách Geneva, John Calvin đã đòi họ phải xây dựng một trường học và sử dụng tài chánh để dạy học cho trẻ em – quả là một ý tưởng cách mạng. Bởi vì mỗi đứa trẻ đều được dựng nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời, các nhà Cải Chánh tin rằng mỗi đứa trẻ phải được dạy chữ để đọc Lời Chúa. Như vậy, lần đầu tiên trong lịch sử thế giới (ngoài đất nước Y-sơ-ra-ên cổ), thì trường học được dành cho mọi tầng lớp xã hội, không chỉ người giàu. Và không giống với đất nước Y-sơ-ra-ên cổ, ngay cả các bé gái cũng được đến trường.

Từ khi có cuộc Cải Chánh, ngày càng có nhiều người biết đọc và đi học. Việc biết đọc đã dẫn đến một sự bùng nổ về kiến thức. Trong nhiều thế kỷ trước đó, chỉ có một số ít người nhận được sự giáo dục. Thật là một sự lãng phí khi bạn nhận ra Đức Chúa Trời ban cho mỗi đứa trẻ những món quà – đó là tài năng và kỹ năng nhưng phải chờ đợi được giải phóng để

chúc phước cho mọi người! Khi chúng ta từ chối sự tự do và cơ hội biết đọc, chúng ta đang ngăn chặn việc phóng thích các phát minh và ý tưởng mới.

Tôi và Darlene đã cùng với Tiến sĩ Tom Bloomer đi một vòng khám phá lịch sử về Geneva. Tôi đã phải rùng mình khi đứng trước ngôi trường của John Calvin, ngược nhìn những bức tường bằng đá vô cùng cứng cáp. Đây là nơi bắt đầu của mọi thứ. Tôi thấy mình như đang đứng nơi đầu nguồn của một con thác vô cùng to lớn về sự giáo dục đã lan tràn trên hàng triệu đến hàng triệu những bé trai và bé gái.

Đặt nền móng cho một thế giới tự do

Một khái niệm khác mà Calvin cùng với các nhà Cải Chánh đã tìm thấy trong Kinh Thánh đó là con người tội lỗi. Lúc đầu, đây không phải là ý tưởng hay để xây dựng xã hội. Tuy nhiên, vì họ quan tâm đến lẽ thật, tức là không một người nào là hoàn hảo, nên các nhà Cải Chánh đã dạy rằng các lãnh đạo và chính phủ phải có giới hạn về quyền hành. Hệ thống kiểm soát và cân bằng của họ được xây dựng dựa theo sự phân chia quyền hạn ở trong Cựu Ước. Các nhà Cải Chánh muốn giữ cho những người có quyền hành khỏi việc lạm dụng quyền lực, tạo cơ hội cho bản chất tội lỗi và trở thành những kẻ bạo chúa thối nát. Chính quyền được phân chia thành ba phần gồm toà án, hội đồng lập pháp và ban chấp hành luật pháp đều là những nguyên tắc rút ra từ sách Phục Truyền và từ Ê-sai đoạn 33 câu 22 chép rằng: “Thật Đức Giê-hô-va là quan xét chúng ta, Đức Giê-hô-va là Đấng lập luật cho chúng ta, Đức Giê-hô-va là vua chúng ta; chính Ngài sẽ cứu chúng ta!”

Các nhà Cải Chánh Thụy Sĩ còn đi xa hơn thế nữa. Họ không chỉ chia chính quyền thành ba phần như vậy thôi mà còn đặt mỗi phần ở mỗi thành phố khác nhau. Họ phân chia quyền hạn trong nước, trong các tiểu bang (giống như các tiểu bang hay tỉnh thành), và trong các thị trấn.

Châu Âu đã cẩn thận dõi theo dự án tiên phong áp dụng các nguyên tắc Kinh Thánh vào việc xây dựng một quốc gia. Cuối cùng, xu hướng của thành phố Geneva đã được nhiều quốc gia đón nhận và phỏng theo, cho đến nhiều thế kỷ sau nước Mỹ cũng đã xây dựng quốc gia của mình với cơ quan hành pháp, lập pháp và tư pháp.

Sự tự do không phải là chuyện tình cờ xảy ra ở Tây Âu và Bắc Mỹ. Nó bắt nguồn từ những nguyên tắc xây dựng chính quyền đã được tìm thấy và dạy dỗ ở trong Lời Chúa. Thế Giới Tự Do vẫn đang mắc nợ một lời cảm ơn đối với John Calvin và nhà Cải Chánh khác.

Chăm sóc người nghèo

Các nhà Cải Chánh ở Thụy Sĩ cũng đã nhìn thấy trong Kinh Thánh trách nhiệm phải chăm sóc người nghèo. Vào những năm 1500, thành phố Geneva đã bắt đầu tiếp nhận người tị nạn là những người Tin Lành chạy trốn khỏi sự bắt bớ đến từ các lãnh đạo Công Giáo ở nước Anh, Xcốt-len, Pháp và nhiều tiểu bang ở nước Ý. Thật ra, những tín hữu này đã tạo ra cụm từ *tị nạn* đó là dựa theo khái niệm về các thành ẩn náu. Mặc dù có quá nhiều người từ các nước tràn vào có thể tạo ra áp lực, nhưng người dân thành phố Geneva đã đón nhận người tị nạn vào trong chính nơi ở của họ. Trong chuyến du lịch ở Geneva

cùng với Tiến sĩ Bloomer, chúng tôi đứng từ ngọn đồi có thể nhìn thấy bao quát nhiều dãy nhà cổ kính. Tom chỉ ra rằng cho đến nhiều thế kỷ sau đi nữa, bạn vẫn còn có thể nhìn thấy ranh giới giữa các dãy nhà cổ kính ở đằng xa là chỗ mà người dân thành phố Geneva đã xây thêm những tầng nhà mới trên chính ngôi nhà của họ để đón tiếp người tị nạn. Đó là sự rời rộng và hiếu khách!

Thời điểm đó cũng là lúc những người tị nạn đã đóng góp một khoảng không nhỏ vào việc xây dựng thành phố Geneva trở thành một nơi đáng chú ý. Có nhiều người là thợ thủ công, nhạc sĩ và nhiều người thuộc tầng lớp kinh doanh nổi cộm của Châu Âu. Họ đem đến rất nhiều kỹ năng và kiến thức mới cho thành phố nói riêng và cho cả nước Thụy Sĩ nói chung.

Các nhà Cải Chánh đã tạo nên một tổ chức chuyên chăm sóc cho người tị nạn, goá phụ và trẻ mồ côi mới đến. Tuy nhiên, người nghèo cũng phải có trách nhiệm cải thiện đời sống của chính họ trước mặt Đức Chúa Trời. Mọi người là những ai có khả năng đều phải làm việc ngay cả những người đang nhận sự giúp đỡ. Mô hình chăm sóc người nghèo của Geneva đã được đón nhận và phỏng theo ở khắp Châu Âu, nó đã trở thành nguyên mẫu cho các cơ sở từ thiện và những phong trào cải cách nhiều năm sau đó.

Nhu cầu không phải là lý do thúc đẩy sự phát minh

Hàn Lâm Viện dạy rằng những thay đổi xảy ra vì có quá nhiều nhu cầu, rồi lèo lái những tác nhân thay đổi phải tìm kiếm giải pháp cho vấn đề.

Nếu dạy như vậy là đúng, thì tại sao không có nhà trẻ mồ

côi, bệnh viện và những cơ sở nhân đạo được xây dựng ở Ấn Độ hay Trung Hoa, là nơi có rất nhiều nhu cầu? Nhu cầu không phải là lý do thúc đẩy sự phát minh; sự mặc khải từ Lời Chúa mới khai phóng những ý tưởng này. Một tấm lòng được uốn nắn bởi Lời Chúa mới nhìn thấy những vấn đề và hành động để đáp ứng với các nhu cầu.

Tất nhiên, Calvin cũng có những người hay phỉ báng mình. Nỗ lực cải cách xã hội của ông không giữ được sự kiên định với Lời Chúa. Nhưng ông đã đặt một nền móng vững chắc. Các nguyên tắc của Kinh Thánh mà ông đã dạy để cải cách xã hội, nền giáo dục, chính phủ, kinh tế, cụ thể là những ý tưởng đeo đuổi mọi lĩnh vực trong cuộc sống có thể được coi là thiêng liêng, đem đến sự tự do và thịnh vượng. Những ý tưởng của ông đã lan đến Scandinavia, Xcốt-len, nước Anh, Hà Lan, và thông qua những nhà Thanh Giáo đến với Châu Mỹ (New World). Trải qua hàng thế kỷ, các quốc gia kể trên và nhiều nơi khác đã được ảnh hưởng mạnh mẽ bởi Calvin là người đã tìm cách xây dựng một thành phố dựa trên Lời của Đức Chúa Trời.

Thời kỳ tăm tối

Đáng buồn thay, thành phố Geneva không phải lúc nào cũng phát triển đều đặn kể từ đó. Nhiều thế hệ sau, thành phố – chính xác hơn là khu vực Tây Âu – đã rời khỏi các nguyên tắc Kinh Thánh đã từng khiến họ trở nên phồn thịnh và tự do. Sự kiên trì của các nhà Cải Chánh trong việc giáo dục dân chúng đã chuẩn bị cho một làn sóng đeo đuổi học thức lớn hơn nhiều đã nổ ra. Tuy nhiên, điều này đã dậy lên một phong trào triết học được gọi là Triết Học Ánh Sáng vào năm 1700. Nó dựa trên

chủ nghĩa lý luận – tức là một người bằng chính khả năng lập luận của mình có thể tạo ra bất kỳ chân lý nào mà người đó thấy là cần thiết.

Thay vì tìm kiếm câu trả lời từ Lời Chúa, các học giả lại nghiêng về phía con người, đặc biệt là những ý tưởng đến từ Hy-lạp cổ đại. Các trường đại học và trường dòng ở thành phố Geneva cùng phần còn lại của Châu Âu đã nhanh chóng phủ đầy các giáo sư và sinh viên là những người chẳng biết gì về lẽ thật được Chúa soi sáng trong Kinh Thánh. Thay vì ở trong sự sáng, Châu Âu đã lao mình vào sự tăm tối thuộc linh. Ngày nay, chúng ta chỉ có thể tự hỏi chuyện gì sẽ xảy ra nếu cuộc Cải Chánh tiếp tục mà không có sự gián đoạn này. Liệu chúng ta có phải kết thúc bằng các cuộc cách mạng đẫm máu và chiến tranh khốc liệt của thế kỷ 19 chẳng? Nếu các lãnh đạo Châu Âu tiếp tục tìm kiếm các nguyên tắc trong Kinh Thánh để vận hành đời sống và đất nước, thì liệu chúng ta có phải chứng kiến những thảm kịch bắt nguồn từ Châu Âu vào thế kỷ 20 – chủ nghĩa Phát-xít dưới thời Hít-le và Mút-sô-li-ni, chủ nghĩa vô thần dưới thời Lê-nin và Sta-lin chẳng?

Tái kích hoạt ánh sáng

Qua nhiều thế kỷ sống trong sự tối tăm và phớt lờ Lời Chúa, Ngài vẫn ban ơn để cho cơn phấn hưng và sự chinh đốn xảy ra. Trong một khoảng thời gian, thành phố Geneva đã đánh mất sự tự do. Vào đầu thế kỷ 19, thành phố ở dưới quyền điều khiển của Napoleon. Cuối cùng, người dân thành phố Geneva đã tìm lại được tự do về mặt chính trị cho mình và tham gia liên minh Thụy Sĩ vào năm 1814.

Sau đó vào năm 1815, một thanh niên trẻ người Xcốt-len tên là Robert Haldane đến làm giáo sĩ tại thành phố Geneva. Anh phải sửng sốt vì người dân biết quá ít về Đức Chúa Trời và Lời của Ngài. Anh bắt đầu mở ra các lớp học Kinh Thánh. Nhiều người thuộc tầng lớp cao hơn đã tin theo Chúa Jêsus. Nhiều Hội thánh được thành lập, rồi mọi người phát động một làn sóng giáo sĩ cho các nước nói tiếng Pháp ở châu Phi và Thái Bình Dương. Người dân trở lại học biết những lẽ thật quan trọng đã được các nhà Cải Chánh dạy dỗ ngày trước.

Trong khi sự đeo đuổi kiến thức Kinh Thánh chưa bao giờ được dừng đến khi còn có cuộc Cải Chánh, thì người dân Geneva và Thụy Sĩ vẫn vui vẻ với cái mà Francis Schaeffer gọi là “bông trái của bông trái của bông trái” của mấy đời tin kính ngày trước. Quê hương của họ tiếp tục phát triển thành một nơi độc nhất ở Châu Âu – nhỏ, nhưng phồn vinh và an bình.

Thương xót các dân tộc

Hầu hết mọi người đều biết Hội Chữ Thập Đỏ Quốc Tế có trụ sở chính tại Geneva. Nhưng không mấy người biết rằng Hội Chữ Thập Đỏ là kết quả của một cơn phấn hưng thuộc linh. Hội Chữ Thập Đỏ bắt đầu với một người Thụy Sĩ tên là Henri Dunant. Là một chàng trai trẻ, Dunant là thuộc viên của một Hội thánh đã được thành lập trong suốt thời kỳ có các buổi nhóm phấn hưng của Haldane. Khi còn là thiếu niên, ông bắt đầu gặp gỡ những thanh niên trẻ tuổi khác để học Kinh Thánh và tìm cách giúp đỡ người nghèo. Sau đó, khi Dunant đang đi ngược xuôi tìm kiếm vận may cho mình trong thế giới này, ông đã chứng kiến một cuộc chiến khốc liệt giữa hai quân đội Pháp và

Áo ở một nơi gọi là Solferino. Ông nhìn thấy nhiều thân thể bị thương tích và xác chết nằm la liệt khắp cả cánh đồng. Ông tự hỏi tại sao không có người giúp đỡ họ. Người ta nói ông cứ việc bỏ mặc họ mà hãy đi tiếp và đừng lo lắng gì cả. Họ giải thích rằng nếu ông đi ra đó và giúp đỡ người bị thương, một hay hai bên quân đội sẽ bắn chết ông. Đó là tình trạng của chiến tranh – người bị thương cần phải tự giúp đỡ mình hay nằm ra đó chờ chết.

Dunant tin rằng như thế là không đúng. Đó không phải là đường lối của Đức Chúa Trời mà ông đã học trong Hội thánh của mình tại Geneva. Vào năm 1862, ông viết một cuốn sách nhỏ gọi là *Ký Ước Màu Đỏ*. Quyền truyền đơn này đã được in và tái bản cho hàng ngàn đọc giả khắp cả Châu Âu. Nó đánh thức lương tâm của mọi người ở khắp nơi. Kết quả là Dunant được mời đến trước mặt các vua và nghị viện để chia sẻ phải đối xử với những người lính bị thương vong như thế nào. Những nỗ lực của Dunant đã dẫn đến việc hình thành Ủy Ban Quốc Tế Cứu Trợ gồm năm thành viên, là tiền thân của Hội Chữ Thập Đỏ Quốc Tế. Một năm sau, ủy ban này đã tổ chức Hội Nghị Geneva đầu tiên vào tháng 10 năm 1863, với 16 quốc gia ký kết một bản công ước để thông qua những quyền lợi dành cho người bị thương vong và đặt ra nhiều giới hạn khác trong chiến tranh. Tài liệu này dựa vào những nguyên tắc được tìm thấy trong sách A-mốt, cho thấy tấm lòng của Đức Chúa Trời đối với sự công bằng trong chiến tranh và cần phải đối xử công bình với tù nhân.

Nhờ cuộc cải cách ở thành phố Geneva và đất nước Thụy Sĩ, đầu tiên là Calvin và nhiều nhà Cải Chánh khác, rồi sau đó lan rộng ra trên thế giới, ảnh hưởng nhiều quốc gia bằng công lý, sự công bình và lòng thương xót của Đức Chúa Trời.

Bạn có thể trở thành người lập quốc

Tất nhiên, Calvin, Luther, Hauge, Kuyper, Carey và Wesley đều là những người xây dựng quốc gia. Bạn, cũng vậy, có thể trở thành người xây dựng quốc gia bằng cách vâng lời Chúa Jêsus và áp dụng Lời của Ngài vào trong từng lĩnh vực để ảnh hưởng xã hội. Bạn có đang sống tôn Jêsus là Chúa tại nơi làm việc không? Bạn có đang tìm kiếm trong Kinh Thánh các nguyên tắc và những thực tiễn thích hợp ở tại đó không? Nếu bạn là mục sư hay lãnh đạo một mục vụ nào đó, bạn có đang khích lệ cộng sự của mình làm như vậy không? Bạn có đem nước của Đức Chúa Trời vào trong nơi làm việc, làm gương trong cách cư xử và ảnh hưởng bằng tiềm lực của mình không?

Câu chuyện về những người xây dựng quốc gia thoát nghe có vẻ thoải chí. Tất nhiên, họ làm cho những nỗ lực của bạn trở nên nhỏ hơn khi đưa ra so sánh. Bạn không thể vừa trượt tuyết vừa phát Kinh Thánh hay cưỡi trên lưng ngựa vượt trăm ngàn dặm đường để rao giảng như Hauge hay Wesley. Bạn không thể nào ảnh hưởng bảy khía cạnh xã hội giống như Carey hay vừa là diễn giả/nhà báo/thầy giáo/chính khách giống như Kuyper. Nhưng bạn có thể chọn mười một người nào đó rồi cố vấn cho họ những phương cách của Chúa Jêsus và Kinh Thánh...trong thời điểm của mình hay không? Chắc chắn đó là mục tiêu mà ai trong chúng ta đều có thể hướng đến được.

Đó là điều Chúa Jêsus đã làm. Ngài dạy dỗ đám đông, nhưng số người nghiêm túc theo Ngài chỉ còn lại năm trăm người, rồi vơi dần đến khi chỉ còn một trăm hai mươi người. Ngài hết lòng dồn toàn bộ nỗ lực để huấn luyện mười hai

người, rồi mất đi một người. Nhưng hãy nhìn xem mười một môn đồ của Ngài đã làm được gì!

Chúa Jêsus có thể sử dụng quyền phép của Ngài với tư cách là Con Đức Chúa Trời để vận hành một chương trình giáo dục cao cấp hơn, huấn luyện hàng triệu môn đồ. Thay vì vậy, Ngài đã cho chúng ta thấy môn đồ hoá là một quá trình liên hệ cá nhân. Ngài dành thời gian của mình với chỉ vài người. Ngài để lại cho chúng ta một khuôn mẫu mà chúng ta đều mong muốn hướng đến. Một người có thể huấn luyện mười một người khác, sống bày tỏ các nguyên tắc của Đức Chúa Trời ở trước mặt họ. Đến khi các quốc gia thu hoạch bông trái của bông trái của bông trái của chúng ta, thì hết thảy đều được gọi là những người xây dựng quốc gia.

III

NHỮNG LẼ THẬT ĐEM ĐẾN
SỰ BIẾN ĐỔI TỪ QUYỀN
SÁCH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

CHÌA KHÓA: ĐỨC CHÚA TRỜI LÀ AI?

Điều gì khiến Quyển Sách của Đức Chúa Trời đang biến đổi con người và các dân tộc? Tôi có được vinh dự lắng nghe Tiến sĩ Francis Schaffer đưa ra câu hỏi này khi ông đến thăm trường YWAM của chúng tôi tại Thụy Sĩ vào cuối những năm sáu mươi. Tiến sĩ Schaffer là nhà sáng lập Hội L'Abri, ông là một nhà tư tưởng lỗi lạc. Ông hiểu rất rõ Cơ Đốc giáo không chỉ là một tôn giáo mà còn là chân lý. Không phải vì chúng ta đặt niềm tin vào Kinh Thánh thì Kinh Thánh là chân lý; mà *cho dù* chúng ta có tin hay không tin đi nữa thì Kinh Thánh vẫn là chân lý. Điều tôi góp nhặt được từ sự dạy dỗ của Tiến Sĩ Schaffer là bốn ý tưởng vốn có sẵn trong Kinh Thánh có thể tạo ra sự khác biệt rất lớn trong cách chúng ta nhìn nhận thế giới và trong lối sống của chúng ta.

- Đức Chúa Trời là Ai
- Con người là ai
- Chân lý dễ tiếp cận, không hề thay đổi

- Trách nhiệm của con người cần phải sống đúng với lẽ thật

Cho dù chúng ta đang xem xét khía cạnh nào của cuộc sống đi nữa – dù đang cố gắng hiểu rõ những nan đề lớn như việc lạm dụng nhân quyền và nghèo đói, tìm cách đảm bảo cho trẻ em sẽ được giáo dục, hay đấu tranh cho mỗi cá nhân đều nhận được sự bảo vệ công bằng dưới luật pháp – nếu bạn bắt đầu với bốn ý tưởng nêu trên thì bạn sẽ có được sự biến đổi.

Khi dạy dỗ ở trường của chúng tôi, Tiến sĩ Schaffer nói rằng bốn lẽ thật này được tìm thấy xuyên suốt Kinh Thánh. Tuy nhiên, ông nói rằng nếu hết thảy chúng ta chỉ có sáu chương đầu tiên trong Kinh Thánh không thôi, thì chúng ta vẫn có thể tìm thấy bốn ý tưởng đó.

Chúng ta sẽ suy xét từng ý tưởng này, vì chúng là những ý tưởng vĩ đại đem đến phước hạnh cho dân tộc được nhắc đến trong Quyền Sách. Trong chương này, chúng ta sẽ suy gẫm chân lý đầu tiên đó là: Đức Chúa Trời là Ai.

Nhận biết đặc tánh và bản chất của Đức Chúa Trời sẽ thay đổi chính chúng ta và đất nước chúng ta. Đức Chúa Trời có những đặc tánh vĩ đại mà chúng ta có thể dựa vào đó mà xây dựng đời sống và xã hội của mình. Tôi không có dự định đi sâu vào từng khía cạnh nói lên Đức Chúa Trời là Ai. Đức Chúa Trời là sự yêu thương và cứu thế mà liệt kê Ngài là Đấng công bình, tốt lành, nhân từ, thương xót và nhiều đặc tánh khác nữa. Với một chủ đề rộng lớn như vậy, tôi sẽ tập trung vào hai lẽ thật về Đức Chúa Trời sẽ đem đến sự biến đổi.

Đức Chúa Trời là Ai: hiệp nhất và đa dạng

Giáo lý Ba Ngôi trong Kinh Thánh cho thấy Đức Chúa Trời Ba Ngôi là trọng tâm đem đến sự biến đổi các dân tộc. Chương đầu tiên của sách Sáng Thế Ký, danh xưng của Đức Chúa Trời là *Elohim*. Danh xưng này không phải là danh từ số ít hay số nhiều, nhưng là một sự hiệp nhất, giống như một chùm nho vậy. Đức Chúa Trời là duy nhất, nhưng Ngài cũng là Ba Ngôi. Trong Sáng Thế Ký 1:26, Đức Chúa Trời phán rằng: “*Chúng ta* hãy làm nên loài người như hình *ta* và theo tượng *ta*” (chữ in nghiêng được thêm vào).

Nói Đức Chúa Trời hiệp nhất trong Ba Ngôi là đề tài được phát triển xuyên suốt Kinh Thánh. Dạy chúng ta một ý tưởng rất quan trọng sẽ làm biến đổi các dân tộc. Ý tưởng đó là hiệp nhất và đa dạng – là nền tảng tự do cho đấu trường chính trị, là tinh thần cho doanh nhân trong lĩnh vực kinh tế, và là khuôn mẫu cho các trường đại học trong thế giới học thuật. Ngay cả từ *đại học* (*university*) cũng phản ánh khái niệm này – hiệp nhất nhưng đa dạng. *Uni-versity*.

Chính ý tưởng về sự hiệp nhất và đa dạng được biểu lộ trong Ba Ngôi đang hỗ trợ cho các mối quan hệ lành mạnh thuộc mọi lĩnh vực. Tuy nhiên, đó lại là ý tưởng mà con người hữu hạn không bao giờ đạt đến được. Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho chúng ta trong Lời của Ngài. Chúng ta vẫn không thể hoàn toàn hiểu hết được về Ba Ngôi. Điều tốt nhất chúng ta có làm đó là sử dụng những minh họa, giống như Thánh Patrick đã làm khi dạy dỗ người Xen-tơ. Ông đưa cho họ xem một cây ba lá – có ba lá cây, nhưng chỉ có một cây. Đó là hiệp nhất, nhưng lại có sự đa dạng bên trong.

Những thí dụ về Ba Ngôi đầy đầy cả thế giới. Trái đất có đất, biển và bầu trời. Khoa học đang đối phó với khí, lỏng và rắn. Chúng ta có đá, nước và hơi. Chúng ta đo lường bề dài,

bề sâu và bề rộng. Thời gian gồm có quá khứ, hiện tại và tương lai. Con người có thân thể, linh hồn và tâm linh. Chúng ta có thể liệt kê đầy tờ giấy bằng nhiều thí dụ. Đường như Đức Chúa Trời đã ấn định bản chất Ba Ngôi của Ngài vào trong thực tại.

Những minh họa này có ích cho chúng ta, nhưng chúng ta vẫn không thể giải thích hết được về Ba Ngôi – sự hiệp nhất và đa dạng cùng một lúc của Đức Chúa Trời. Đó không phải là nan đề hay là vấn đề về lô-gíc. Vấn đề là: tâm trí của chúng ta không đủ khả năng để giải thích về Đức Chúa Trời vô hạn. C.S.Lewis nói rằng cái khó của chúng ta là cố gắng hiểu về Ba Ngôi, cũng giống như sống trong thế giới hai chiều lại đi tưởng tượng về một khối lập phương vậy.

Bởi vì những đất nước với di sản từ Hội thánh có được nhiều hiểu biết, mặc dù vẫn còn giới hạn, về Ba Ngôi, nhưng vẫn được trang bị tốt hơn để xử lý tính đa dạng trong cuộc sống hiện đại, cân bằng giữa tự do và thứ tự. Họ được phước bởi vì tiếp nhận khái niệm về sự hiệp nhất và đa dạng. Ngay cả những người không tin Đức Chúa Trời hay Kinh Thánh cũng được hưởng lợi từ việc sống ở trong một xã hội dựa trên ý tưởng này. Thí dụ, nhiều người ở Châu Âu đã không còn giữ được đức tin năng động nơi Đức Chúa Trời Ba Ngôi nữa. Nhưng họ vẫn đang sống thừa hưởng những ích lợi từ đức tin của nhiều thế hệ trước đó. Họ thừa hưởng những điều đại loại như bộ máy chính quyền dân chủ có các quyền hạn được phân chia, quyền tự do cá nhân, đa dạng bản sắc dân tộc và hiệu suất trong các ngành kinh tế. Họ tiếp tục thừa hưởng các phước hạnh bởi vì nền móng của họ đã được các tín hữu xây dựng nhiều thế kỷ trước. Đó là lý do vì sao phía Tây Âu lại khác xa so với những nơi không có được nền móng này. Tuy nhiên,

điều quan trọng là phải biết những phước hạnh này sẽ mau chóng bị xói mòn nếu con người cứ lầm lạc cách xa các giá trị của Kinh Thánh. Họ sẽ đánh mất tất cả lợi ích, bao gồm cả những điều được rút ra từ việc hiểu về sự hiệp nhất và đa dạng.

Vài năm trước, tôi đang chia sẻ với các lãnh đạo Hồi Giáo ở một nhà thờ Hồi Giáo tại Trung Á. Tôi làm quen với người đứng đầu nhà thờ, cũng là người đã mời tôi đến chia sẻ về niềm tin nơi Chúa Jêsus cho những người bạn đồng nghiệp của ông ta. Sau một hồi, mấy người đàn ông sùng đạo này có những phản đối bất thường. Một người nói rằng: “Ông tin vào ba đức chúa trời sao!”

“Không”, tôi nhanh chóng trả lời, “chỉ có một Đức Chúa Trời, nhưng Ngài là Đấng vô hạn. Bất kỳ lời giải thích nào từ nơi tôi đều là hữu hạn. Nhưng tôi có thể cho các anh thấy sự hiệp nhất và đa dạng của Đức Chúa Trời bằng những mối quan hệ mà tôi đang có. Tôi là đứa con trai. Tôi cũng là người cha và người chồng. Tôi là một người hay ba người?” Tôi đã cố gắng giải thích một cách tốt nhất mối quan hệ khó hiểu giữa Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh.

Tôi cũng không mấy ngạc nhiên khi những người đàn ông trong nhà thờ Hồi Giáo lúc đó bị mắc kẹt không hiểu một Đức Chúa Trời trong ba thân vị. Chỉ có Đức Chúa Trời của Kinh Thánh là có sự hiệp nhất mà đa dạng. Đa số người Hồi Giáo chỉ tin vào một đức chúa trời trong một thân vị mà thôi – tức là có hiệp nhất mà không đa dạng. Mặc khác, Ấn Độ giáo có đến hàng triệu vị thần – đa dạng đến cực độ. Một người Ấn Độ giáo có thể quả quyết rằng tất cả đều là những biểu lộ của một đấng cao siêu nào đó, nhưng lại không có tính liên hệ cá nhân – đôi khi chỉ được coi là “tồn tại” – đến nỗi không hề có sự

hiệp nhất cụ thể nào cả. Chỉ có Đức Chúa Trời của Kinh Thánh vừa có sự hiệp nhất vừa có sự đa dạng.

Là con người, chúng ta có thể kinh nghiệm sự hiệp nhất ở mức độ hữu hạn, giống như trong tình yêu hôn nhân. Ngay cả đến điều đó vẫn rất khó để mô tả làm thế nào hai người trở nên một. Nhưng hãy nghĩ về sự hiệp nhất vô hạn của Ba Ngôi Đức Chúa Trời mà xem. Chúng ta không thể hiểu được hoàn toàn, nhưng không có nghĩa là không đúng. Hãy nghĩ về khía cạnh toàn tri trong sự hiệp nhất của Ba Ngôi mà xem. Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh đều có sự vô hạn trong sự hiểu biết của họ; họ biết tất cả mọi thứ. Không có gì che giấu giữa họ hay khỏi họ. Hãy tưởng đến khả năng hiệp nhất đó. Cũng như vậy, cả Ba Ngôi đều có quyền năng – toàn năng. Nhưng họ lại có cùng những mục đích nhất quán, họ hợp tác với nhau để hoàn thành những mục tiêu, làm theo nhau trong sự tôn kính và tình yêu thương. Cả Ba Ngôi đều có thể hiện diện ở mọi nơi – toàn tại. Bằng cách này hay cách khác, Đức Chúa Trời đang hành động trong sự hiệp nhất toàn vẹn nhưng lại có sự đa dạng phong phú đến nỗi chúng ta không thể tưởng đến được. Với Đức Chúa Trời, sự hiệp nhất và sự đa dạng đều là hoàn toàn. Sự pha trộn này cho phép đẩy mạnh sức sáng tạo.

Chúng ta trở nên giống như Đấng chúng ta thờ phượng

Nếu bạn muốn hiểu về Trung Đông, Nam Á, hay bất kỳ nơi nào trên thế giới, bạn phải hiểu niềm tin về vị thần của họ. Hết thảy chúng ta đều trở nên giống vị thần mà chúng ta thờ lạy, một chút mỗi ngày, mỗi năm, mỗi thế kỷ.

Lấy con người ở Trung Đông và Bắc Phi làm thí dụ. Họ mong muốn được cai trị từ trên xuống dưới, xã hội của họ được lèo lái bởi việc tuân theo giáo nghi và luật lệ nghiêm ngặt từ chính quyền. Tham nhũng trong giới lãnh đạo là phương thức của cuộc sống. Không có sự đa dạng trong tư tưởng hay hành động nào được phép. Khi bạn thờ lạy thần của họ – một bức chân dung tối cao về sự hiệp nhất không có sự đa dạng – bạn sẽ tái tạo lại khu vực Trung Đông và Bắc Phi. Nó sẽ ảnh hưởng đến cả chính quyền. Trong chuyến đi thăm đất nước Israel, tôi phải ngưỡng mộ tính cần cù chăm sóc gieo trồng cây cối của người dân đã làm cho sa mạc đơm đầy hoa nở. Một người sống xa xứ ở đó nói với tôi về thời kỳ ban sơ khi người Thổ Nhĩ Kỳ cai trị Palestine. Người Thổ đã bắt người dân đóng thuế bằng cách đếm số cây trồng của họ, thế là người dân chặt bỏ hết cây cối của họ, vậy là có sa mạc. Sự khô cằn khắt nghiệt của mảnh đất sớm muộn đã phản ánh thế giới quan của họ.

Nếu bạn muốn sống ở một đất nước có những nan đề về nghèo đói và bất công, một nơi con người không có sự tự do, thờ lạy những vị thần Ấn Độ giáo. Lúc đó bạn sẽ nhận lại đủ thứ hành động bạo ngược mà không hề có sự hiệp nhất. Sự tự do trong xã hội của Ấn Độ bị kiểm soát bởi một hệ thống phân chia giai cấp chặt chẽ, định tội hàng triệu người đến nỗi phải sống trong khổ sở mà không nhận được cơ hội nào trong cuộc sống. Không hề có chỗ cho sự hiệp một – thế giới quan của họ không được tìm thấy trong niềm tin về một Đức Chúa Trời nhân đức là Đấng tạo dựng loài người theo ảnh tượng của Ngài. Nỗi khổ kinh khủng bị kềm chặt vào trong đời sống vì những giáo sư tôn giáo nói con người không có niềm vui đơn giản là vì họ làm điều ác nên phải gặt lấy sự đoán phạt ở kiếp trước. Brah-

mins, giai cấp cao nhất, chỉ có khoảng 5% trong tổng dân số, nhưng lại nắm giữ 70% công việc trong bộ máy nhà nước và 78% các vị trí xét xử trong tòa án. Các giáo sĩ Ấn Độ nói với tôi hầu hết tài nguyên của người Ấn Độ đều bị kiểm soát bởi năm gia đình.

Cách nhìn nhận thế giới quan đáng buồn này phải khiến chúng ta mạnh mẽ hơn để đảm bảo rằng chúng ta và con cái của chúng ta thờ phượng Đức Chúa Trời chân thật của toàn cõi vũ trụ này, Đấng đã bày tỏ chính Ngài qua Kinh Thánh. Chỉ có Đức Chúa Trời của Kinh Thánh mới xứng đáng được thờ phượng. Chỉ có thờ phượng Ngài chúng ta mới sống trong sự tự do, phát triển đất nước của chúng ta để hết thảy mọi người đều sống trong phước hạnh.

ĐIỀU QUAN TRỌNG LÀ: BẠN TIN ĐỨC CHÚA TRỜI

Bất kỳ quốc gia nào không có khái niệm về sự hiệp nhất và sự đa dạng được bày tỏ qua Ba Ngôi Đức Chúa Trời thì không có được sự tự do và sáng tạo như các quốc gia đang gìn giữ khái niệm này. Họ sẽ không kinh nghiệm được sự bùng nổ của tri thức và thịnh vượng được phóng thích khi con người không đạt được tiềm lực của họ. Các lãnh đạo cần phải hiểu được sự hiệp nhất và sự đa dạng. Điều này cần phải có nhiều người thực hiện nhiều công việc khác nhau, đóng góp những ý tưởng và nỗ lực tốt nhất của họ vào việc tạo ra một xã hội thịnh vượng và phát triển. Nếu các lãnh đạo không đánh giá cao những sự sáng tạo khác biệt ở mọi người, thì quốc gia của họ sẽ bỏ lỡ những điều tuyệt vời mà nó có thể vươn đến.

Các lãnh đạo có thể sẽ phải thúc đẩy mỗi người trở nên cùng một khuôn đúc, suy nghĩ và cách cư xử, giống như chế độ độc tài của Liên Ban Nga cũ và Đức Quốc Xã, hay các quốc gia có chế độ chuyên chế như Cuba và Bắc Triều Tiên. Lịch sử cho thấy các quốc gia ấy sẽ rơi vào chỗ tù hãm và cuối cùng là

sự đồ. Cần phải có sự đa dạng thì đất nước mới sống trong sự phát triển lành mạnh, cho dù chúng ta đang đề cập về thiên nhiên, chính quyền, gia đình, thương trường, hay bất kỳ khía cạnh nào của cuộc sống đi nữa.

Nabil, một người bạn Ai-cập của tôi, đã nghe lỏm được cuộc nói chuyện của ba người Ả-rập khi họ dõi theo những chiếc máy bay cất cánh ở Kuwait. Một người nói rằng: “Tại sao chúng ta có thể đi trên những chiếc máy bay đó mà không thể tạo ra được một chiếc nào giống như vậy?”

Một câu hỏi tuyệt vời. Tại sao những kỹ thuật tuyệt vời lại không bắt nguồn từ các nước Trung Đông? Các quốc gia này cũng sản sinh nhiều nhân tài thông minh tính theo đầu người giống như ở nhiều nơi khác trên thế giới. Nhưng thế giới quan của họ gặp phải trục trặc ở lối suy nghĩ cứng nhắc, chủ nghĩa luật pháp và một hệ thống thứ bậc nghiêm ngặt – những điều đó đang ngăn trở họ trở thành các quốc gia dẫn đầu thế giới. Thế giới quan của họ cản trở sự tăng trưởng của văn hoá Trung Đông và làm cho người dân không thể phát triển những sáng kiến của mình.

Hủy phá công trình của dân tộc khác

Các nhóm khủng bố cực đoan như al-Qaeda hay Taliban đang cố gắng trở lại với cái gọi là tôn giáo “thuần khiết”, một phương thức có thể cho phép họ điều khiển con người. Hãy xem cuộc tấn công vào toà tháp Trung Tâm Thương Mại Thế Giới và Lầu Năm Góc vào ngày 11 tháng 9 năm 2001. Họ giống như mấy đứa bé chập chững bước đi không thể tự xây cho mình những

toà tháp cao như vậy. Cho nên, họ đánh sụp những gì người khác đã dựng nên. Những kẻ quá khích giống như vậy muốn thế giới trở lại thời kỳ ban sơ, giống như thế kỷ 19, một giai đoạn của những kẻ bạo chúa cai trị. Tôn giáo của họ có thể hỗ trợ cho những kẻ cầm quyền như thế, nắm toàn quyền trong tay để quyết định cuộc đời của mọi người. Nếu người nắm quyền quá nhân từ, thì người dân bị giới hạn trong sự phát triển. Nếu kẻ có quyền là một tên bạo chúa, thì người dân sẽ phải chịu khổ cực kinh khiếp. Dù chọn cách này hay cách kia đi nữa thì sự sáng tạo và những sáng kiến của con người đều bị dập tắt.

Trong suốt Thời Kỳ Đen Tối của Châu Âu, nhiều thành phố của người Hồi Giáo đã từng là trung tâm giáo dục và nghệ thuật. Nhưng bởi vì sự cứng nhắc trong thế giới quan vốn có của mình, họ đã không thể phát triển và đánh mất vị trí dẫn đầu. Xu thế hiện đại đã bỏ mặc họ cho đến ngày hôm nay.

Đa dạng mà không hiệp nhất luôn dẫn đến hỗn loạn

Đa dạng mà không hiệp nhất cũng gây ra nhiều vấn đề. Không có sự hiệp nhất, chúng ta sẽ rơi vào chỗ hỗn loạn. Tôi đã từng đặt chân đến những đất nước mà sự đa dạng lan tràn đến nỗi không còn giữ được trật tự. Đây là điều đáng sợ. Tôi còn nhớ khi đến thăm một đất nước ở Trung Phi, tôi đã thấy nhiều quân nhân cướp của dân bằng cách chĩa súng vào họ. Ở một đất nước khác, nhiều băng đảng mâu thuẫn nhau đã chia thành phố thành nhiều khu vực khác nhau. Hỗn loạn xảy ra làm cho mọi người không tìm được nơi an toàn. Những đất nước này có sự đa dạng nhưng không có sự hiệp nhất. Để có tự do và

phát triển, các quốc gia phải pha trộn sự hiệp nhất và sự đa dạng với nhau.

Hội thánh ở Đông phương

Ngay cả các nền văn minh vốn có Hội thánh mà lại thiếu hiểu biết về sự hiệp nhất và sự đa dạng của Ba Ngôi Đức Chúa Trời thì vẫn đang giới hạn tiềm năng của họ. Lấy nước Nga làm thí dụ. Nước Nga từng ở dưới quyền cai trị nghiêm ngặt của nhiều vị vua cho đến giai đoạn của nhiều chính quyền vô thần tàn bạo. Quốc gia này đã bị giới hạn phát triển dưới thời của các vua. Rồi ở dưới chế độ vô thần bảy mươi năm sau đó đã tiêu tốn biết bao sức lực và của cải của đất nước này. Lãnh đạo thứ bậc hay đàn áp đã dập tắt tính sáng tạo và khởi xướng của người dân Nga. Họ vẫn còn đang vật lộn trong sự phục hồi.

Biết về quá khứ là điều rất quan trọng. Nhiều vấn đề trong lịch sử không phải lúc nào cũng khô chết theo thời gian. Con người tin điều gì về Đức Chúa Trời vẫn đang tác động lên đời sống cá nhân và quốc gia của họ – chính điều này có thể quyết định liệu họ có thể vươn đến tiềm năng của mình hay không. Nếu chúng ta muốn khai phóng sự sáng tạo của phương Đông ngày hôm nay, chúng ta cần hiểu được quá khứ như thế nào, đặc biệt là đã có những ý tưởng gì được nuôi dưỡng.

1500 năm trước, một sự chia rẽ đã xuất hiện trong Cơ Đốc giáo có liên quan đến vấn đề về “sự bình đẳng” trong Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Chính điều này và những vấn đề khác đã dẫn đến một cuộc Đại Ly Giáo giữa phương Đông và phương Tây vào thế kỷ 11. Hội thánh Đông phương nói rằng Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh phục dưới quyền của Đức Chúa Cha. Mặt

khác, Hội thánh Tây phương kiên định nói rằng mỗi thân vị đều bình đẳng với nhau. Cha, Con và Thánh Linh liên tục đầu phục lẫn nhau trong tình yêu thương. Chính cách nhìn của Tây phương như thế đã cho phép con người nhìn thấy Đức Chúa Trời, trong sự bình đẳng hoàn toàn, có được sự hiệp nhất và sự đa dạng vô hạn.

Tự do sáng tạo và dung hòa

Tôi biết có những anh chị em yêu dấu trong Chúa là những người đang thờ phượng Cứu Chúa trong các Hội thánh Chính Thống ở Đông phương. Rất nhiều thánh đồ ở phương Đông đã sống một cuộc đời tận hiến khiêm nhường và trung tín hết mực theo Đấng Christ, đứng vững trước những kẻ bạo ngược. Nhưng theo quan điểm của tôi, cách nhìn thứ bậc của Hội thánh phương Đông về Ba Ngôi đã dẫn đến nhiều vấn đề nghiêm trọng cho các quốc gia ở phương Đông. Nhiều đất nước không hề có được sự tự do sáng tạo và dung hoà – tức là không nhìn thấy được sự hiệp nhất và đa dạng ở trong Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh. Bởi vì họ không hề thấy được sự đầu phục lẫn nhau giữa vòng Ba Ngôi Đức Chúa Trời, cho nên các tín đồ ở phương Đông đã không có được khuôn mẫu đúng đắn để phát triển đất nước một cách tự do, đa dạng nhưng có sự hiệp một giữa mọi người với nhau. Họ đã không có được sự Cải Cách của “chức thầy tế lễ cho mọi người” theo phiên bản phương Đông để đem lại ích lợi cho xã hội, chính trị và nền kinh tế. Thay vào đó, cách nhìn thứ bậc của họ về Ba Ngôi đã gây khó khăn cho sự phát triển. Thay vì con người được tự do cho phép lẫn nhau sử dụng nhiều khả

năng của họ, thì cứ lặp đi lặp lại mô hình thứ bậc trong cách nhìn về Đức Chúa Trời ở mọi cấp độ của xã hội, từ đời sống trong gia đình cho đến hệ thống chính quyền. Các quốc gia phương Đông đã trải qua từ sự chuyên chế của các nhà cầm quyền cho đến sự thống trị tàn ác của chủ nghĩa Mác, rồi kết thúc bằng một hệ thống chính trị và kinh tế khép kín vào cuối thế kỷ 20.

Chính lối suy nghĩ này không chỉ có ở phương Đông. Tôi thừa nhận rằng tư tưởng thứ bậc này cũng rất cảm dỗ ở các nước phương Tây. Rất nhiều người ở phương Tây đã nuôi dưỡng tính cứng rắn trong vai trò lãnh đạo để rồi làm cho nhiều cá nhân không có được sự tự do. Tôi đã chứng kiến các mục sư và lãnh đạo các tổ chức hành động như những ông vua con, điều khiển những người có tài, không bao giờ phóng thích họ, còn những người đó chỉ biết khúm núm làm theo. Hết thảy chúng ta cần phải nhớ và thực hành các nguyên tắc đầu phục lẫn nhau và tinh thần lãnh đạo đầy tớ.

Quan điểm Chính Thống về Ba Ngôi Đức Chúa Trời đã làm cho nhiều Hội thánh ở phương Đông dễ gặp phải nguy hiểm giống như vậy. Nhưng Đức Chúa Trời muốn sử dụng những khả năng và tài năng của hàng triệu người ở phía Đông Châu Âu và nước Nga. Người nào được kêu gọi để phục vụ, họ phải xây dựng đất nước và nền kinh tế của mình bằng cách nhận biết về sự hiệp nhất và đa dạng vốn đã được tìm thấy ở trong Ba Ngôi, được học về vai trò lãnh đạo đầy tớ và đầu phục lẫn nhau nữa.

Hủy hoạt mục đích ban đầu

Dựa trên nền tảng của Ba Ngôi Đức Chúa Trời, người phương Tây có thể phát triển sự hiệp một và sự đa dạng rất tốt. Điều này dẫn đến sự tự do và thịnh vượng mà chúng ta có ngày hôm nay. Phần còn lại của thế giới muốn tận hưởng điều này với chúng ta. Tôi không trách họ. Nếu tôi là người Ấn Độ giáo, tôi sẽ muốn con cái có được cuộc sống tốt hơn ở phương Tây. Chúng ta đón nhận họ ở phương Tây bởi vì chúng ta biết rõ giá trị của sự đa dạng và hiệp nhất. Tuy nhiên, khi người Ấn Độ giáo, Phật Giáo hay Hồi Giáo xây dựng đền thờ và nhà nguyện của họ rồi bắt đầu lan truyền những sự dạy dỗ ở phương Tây – họ có quyền làm điều đó ở một xã hội cho phép sự tự do – nhưng họ đang huỷ phá đi lý do tìm đến phương Tây của mình.

Chính Đức Chúa Trời đã cho chúng ta thấy tấm gương, khuôn mẫu của sự hiệp nhất và đa dạng, đầu phục và phục vụ, trong chính bản chất của Ngài và ngay cả trong con người xác thịt của Chúa Jêsus. Chúng ta đáng lẽ phải làm theo gương của Ngài. Khi chúng ta ở trong vị trí có thể phóng thích người khác làm điều tương tự như vậy, vừa đầu phục Đấng Christ vừa đầu phục lẫn nhau, chúng ta sẽ nhìn thấy sự sáng tạo xảy ra ở một qui mô chưa từng có trước đây. Điều đó được mô tả trong I Cô-rinh-tô 12. Đây là một sức mạnh sáng tạo trong tình yêu thương và trân trọng lẫn nhau. Chúng ta sẽ tìm được giải pháp cho nhiều vấn đề đã xảy ra lâu đời; chúng ta sẽ chứng kiến một sự phát triển đến nỗi không thể tưởng tượng được. Các quốc gia sẽ được biến đổi.

Đức Chúa Trời là ai: vô hạn và gần gũi

Chúng ta cũng thấy trong Sáng Thế Ký chương 1, Đức Chúa Trời là Đấng vô hạn nhưng lại rất gần gũi. Chính điều này – tức là Đức Chúa Trời vừa là Đấng vô hạn vừa là Đấng rất gần gũi – là sự độc nhất của Đức Chúa Trời trong Quyền Sách.

Cũng giống như để cho chúng ta hiểu được khái niệm về Ba Ngôi là rất khó, thì cũng không dễ cho chúng ta hiểu như thế nào là vô hạn. Đức Chúa Trời không hề có sự khởi đầu và sẽ không bao giờ kết thúc. Chúng ta không thể hiểu được điều đó. Tâm trí của chúng ta vừa không thể hiểu được sự toàn năng và toàn tri của Ngài vừa không thể hiểu được như thế nào là toàn tại. Chúng ta có thể thấy điều này trong phân đoạn đầu tiên của Sáng Thế Ký khi Ngài tạo nên mọi thứ chỉ bằng tiếng phán. Điều đó thôi đã khiến chúng ta sửng sốt.

Tuy nhiên, khi chúng ta thấy Đức Chúa Trời liên hệ với con người mà Ngài đã tạo nên một cách rất gần gũi – đó là khi tấm lòng của chúng ta cảm thấy ấm áp và ngạc nhiên hơn nữa. Giống như Tiến sĩ Schaffer có nói rằng: nếu những gì chúng ta có được là vài phân đoạn đầu tiên của sách Sáng Thế Ký, thì cũng đủ để chúng ta nhìn thấy bản chất cá nhân của Đức Chúa Trời. Ngài có trí khôn, ý chí và cảm xúc. Ngài suy nghĩ về những điều Ngài muốn làm, Ngài đã chọn để làm điều đó và Ngài có những cảm nhận trước những điều đó – đầu tiên là rất vui và hài lòng với những gì Ngài đã tạo nên, rồi Ngài cảm thấy buồn khi con người nổi loạn. Chúng ta sẽ còn thấy nhiều hơn nữa trong phân đoạn tiếp theo khi chúng ta thấy cách Đức Chúa Trời tạo nên người nam và người nữ theo ảnh tượng của Ngài. Sách Sáng Thế Ký, sự mặc khải đầu tiên của Đức Chúa Trời về chính Ngài, cho chúng ta thấy Ngài vừa là Đấng vô hạn vừa là Đấng rất gần gũi – một lẽ thật căn bản với nhiều ngụ ý cho chúng ta biết phải sống như thế nào.

Đức Chúa Trời duy nhất của Kinh Thánh

Không một tôn giáo nào có thể tuyên bố về thần linh như Kinh Thánh nói về Đức Chúa Trời.

Vào đầu những năm 1970, tôi gặp một nhóm sinh viên đang học thần học và tốt nghiệp thần học tại trường Trinity College ở Đại Học Cambridge. Một vài giáo sư nhóm lại với chúng tôi ở căn phòng phía sau nhà thờ nhỏ của họ. Những người nghe tôi vào ngày hôm đó đều rất hợp nhau và tinh khôn, nhưng tôi biết nhiều sinh viên trường thần học không hề tin Đức Chúa Trời hay Kinh Thánh.

Tôi nói rằng: “Chỉ có người nào thờ phượng Đức Chúa Trời của Kinh Thánh mới hiểu được Đức Chúa Trời vừa là Đấng vô hạn vừa là Đấng rất gần gũi”.

Rồi tôi đợi họ. Một vài người ở đó là những chuyên gia so bì tôn giáo. Nếu tôi bị họ tấn công lý lẽ, thì chắc phải xảy ra ngay sau những lời đầy mạnh mẽ như thế. Nhưng không ai nói gì cả. Chỉ có sự im lặng chấp nhận. Đức Chúa Trời của Kinh Thánh là độc nhất giữa vòng các thần mà loài người đang tôn thờ.

Hãy suy nghĩ xem. Người Hồi Giáo cầu nguyện năm lần mỗi ngày. Họ nói thần của họ vĩ đại. Họ nói thần của họ là vô hạn. Nhưng họ không nói thần của họ có thể sống và nói chuyện với họ. Nói như vậy sẽ bị coi là phạm thượng, vì nói như thế là quá gần gũi. Trong những lần đến thăm các quốc gia, tôi gặp nhiều người Hồi Giáo rất sùng đạo và là những người tốt. Nhưng tôi chưa từng gặp ai nói rằng họ có mối liên hệ cá nhân với Allah.

Không có vị thần nào ở Ấn Độ giáo vừa có sự vô hạn vừa

có tính cá nhân. Ấn Độ giáo có thần Brahma, là vị thần vô hạn nhưng lại không gần gũi. Họ không thể hiểu vị thần này. Họ cũng có rất nhiều vị thần mang tính cá nhân nhưng lại bị giới hạn. Vài người nói rằng ở Ấn Độ có đến 36 triệu vị thần; những tài liệu khác thì nói họ có đến 330 triệu vị thần rất gần gũi. Nhưng Ấn Độ giáo không có thần nào vô hạn và gần gũi như Đức Chúa Trời của Kinh Thánh. Họ giống như người Hy-lạp mà Phao-lô đã từng chạm trán ở đồi Mar – những con người tôn giáo đó thờ lạy rất nhiều tà thần. Thần không biết của người Hy-lạp ngày xưa và của người Ấn Độ giáo hiện đại ngày nay là Đức Chúa Trời vô hạn và gần gũi của Kinh Thánh.

Cho dù bạn gọi những tôn giáo là gì đi nữa – Phật Giáo, Khổng Giáo, Thần Đạo Giáo, Thuyết Duy Linh – thì cũng vậy thôi. Thần của họ hoặc là vô hạn không gần gũi, hoặc là gần gũi và có giới hạn, hoặc là có giới hạn và không gần gũi. Cũng có vài vị thần không hẳn là thần, mà chỉ là những nguyên lý tồn tại hay thuộc về vũ trụ mà thôi.

Tại sao điều này lại quan trọng? Vì con người trở nên giống như vị thần mà họ thờ lạy. Chỉ có Đức Chúa Trời của Kinh Thánh là Đấng xứng đáng được thờ phượng. Khi chúng ta thờ phượng Ngài, chúng ta đang xây dựng một xã hội phát triển và tự do xuất phát từ lòng yêu thương của chúng ta dành cho Đức Chúa Trời và người khác. Vì Đức Chúa Trời của Kinh Thánh là Đấng vô hạn, nên chúng ta có thể tin cậy Ngài mà sáng tạo, phát triển và có được những mặc khải trên cả suy tưởng. Vì Đức Chúa Trời của Kinh Thánh là Đấng rất cá nhân gần gũi, nên chúng ta có thể tìm thấy ý nghĩa, các mối quan hệ và tình yêu thương trong cuộc sống của mình. Lời Đức Chúa Trời nói rằng chúng ta yêu vì Chúa đã yêu chúng ta trước.

Điều chúng ta tin về Đức Chúa Trời tô điểm cho mọi thứ

chúng ta làm – trong lĩnh vực thương mại, chính quyền, truyền thông, nghệ thuật, gia đình, Hội thánh và trong cách chúng ta huấn luyện những người trẻ tuổi. Đây là nền tảng sẽ quyết định số phận của rất nhiều cá nhân và quốc gia. Cũng vì chúng ta được tạo dựng theo ảnh tượng của Ngài và vì có chúng ta có Lời của Ngài dẫn dắt, nên chúng ta có thể sống theo cách mà Ngài đã tạo nên chúng ta. Cá nhân mỗi người chúng ta sẽ tìm thấy sự thoả mãn, chúng ta cũng sẽ giúp xây dựng nhiều xã hội phát triển bền vững.

Còn rất nhiều điều để nói về Đức Chúa Trời đã được bày tỏ ra trong Kinh Thánh. Tuy nhiên, quyển sách này không phải trình bày một cách cặn kẽ về bản chất và đặc tánh của Đức Chúa Trời. Không thể nào liệt kê được hết những gì cần biết về Đức Chúa Trời đã được bày tỏ trong Kinh Thánh hay cho thấy đầy đủ những phước hạnh mà chúng ta nhận được khi hiểu thấu những gì rất căn bản này. Đây là quyển sách tôi chỉ mong bạn có thể nắm biết những điều đó mà thôi. Tôi muốn bạn đói khát tìm kiếm Lời Chúa cho riêng mình, đào bới của báu mà bạn đang sở hữu.

Tiến sĩ Schaffer dạy chúng ta ba lẽ thật khác đang làm biến đổi các dân tộc. Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu những ý tưởng này trong các chương tiếp theo.

NHỮNG LỄ THẬT QUAN TRỌNG VỀ LOÀI NGƯỜI CHÚNG TA

Các quốc gia có được di sản từ Kinh Thánh đều sở hữu một cuộc sống tốt hơn. Các nước không có Kinh Thánh phải sống trong sự loạn choạng và tự hại mình. Chúng ta đã nhìn thấy Lời Đức Chúa Trời là chân thật dù chúng ta có tin hay không. Khi chúng ta áp dụng chân lý của Kinh Thánh, chúng ta sống trên thực tế. Khi chúng ta không có Lời Chúa, hay chúng ta đang phớt lờ Lời ấy, chúng ta sống thiếu thực tế – không có sự khôn ngoan của Đấng tạo hoá và Đấng Nâng Đỡ cả cõi vụ trụ này.

Đó là bức tranh lớn. Chúng ta đã nói đến chân lý làm nền tảng đầu tiên: Đức Chúa Trời là ai. Giờ đây, hãy cùng tìm hiểu ba nguyên tắc khác mà Tiến sĩ Schaffer dạy chúng ta.

Được tạo nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời

Vài chương đầu tiên của sách Sáng Thế Ký cho thấy Đức Chúa Trời quyết định tạo nên con người theo ảnh tượng của Ngài. Đức Chúa Trời là Đấng rất cá nhân nên Ngài đã tạo nên chúng ta là những con người mang tính cá nhân – mỗi người nam và người nữ được tạo nên một cách độc nhất. Mỗi người chúng ta đều có khả năng suy nghĩ, cảm nhận, lựa chọn giống như Ngài.

Vì chúng ta là con người có tính cách riêng, nên mỗi người đều có thể đến gần với Đấng tạo hoá. Mỗi người trong số sáu tỷ người đều có thể có mối quan hệ cá nhân với Ngài cùng một lúc vì Ngài là Đấng gần gũi và vô hạn. Đó là một vinh dự vô cùng tuyệt vời! Hễ ai tiếp nhận Con của Ngài là Đức Chúa Jêsus Christ sẽ đến cùng Ngài, họ sẽ sống suốt cõi đời đời rộng lớn trong sự vui sướng, được biết càng nhiều hơn về Ngài, được yêu Ngài và sống trong tình yêu của Ngài.

Nói rằng chúng ta là những con người có tính cách riêng là điều quá rõ ràng, nhưng ý tưởng này vẫn còn xa lạ đối với một số người. Các tôn giáo ở phương Đông, như Phật Giáo, dạy rằng con người không có ai là riêng biệt cả. Mà chúng ta đều là một phần của nhau, chúng ta đều là một phần của sự sống nào đó rất vĩ đại nhưng không có tính riêng biệt.

Sau cơn sóng thần xảy ra ở Đông Nam Á vào năm 2004, rất nhiều lãnh đạo tôn giáo khác nhau đã cố gắng giúp đỡ người dân hiểu rõ vì sao phải có tấn thảm kịch này. Một ghi chép cho biết rằng có một lãnh đạo Phật Giáo đã nhắc họ nhớ rằng cuộc đời là ảo tưởng. Họ không được phép để mình liên lụy đến những thành viên khác trong gia đình.

Kinh Thánh không dạy điều đó. Theo Lời Chúa, mỗi chúng ta là độc nhất và có giá trị vì chúng ta được tạo dựng theo ảnh tượng của Ngài. Đức Chúa Jêsus đã khóc khi đứng trước mộ

của La-xa-rơ. Tại sao Ngài khóc khi Ngài sắp sửa khiến La-xa-rơ sống lại từ cõi chết? Có lẽ Chúa Jêsus khóc vì cứ từng cá nhân đã chết trong sự đau đớn hay bởi vì một tai nạn nào đó trong thế giới tội lỗi này. Mỗi cá nhân đều quan trọng. Mỗi người là vô giá. Nhận biết điều này sẽ khiến chúng ta đối xử với người xung quanh khác đi. Đó là nền tảng để xây dựng quyền lợi của con người. Vì chúng ta là những cá nhân, nên chúng ta có thể liên hệ với nhau một cách gần gũi. Vì Đức Chúa Trời yêu thương chúng ta, nên chúng ta có thể yêu thương người khác.

Được tạo nên khác với loài vật

Khi bạn đọc Sáng Thế Ký chương 1 về Sự Sáng Tạo, hãy quan sát kỹ sự thay đổi giữa câu 25 và câu 26. Đầu tiên, Đức Chúa Trời tạo nên thiên nhiên – đất, biển, cây cối và thú vật. Rồi trong câu 26, Đức Chúa Trời lại có ý tưởng hoàn toàn khác, Ngài muốn tạo nên một tạo vật khác thường. Ngài phán rằng: “Chúng ta hãy làm nên loài người như hình ta và theo tượng ta”. Thế là Ngài tạo nên người nam và người nữ. Rồi Ngài ban cho họ quản trị mọi tạo vật.

Đó là chúng ta. Một tạo vật đặc biệt. Về mặt sinh học thì có lẽ chúng ta giống với động vật, nhưng Lời Chúa phán rất rõ đó là chúng ta khác hẳn so với động vật, một tạo vật khác thường. Vì chúng ta được tạo nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời. Khi con người không có sự hiểu biết về Kinh Thánh, thì những ưu tiên của họ trở nên xiên xẹo và nhiều điều nguy hại được tạo ra.

Đền thờ cho lũ chuột

Vài năm trước, tôi đang nói chuyện với một CEO của tập đoàn Fortune 500 vừa mới trở về từ Ấn Độ. Ông muốn thay đổi vài thứ để giúp đỡ người dân ở nơi đó, nhưng ông lại nói rằng: “Tôi không thấy có cách nào để giúp đỡ họ”. Tại sao ông ta lại nói như vậy? Đó là vì thế giới quan của Ấn Độ giáo.

Thí dụ, khi tôi đến thăm Calcutta, ở Ấn Độ, tôi hoàn toàn ngạc nhiên vì biết rằng người ta không giết chuột. Thay vì giết mấy con chuột, các nhân viên kiểm soát động vật bắt những con chuột rồi thả chúng xuống đường cách đó vài dặm. Thế giới quan của họ nói rằng loài sâu bọ phá hoại có sự ngang bằng với loài người, cho dù mấy con chuột đang gieo rắc bệnh tật, huỷ hoại mùa màng để nuôi sống những người chết đói và đem đến nhiều tai hoạ đi nữa.

Thật ra, đôi khi người Ấn Độ giáo còn xem mấy con chuột quan trọng hơn con người. Đền Karni Mata ở Deshnok là ngôi đền thờ chuột. Người ta đến đem theo nhiều chén đường và dừa để đầy dưới sàn nhà cho chúng. Thí dụ về những ưu tiên hoàn toàn sai trật dành cho những con chuột trong khi hàng triệu người ở Ấn Độ phải đi ngủ trong cơn đói mỗi đêm có phải là những gì tồi tệ nhất hay chưa?

Người Ấn Độ giáo còn xem những con bò là vật thiêng liêng, họ gọi chúng là “mẹ chúng ta”. Một người bạn ở Ấn Độ nói với tôi rằng có một câu hỏi trong bài kiểm tra lái xe như sau: “Nếu bạn có một lựa chọn giữa việc tông chết người và đụng vào con bò, bạn sẽ chọn làm gì?” Người nào trả lời rằng họ sẽ tông chết con bò sẽ không có bằng lái xe trong thành phố.

Những người sùng đạo Ấn Độ giáo đều sợ giết nhầm thú

vật bởi vì họ tin vào thuyết luân hồi. Họ xem động vật là những tạo vật có liên hệ trong đời sống như họ – chúng là những “linh hồn” đã từng là con người nhưng bây giờ bị luân hồi để sống kiếp của loài chuột hay bò. Nếu họ giết chúng, thì có thể họ đang giết chết một trong những người họ hàng đã chết của mình đang ở trong hình hài động vật. Cứ thế, sự đau khổ mà loài người phải chịu không hề dứt bởi vì con người không biết giá trị cao quý của từng cá nhân đã được tạo nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời.

Sự dửng dưng đến từ việc hiểu sai về nguồn gốc và số phận của người nam và người nữ. Vài người dạy đạo Ấn Độ giáo còn lên án việc làm của Mẹ Teresa. Họ nói rằng bà đã chống lại ý muốn của Đức Chúa Trời vì không để con người sống trong đau khổ. Họ tin rằng đau khổ của loài người là do kiếp trước của họ đã làm ác quá nhiều. Bây giờ họ phải sống để chuộc lại tội lỗi của mình. Đối với họ, sự tử tế của Mẹ Teresa chỉ kéo dài đau khổ của con người sang kiếp sau.

Thế giới quan theo Kinh Thánh có thể giải phóng tiềm năng lớn lao ở trong người Ấn Độ. Niềm tin của con người rất là quan trọng. Công lý, thịnh vượng và khoẻ mạnh có thể xảy ra hay mất đi tùy thuộc vào niềm tin.

Được tạo nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời, nhưng có giới hạn

Cho dù chúng ta được tạo nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời, chúng ta không phải là Đức Chúa Trời. Chúng ta sẽ luôn là những tạo vật có giới hạn vì chúng ta được tạo nên. Chúng ta

sẽ là tạo vật có giới hạn ngay cả ở thiên đàng bởi vì mỗi người chúng ta đều có sự khởi đầu. Chúng ta cũng không thể hiểu hết mọi sự giống như Đức Chúa Trời được. Vì Lời Chúa phán rằng: “Vì các tầng trời cao hơn đất bao nhiêu, thì đường lối ta cao hơn đường lối các người, ý tưởng ta cao hơn ý tưởng các người cũng bấy nhiêu”. Chúng ta sẽ có cả cõi đời đời để biết thêm nhiều điều mới mẻ khác nữa.

Loài người là bất toàn nhưng được cứu rỗi

Chúng ta cũng thấy trong sách Sáng Thế Ký, loài người được tạo nên rất hoàn hảo và vui vẻ trong mối liên hệ với nhau và với Đức Chúa Trời. Mỗi ngày, Chúa đều đến gặp họ, đi lại và trò chuyện với họ, rất gần gũi và rất cá nhân. Dầu vậy, A-đam và Ê-va đã phạm tội khi ăn trái cấm mà Đức Chúa Trời đã dặn họ không được đụng đến. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời không bỏ rơi họ. Ngài giải thích điều họ đã làm và hậu quả là gì. Rồi trước khi tấn bi kịch kết thúc trong chương 3, Đức Chúa Trời đã hứa sẽ có một Cứu Chúa đến để giải cứu họ và dòng dõi của họ.

Đó là một chi tiết thoáng qua về sự cứu rỗi trong sách Sáng Thế Ký vì còn phải có rất nhiều điều khác nữa xuyên suốt Cựu Ước phải được bày ra cho đến lúc sự ứng nghiệm xảy ra khi Chúa Jêsus đến thế gian, Ngài đã sống, chịu chết trên thập tự giá và sống lại – tất cả là để khiến chúng ta trở nên mới – được tinh sạch, được tha thứ và sẵn sàng cho công tác của Ngài.

Được tạo nên để làm việc có ý nghĩa

Đức Chúa Trời đã tạo nên mỗi người để chúng ta tìm thấy sự thích thú và thoả mãn trong công việc của mình. Đó là khía cạnh trong việc tạo nên chúng ta theo ảnh tượng của Ngài. Đấng tạo hoá là Đức Chúa Trời đã tạo nên chúng ta để trở thành “những người biết sáng tạo”. Khả năng sáng tạo của chúng ta có giới hạn, còn Ngài là Đấng vô hạn. Nhưng Ngài ban cho chúng ta sự tự do thật để sáng tạo. Chúng ta có thể nảy ra những ý tưởng mới và tạo ra nhiều thứ chưa từng có trước đây.

Điều này là có thật ngay trong vườn địa đàng, trước khi A-đam phạm tội. Đức Chúa Trời đã ban cho ông một công việc sáng tạo đó là đặt tên cho các loài vật. Đó là công việc rất thú vị! Hãy tưởng tượng mà xem – bạn là người đầu tiên nhìn thấy một loài vật to lớn như con voi. Bạn sẽ gọi nó là gì?

Đức Chúa Trời vẫn muốn chúng ta tiếp tục sáng tạo. Khi chúng ta được làm con của Ngài bởi đức tin nơi Đức Chúa Jêsus Christ, Ngài hứa rằng Đức Thánh Linh sẽ dẫn chúng ta vào mọi lẽ thật. Chúng ta không nên hạn chế công việc của Đức Thánh Linh ở trong chúng ta, chỉ hãy giới hạn Ngài đối với những việc làm của tôn giáo mà thôi. Ngài muốn chúng ta có thể sáng tạo, giống như Ngài, có những sáng kiến giúp ích cho từng khía cạnh của đời sống.

Ngài có kế hoạch cho cuộc đời chúng ta vượt xa mọi sự suy tưởng. Đức Chúa Trời muốn đem vương quốc của Ngài đến trên đất này thông qua chúng ta. Tất nhiên, Ngài muốn sử dụng chúng ta để đem mọi người trở lại cùng Ngài. Nhưng Ngài còn muốn chúng ta tạo ra những sản phẩm và những phương cách mới để giúp đỡ người khác. Ngài muốn người nào thuộc về Ngài tìm ra những phương thuốc chữa bệnh và tạo ra đủ loại nghệ thuật để khích lệ tinh thần con người. Ngài

còn muốn người nào thuộc về Ngài tìm ra những cách mới để nâng cao sức khoẻ, tạo việc làm và khiến cuộc sống tốt đẹp hơn cho mọi người. Mọi điều tốt lành và hoàn hảo đều đến từ Đức Chúa Trời. Không có giới hạn nào khi con người đồng công với Đức Chúa Trời.

BẠN CÓ THỂ BIẾT LỄ THẬT

Lễ thật mà chúng ta đang sở hữu là nguyên tắc thứ ba để thay đổi các quốc gia được tìm thấy ở mấy chương đầu của sách Sáng Thế Ký. Lễ thật căn bản nhất được thấy rõ ràng trong câu Kinh Thánh đầu tiên: *Ban đầu Đức Chúa Trời*. Mỗi lễ thật đều bắt nguồn từ: Đức Chúa Trời là ai. Ban đầu Đức Chúa Trời đã tạo nên. Ngài tạo nên không chỉ vật chất mà còn có cả luật pháp, nguyên tắc và lễ thật. Có chân lý tồn tại bởi vì Đức Chúa Trời đã tạo nên nó.

Dữ kiện “thực tế”

Trên kênh truyền hình TV ngày xưa, có đài an ninh hay nói về ngày Thứ Sáu Của Trung sĩ Joe luôn có vẻ mặt ngây ngô nói rằng: “Hãy cho tôi biết thực tế, thưa bà. Thực tế đâu”. Để giải quyết vấn đề, người thám tử không cần đến quan điểm, mấy chi tiết linh tinh, hay bộc lộ cảm xúc gì cả. Điều ông cần là

những dữ kiện thực tế - những gì đã xảy ra một cách chính xác và như thế nào. Nói cách khác, ông cần sự thật.

Chúng ta cũng có nhu cầu như vậy trong đời sống. Chúng ta cần biết sự thật.

Xung quanh chúng ta có rất nhiều phiên bản của “sự thật” không đếm hết được, vài thứ được trình bày một cách rất thuyết phục. Chúng ta thường nghe thấy những điều đại loại như: “Ai cũng biết đó là xu hướng để làm việc” hay “Cuộc sống là như vậy”. Chúng ta thấy nhiều người có đời sống thành công đến nỗi trở thành hình ảnh nổi tiếng, là tấm gương để chúng ta sống noi theo. Các chuyên gia và lãnh đạo nói cho chúng ta biết cách để giải quyết nhiều vấn đề và đất nước chúng ta cần phải làm gì – thường thì những gợi ý đó không hề giống nhau. Thật ra, thông điệp và quan điểm của họ thay đổi liên tục.

Chúng ta cần biết điều gì mới *thực sự* là sự thật, một chân lý để chúng ta có thể trói buộc cuộc đời mình. Tiến sĩ Schaffer nói có một chân lý – một lẽ thật luôn luôn và thành toàn là sự thật – chúng ta có thể nhận biết chân lý đó. Một lẽ thật trọn vẹn để có thể so sánh, có thể tìm thấy được trong toàn bộ Kinh Thánh.

Làm thế nào để chúng ta biết được điều nào là thật? Bởi vì chúng ta biết Đức Chúa Trời là ai. Ngài là chân lý có thật và Ngài bày tỏ với chúng ta. Ngài bày tỏ bằng nhiều cách: qua thiên nhiên, qua luật pháp của lương tâm được viết trong lòng chúng ta, qua Kinh Thánh, qua sự mặc khải cuối cùng là Chúa Jêsus.

Chúng ta biết lẽ thật vì Đức Chúa Trời đã bày tỏ qua sự sáng tạo của Ngài, đó là thiên nhiên.

Sứ đồ Phao-lô đã cho chúng ta biết điều này trong chương đầu tiên của sách Rô-ma. Khi chúng ta nhìn thấy thiên nhiên, chúng ta biết về Đấng tạo hoá. Chúng ta thấy Ngài yêu cái đẹp, sự trật tự; Ngài còn là Đấng vô cùng vĩ đại và quyền năng vượt ngoài khả năng suy tưởng của chúng ta. Chúng ta biết Ngài là Đấng rộng rãi và yêu thích sự đa dạng. Chúng ta còn có thể thấy tấm lòng thương xót, yêu thương không vị kỷ và thành tín của Đức Chúa Trời thông qua cách biểu hiện của các loài động vật. Thí dụ, tôi rất được cảm động khi theo dõi một bộ phim tài liệu của Pháp gọi là *Cuộc Di Cư Của Chim Cánh Cụt*. Bộ phim nói về sự quan tâm đầy hy sinh của con đực vì dòng giống của nó ở Antarctica. Con chim đực gần như phải nhịn đói trong nhiều tháng trời để che chở cho chim cánh cụt con qua trận bão tuyết, giữa trận gió rét liên tục rít lên hàng trăm dặm trong vòng một tiếng đồng hồ, còn nhiệt độ xuống thấp tới -80 độ F. Khi chúng ta nhìn thấy một hình ảnh giống như vậy trong thiên nhiên, chúng ta biết được một ít về Đức Chúa Trời là ai, Đấng đã tạo nên loài chim cánh cụt.

Chúng ta biết lẽ thật vì Đức Chúa Trời đã viết trên bia lòng của chúng ta luật pháp của Ngài và ban cho chúng ta lương tâm để cáo trách chúng ta về điều đúng và điều sai.

Không ai nói cho A-đam và Ê-va biết họ đã làm sai khi đã chọn ăn trái cấm. Vì đó là lần đầu tiên con người cảm thấy xấu hổ và mặc cảm tội lỗi. Khi Đức Chúa Trời đến thì họ trốn tránh Ngài.

Sứ đồ Phao-lô nói trong Rô-ma 2:14-15 rằng ngay cả những người chưa hề nghe biết Lời Chúa vẫn có luật pháp của

Ngài viết trên bia lòng của họ. Lương tâm họ cáo trách khi họ làm điều sai và nói cho họ biết khi họ làm điều đúng.

Tôi đã đến thăm từng quốc gia trên thế giới. Tôi đã nhìn thấy nhiều tư tưởng về tình yêu, trách nhiệm, điều đúng và điều sai, lương tâm và đạo đức vốn dĩ đã tồn tại trong mỗi nền văn hoá. Từng ngôn ngữ đều đã có những từ ngữ chỉ về cái đúng và cái sai, ngay cả trước khi có nền văn minh hay quyển Kinh Thánh.

Chúng ta biết lẽ thật vì Đức Chúa Trời đã bày tỏ chính Ngài cho con người qua lịch sử và đỉnh điểm là qua Đức Chúa Jêsus Christ.

Kinh Thánh là bằng chứng cho những sự mặc khải. Sứ đồ Phao-lô đã nói rằng cả Kinh Thánh đều là bởi Đức Chúa Trời soi dẫn. Tức là chúng ta cần phải có sự hướng dẫn cho cuộc sống của mình. Kinh Thánh được *Đức Chúa Trời hà hơi*, được ban cho để dạy dỗ chúng ta, bẻ trách, sửa trị và rèn luyện chúng ta trong sự công bình. Chúa hứa rằng trời đất sẽ qua đi, nhưng Lời Chúa sẽ còn lại.

Kinh Thánh không hề mơ hồ hay thay đổi khi đề cập về chân lý. Kinh Thánh cho chúng ta sự tuyệt đối. Tuy nhiên, không phải mọi thứ được lặp lại trong Lời Chúa đều cho thấy lẽ thật tuyệt đối. Thí dụ, Kinh Thánh có ghi lại những lời lẽ đầy kiêu ngạo muốn bẻ cong chân lý của Sa-tan. Cho nên, điểm tuyệt đối mà chúng ta cần tìm kiếm chính là Đức Chúa Trời, chính Ngài hà hơi vào Kinh Thánh. Kinh Thánh là chân lý vì Tác Giả của Kinh Thánh là Thần Lẽ Thật. Thật vậy, Ngài mới là định nghĩa cho chân lý hay lẽ thật.

Chúa Jêsus phán trong Giăng 14:6 rằng: “Ta là đường đi, chân lý và sự sống”. Ngài là chân lý. Bạn còn nhớ khi Chúa Jêsus đứng trước mặt Bôn-xơ Phi-lát không? Ngài phán với Phi-lát rằng Ngài đến thế gian để cho mọi người biết lẽ thật. Hễ ai muốn biết lẽ thật thì sẽ lắng nghe Ngài. Điều tiếp theo xảy ra thật đáng buồn. Phi-lát nhìn Chúa Jêsus, là hiện thân của lẽ thật, mà hỏi rằng: “Lẽ thật là gì?” Chúng ta không biết liệu Phi-lát có tìm ra câu trả lời không.

Sống nhờ lẽ thật

Lời Đức Chúa Trời không chỉ bày tỏ những dữ kiện về Đức Chúa Trời mà còn cho chúng ta biết lẽ thật về chính chúng ta nữa: “Vì lời của Đức Chúa Trời là lời sống và linh nghiệm, sắc hơn gươm hai lưỡi, thấu vào đến đổi chia hồn, linh, cốt, tủy, xem xét tư tưởng và ý định trong lòng”.

Lời của Ngài cho chúng ta biết phải sống như thế nào. Nếu bạn suy gẫm Lời của Đức Chúa Trời, bạn sẽ sống có kết quả.

Điều này nhắc tôi nhớ đến một cậu thanh niên người Mê-xi-cô ở trong Hội thánh của cha mẹ tôi nhiều năm trước. Tên của anh là Frank Yubeta. Frank có xuất thân rất khiêm tốn. Vào lúc tuyệt vọng nhất, cha mẹ tôi đang cố gắng mở ra một Hội thánh ở Sometton, Arizona – đó là một thị trấn nhỏ nằm ngay biên giới với Mê-xi-cô. Là một cậu thiếu niên, Frank đã biết giúp đỡ cha mẹ tôi xây một Hội thánh từ những viên gạch nung phơi ngoài nắng mà họ đã cùng nhau tạo ra.

Sau đó, Frank và vợ mới cưới của mình là Viola đã chuyển tới Bờ Tây. Họ có một ngôi nhà nhỏ, nhưng kể từ sau Chiến Tranh Thế Giới II, Frank đã bắt đầu xây nhiều ngôi nhà từ

những miếng gỗ hoang. Đến cuối đời, họ đã xây dựng thành công một xưởng gỗ bán lẻ tại Oxnard thuộc tiểu bang California, rồi cũng đồng thời hỗ trợ rất nhiều giáo sĩ và tổ chức. Con trai của họ là Frank Junior đã nói ra lý do thành công của cha mẹ mình như sau: họ đọc đi đọc lại sách Châm Ngôn rồi áp dụng các nguyên tắc thật thực tiễn trong kinh doanh.

Giống như Yubetas đã tìm ra chân lý là tuyệt đối. Bạn có thể xây dựng cuộc đời của mình bằng chân lý. Chân lý không bao giờ thay đổi và luôn thành toàn. Chân lý không có thay đổi đối với con người trong xã hội, giàu hay nghèo, lãnh đạo hay người dân, là CEO hay chỉ là người lau dọn. Ai cũng có thể biết được chân lý.

Đây là điều quan trọng mà chúng ta cần phải biết ngày hôm nay, chủ nghĩa hậu hiện đại đang tấn công chúng ta bằng những ý tưởng ngược lại – nói rằng không có gì là tuyệt đối. Cách nhìn này đến từ các triết gia phương Tây của thế kỷ 19, nhưng phương Đông đã tin vào cái không-có-gì-là-tuyệt-đối từ hàng ngàn năm qua. Gần như các tôn giáo ở Đông Nam Á dạy rằng chân lý luôn thay đổi và chúng ta không thể biết được. Các phật tử Mahayana ở Nepal có câu nói rằng: nếu bạn ngủ, mơ thấy mình là con bướm, thì khi thức dậy làm sao biết được bạn không phải là con bướm khi nằm ngủ, mà đó chỉ là giấc mơ?

Chính lối suy nghĩ này đã lan tràn khắp các nước ở Tây phương. Trong các trường đại học, các giáo sư khoa học xã hội dạy rằng chân lý là tương đối. Triết lý này đang phát triển phổ biến. Những lời phát biểu sau đây có quen thuộc không? *Bấy nhiêu có thể đúng với bạn, nhưng không đúng với tôi. Không có gì gọi là chân lý tuyệt đối. Mọi thứ đều là tương đối. Chúng ta đều có chân lý, nhưng chỉ khác nhau thôi.*

Nếu điều này đúng, thì tại sao lại có trường học làm gì? Tại sao chúng ta nỗ lực để học tập? Tại sao lại có trường đại học?

Khi thế kỷ 20 xuất hiện, nền kinh tế Mỹ bị rung chuyển bởi các vụ việc xảy ra ở Enron, WorldCom, và nhiều đoàn thể khác nữa. Hàng ngàn người mất đi những gì họ vốn có. Những người đã nghỉ hưu phải quay trở lại công việc bởi vì kế hoạch lương hưu của họ không còn nữa. Điều gì khiến Enron và WorldCom suy sụp? Đó là cách tính toán “quá sáng tạo” của họ đã làm cho những công ty nhìn có vẻ đang tạo ra rất nhiều tiền, mà thực ra lại đang thổi phồng giá vốn cổ phần của họ.

Tin tức đã gây sốc cả cộng đồng. Giới truyền thông đã phản ứng như thể chuyện không tin được đã xảy ra. Chúng ta đáng lẽ phải nhìn thấy điều đó xảy ra. Một cuộc thăm dò ý kiến gần đây của nhóm Barna ở Ventura, California, đã khám phá ra có nhiều người Mỹ không còn tin vào đạo đức tuyệt đối. 64% người Mỹ so với 22% còn lại nói rằng chân lý lúc nào cũng tương đối theo quan điểm cá nhân và hoàn cảnh của người đó. Lối suy nghĩ này sẽ làm hao mòn nhiều xã hội bằng nhiều cách, bao gồm những cơ quan kinh tế của chúng ta. Sau cùng, nếu bạn không tin vào những nguyên tắc đúng sai không dời đổi, thì điều gì sẽ giữ cho các kế toán viên của bạn có sự thành thật?

Khoa học lệ thuộc vào chân lý tuyệt đối

Ngay cả nhiều nơi đang có các trường đại học phương Tây dạy về tính tương đối, thì các giáo sư vật lý vẫn còn giữ lấy tính tuyệt đối. Phương pháp khoa học nói rằng bạn có thể khám phá lẽ thật bằng cách phát hiện và xác định vấn đề, tạo ra một

giả thuyết, thu thập các dữ kiện có sẵn, thí nghiệm thử, dẫn đến kết luận, rồi công bố khám phá mới. Phương pháp này lệ thuộc vào cái tiền đề nói rằng chân lý không hề thay đổi và chúng ta có thể nhận biết chân lý.

Kỹ thuật hiện đại từ thế giới phương Tây sẽ không thể phát triển nếu không dựa vào chân lý tuyệt đối được tìm thấy trong các nguyên tắc Kinh Thánh. Cho dễ hiểu hơn, để đặt chân lên tới mặt trăng, chúng ta phải cân nhắc sẽ phóng tàu tên lửa đi hướng nào – hướng lên hay hướng xuống. Cây cầu treo bắc ngang Vịnh San Francisco có thể chịu được sức nặng của hàng trăm hàng ngàn chiếc xe hơi, xe tải và tàu lửa từ năm này sang năm kia vì nó được xây dựng dựa theo một chân lý tuyệt đối không hề thay đổi và có thể nhận biết được. Hãy suy nghĩ về điều đó. Bạn có muốn đi máy bay nếu các định luật vật lý cứ thay đổi mỗi ngày không?

Giáo lý ba ngôi méo mó

Chân lý tương đối không có chỗ trong khoa học cũng như về mặt đạo đức. Có thể phải mất rất lâu để nhìn thấy kết quả xảy ra mỗi ngày, nhưng vấn đề là chúng ta có đang sống với chân lý hay sự dối trá. Hiện nay, tiêu chuẩn sống ở các nước phương Tây là tốt nhất trên thế giới bởi vì các lãnh đạo, ngay cả những người chưa tin Chúa, vẫn đang sử dụng một phần nào đó các nguyên tắc từ Kinh Thánh. Tiếng phán của Đức Chúa Trời đang vang dội trong các trụ sở, luật pháp, ngôn ngữ và văn hoá. Bên cạnh đó, các tín hữu phương Tây đang kiểm soát 50% tài nguyên của thế giới. Nhưng nếu chỉ có một vài thế hệ không vui mình vào sự tham lam, hối lộ và bất công, thì

các quốc gia phương Tây vẫn có thể bị nhận chìm trong cảnh nghèo đói.

Chỉ cần nhìn vào rất nhiều quốc gia đang sống trong sự nghèo đói ngày hôm nay bởi giả thuyết ba ngôi méo mó là tham lam, hối lộ và bất công. Vài năm về trước, tôi đến thăm đất nước Công-gô, lúc đó còn gọi là Zaire. Kẻ cầm quyền độc tài là Mobutu đang thống trị và bóc lột đất nước Công-gô. Hắn thu góp một khối lượng tài sản cho riêng mình bằng sự tham nhũng. Mobutu có đủ tiền trong tài khoản ngân hàng của hắn tại Thụy Sĩ để trả hết các khoản nợ cho từng quốc gia ở châu Phi mà sau đó vẫn còn được coi là người giàu nhất lục địa. Khi tôi đến thăm Công-gô, các ngân hàng bị đóng cửa. Tôi cố gắng đổi tiền, nhưng người đổi tiền nói họ không thể làm được – họ không có tiền trong ngân hàng. Nhưng đất nước Công-gô có rất nhiều vàng, bạc, kim cương, đồng, dầu hoả và nhiều mặt hàng có giá trị khác. Ngoài số tài nguyên đáng giá đó, đất nước Công-gô là một trong những quốc gia nghèo nhất trên đất. Họ có bề dày lịch sử rất đau thương: các thế lực thực dân cướp phá Công-gô trong nhiều năm; rồi đến những kẻ độc tài tham lam và nhiều thủ lĩnh tàn ác đã lột trần đất nước này.

Chúng ta có thể mất tất cả

Giờ đây, tình trạng tham nhũng như thế đang hoành hành ở phương Tây. Chúng ta mới nhìn thấy điều đó trong giới chức nhà nước, trong Liên Hiệp Quốc, và trong khía cạnh thương mại thế giới. Nhiều đại diện từ các đoàn thể trên thế giới đang làm việc trong các lĩnh vực thương mại mới mở ra đã bị sức ép liên tục buộc phải chạy theo thể thức hối lộ và các thoả thuận

tiền bạc ở địa phương. Họ được nói cho biết rằng đó là “giá trả cho việc làm kinh doanh” ở một số nơi trên thế giới.

Một nhóm các luật sư quốc tế gọi là Tổ Chức Minh Bạch Quốc Tế (Transparency International) đã làm việc từ lâu cho đến ngày hôm nay để đấu tranh chống nạn tham nhũng trong giới chức nhà nước và ngành thương mại trên thế giới. Tổ chức này đã cho xuất bản một danh mục Nhận Thức Về Tham Nhũng để tập trung sự chú ý của quốc tế trước tệ nạn này. Là những người tin Chúa, chúng ta chỉ có thể vỗ tay tán thưởng cho nỗ lực tìm cách ngăn trở tệ nạn tham nhũng của tổ chức này thôi sao?

Tuy nhiên, chỉ ra một bảng danh mục và kêu gọi một hội nghị tập trung giải quyết vấn đề sẽ không bao giờ là đủ. Không có các tiêu chuẩn của chân lý, tức là ai sẽ nói cho biết như thế nào là phạm tội hay không phạm tội tham nhũng? Chúng ta cần có Kinh Thánh. Vì khi đó chúng ta mới biết chân lý tuyệt đối là gì. Qua Lời Chúa, chúng ta có thể biết được lẽ thật sẽ giải phóng chúng ta được tự do.

CHÚNG TA CÓ TRÁCH NHIỆM SỐNG THEO LỄ THẬT

Chúng ta cũng tìm thấy nguyên tắc biến đổi quốc gia thứ tư trong những chương đầu của sách Sáng Thế Ký, đó là: chúng ta có trách nhiệm sống theo lễ thật. Đức Chúa Trời đã ban cho A-đam và Ê-va không chỉ có trách nhiệm trong việc chăm sóc vườn Ê-đen, mà còn không được ăn trái của những cây giữa vườn. Chúng ta đều biết kết cục bi thảm đã xảy ra khi họ hành động thiếu trách nhiệm và phớt lờ lễ thật, họ đã chọn lắng nghe những lời dối trá từ con rắn.

Ngày nay, Đức Chúa Trời tiếp tục bày tỏ lễ thật với chúng ta, là cái chúng ta cần phải có trách nhiệm trong việc làm theo. Vì chúng ta có thể biết được lễ thật, cho nên chúng ta có trách nhiệm sống làm theo và luôn đeo đuổi lễ thật.

Chúng ta không thể thoát khỏi hiện thực này, cho dù chúng ta có cố gắng từ chối sự tồn tại của Đức Chúa Trời đi nữa. Một người bạn của tôi tên là Friedrich Schock, anh là người Đức, một nhà tư bản công nghiệp, đã nghỉ hưu, nhưng vẫn còn tham gia vào nhóm lãnh đạo chính trị ở đất nước của mình.

Anh nói với tôi về một cuộc họp tại Berlin, đó là những ngày sắp sửa sụp đổ của Liên Ban Xô-viết. Trong cuộc họp, Herr Schock nghe thấy bộ văn hoá và tôn giáo của Xô-viết nói rằng không quốc gia nào có được quyền tự chủ trừ khi luân lý được thực thi trong nhân dân. Rồi bộ trưởng Xô-viết còn nói không thể có luân lý mà không có tôn giáo – ông đã nói thêm rằng chính ông là một người vô thần, cho nên ông không hiểu tại sao điều này lại quá rõ ràng đến như vậy!

Bộ trưởng Xô-viết đó đã nói lên một chân lý mà chính ông không hiểu nổi. Nguyên lý đạo đức là điều vốn có trong Đức Chúa Trời công bình là Đấng tốt lành và là Đấng luôn làm ra sự tốt lành. Đức Chúa Trời tạo nên chúng ta là những hữu thể có đạo đức, tức là loài người biết điều đúng và điều sai, và có trách nhiệm trong việc lựa chọn giữa hai điều này. Khi chúng ta chọn sự tốt lành, chúng ta đang chọn lấy lẽ thật và sống theo đường lối Đức Chúa Trời đã tạo nên trong chúng ta. Điều này cho phép các phước hạnh tuôn đổ trên các quốc gia.

Những người góp công hình thành Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ biết rõ hệ thống chính quyền mới mẻ chỉ có được hiệu quả khi nhân dân của họ sống có đạo đức và trách nhiệm. Một trong những người lập quốc đó là Samuel Adams đã từng nói rằng: “Một khi các nguyên tắc và đường lối không còn được áp dụng nữa, thì chắc chắn sẽ phá huỷ sự tự do của nước Mỹ còn hơn là có nhiều thế lực thù địch vây quanh”. Khi con người sống có đạo đức, họ không thể bị khuất phục; nhưng một khi đánh mất đạo đức, con người sẵn sàng đầu hàng trước bất kỳ thế lực xâm lăng ở trong và ngoài”.

Bỏ qua những gì bạn thường nghe, Kinh Thánh và đức tin đã ảnh hưởng sâu đậm đến rất nhiều Nhà Lập Quốc của Mỹ. Trong một lần xem lại mười lăm ngàn tài liệu từ các Nhà Lập

Quốc, có đến 94% những câu trích dẫn ngắn của họ đều dựa vào Kinh Thánh dù là trực tiếp hay gián tiếp.

Các nền móng mục nát

Người Mỹ có còn giữ lại lý tưởng của các Nhà Lập Quốc không? Đất nước mà tôi đã lớn lên có đang sống với trách nhiệm, tận dụng các phước hạnh đã được lưu truyền một cách khôn ngoan chăng? Không, họ đã không làm được. Trái tim tôi đau lòng khi nhận ra nước Mỹ đã bỏ đi nền móng Kinh Thánh.

Daniel Webster, một thượng nghị sĩ và là tổng thư ký Mỹ vĩ đại qua ba đời tổng thống vào thế kỷ 19 đã từng nói rằng: “Chúng ta không nên bỏ quên nét đặc sắc trong tôn giáo vốn có của mình. Cha ông chúng ta đã xây dựng lòng tôn kính đối với Cơ Đốc giáo... Họ đã cố gắng kết hợp các nguyên tắc của Cơ Đốc giáo vào trong các yếu tố của xã hội, rồi phổ biến ảnh hưởng của nó trong các trụ sở, luật pháp, chính trị hay giáo dục”.

Nước Mỹ đã nhận được rất nhiều chân lý và có trách nhiệm sống với chân lý. Ai biết được nước Mỹ sẽ đối diện với điều gì nếu cứ tiếp tục từ bỏ di sản to lớn của họ?

Trách nhiệm = làm điều đúng trong khả năng

Những lựa chọn và thái độ cư xử có trách nhiệm được gọi là *sự công chính*. Thiếu trách nhiệm gọi là *tội*. Mỗi trang trong Quyển Sách dạy chúng ta biết rằng: hễ khi nào con người vâng

lời Đức Chúa Trời, họ chắc chắn nhận được những phước hạnh. Khi họ không vâng lời, họ nhận lấy sự rủa sả.

Khi chúng ta nghe đến mấy từ như *phước hạnh* và *rủa sả*, thì có lẽ chúng ta tưởng rằng Đức Chúa Trời đang coi chừng mỗi hành động của con người. Thay vì thế, tôi tin rằng trách nhiệm được nhìn thấy rõ qua quy luật gieo gì gặt nấy. Mỗi hành động đều đem lại kết quả một cách tự nhiên. Ngay cả về phương diện hữu cơ.

Hãy nghĩ đến việc có trách nhiệm giống như “làm điều đúng trong khả năng để vâng theo lẽ thật”. Những người biểu tình thường lên tiếng đòi thêm quyền lợi. Nhưng có ai nhìn thấy một đám đông hô hào phải sống có trách nhiệm hơn không? Chúng ta thường muốn có trái tốt mà không ngó ngang đến gốc rễ.

Hãy hình dung một quốc gia giống như một cái cây. Nó được đâm rễ dưới lớp đất gọi là thế giới quan – tức là: quan điểm của quốc gia đó về thế giới thực. Một đất nước tin điều gì là thật sẽ hình thành nên gốc rễ của đất nước ấy. Từ những gốc rễ sẽ phát triển thành thân cây – là các giá trị của một quốc gia. Những nhánh cây là luật pháp, chính sách và tập tục. Lá cây là những biểu hiện văn hoá đa dạng. Trái cây được sinh ra – dù là sự tự do và phồn thịnh hay nô lệ và nghèo đói. Cuối cùng, các hạt giống ở trong trái cây bắt đầu lại quá trình sinh trưởng của cây, làm đầy đầy mặt đất khi chúng được người gieo giống rải đi khắp nơi.

Bạn có thể đếm được bao nhiêu hạt giống ở trong một trái cây chẳng? Được chứ. Nhưng bạn không thể đếm được bao nhiêu trái cây sẽ kết quả từ một hạt giống. Trái của cây – chính là sự lan tràn của phước hạnh hay rủa sả – xuất phát từ gốc rễ và thân cây – đó là hệ thống niềm tin và giá trị của một quốc gia. Khi hệ thống niềm tin có được đại đa số người dân trong

nước gìn giữ lấy, sẽ tìm thấy ích lợi từ lễ thật hay sự suy đồi từ sự dối trá.

Những năm gần đây, chúng ta đã thấy rất nhiều quốc gia muốn vươn đến nền dân chủ. Nhưng để có được nền dân chủ, người dân phải sống có trách nhiệm. Bạn không thể sống với kết quả của một nền dân chủ mà không có gốc rễ và thân hình của lễ thật, cũng như giá trị đạo đức từ Kinh Thánh. Để cho nền dân chủ vận hành tốt, một đất nước phải có được đại đa số người dân sống lệ thuộc vào Lời Chúa, coi đó như là sự hướng dẫn để cai trị nhà nước và các khía cạnh còn lại của xã hội.

Quy tắc thiểu số

Trong các nền dân chủ, chúng ta thường nói đến các quy tắc đa số. Nhưng Kinh Thánh không nói đến đa số. Kinh Thánh nói nhiều về sức mạnh của một tập thể thiểu số hay số còn dư thừa lại. Lời Chúa cho chúng ta thấy số ít có thể thay đổi cả một đất nước như thế nào. Thí dụ như Ghi-đê-ôn. Ông và vài người giỏi đã đánh bại một đội quân tàn ác mạnh hơn mình và đem dân Y-sơ-ra-ên quay trở lại sự vâng lời và tin cậy Đức Chúa Trời.

Cũng vậy, xuyên suốt lịch sử đã chứng minh: quy tắc thiểu số là đúng. Chúng ta thấy trong chương 14, chỉ có ít người tin Chúa tại Geneva đọc biết về sự thương xót của Đức Chúa Trời và các thành ẩn náu trong Cựu Ước đã cho họ ý tưởng giúp đỡ “người tị nạn”. Một nhóm thiểu số cùng sống đạo với nhau đã áp dụng nguyên tắc Kinh Thánh vào thực tiễn tại thành phố Geneva, xây thêm nhiều tầng trên chính ngôi nhà của họ để có

chỗ ở cho người tị nạn. Họ tạo ra một di sản bày tỏ lòng thương xót đối với những người tị nạn vẫn còn sinh sống tại Thụy Sĩ cho đến ngày hôm nay.

Thật quan trọng để ghi nhớ điều này trong tâm trí chúng ta, hay chúng ta cảm thấy sẽ gặp thất bại trước khi dám bắt đầu. Có lẽ bạn đã nghĩ về mình: *tôi đang cố gắng làm điều đúng, nhưng chỉ có mình tôi. Nhiều người đang sống cuộc đời không tin kính! Làm thế nào cuộc đời tôi có thể đem đến sự khác biệt?*

Hãy nhớ, Chúa Giêsu đã phán chúng ta là muối của đất. Hãy nghĩ về điều này một chút. Muối là một phụ chất, là *một thứ khác thường*. Khi bạn thêm muối vào đồ ăn, nó liền trở nên vô hình. Nhưng lại cho thấy một sự khác biệt hoàn toàn sau đó – nó thêm vào hương vị và giữ cho đồ ăn không bị hư.

Chúng ta không cần phải trở nên vĩ đại và mạnh mẽ. Chúng ta không cần phải trở thành phát thanh viên trên TV mỗi tối hay là một chuyên gia nổi tiếng thế giới tại chỗ của mình. Tất cả những gì chúng ta làm là duy trì độ mặn của mình. Hãy trở nên đúng như cách Đức Chúa Trời đã tạo nên chúng ta và thực hiện phần của mình. Nếu chúng ta không làm, nếu chúng ta đánh mất vị mặn của mình, thì giống như Ma-thi-ơ chương 5 nói rằng chúng ta sẽ không còn giá trị, không còn hữu dụng trong nước của Đức Chúa Trời.

Hãy nhớ ai có toàn quyền trong dự án lớn này: Ngài là Đấng tạo hoá toàn năng trong cả cõi vũ trụ. Ngài là Đấng có được bức tranh toàn cảnh, Ngài biết điều gì cần phải hoàn thành và kết cục sẽ như thế nào. Ngài là Đấng tạo nên bạn và cũng là Đấng có quyền hoàn thành kế hoạch của Ngài. Ngài còn là Đấng sẽ dùng bạn và sự vâng lời của bạn một cách tốt nhất để đem đến sự chữa lành trong thế giới đầy sự tan vỡ này.

TẠI SAO CÁC QUỐC GIA GIÀU NGHÈO

Điều gì làm suy sụp một quốc gia? Đơn giản là sự rời bỏ Lời Đức Chúa Trời – đặc biệt là những nền tảng được tìm thấy trong các chương đầu của sách Sáng Thế Ký. Khi một quốc gia phớt lờ những điều này, đất nước ấy bắt đầu hướng tới sự bại hoại. Không có ngoại lệ nào cả. Không có vai trò lãnh đạo hay quyền thế hay tình trạng kinh tế nào là còn lại mãi.

Hãy nhìn lại những lẽ thật căn bản từ Lời Chúa...nhưng lần này, hãy đồng thời nghĩ đến chuyện gì xảy ra nếu chúng ta rời bỏ Lời Chúa:

- Đức Chúa Trời là Ai: chúng ta hoán đổi lẽ thật về Đức Chúa Trời là ai với một sự dối trá.
- Chúng ta là ai: chúng ta thiếu hiểu biết về chính mình, được tạo nên theo ảnh tượng của Ngài, là người nam và người nữ, có giá trị như nhau.
- Lẽ thật không thay đổi, có thể lĩnh hội: chúng ta

đánh mất ý tưởng về lẽ thật là cái có thật và không thay đổi, chúng ta có thể nhận biết rõ lẽ thật.

- Trách nhiệm của con người là sống với lẽ thật: chúng ta chối bỏ trách nhiệm của mình khi có những lựa chọn, cả về cá nhân lẫn tập thể.

Nếu một quốc gia mất đi các nền móng này thì có thể chỉ còn là một nước không phát triển. Điều đó có thể xảy ra trong vòng ba hay bốn thế hệ.

Điều gì tạo nên sự khác biệt

Hãy cùng tôi nhìn vào khung cảnh mà tôi vẫn thường quan sát. Chúng ta có thể thấy ở ngoài bất kỳ đại sứ quán của phương Tây tại các nước đang phát triển. Ánh mặt trời nhiệt đới nóng nực rọi trên đầu và đôi vai của những người xếp hàng dài ở dưới đường. Họ mặc những bộ đồ đẹp nhất của mình, giống như thể họ đang đến tiệc cưới hay đi nhà thờ.

Thỉnh thoảng, khi cửa mở và một luồng hơi lạnh toát ra để chỉ cho phép một người bước vào. Số còn lại phải đứng bên ngoài, thay đổi tư thế, lau đi chùi lại những giọt mồ hôi. Mấy bà mẹ nào cũng cúi gắt với con cái. Gần như mọi người đã đứng xếp hàng từ lúc mặt trời mọc. Đến trưa, cái hàng lại nhiều thêm, kéo dài đến khúc quanh của bức tường. Nhưng không người nào bỏ về. Người ta rất kiên nhẫn chờ đợi tới lượt mình vào xin thị thực, hy vọng sẽ được đi đến đất nước mong muốn. Người nào không được vào hôm nay sẽ lại đến vào ngày mai, rồi ngày tiếp theo và sau đó nữa. Chẳng có gì là thoải mái.

Người nào muốn có tương lai tươi đẹp cho mình và con cái

của họ đều phải xếp hàng trước đại sứ quán của các nước phương Tây. Nhưng không ai xếp hàng dài ở đại sứ quán của Cu-ba hay Sudan hay là Ấn Độ. Tại sao vậy? Tại sao hàng triệu người cố gắng trở thành công dân của nhiều quốc gia khác như vậy? Có gì đó khác biệt giữa những quốc gia hay sao? Tại sao lại có nước nghèo và nước giàu, khiến người dân của nước này hy vọng một cuộc sống tốt hơn ở nước kia?

Kìm hãm tiềm năng con người

Hơn 50 năm đi lại các quốc gia, tôi đã quan sát thấy ba điều làm cho một quốc gia trở thành nước nghèo, người dân ở đó không thể tận dụng tiềm năng con người của họ. Ba điều đó là cái chúng ta đã gọi là thuyết ba ngôi méo mó ở trong chương 18 là: tham lam, hối lộ và bất công. Những điều đó hoàn toàn ngược lại với đặc tánh của Đức Chúa Trời, với ý muốn của Ngài dành cho con người, với trách nhiệm sống đúng với lẽ thật của mỗi người.

Tôi đã nhìn thấy ảnh hưởng của những điều xấu xa này ở các nước nghèo. Ở đây không nói mọi người ở những quốc gia đó đều tham lam, hối lộ và bất công. Nhưng đó là những đặc điểm nổi bật nhất. Nếu đa số những người có vị trí quyền lực nhất lại tham lam; hối lộ là kết quả của sự tham lam – làm và nhận của đút lót, rồi tống tiền, thì sự bất công rất lớn, là điều không thể tránh khỏi, sẽ kéo theo.

Nói “đa số” nghĩa là gì? Nó không phải là một phần trăm nào đó, mà chúng ta có thể nói là 25% cho đến 35%. Nó không phải là một con số lớn lao gì cả. Bạn sẽ thấy cái đa số này khi nhìn thấy biến chuyển trong xã hội. Đó là cái dễ nhìn thấy nhất.

Nhiều năm trước khi tôi ngồi xe ta-xi, tài xế là một người Philippines đã phàn nàn về tình trạng tham nhũng của Tổng thống Marcos. Tôi hỏi anh ta: “Làm sao anh biết ông ta có tham nhũng?”

Người tài xế trả lời: “Ông ấy trả tiền cho người nào bỏ phiếu cho mình”.

Tôi hỏi: “Làm sao anh biết điều đó?”

“Thì tôi được trả tiền để bỏ phiếu mà”.

Người tài xế ta-xi không thể nhận ra Marcos không phải là người duy nhất tham nhũng. Quan chức nhà nước bất lương chỉ có thể vận hành khi có những người bất lương hợp tác với họ.

Mỗi quốc gia đều có những người tự nguyện sống tham lam, hối lộ và bất công. Nhưng khi họ đứng vào vị trí cầm quyền, thì sẽ làm tan nát đất nước mình.

Cũng vậy, không phải theo Chúa để đất nước mình được vươn lên. Chúng ta đang tìm hiểu các quốc gia tự huỷ hoại chính mình như thế nào. Nhưng các nguyên tắc đó cũng có sự hiệu quả trong hướng ngược lại. Bất kỳ quốc gia nào đối sự tham lam để giữ lấy tinh thần rộng rãi, bất kỳ đất nước nào có nhà nước làm sự công bình và chính trực, đều có sự tăng trưởng nền kinh tế và sự tự do ở trong nước.

Tại sao chúng tôi nghèo quá?

“Tại sao chúng tôi nghèo quá?” Đây là câu hỏi mà tôi phải trả lời trong cuộc họp với nội các chính phủ và nhiều lãnh đạo cấp cao của một đất nước ở Tây Phi. Vào tháng 9 năm 1996, tôi

nhận được cuộc gọi mời đến gặp Tổng thống Mathieu Kérékou ở Benin.

Tổng thống Kérékou từng là một nhà độc tài ở Benin. Trước kia ông là một người vô thần (và là người vô thần). Ông là bạn rất thân của Kim Il Sung và còn đến thăm đất nước Bắc Triều Tiên vô thần để tìm kiếm đường hướng cho đất nước mình sau này.

Vào năm 1990, Tổng thống Kérékou nhìn thấy chủ nghĩa vô thần đang sụp đổ ở nhiều nơi trên thế giới. Ông quyết định chế độ dân chủ tốt hơn là chủ nghĩa vô thần, cho nên ông đã thông báo với người dân rằng: “Nhân dân có thể tự chọn lãnh đạo tiếp theo của đất nước”. Ông đã sắp xếp một cuộc bầu cử tự do, còn người dân đã loại ông khỏi bộ máy nhà nước.

Bốn năm sau, Mathieu Kérékou tin nhận Đấng Christ và đã đem sự nhiệt thành vốn có của mình vào trong niềm tin mới. Một người trước kia từng là một nhà vô thần và là người vô thần, thì giờ đây ông đã trở thành một người sốt sắng đi theo Chúa Giêsu. Ngay lập tức ông đã bắt đầu làm chứng, chia sẻ về Chúa với người dân ở đất nước mình. Vào năm 1996, họ đã bầu ông làm tổng thống trở lại.

Tổng thống Kérékou đang đọc mấy quyển sách của tôi. Tôi nghĩ mình được ông tin tưởng. Thế là, ông đã cho mời tôi đến dạy ông biết cách làm một lãnh đạo theo đúng Lời Chúa. Hầu hết người dân trong nước hoặc là người Hồi Giáo hoặc là người tin vào tà thuật, nhưng ông tin rằng điều đó có thể thay đổi.

Sau khi tôi đến gặp ông, Tổng thống Kérékou đã mời tôi chia sẻ với nội các chính phủ, các bộ trưởng và đại diện các ủy ban, tất cả là ba mươi người. Sau khi tôi gặp nhóm người này, thì các lãnh đạo ở Benin liền có những câu hỏi. Một thành viên

thuộc nội các chính phủ hỏi rằng: “Tại sao chúng tôi lại nghèo quá? Chúng tôi thuộc một trong số mười-lăm đất nước nghèo nhất thế giới”. Rồi ông ta tự mình cố gắng trả lời câu hỏi: “Benin chỉ có năm tài nguyên tự nhiên”. Ông kể tên ra.

Tôi nói rằng: “Quý vị không nghèo vì quý vị thiếu tài nguyên khoáng sản. Hãy nhìn đất nước Thụy Sĩ! Họ có rất ít tài nguyên, nhưng lại rất giàu có”. Tôi tiếp tục nói về sự phồn vinh của Thụy Sĩ đã xảy ra vì người dân muốn sử dụng sản phẩm của họ. Dù họ sản xuất một thỏi sô-cô-la hay đồng hồ, mọi người biết Thụy Sĩ sẽ tạo ra sản phẩm rất chất lượng. Hơn nữa, bạn không thể tạo ra chất lượng mà thiếu sự chánh trực. Thụy Sĩ có sự chánh trực. Họ còn quan tâm rất nhiều đến công lý và tính rộng rãi – từng ngôi làng đều có một dự án từ thiện, đặc biệt là dành cho người tị nạn.

“Quý vị cần nhiều người có sự chánh trực và phẩm chất tốt”, tôi nói với Tổng thống Kérékou và nội các của ông. “Benin sẽ phồn vinh khi đa số người dân có phẩm chất tốt”.

Tôi nhìn khắp phòng. Tôi có thể thấy mọi người đang lắng nghe chăm chú. Khi ra về, tôi cảm thấy mình đã cho họ biết lẽ thật – một điều có thể thay đổi quốc gia của họ. Một thay đổi thực sự sẽ xảy ra ở Benin và cũng sẽ xảy ra ở nhiều nước khác – khi họ từ bỏ những thứ như tà thuật và càng có nhiều người được biến đổi khi đầu phục trước Lời Chúa. Đó là điều cần phải trải qua nhiều thế hệ. Không quốc gia nào được xây dựng chỉ qua một đêm. Phát triển phẩm chất cần có thời gian, đối với từng cá nhân cho đến các quốc gia.

Sự chánh trực là điều rất quan trọng đối với nền kinh tế của một đất nước. Chúng ta không tin tưởng người gian lận trong những việc như lo liệu kỹ thuật hay kiến trúc các ngôi nhà chọc trời, hoặc là chế tạo những chiếc máy bay chẳng hạn. Sự ngay

thắng là chìa khoá để quản lý các vốn đầu tư, ngân hàng và giao dịch thuộc nhiều lĩnh vực. Nếu một người gian lận, thì người đó sẽ gian lận cả việc lớn lẫn những việc rất nhỏ. Bạn không muốn có những người bất lương xây dựng cầu đường, vì những chiếc cầu như thế sẽ không an toàn. Cũng vậy, bạn cũng không muốn những người bất lương quản lý quỹ trợ cấp hưu trí của mình đâu.

Có và không có

Một quốc gia chỉ có vài người liêm chính là không đủ. Một đất nước cần có thật nhiều người như vậy. Cần phải chiếm đại đa số trong tổng dân số là những người liêm chính và ngay thẳng thì đất nước đó mới có nền kinh tế phát triển. Hãy nghĩ đến các nước có các ngành kỹ thuật rất thành công. Hãy xem xét những khu vực mà mọi người đang đầu tư tiết kiệm. Hãy nhìn vào những đất nước có xe ô-tô hay những sản phẩm chất lượng khác được tạo ra. Các quốc gia đó sẽ luôn có đại đa số là những người sống liêm chính.

Con người, không phải vật chất, mới là nguồn lực thực sự của một quốc gia. Hãy suy xét điều này: một nắm cát có giá trị bao nhiêu? Hai xu? Một xu? Không thấp tới đó đâu. Nhưng chúng ta có thể tạo ra một vi mạch từ một nắm cát. Một người trở thành triệu phú và tạo ra nhiều việc làm cho hàng triệu người bằng cách phát triển ý tưởng đó.

Người ta dùng những gì Chúa ban trong một xã hội tự do để làm nên sự giàu có. Vấn đề không phải là nguyên vật liệu. Vài đất nước nghèo nhất trên thế giới cũng có các nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú: các nước như Sierra Leone,

Congo và Mozambique. Một vài quốc gia rất giàu có như Thụy Sĩ, Singapore và Nhật Bản lại có rất ít tài nguyên. Vậy thì sự khác nhau là gì? Tại sao lại có các nước giàu trong khi những nước khác nghèo?

Đức Chúa Trời ban phước cho nước Mỹ...và từng quốc gia trên đất

Vậy thì Đức Chúa Trời chúc phước một vài quốc gia hơn những nước khác sao? Không, tôi tin Đức Chúa Trời rất công bằng. Câu Kinh Thánh thường được trích dẫn nhiều nhất là Giăng 3:16 nói cho chúng ta biết rằng Đức Chúa Trời yêu thương *thế gian*. Đức Chúa Trời đã ban cho con người rất nhiều điều. Cách chúng ta dùng những điều đó quyết định thành công của chúng ta – từ cá nhân cho đến các dân tộc.

Món quà lớn nhất của Đức Chúa Trời chính là Con của Ngài, Chúa Jêsus, là Đấng mà Ngài đã ban để cứu chúng ta khỏi tội lỗi. Ngài ban cho chúng ta một món quà khác nữa, thích hợp cho tất cả mọi người – đó là Kinh Thánh. Làm thế nào để bạn có thể mô tả một quyển sách chứa đựng kiến thức căn bản cho từng nan đề của loài người, các bước dẫn tới sự khoẻ mạnh và hạnh phúc, xây dựng sự thành công trong các khía cạnh xã hội? Quyển sách đó là vô giá. Đó mới là bảo vật quốc gia.

Quyển sách là phước hạnh lớn nhất cho từng cá nhân, để nhận được sự cứu rỗi thông qua Chúa Jêsus Christ. Quyển sách này không chỉ hướng dẫn cách để vào thiên đàng, mặc dù đó là điều tuyệt vời và rất quan trọng. Nhưng quyển sách còn đưa ra các nguyên tắc cho mỗi cá nhân và các dân tộc để

giải đáp từng nan đề trên thế giới. Có Kinh Thánh và áp dụng lẽ thật của Kinh Thánh trong từng khía cạnh xã hội chính là làm cho một quốc gia có được sự giàu có và tự do.

Có lẽ bạn đang nghĩ một trường hợp ngoại lệ nào đó. Nhật Bản thì sao? Nếu áp dụng Kinh Thánh là lý do một đất nước trở nên phồn thịnh, thì tại sao Nhật Bản – một đất nước chỉ có vài người tin Chúa – lại phát triển như thế? Chúng ta sẽ bàn về Nhật Bản và nhiều trường hợp đặc biệt khác trong phần Bốn.

Hãy để ý, vấn đề không phải là sở hữu Kinh Thánh, mà nghiên cứu và áp dụng Kinh Thánh mới dẫn tới những phước hạnh. Mỗi một kho báu cần phải được sử dụng. Chúa Jêsus đã bày tỏ trong Câu Chuyện Về Các Ta-lâng rằng Ngài mong muốn chúng ta đầu tư của báu, chứ không phải tích trữ và không đụng đến nó.

Có thể bạn đã nghe những chuyện về một người sống rất nghèo nàn, ăn uống kiên cữ, ở dưới mái nhà đổ nát, ăn mặc rách rưới. Sau khi chết, ai cũng ngạc nhiên vì họ biết được con người bản cùng đó đã cất giấu rất nhiều tiền của dưới giường, không hề dùng đến. Chúng ta có thể đang làm như vậy với Kinh Thánh. Đó là kho báu nhưng chúng ta cần phải đem ra dùng. Chúng ta cần phải áp dụng trong công việc, đầu tư vào đời sống và giúp đỡ mọi người xung quanh. Bằng cách áp dụng Kinh Thánh thì chúng ta mới biết được quyền phép biến đổi của Lời Chúa trên đời sống chúng ta và trong các dân tộc.

IV

CÓ NGOẠI LỆ KHÔNG?

VÂNG LỜI MỘT NỬA, PHƯỚC HẠNH
MỘT NỬA
NHẬT BẢN

Xuyên suốt quyển sách chúng ta đã suy xét một điều rất cơ bản: hễ khi nào có đại đa số người áp dụng chân lý được tìm thấy trong Quyển Sách của Đức Chúa Trời, thì đời sống và đất nước của họ được biến đổi.

Bây giờ, hãy cùng nhìn vào những điều ngược lại. Những tiến bộ đã xảy ra đối với người Ai-cập, Trung Hoa, các nước Ả-rập và những nền văn hoá khác trong quá khứ thì sao? Các dân tộc không có Quyển Sách đã làm nên các kim tự tháp, sử dụng kỹ thuật ướp xác mà chúng ta vẫn không thể bắt chước cho đến ngày hôm nay, phát minh ra thuốc súng và giấy, khám phá khái niệm về số không trong toán học và đã thực hiện rất nhiều điều kỳ diệu trong lịch sử.

Khi nào con người sử dụng khả năng mà Đức Chúa Trời ban cho để tìm kiếm thì luôn khám phá được rất nhiều về kiến thức. Điều chúng ta đang nói đó là về sự lan tràn của kiến thức và sự thịnh vượng. Trong khi đó, các nền văn hoá không có Quyển Sách đã khám phá những lẽ thật được Đức Chúa Trời

đặt để trong tạo hoá – giống như các phương thức và phương pháp toán học để xây dựng kim tự tháp – kiến thức không thay đổi xã hội của họ. Hầu hết người dân vẫn còn sống trong nghèo nàn và ngu dốt. Sự thịnh vượng và kiến thức bùng nổ chỉ xảy ra sau khi Kinh Thánh được đặt trong tay con người.

Nhật Bản thì sao?

Còn câu chuyện thành công của ngày hôm nay như đất nước Nhật Bản thì sao – một quốc gia chỉ có 6% số người tin theo Đấng Christ? Nhật Bản là một đất nước phồn thịnh và phát triển, nhưng văn hoá của họ không dựa trên Kinh Thánh. Làm thế nào được như vậy? Ngoại lệ này có bác bỏ những gì chúng ta đã nói không? Nhật Bản là một trong các quốc gia có nền kinh tế mạnh nhất thế giới. Họ thống trị các nhà máy điện và tạo ra hãng đồng hồ ổn định nhất như Seiko và nhiều xe hơi đắt tiền như Toyota và Honda. Chiếc cầu được xây ở thành phố Kobe là một bước tiến kỷ lục trong ngành xây dựng, đó là một trong những cây cầu phức tạp và chắc chắn đã được xây dựng trên thế giới.

Tại sao người Nhật Bản lại xuất sắc như vậy? Bởi vì văn hoá của họ gìn giữ một lẽ thật trong Kinh Thánh – thành thật trong việc sở hữu tài nguyên và xử sự đúng mực trong kinh doanh. Một vài thái độ thành thật có nguồn gốc từ trong văn hoá của họ. Còn những ảnh hưởng khác đến từ những người tin kính thường giấu mặt, họ hành động vào đúng thời điểm trong lịch sử của Nhật Bản.

Tôi đứng tại ga tàu điện ở Osaka vào đầu những năm 1970, một khu mua sắm rất sầm uất đầy đầy các cửa hiệu nằm ở

dưới lòng đất. Tôi đã đi cùng Jonathan, cậu con trai của một gia đình giáo sĩ đã lớn lên ở Nhật Bản. Rất nhiều người Nhật Bản hối hả vượt qua chúng tôi, vài người trong số hàng triệu người ở đó đã đi bằng tàu điện ngầm mỗi ngày.

Tôi nhìn xuống với vẻ ngạc nhiên, người bạn trẻ đi cùng tôi đã để ví tiền trên cái va-li đặt ở dưới đất. Anh chàng này không để ý gì cả, thế là tôi phải để mắt đến cái ví tiền của anh ta, lỡ như ai đó lấy mất thì sao.

Jonathan vừa nói vừa quay đi đến một cửa hàng: “Loren, ông hãy qua đây. Tôi muốn cho ông thấy cái này”.

Tôi đã nói lại: “Jonathan! Thế còn ví tiền và cái va-li của anh thì sao?”

Anh nói: “Không sao cả. Đây là Nhật Bản”.

Mặc kệ những nghi ngờ lúc ấy, chúng tôi để lại cái va-li cùng với ví tiền rồi đi đến một cửa hàng. Nhiều người rất đông đã làm cho chúng tôi không thể nhìn thấy cái va-li. Sau mười phút đồng hồ chúng tôi quay trở lại. Đồ vật của anh ta vẫn còn y nguyên.

Sau đó, tôi nói chuyện với một người giáo sĩ ở Tokyo về chuyện đã xảy ra. Người đó nói rằng: “Ông có thể bỏ lại một cọc tiền với cái va-li đó cả ngày mà không bị mất mát gì đâu. Trừ khi có người nước ngoài đi tới đó”.

Tất nhiên, Nhật Bản đã thay đổi trong nhiều năm gần đây bởi vì tệ nạn sử dụng ma túy và nhiều vấn đề khác. Nhưng con người vẫn còn rất thật thà đối với vật dụng cá nhân của người khác.

Vâng lời một nửa, phước hạnh một nửa

Khi tôi kể câu chuyện với vài vị mục sư Nhật Bản, một trong số họ nói rằng: “Chờ đã! Chúng tôi không có thành thật đến thế đâu. Chúng tôi đang lừa dối lẫn nhau. Chúng tôi làm vậy vì không muốn bị mất mặt”.

Tôi nói: “Phải, mặc dù mấy anh là đất nước có nền kinh tế thứ hai thế giới, đất nước của các anh đang giữ kỷ lục về số người tự sát, uống rượu và rất nhiều gia đình không được vận hành đúng chức năng. Nền kinh tế của đất nước rất được phước nhưng lại không có hạnh phúc trong các mối quan hệ”.

Mục sư Nhật Bản đã nói ra một chi tiết rất quan trọng. Khi bạn vâng lời Chúa chỉ một nửa, bạn sẽ được phước đúng một nửa. Nền kinh tế của người Nhật Bản rất được phước bởi vì tấm lòng thành thật của họ ở trong mọi việc. Nhưng họ lại bị vấy bẩn bởi rất nhiều tệ nạn xã hội vì sự không thành thật trong những vấn đề cá nhân.

Một chút men ở nước Nhật

Còn một yếu tố tác động khác dẫn đến thành công về kinh tế của nước Nhật – một điều rất ít ai biết đó là ảnh hưởng của người này rất lớn đối với cả nước.

Chúa Jêsus đã thí dụ về một chút men để mô tả nước thiên đàng, một vương quốc đang sống trong lòng người lại ảnh hưởng đến toàn bộ xã hội. Khi tôi còn nhỏ, tôi thường để ý cách mẹ làm bánh mì ở nhà. Bà cho tôi thấy một chút men rồi giải thích làm thế nào một chút men đó ẩn mình trong lúc nhào bột, để rồi sau đó thay đổi toàn bộ hỗn hợp.

Ai có thể nói được khi nào một chút men đã làm thay đổi tất cả? Không còn nghi ngờ gì nữa khi Chúa Jêsus dùng chính

điều này để giải thích về nước Đức Chúa Trời, Ngài cho thấy chỉ cần một vài người làm việc trong thầm lặng nhưng lại ảnh hưởng đất nước rất mạnh mẽ.

William Merrel Vories

Đây là cách so sánh những gì đã xảy ra với Nhật Bản trong thế kỷ hai mươi. Một người thầm lặng xuất thân từ một nơi không biết trên thế giới chính là tác nhân lên men quan trọng nhất của đất nước. Tôi chỉ biết về người này mới đây mà thôi mặc dù đã từng rất nhiều lần đặt chân đến Nhật Bản. Vài năm trước ở Thụy Sĩ, Darlene và tôi ở tại nhà của mấy người bạn đã đi xa. Khi tôi đứng nhìn kệ sách, mắt của tôi bị cuốn hút vào một quyển sách cũ tựa đề *Phiêu Lưu Vì Đức Chúa Trời*. Nghe thật thú vị, tôi kéo nó xuống khỏi kệ. Quyển sách mở ra ngay chương nói về Nhật Bản, đến câu chuyện của William Merrell Vories. Tôi ngồi xuống đọc quyển sách của tác giả Clarence Hall, một cựu biên tập của *Reader's Digest*, vào những ngày sau Chiến Tranh Thế Giới II.

Hall kể lại Vories đã đến Nhật Bản vào năm 1905. Mặc dù ông là một sinh viên kiến trúc, Vories đã đến Nhật Bản để chinh phục linh hồn về với Đấng Christ. Ông không phải là một giáo sĩ theo ý nghĩa của thời đó, nhưng ông đã quyết định sống một đời sống giống Chúa Jêsus giữa vòng người Nhật Bản. Vories đi đến một nơi rất xa ở đất nước Nhật Bản bởi vì ông muốn “tìm một nơi kín đáo để bắt đầu kêu gọi giáo sĩ khác”.

Vories tìm được việc dạy tiếng Anh ở Omi-Hachiman (bây giờ gọi là Quận Shiga). Vào lúc rảnh rỗi ông nghiên cứu Kinh Thánh. Khi cải đạo được vài người trẻ tuổi, gia đình đã đuổi họ

ra khỏi nhà. Không lâu sau có rất nhiều người sống ở trong căn nhà nhỏ với người giáo sĩ này. Trước đó Vories cần một nơi rộng hơn, thế là ông tìm cách kêu gọi tài chánh để xây dựng một cơ sở lớn hơn, có nhiều phòng ngủ, phòng học Kinh Thánh và phòng giải trí.

Rắc rối cuối cùng cũng tìm tới Vories. Ông đã cải đạo rất nhiều người trẻ cho Đấng Christ đến nỗi làm kinh động mấy ông thầy chùa đạo Phật. Họ sai mấy tên vô lại tấn công những người mới tin Chúa bằng gậy bóng chày và yêu cầu báo chí địa phương viết hàng loạt tin tức lên án Vories và Cơ Đốc giáo. Cuối cùng, họ đã gây áp lực đến nỗi trường học phải đuổi việc Vories.

Sau hai năm làm việc tại đó, Vories đã không còn tìm được công việc để hỗ trợ cho mình ở một nơi xa xôi nữa, còn mấy người trẻ đang chờ ông điều dắt họ.

Một cuộc thí nghiệm liều lĩnh

Sau một đêm vật lộn trong sự cầu nguyện, cầu hỏi Đức Chúa Trời phải làm gì, Vories nghĩ đến những gì đã được học ở trường kiến trúc. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu ông mở một công ty? Thành lập một cơ sở kiến trúc sư ở một nơi xa xôi như thế là đi ngược lại với đường lối thương mại lúc bấy giờ. Nhưng không đợi lâu hơn, ông liền dạy cho mấy người mới cải đạo về thương mại.

Trong một thời gian ngắn, Vories và mấy người kiến trúc sư đang vận hành một cơ sở thiết kế rất có ảnh hưởng ở Nhật Bản. Vories khám phá được cách xây dựng các toà nhà có thể trụ vững trong cơn động đất thường xuyên xảy ra ở Nhật. Vào

những năm 1950, công ty đã thiết kế và xây dựng 2,800 công trình ở rất nhiều nơi trong nước. Tuy nhiên, đó là một cách thức khá liều lĩnh để bày tỏ Đấng Christ qua đời sống cá nhân và nghề nghiệp đã để lại dấu ấn khắp cả nước.

Họ hình thành mục vụ “kinh doanh với sứ mạng” cho đến nay được gọi là Hội Anh Em Omi. Mặc dù họ đang kiếm được nhiều tiền từ công việc kỹ sư, nhưng chỉ sử dụng đủ cho sinh hoạt đời sống của mình. Vories và những người khác trong công ty đã sống với mức trung bình sáu-mươi-hai đô-la mỗi tháng, cho dù vai trò của ông lúc đó có thể sống vượt hơn như thế.

Họ đã dồn số còn lại cho các công tác truyền giáo và cứu trợ – thiết lập nhiều Hội thánh, giảng dạy và mở trường Chúa Nhật. Hội Anh Em Omi đã chi trả cho các mục sư học thần học, rồi hỗ trợ họ trong chức vụ. Hội Anh Em cũng ủng hộ một khu điều dưỡng bệnh lao và nhiều trường học. Vào cuối tuần và các buổi tối, họ rời khỏi bàn vẽ để dạy dỗ ở nhiều làng mạc. Các trường Chúa Nhật và các lớp Kinh Thánh của họ đã phát triển thành nhiều Hội thánh. Hội Anh Em cũng gửi đi nhiều bưu thiếp có thông điệp Phúc Âm đến từng địa chỉ nhà ở Nhật Bản.

Mentholatum, “Thuốc của Chúa Jêsus”

Hội Anh Em cũng có ảnh hưởng đa dạng sau nhiều năm, mở ra trường học, nhà máy, tôn giáo, các cơ sở nhân đạo. Vories cũng có được quyền sản xuất thuốc Mentholatum ở Nhật Bản. Sau khi thiết kế một nhà máy, ông thuê hàng trăm công nhân. Không lâu sau, họ phân phối tám triệu hộp thuốc Mentholatum khắp Nhật Bản mỗi năm. Hội Anh Em Omi đã in nhãn hiệu đặc

biệt lên mỗi chai thuốc, mời mọi người biết về Đấng Christ trong các khoá học Kinh Thánh thích hợp sau đó. Hành động này đã làm cho hàng ngàn người tin nhận Chúa khắp nơi ở Nhật. Thật ra, người dân ở vùng quê Nhật Bản đã bắt đầu gọi Mentholatum là “thuốc của Chúa Jêsus”.

Qua những gì Hội Anh Em đã làm, Vories đã tìm được “cách làm kinh tế bày tỏ Cơ Đốc giáo thực tiễn cho thế giới ngày hôm nay”.

Có thể đóng góp lớn nhất của Hội Anh Em đó là đã dạy cho nước Nhật biết cách thành lập một công ty cổ phần. Trước đó, tham nhũng và ăn hối lộ được coi là bình thường – đó là cách làm kinh doanh. Vories đã làm rõ “các nguyên tắc Cơ Đốc sẽ được áp dụng ở nơi làm việc từ bàn vẽ cho đến lúc hoàn thiện công trình”. Quy tắc ấy đã đánh bật hình thức đút lót hay ăn hối lộ. Đút lót cho Hội Anh Em tức là họ sẽ không làm kiến trúc sư cho bạn – hay không được làm hợp đồng với họ, bỏ mất cơ hội xây dựng các toà nhà.

Hội Anh Em Omi cũng đã tạo ra quyền lợi trong nơi làm việc dành cho công nhân. Họ đưa ra giới hạn bốn-mươi-tám tiếng đồng hồ một tuần và không được phép làm việc vào ngày Sa-bát. Họ giữ giá trị này để chăm sóc cho công nhân, không phát lương quá mức cho những công nhân giỏi, tập trung vào việc phục vụ đất nước bằng cách sản xuất các mặt hàng chất lượng tốt với giá cả hợp lý. Kết quả là không có tình trạng bãi công hay làm việc quá sức trong công ty.

Vì vậy, các nhà tư bản công nghiệp đã đi khắp Nhật Bản mà vẫn còn kinh ngạc trước các nhà máy hiện đại của Vories, họ còn nghiên cứu các nguyên tắc quản lý của ông. Khi những nhà tư bản này mời ông chia sẻ về thành công của mình, Vories

đã lợi dụng cơ hội để dạy dỗ các nguyên tắc Kinh Thánh về kinh tế, lãnh đạo và kinh doanh.

Hội Anh Em cũng đã thúc đẩy các cá nhân bày tỏ sự liêm chính ở mọi tầng lớp xã hội. Khi bốn thành viên trẻ tuổi bị bắt vì vấn đề đạo đức suy đồi vào năm 1918, Vories đã có lời xin lỗi công khai bằng cách đóng cửa các văn phòng của họ và đình chỉ mọi công việc ở công ty của họ trong vòng ba ngày. Ông nói rằng: “Tổ chức nào sẵn sàng kết liễu chính mình để bảo vệ các quy tắc mới xứng đáng để tồn tại”.

Vories kết hôn với con gái của một nhà quý tộc vào năm 1919. Vài người sợ rằng thói quen kiêu kỳ trong gia đình quý tộc của cô con gái tên là Maki sẽ ảnh hưởng đến đời sống kỷ luật và lòng nhiệt thành của ông. Thay vì thế, cô đã chuyển tới sống dưới mái nhà tầm thường cùng với ông và nỗ lực phát triển một hệ thống hiện đại cho các trường học, các khu vui chơi, các trường y tá, các trường bổ túc ban đêm, và tiếp tục dạy các lớp giáo dục cho công nhân.

Vào năm 1940, một tờ báo rất nổi tiếng của Tokyo đã tung hô Vories “không chỉ là một công dân của Omi-Hachiman, mà còn là người đầu tiên ở đất nước Nhật Bản”. Vories cuối cùng đã trở thành công dân nước Nhật vào tháng 1 năm 1941. Mười một tháng sau, người Nhật tấn công Trân Châu Cảng đã làm cho sự nghiệp của ông rơi xuống chỗ tuyệt vọng.

SỰ TRỞ LẠI ĐÂY NGOẠN MỤC CỦA NHẬT BẢN

Suốt thời kỳ chiến tranh, các nhà máy của Hội Anh Em Omi bị trì trệ, các trường học của họ bị chiếm đóng, còn công tác tôn giáo thì bị ngăn trở. Các thành viên trẻ tuổi được gọi đi lính và nhiều người bị giết. Các lãnh đạo quân đội chiếm đoạt rất nhiều cơ sở của họ. Chỉ có nhu cầu cần thuốc Mentholatum của quân đội Nhật đã giữ cho Hội Anh Em không bị đóng cửa hoàn toàn.

Sau đó, các lãnh đạo quân đội rải tin đồn rằng Vories là gián điệp Mỹ. Hoàng đế Hirohito đã gửi anh em của mình đến Omi-Hanchiman để bày tỏ lòng ủng hộ của vua, để đánh tan những tin đồn tấn công vào người giáo sĩ cũng là một kiến trúc sư.

Trong vòng bảy tháng sống với chiến tranh, Vories và vợ đã trú ẩn trên nhiều dãy núi. Họ phải tìm thức ăn ở trên những ngọn đồi, nào là lá cây và cỏ dại, để không bị chết đói. Tuy nhiên, số tài sản ít ỏi của họ đã nhanh chóng vục dậy khi quân Đồng Minh đánh bại Nhật Bản và nước Mỹ chiếm đóng trở lại.

Vories nhận thấy vị trí đặc biệt của mình – ông là một người Mỹ nhưng bây giờ là một nhà kinh doanh theo phong cách Nhật Bản hoàn toàn, mọi suy nghĩ đều xu hướng về cả nước. Ông trở thành người liên lạc cho chính quyền mới và cấp lãnh đạo Mỹ đang chiếm đóng trong nước, ông dành thời gian trong cung điện Hoàng Gia và nhiều sở chỉ huy của quân Đồng Minh.

Giúp đỡ kẻ thù

Trong suốt giai đoạn tái xây dựng đất nước, Vories một lần nữa rải đi men Phúc Âm và các nguyên tắc Kinh Thánh. Tướng quân Douglas MacArthur, Bộ trưởng Bộ chỉ huy của quân Đồng Minh, đã bắt đầu tái xây dựng đất nước của quân thù, thiết lập hàng loạt cải cách trong công tác thiện nguyện. MacArthur đã từng kêu gọi mười ngàn giáo sĩ đến và đào tạo người Nhật sống theo đường lối mới – nhưng chỉ có vài trăm người đáp ứng lại lời kêu gọi này.

Các nước đồng minh đã gây áp lực với Tướng MacArthur phải trừng trị người dân Nhật Bản và các lãnh đạo của họ. Người Nga đe dọa sẽ tiến đánh và giành lấy phần của họ để thực thi công lý ở Nhật. Nhưng MacArthur đã thuyết phục thành công. Ông đã viết cho Tổng thư ký Bộ tài chánh Mỹ là Henry Morgenthau nói rằng ông muốn “đem đến sự an ủi, niềm hy vọng và niềm tin của Cơ Đốc giáo cho mảnh đất của kẻ thù đã bị chết này”.

Tướng MacArthur đã đưa ra nhiều tham vọng để cải cách đất nước. Ông gỡ bỏ mọi lệnh cấm đối với các hoạt động chính trị, dân sự và tôn giáo. Ông đã dẫn dắt một nước Nhật phạm tội ác chiến tranh đến với công lý. Ông thả các tù nhân

chính trị. Ông vận hành chương trình cấp dưỡng để hỗ trợ nông dân bị ép vào quân ngũ và phải đóng thuế cắt cổ trong suốt thời kỳ chiến tranh. Ông ra lệnh cho quân đội Mỹ không được giành nhu cầu ăn uống của người dân và nài xin chính phủ Mỹ gửi hàng cứu trợ nhiều hơn nữa.

Các Trùm Tư bản Trong Tăm Ảnh Cũ

Trước những cố gắng bằng niềm tin như thế, người dân Nhật Bản bắt đầu tin tưởng nước Mỹ sẽ giúp đỡ đất nước của họ. Tướng MacArthur đã đề xướng hiến pháp mới cho nước Nhật giống như nước Mỹ. Phụ nữ có quyền bầu cử, và hội đồng bầu cử tự do đầu tiên đã bỏ phiếu cho sự bình đẳng của phụ nữ trước pháp luật. Không lâu sau, nhiều trường đại học dành cho sinh viên nữ được mở ra, và nhiều phụ nữ được làm việc trong công ty. MacArthur đã hình thành hệ thống giáo dục mới. Ông còn tiếp nhận các nhà kinh doanh Mỹ có chọn lọc để giúp người Nhật xây dựng nền móng kinh doanh mới. Nhiều năm sau, tôi thấy hình ảnh trên báo *Forbes* được chụp lại vào lúc bấy giờ. Nhiều người Nhật còn rất trẻ đứng bên cạnh một giáo viên người Mỹ của họ. Tôi đọc tên của các sinh viên và nhận ra vài người hiện đang góp mặt trong các chi nhánh nổi tiếng của nền kinh tế thế giới.

Người Nhật dành nhiều năm sau Chiến Tranh Thế Giới thứ 2 để nghiên cứu. Họ chiến tranh vì những lý do tôn giáo cũng như vì chủ nghĩa dân tộc. Người Nhật tin rằng hoàng đế của họ là thần mà vì thế người dân của họ được coi là cao cấp hơn so với các dân tộc khác. Khi thất bại lấy đi niềm tin đó, người Nhật bắt đầu đón nhận nhiều ý tưởng mới.

Người đã làm cho con đường phát triển của họ trở nên dễ dàng hơn đó là người đã có được sự tin tưởng của họ qua nhiều thập kỷ – Vories. Trong quyển *Phiêu Lưu Vì Đức Chúa Trời*, Clarence Hall nói rằng: “Dưới thời kỳ cải cách công tác thiện nguyện của MacArthur, đặc biệt là lĩnh vực tín ngưỡng, Vories đã nhận thấy người Nhật muốn biết thêm về Cơ Đốc giáo”.

Người dân yêu cầu Vories đến dạy ở các trường đại học, chỉ đạo các buổi nhóm truyền giảng, gặp gỡ các quan chức chính phủ để bàn về “các khía cạnh thuộc linh trong chế độ dân chủ”. Cung điện Hoàng Gia còn kêu gọi ông nhiều lần để bàn về “nền dân chủ Cơ Đốc” với hoàng đế.

Còn một thay đổi quan trọng khác nữa. Hiến pháp mới đã tạo ra công bằng cho người dân Nhật Bản. Nhờ có những cố gắng của Vories mà quyền bình đẳng mới dành cho ngay cả tầng lớp Eta hay “bẩn thỉu” từng bị cô lập nhiều thế kỷ, giống như tầng lớp “tiện dân” ở Ấn Độ. Đó là cách Đức Chúa Trời tuôn đổ phước hạnh sau nhiều năm chiến tranh tàn ác. Ngài tôi luyện một nước Nhật thông qua một giáo sĩ, một vị tướng và một dân tộc chịu học hỏi.

Khi người Mỹ giúp đỡ nước Nhật tái xây dựng đất nước, bao gồm cả hiến pháp mới, thì họ đã sử dụng các lĩnh vực trong văn hoá Mỹ đã được xây dựng dựa trên Quyền Sách. Tuy nhiên, sự thành thật của người dân Nhật Bản trong cách sở hữu tài vật, một nguyên tắc cơ bản vốn có sẵn trong văn hoá của họ, đã vượt xa khả năng của người Mỹ. Chính giá trị văn hoá này, cộng với một chút men ảnh hưởng cách âm thầm như William Vories và Hội Anh Em Omi, đã giúp đem đến sự phục hồi kinh tế ở Nhật.

Tất cả đều là trách nhiệm, của mỗi người và mỗi quốc gia,

phải làm theo lẽ thật của Đức Chúa Trời. Trong Cựu Ước, Phục Truyền chương 28 nói rằng nếu chúng ta làm theo những gì đã chép trong Quyển Sách, thì chúng ta sẽ được phước; nếu chúng ta không làm theo, chúng ta sẽ bị rửa sả. Nếu chúng ta làm theo những gì Đức Chúa Trời phán dạy, thì chúng ta sẽ được phước ở trên đất, ngay cả nếu chúng ta không có Kinh Thánh hay tin nhận Chúa Jêsus, Ngài chính là nguồn phước lớn nhất, thì các nguyên tắc của Đức Chúa Trời là rất hiển nhiên, dù cho đối tượng áp dụng là những người không tin Chúa, giống như nước Nhật. Mặt khác, nếu chúng ta không làm theo các nguyên tắc ở trong Lời Chúa, thì chúng ta sẽ nếm biết sự thất bại. Điều này là có thật đối với từng quốc gia trên đất, cho dù họ đang sở hữu di sản lớn đến mấy.

NHIỀU THÁCH THỨC, NHIỀU HY VỌNG

CHÂU PHI

Tôi đã làm việc nhiều ở các quốc gia châu Phi, đặt chân đến lục địa này sau năm 1961. Tôi thích ở với cộng đồng người tin Chúa ở châu Phi, cùng họ thờ phượng và vui mừng trong sự hớn hờ. Vào tháng 12 năm 2002, tôi đã có được vinh dự phát biểu trong một chương trình ngoài trời của hơn một triệu người Nigeria. Bạn tôi là Reinhard Bonnke thường chia sẻ cho hơn hai triệu người ở châu Phi, nhìn thấy rất nhiều người được cải đạo và phép lạ phi thường xảy ra.

Tôi ngưỡng mộ tinh thần truyền giáo hăng say và sự phát triển Hội thánh của người châu Phi. Vào năm 1900, chỉ có dưới 10% người dân châu Phi tin theo Đấng Christ. Đến năm 2000, con số ấy vọt lên 45% là những người coi mình là tín hữu trong Hội thánh. Con số tăng lên đến 70% ở nhiều khu vực nằm phía dưới sa mạc Sahara ở châu Phi.

Các tín hữu châu Phi cũng lan đến các đường biên giới của đất nước và khu vực. Nhiều giáo sĩ châu Phi đi đến Châu Âu, tìm cách khôi phục ngọn cờ đức tin ở đó. Đến năm 2000, một

số lượng khoảng mười-ba triệu giáo sĩ châu Phi đang phục vụ ở nhiều bối cảnh xuyên văn hoá.

Cho dù thế, châu Phi đang làm tan nát tấm lòng của tôi.

Thảm kịch đeo đuổi

Khắp lục địa, người dân châu Phi phải chịu nhiều khó khăn về con người lẫn kinh tế. Nhiều đất nước phải vật lộn với tình trạng nghèo thiếu, đói kém, hạn hán, tham nhũng, nội chiến và bệnh tật.

Bệnh AIDS đã cướp đi một thế hệ, rồi gây ra nhiều cảnh đói kém và nghèo khổ. Ở một vài quốc gia, tỷ lệ bệnh HIV lây nhiễm đến 40% – gấp bảy lần so với toàn cầu. Chỉ với 10% dân số toàn cầu, các khu vực quanh sa mạc Sahara ở châu Phi đã có gần hai phần ba người dân sống chung với HIV. Gần hai-mươi-sáu triệu người châu Phi mắc bệnh AIDS.

Chúng ta có thể phải ngộp thở trước con số khủng khiếp này – không thể làm gì với số liệu lớn như vậy. Các cơ quan cứu trợ nói rằng toàn bộ làng mạc được tìm thấy toàn là trẻ em, những bé trai bé gái phải bới đất tìm thức ăn cho anh chị em của chúng. Mười-hai triệu trẻ em châu Phi không có cha mẹ hoặc là một trong hai người mắc bệnh AIDS. Mười-hai triệu người! Hãy hình dung một thành phố có kích cỡ bằng một phần hai New York chỉ toàn là trẻ mồ côi.

Chúng ta không biết phải làm gì với vấn nạn này, nhưng còn nhiều nữa. Người dân trong nước đã giết sáu triệu người trong các cuộc nội chiến ở Sierra Leone, Angola, Liberia, Congo và Sudan. Người Rwandan đã giết một triệu người dân trong nước mình một cách ghê tởm mỗi ngày vào năm 1994.

Nhưng các cuộc nội chiến và cơn đại dịch AIDS chỉ là hai tai hoạ đang đe dọa châu Phi mà thôi. Còn nhiều điều khác nữa. Chúng ta cảm thấy thương tiếc, còn Đức Chúa Trời thì đau lòng.

Chủ nghĩa sắc tộc, thuyết duy linh và chủ nghĩa thuộc địa

Hội thánh đã thất bại từ đâu? Làm thế nào có được nhiều người tin Chúa ở một lục địa bi thảm như vậy? Đầu tiên, chúng ta phải đặt câu hỏi làm thế nào nói rằng hàng triệu người tin Chúa thực sự trung thành với Đấng Christ. Chủ Nghĩa Duy Linh, cụ thể là thờ cúng tổ tiên và mê tín, vẫn còn bám lấy đời sống của những người đến nhà thờ. Hình thức tà giáo này có được chỗ chắc chắn nhờ vào lòng trung thành của người dân châu Phi – lòng trung thành với chủ nghĩa sắc tộc. Chủ nghĩa sắc tộc cũng là lý do xảy ra các cuộc nội chiến giết chết rất nhiều người.

Không có gì sai đối với các bộ tộc. Công-vụ 17:26 nói rằng Đức Chúa Trời tạo nên muôn dân. Từ “muôn dân” ở đây là *ethné*, có nghĩa là các nhóm dân tộc. Trong Kinh Thánh, Đức Chúa Trời đã ban phước cho dân tộc nào sống đúng với Lời Chúa mà từ bỏ sự thờ lạy hình tượng hay những tín ngưỡng thờ lạy thiên nhiên. Ngày hôm nay, các sắc tộc ở châu Phi phải từ bỏ tín ngưỡng lệch lạc đã trói buộc họ hàng thế kỷ qua. Hễ khi nào truyền thống sắc tộc chống nghịch lại Lời của Đức Chúa Trời, thì đường lối của Chúa phải thắng hơn. Chính điều đó sẽ giải phóng châu Phi được tự do.

Chúng ta đều có lỗi

Tôi tin rằng Hội thánh phương Tây có lỗi trong những lời hứa hẹn đối với châu Phi. Chúng ta rất trung tín trong việc thực thi mạng lệnh của Chúa Jêsus trong Mác 16:15, đó là *giảng Tin Lành cho mọi người*, hơn là làm theo mạng lệnh của Ngài trong Ma-thi-ơ 28:19-20, đó là *dạy dỗ muôn dân*. Nhiều thế hệ các giáo sĩ trung tín dẫn đưa người châu Phi đến với Đấng Christ. Nhưng chúng ta có dạy dỗ các nguyên tắc của Lời Chúa để họ biết xây dựng gia đình, làm kinh doanh và cai trị đất nước không?

Chủ nghĩa thuộc địa cũng làm ô nhiễm công tác truyền giáo ở châu Phi hơn một trăm năm qua. Các quốc gia sai phái giáo sĩ cũng đặt để những người cai trị bóc lột thuộc địa. Nhiều năm trước, phương Tây đã xây dựng nền móng cho các cuộc nội chiến mà chúng ta đang nhìn thấy ngày hôm nay. Các nước nắm quyền thuộc địa ở Châu Âu đã chia rẽ các sắc tộc rồi nhóm họ lại với nhau, vẽ ra các đường biên giới giữa các nước cho thích hợp với sự hiếu kỳ của Châu Âu. Đôi khi, mấy người nước ngoài với hiểu biết hạn hẹp về tiềm lực của người dân địa phương đã đặt nhiều sắc tộc thiểu số vào vị trí được đánh giá cao hơn các nhóm đa số.

Có lẽ tổn thương lớn nhất mà chúng ta đã gây ra đó là thói gia trưởng đối với người dân châu Phi. Từ lâu, các giáo sĩ đã làm cho những người mới cải đạo bị gói gọn hoài với tình trạng con đỏ, không đào tạo họ trở thành lãnh đạo. Ở phía Đông của châu Phi, một thanh niên đã nói với tôi rằng: “Các giáo sĩ đã dạy chúng ta biết đọc, còn những người vô thần cho chúng ta cái để đọc”. Tôi còn nhớ một câu chuyện được kể lại vào năm 1961, khi nạn thuộc địa chấm dứt ở khắp nơi. Một nhóm sắc

tộc sống ven sông ở Congo đã kiên nhẫn chờ đợi “sự tự do”. Họ nghĩ đó là một sự vật, một điều gì đó sẽ xuất hiện bằng một con tàu đến trên sông.

Lục địa châu Phi sẽ như thế nào ngày hôm nay nếu đã từng có những người như John Calvin hay Hans Nielsen Hauge của thế kỷ mười-chín ở châu Phi, tìm kiếm Lời Chúa, dạy dỗ người dân cách xây dựng một đất nước kính sợ Chúa?

Một quyền Kinh Thánh không phân biệt chủng tộc

Thói gia trưởng trong quá khứ đang ăn sâu và trải rộng khắp nơi. Sau khi tôi đứng chia sẻ ở một cuộc họp tại Nigeria vào năm 1961, nói với những người trẻ Nigeria rằng họ nên trở thành những giáo sĩ, thì một người giáo sĩ lâu năm đã gắt gỏng với tôi rằng: “Anh có biết Chúa không muốn người châu Phi làm giáo sĩ hay sao? *Chúng ta mới là những giáo sĩ. Họ là người bản địa*”.

Tôi lấy làm ngạc nhiên trước phản ứng của người này và tôi đã nói với ông ta rằng: “Kinh Thánh của họ nói những điều tương tự như của tôi”.

Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc vẫn còn tồn tại cho đến ngày hôm nay. Đây là mặt còn lại của một đồng xu. Chỉ mới đây, tôi đang theo dõi một buổi hội đàm trên ti-vi. Các lãnh đạo giới tăng lữ ở Mỹ đang trao đổi về một vụ quan hệ tình dục đã làm cho rất nhiều báo đài chú ý. Một người trong buổi hội đàm là mục sư truyền đạo đã có ý nói rằng mấy ý tưởng về đạo đức suy đồi có hơi thiêng về văn hoá, tức là nói rằng những tiêu chuẩn đạo đức của người Mỹ gốc Phi khác với người da trắng. Điều đó có nghĩa là Mười Điều Răn không áp

dụng cho người da đen theo cách phải áp dụng với người da trắng.

Hai thí dụ này – từ đất nước Nigeria và nước Mỹ - đang phản ánh chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Câu trả lời mà tôi đưa ra đó là không có sự phân biệt chủng tộc – chỉ có loài người mà thôi. Hết thảy chúng ta đều là dòng dõi của A-đam và Ê-va. Chúng ta chỉ có một quyển Kinh Thánh cho cả loài người. Những lẽ thật trong Quyển Sách được áp dụng cho mọi người. Chúng ta có trách nhiệm phải sống đúng với chân lý ở mọi lĩnh vực.

Tâm tánh được phát triển qua từng lựa chọn ở từng thời điểm. Sự cứu rỗi cá nhân có thể xảy ra tức thời, nhưng tâm tánh phải được trau dồi qua thời gian. Chúng ta phải dạy dỗ các nguyên tắc của Lời Chúa cho từng quốc gia và từng nhóm dân tộc. Giống như Hans Nielsen Hauge đã nói với những học trò của mình rằng: “Đây là Quyển Sách của Đức Chúa Trời dành cho mọi lĩnh vực trong đời sống”. Hauge tin cậy và áp dụng Quyển Sách. Lịch sử của Na-uy cho thấy cách Quyển Sách đã thay đổi nhanh chóng một quốc gia như thế nào.

Tôi có lòng trông cậy rất lớn cho châu Phi. Tôi tin rằng chúng ta có thể chứng kiến lục địa này được chữa lành và biến đổi. Tôi đã nhìn thấy vài dấu hiệu rất đáng khích lệ.

Những anh hùng châu Phi

Vài năm qua tôi đã để ý thấy – người dân châu Phi ở lục địa và giữa vòng người Do Thái đang có sự chuyển mình đáng chú ý. Thí dụ:

Vào năm 2007, Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc là người châu

Phi – Kofi Annan. Một trong những người có ảnh hưởng mạnh mẽ trên thế giới đã từng giữ chức Bộ trưởng ngoại giao Mỹ là Condoleezza Rice, một người Mỹ gốc Phi. Tiền bối của bà là Colin Powell cũng là một người Mỹ gốc Phi. Người được trả lương cao nhất trong làng giải trí cũng là một người da đen – một tỷ phú và là người hay làm công tác thiện nguyện tên là Oprah Winfrey, bà là người dẫn chương trình truyền hình nổi tiếng và cũng là nhà tổ chức kinh doanh sản xuất hàng triệu đô-la. Làng thể thao thế giới sẽ ra sao nếu không có các vận động viên châu Phi và những người Do Thái gốc Phi? Bóng rổ, bóng chày, bóng đá, bóng bầu dục, chạy điền kinh, quần vợt, quyền Anh – người da đen đang thống trị các bộ môn thể thao tại giải đấu Olympic và các môn thể thao chuyên nghiệp khác. Từ những người như Pele, Michael Jordan, Tiger Woods, chị em nhà Williams, rất nhiều vận động viên thể thao giỏi nhất đều có nguồn gốc châu Phi.

Người châu Phi đã thành công trong làng giải trí, ti-vi và phim ảnh. Những nghệ sĩ hài như Bill Cosby và rất nhiều người khác nữa đã đem đến tiếng cười cho hàng triệu khán giả. Halle Berry, Denzell Washington, Jamie Foxx và Morgan Freeman chỉ là một vài người đã giành được các giải thưởng Oscar vì những vai diễn xuất sắc trong ngành điện ảnh.

Những đứa con của lục địa châu Phi dù trai hay gái đã tăng thêm phần phong phú cho các lĩnh vực nghệ thuật, các thể loại nhạc sáng tạo như jazz, Cơ Đốc, blues, rock, reggae, hip-hop và rap. Những giai điệu và tiếng nhạc từ nhiều thể loại kể trên đã đi khắp nước Mỹ và vòng quanh thế giới. Trong những điệu nhạc đó tôi có thể nghe thấy âm thanh đặc trưng đã cùng tôi chìm vào giấc ngủ nhiều đêm ở châu Phi.

Đó là một vài thí dụ điển hình, nhưng tôi tin đó là phương

hướng. Đức Chúa Trời đang bày tỏ cho chúng ta thấy Ngài có những điều to lớn còn dành cho người châu Phi – những người đang ở lục địa của mình và những người đang sống ở xứ Do Thái. Khi tôi đi lại ở các nước châu Phi, tôi nhìn thấy được một chút gì đó của Đức Chúa Trời dành cho người châu Phi. Ngài đã đặt để rất nhiều sự đẹp đẽ và kho báu đến nỗi dư thừa ở lục địa này.

Đức Chúa Trời có kế hoạch gì cho châu Phi?

Hãy đến châu Phi cùng với tôi. Sa mạc lớn nhất thế giới là Sahara sẽ khiến bạn phải ngộp thở vì những đồi cát vàng dưới ánh mặt trời. Đến với khu sở thú đã được thuần hoá ở Kalahari hay sau khi nhìn thấy những đám mây bụi và lắng nghe tiếng kêu như sấm rền của hàng ngàn chú ngựa vằn đang phi nước đại ở Serengeti. Hãy đến đây, đứng trên ngọn núi ở Kenya để nhìn thấy một bờ hồ xanh ngát ở đằng xa với thắt lưng màu hồng mềm mại xung quanh nó – đó là màu sắc từ đàn chim hồng hạc đang lội quanh bờ. Hãy xuống đồng bằng để nhìn thấy những chú voi và hươu cao cổ đang nhẹ nhàng phi nước kiệu, dừng lại gặm nhấm những lá cây trên cao. Bạn sẽ nổi da gà trước tiếng gầm của mấy chú sư tử đực hay tiếng rì rầm của những con cá sấu đang trườn qua mặt nước.

Nếu bạn đến thăm những khu rừng xanh rộng lớn về phía Tây hay Thung Lũng Rạn Nứt ở phía Đông, bạn sẽ tự nghĩ rằng mình đang ở Vườn Ê-đen.

Đứng dưới đồng bằng để nhìn lên đỉnh núi Kilimanjaro. Đôi mắt của bạn sẽ chăm chú vào đường chân trời, nhằm vào những pháo đài bằng đá và tổ kiến hai tầng. Những bờ hồ lấp

lánh đủ lớn để hình thành những hòn đảo nổi tiếng. Nếu bạn có thời gian, bạn có thể đi ngắm những con sông lớn như sông Nile, chảy từ phía Bắc của Hồ Victoria ở Uganda qua đến Ai-cập rồi đổ ra Đại Tây Dương. Sông Congo đổ xuống như thác nước cho đến Atlantic. Con sông Zambezi dài 1,600 dặm ở phía Đông, vòng quanh một trong những thác nước đẹp nhất trên thế giới là thác nước Victoria, rồi biến mất vào Ấn Độ Dương ở Mozambique.

Phong phú nhất thế giới

Đức Chúa Trời của chúng ta là Hoạ Sĩ đại tài đã tô điểm rất nhiều kỳ quan ở châu Phi. Ngài có kế hoạch gì cho lục địa và người dân ở nơi đây? Ngài giấu rất nhiều vàng, kim cương, chất Plutonium và đồng đỏ tại đây so với các nơi khác trên thế giới. châu Phi có đủ đất đai trồng trọt để cung ứng lương thực cho phần lớn dân số trên thế giới. Lục địa này có tiềm năng thủy điện nhiều hơn phần còn lại của thế giới gộp lại, cũng như rất phong phú về than đá và dầu hoả.

Nếu sử dụng một cách khôn ngoan cho người châu Phi và bởi người châu Phi thì các nguồn tài nguyên đó có thể đóng góp một phần rất quan trọng cho sức khoẻ và sự thịnh vượng. Đáng tiếc là người dân châu Phi đã từ lâu làm nô lệ, bị cưỡng bức, bị lạm dụng, bị bóc lột bởi thành kiến, hận thù hay sự ngu dốt. Nguồn tài nguyên phong phú lại bị người khác thu thập và sử dụng – thậm chí bị đánh cắp – mà chỉ đem đến ích lợi không nhiều cho người châu Phi. Thay vì vậy, giá trị của các tài nguyên này đã bị người ngoại quốc bóc lột, làm giàu cho những nhà độc tài và quân phiệt, gây ra đổ máu, đói kém,

thậm chí còn tạo ra hình thức người da đen làm chủ nô lệ da đen.

Nhưng Đức Chúa Trời không quên họ. Trong suốt thế kỷ hai-mươi, số lượng người tin Chúa ở châu Phi tăng từ 8 triệu người đến 351 triệu người. Giờ đây, rất nhiều người châu Phi được sai phái làm giáo sĩ và trở thành lãnh đạo thuộc linh ở từng lục địa. Một mục sư người Nigeria tên là Sunday Adelaja đang quản nhiệm một Hội thánh lớn ở Châu Âu. Tôi đến chia sẻ ở Hội thánh của ông tại Kiev, Ukraine, với hàng ngàn tín hữu từ các trụ sở và chi hội ở khắp các quốc gia.

Ở Nigeria, Tiến sĩ E. A. Adebeye đã có một buổi nhóm rất đông tín hữu tập trung tại một địa điểm lần đầu tiên trong lịch sử – có khoảng bảy triệu người đến dự buổi cầu nguyện từ 6 giờ chiều đến 6 giờ sáng trong vòng ba ngày vào năm 1998. Mục sư Adebeye đã nói với tôi rằng Hội thánh của ông đã tiên phong mở ra hàng ngàn nhà thờ ở năm-mười-chín quốc gia.

Một người Mỹ gốc Phi, là Tiến sĩ T. D. Jakes, đang quản nhiệm một trong những Hội thánh lớn tại Mỹ, là Potter's House ở Dallas, với 35,000 tín hữu.

Gần đây, tôi đến thăm một căn phòng chật chội ở Zanzibar là nơi các nhà buôn người Ả-rập đã từng mua bán hàng ngàn người nô lệ đến các nước Ả-rập, Châu Âu và Mỹ. Tôi đã nhìn thấy những nơi từng bán đấu giá nô lệ ở dưới những gốc cây – bị đánh đập, bị sỉ nhục và bán đi như những con vật. Tôi chỉ lấy làm lạ vì không biết làm thế nào người châu Phi đạt được sự vĩ đại như ngày hôm nay.

Tôi còn rất nhiều kỳ vọng cho châu Phi. Một người cho tôi hy vọng là George Kinoti, một giáo sư động vật học tại trường Đại Học Nairobi. Ông Kinoti giống như Hauge hay Carey của châu Phi vậy. Ông đang nỗ lực biến đổi đất nước Kenya của

mình. Nếu như ông và nhiều người khác giống như ông dấy lên ở các quốc gia tại châu Phi, môn đồ hoá hàng triệu người đến với Chúa Jêsus, thì ai biết được chúng ta sẽ chứng kiến điều gì xảy ra? Tôi tin châu Phi có thể trở thành lục địa chiếu sáng, một điển hình cho cả thế giới nhìn thấy quyền năng cứu rỗi của Đức Chúa Trời và Lời của Ngài. Khi có nhiều người châu Phi không chỉ đọc Kinh Thánh hay trích dẫn Kinh Thánh mà còn áp dụng Lời Chúa vào đời sống của họ, thì châu Phi sẽ thay đổi. Lục địa này sẽ thay đổi rất ngoạn mục.

HỖ VỌNG TRÌ HOÃN

CHÂU MỸ LA-TINH

Tôi yêu quý Châu Mỹ La-tinh đã từ lâu. Ký ức ấu thơ là những lần được tắm nắng ở nhiều thị trấn dọc biên giới của người Mexico tại Arizona và California, ở đó tôi đã làm quen với mấy người bạn Mexico đầu tiên. Khi còn là thiếu niên ở Los Angeles, tôi thích nghe đài ra-đi-ô tiếng Tây Ban Nha, rồi cũng tập nói tiếng ấy nữa. Chuyến đi truyền giáo đầu tiên của tôi lúc mười-bảy tuổi là đến Mexico. Khi lớn lên, tôi đã đến thăm từng quốc gia ở Châu Mỹ La-tinh.

Chúng ta sẽ thấy gì ở Châu Mỹ La-tinh khi nói về Quyền SÁCH? Bằng cái nhìn đầu tiên, đó là một khu vực tràn ngập Cơ Đốc giáo suốt hàng thế kỷ. Đức Chúa Trời đã ban cho khu vực này đầy đủ tài nguyên thiên nhiên trên thế giới. Nhưng về mặt lịch sử, thì bộ máy chính quyền tham nhũng và không ổn định đã làm ô nhiễm Châu Mỹ La-tinh. Nhiều sự chia rẽ lớn đã phân chia các nhóm dân tộc có nguồn tài nguyên dồi dào nằm ở vị trí cao, còn các nước nghèo thì ở dưới cùng, rất khó để tăng lớp

trung lưu tồn tại trong xã hội. Làm thế nào các nước Châu Mỹ La-tinh có Hội thánh lâu đời lại không thấy phước hạnh xảy ra giống như chúng ta đã nhắc đến?

Hai yếu tố lớn đã làm suy yếu ảnh hưởng của Kinh Thánh ở Châu Mỹ La-tinh, đó là: tinh thần Trung Đông và chủ nghĩa nguyên hợp – một sự pha trộn giữa Cơ Đốc giáo và tà giáo.

Tinh thần Trung Đông của châu Mỹ La-tinh

Đầu tiên, tinh thần và thế giới quan của Trung Đông đã thấm nhuần văn hoá La-tinh. Còn nhớ người Moor, một nhóm người Hồi Giáo, đã cai trị gần hết bán đảo Iberian Peninsula hàng trăm năm, sau này trở thành Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Họ đến “truyền giáo” bằng gươm đao vào thế kỷ thứ tám. Người Moor thống trị cho đến cuối thế kỷ mười-lăm khi Nữ hoàng Isabella và nhà Vua Ferdinand chinh phục phần còn lại của Tây Ban Nha vào năm 1492. Khi người Tây Ban Nha đặt chân lần đầu tiên lên Thế Giới Mới, bộ máy chính quyền Cơ Đốc của Tây Ban Nha vẫn còn rất mới mẻ trong cách cai trị của họ.

Một vài dấu hiệu cho thấy ảnh hưởng của Trung Đông đối với Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Bạn có thể nhìn thấy điều đó trong tiếng Tây Ban Nha. Thí dụ, từ “áo thun” trong tiếng Tây Ban Nha và tiếng Ả-rập là *camisa* và *kamis*. Hai thứ tiếng đều dùng gần như cùng một từ cho “quần dài” là *pantalones* và *bantalon*. Dấu chấm than trong tiếng Tây Ban Nha là đặc trưng nhất: ;Ojalá! có nguồn gốc từ *inshallah*, hay “theo ý Allah”.

Khi nhìn vào cách từ ngữ kết nối với nhau, bạn có thể thấy mối liên kết giữa ý tưởng và thế giới quan. Vậy thì, bạn có thấy tiếng Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha đã mặc lấy tinh thần của

Trung Đông. Chúng có cùng một số phận. Niềm tin “theo ý Allah” cũng gần giống như tiếng Tây Ban Nha *que será será* – nghĩa là “điều gì sẽ xảy ra sẽ xảy ra”. Những cụm từ này cho thấy kiểu niềm tin rất phổ thông đó là lựa chọn của chúng ta không phải là vấn đề – vì tương lai đã được định đoạt.

Một điều tương tự khác là ý tưởng về lòng tự trọng của nam giới trong văn hoá La-tinh, cũng có khái niệm tương tự ở khu vực Trung Đông. Thí dụ, đa số con người sống trong hai nền văn hoá này đều coi trọng nam giới hơn nữ giới. Phụ nữ không có giá trị. Họ chỉ có giá trị vì những đóng góp của họ cho nam giới. Rồi cả hai nền văn hoá đều có tiêu chuẩn gấp đôi khi xem xét hành vi của cả hai giới tính. Trong tín ngưỡng của người Hồi Giáo thì nam giới được quyền có bốn người vợ. Theo truyền thống của người La-tinh thì việc người nam có nhiều tình nhân giống như có một vợ là chuyện bình thường.

Độc ác hơn chủ nhân của họ

Còn có những lời dối trá khác nữa trong sự thay đổi lịch sử bằng gươm giáo. Người Hồi Giáo nổi tiếng vì cách lan truyền tín ngưỡng bằng hình thức bạo lực. Họ dùng chiến tranh để khiến người dân của Iberian Peninsula thay đổi tín ngưỡng. Một vài sử gia nói người Hồi Giáo học được cách cải đạo từ người Cơ Đốc, tức là nói về thời Constantine. Nhưng dù lý do gì đi nữa, thì hành động hung ác đã được đón nhận và truyền lại về sau, tạo ra rất nhiều cảnh đổ máu trong danh Chúa. Khi người dân Iberia lật đổ chế độ Moors, thì họ đi ra chinh phục những vùng đất mới và lặp lại hành động đó. Thật ra, họ còn bách hại

nhiều hơn là dung thứ đối với những gì người Moors đã làm ở Iberia.

Nữ hoàng Isabella yêu cầu khi người *Tây Ban Nha* đến với gươm giáo, thì phải có những giáo sĩ theo cùng. Lời bào chữa cho sự xâm lăng đó là họ đang đem Tin Lành đến với người ngoại đạo. Nhưng mấy kẻ đi xâm lược đã cưỡng bức phụ nữ rồi cướp đi vàng bạc. Một tài liệu cho biết người Balboa giết người Ấn giống như “người bán thịt lợn chặt thịt bò và thịt cừu bán ngoài chợ”. Người *Tây Ban Nha* thường nuôi chó để cắn chết mấy “người bị lột sạch quần áo”, xé họ ra thành từng mảnh.

Hãy tưởng tượng nếu bạn phải nghe Tin Lành với cảnh tượng đó. Dưới luật pháp của người *Tây Ban Nha*, người theo đạo Công Giáo không bị bắt làm nô lệ. Người bản xứ được có lựa chọn. Một người bị hỏi rằng: “Anh có muốn tin Chúa không?”

“Không”.

“Đem nó đi – cho tên này làm nô lệ ở mỏ bạc”.

Rồi họ hỏi người tiếp theo: “Có muốn tin Chúa không?”

“Có chứ! Tôi luôn muốn trở thành một Cơ Đốc nhân”.

Người đó liền được “cải đạo” bằng cách quỳ xuống rồi được giao cho người giáo sĩ làm báp-tem.

Đây là cách “truyền giáo” cho nhiều người bản địa. Trong một bài viết: “Người Mỹ bản địa đáp ứng với Cơ Đốc giáo thế nào?” Thomas S. Giles kể lại một người *Tây Ban Nha* ở Trung Mỹ vào năm 1514, đi từ làng này đến làng khác. “Trước khi họ vào trong làng, họ tuyên bố rằng: ‘Hỡi người Ấn và mấy người mạnh dạn nghe đây, có một Đức Chúa Trời, một giáo hoàng và một vua trong cả Đế quốc là người cai trị đất nước. Hãy tiến

đến và bày tỏ sự vâng phục, hay là chúng ta sẽ chiến tranh với các người, giết các người...khiến các người làm nô lệ!”

Thiếu mất Kinh Thánh

Người dân bản địa có thể “được cải đạo”, nhưng cái còn thiếu ở Châu Mỹ La-tinh đó là phong trào cải chánh. Điều này đã ngăn trở sự phát triển của họ trong nhiều thế kỷ. Trở ngại lớn nhất để nhận được phước hạnh và tự do ở Châu Mỹ La-tinh đó là sự thiếu thốn Lời Chúa. Không giống như những nhà Cải Chánh ở Châu Âu, các giáo sĩ đầu tiên ở Thế Giới Mới không khích lệ người dân đọc Kinh Thánh. Họ nghe theo mệnh lệnh của Hội Đồng Trent đó là không cho phép Kinh Thánh ở trong tay người dân, còn nói rằng người dân phải lệ thuộc vào Hội thánh và họ sẽ đoán xét theo “sự giải nghĩa và ý nghĩa thật sự của Kinh Thánh”.

Tất nhiên, nhiều giáo sĩ tốt bụng tìm cách phục vụ người dân, giống như các nhân vật được miêu tả trong bộ phim *The Mission*. Những người thuộc dòng thánh Francis, Dominic, và những người giống như Bartolomé de Las Casas đã tận hiến cuộc đời phục vụ người dân bản địa bằng tình yêu thương. Nhưng tính tàn ác của những kẻ xâm lược đã làm cho cả khu vực Châu Mỹ La-tinh sống trong sự thù hận. Las Casas nói với một người đứng đầu bản địa trong nước Cuba tên là Hatuey, người này bị chính quyền ra lệnh thiêu sống. Họ hỏi Tù trưởng Hatuey có muốn tiếp nhận Cơ Đốc giáo trước khi chết không. Hatuey hỏi: “Tôi có phải gặp người da trắng ở thiên đàng không?” Khi họ nói có, thì người tù trưởng trả lời rằng: “Vậy thì

tôi không muốn trở thành Cơ Đốc nhân đâu, vì tôi không muốn ở chung với mấy người tàn ác đó!”

Pha lẫn Cơ Đốc giáo với ngoại giáo

Khi bạn đọc những điều đáng buồn từ này đến giờ, có lẽ cũng ngỡ ngàng khi biết được những người bị xâm lược đã tìm thấy tín ngưỡng của họ. Nhưng đó là trở ngại cho sự phát triển của Châu Mỹ La-tinh – thuyết hổ lốn, sự pha lẫn Tin Lành và tập tục ngoại giáo. Nhiều người La-tinh không còn tin vào Chúa Jê-sus nữa. Họ đang sống với tư tưởng *Jê-sus-ngoại giáo*, một sự trộn lẫn giữa những gì Kinh Thánh nói và quá khứ của họ.

Các tà thần được thờ lạy bên cạnh các thánh Cơ Đốc, cũng có lúc pha trộn một thần nào đó với một Hội thánh. Còn nhiều người khác, các pháp sư và người có khả năng chữa bệnh đòi một chỗ ngang bằng hay cao hơn các tu sĩ. Năm mới ở Rio de Janeiro là một thí dụ điển hình. Hàng ngàn Cơ Đốc nhân nhóm lại bên bờ biển để dâng hiến trái cây, thức ăn, nước hoa đất tiền, rượu và tiền bạc cho các thế lực tâm linh, chuẩn bị tặng phẩm của họ trên một con thuyền nhỏ rồi thả trôi ra biển.

Tôi có nghe nói về mấy vị tu sĩ, để thoả hiệp với hình thức thờ lạy này, đã cố gắng kết hợp Cơ Đốc giáo với Macumba hay những tập tục thờ cúng nào đó. Tham dự một nghi thức như vậy vào ban đêm là điều bình thường đối với người Brazil, mời gọi các tà linh bước vào đời sống họ, rồi ở đó cho đến sáng mai.

Tôi biết những hành động này làm buồn lòng nhiều tu sĩ và các xơ. Kinh Thánh cấm kỵ những tập tục đó. Đó là công việc

của sự tối tăm. Lẽ thật cho con người tự do, nhưng sự dối trá thường dẫn ta trở lại cảnh tù tội. Nó còn dẫn đến nghèo đói, sợ hãi và ngu dốt.

Mặc kệ những điều này đang làm chậm sự phát triển trong nhiều thế kỷ qua, tin mừng đó là Châu Mỹ La-tinh đang thay đổi nhanh chóng. Cảnh nô lệ đang mở ra con đường tự do hơn để Thánh Linh của Đức Chúa Trời hành động ở nhiều quốc gia.

GIÓ THÁNH LINH VẬN HÀNH KHẮP CHÂU MỸ LA-TINH

Trong nhiều thập kỷ qua, vài sự tăng trưởng niềm tin nơi Kinh Thánh rất ngoạn mục đang xảy ra khắp nơi trên thế giới đối với Châu Mỹ La-tinh. Khi bạn nhìn thấy số liệu đầy cảm động này, thật khó mà tin là có thật. Nhưng đó là sự tăng trưởng đang xảy ra từ nước này đến nước khác ở trong khu vực đó.

Lấy đất nước Brazil làm thí dụ. Vào đầu thế kỷ 20, Gunnar Vingren và Daniel Berg mới đặt chân đến Belem, một thành phố nằm ở cửa sông Amazon. Hai người Thụy Điển còn rất trẻ này đã bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi phong trào Đường Phố Azura. Khi họ bắt đầu chia sẻ với mấy người ít học nhất ở trong thành phố, hàng ngàn người bắt đầu đáp ứng lại. Chỉ trong một ngày, vào ngày 19 tháng 11 năm 1910, Vingren và Berg đã đứng ngay dưới ánh mặt trời chói chang, nhiệt độ lên đến 100 độ F và độ ẩm vào khoảng 95%, để làm báp-tem cho hơn năm-mươi-ngàn người. Nghĩ mà xem! Đó là con số gấp mười-sáu lần được làm báp-tem trong ngày Lễ Ngũ Tuần.

Phong trào này đã làm gia tăng hơn mười-bảy triệu người chỉ trong vòng một hệ phái Ngũ Tuần ở Brazil, cộng với hàng triệu người khác nữa ở các hệ phái Ngũ Tuần và các Hội thánh phi hệ phái trong phong trào ân tứ và nhiều Hội thánh Tin Lành khác nữa.

Hay thử nói về Chile. Lần đầu tiên tôi đến đất nước này vào năm 1961, tôi ghé thăm Hội thánh Giám lý Ngũ Tuần ở Santiago, Chile. Họ nói rằng đó là hội chúng Tin Lành lớn nhất trên thế giới vào lúc bấy giờ, có đến 160,000 tín hữu. Tôi đứng trước một khán phòng to lớn và trầm trồ trước dãy đàn ghi-ta xếp dọc hành lang sát tường, họ đang chờ tới phiên thờ phượng.

Khắp Châu Mỹ La-tinh, số lượng nhà thờ Tin Lành, Ngũ Tuần và phong trào ân tứ đã tiếp tục mọc lên như nấm, đạt đến 151 triệu người vào năm 1990. Vào năm 2000, con số đã lên đến 181 triệu người.

Một quyền sách chưa hề thấy bao giờ

Làm thế nào sự tăng trưởng ngoạn mục như thế đã xảy ra? Chủ yếu, nó đã xảy ra vì các lãnh đạo quay trở lại với Lời Chúa, rồi họ dạy dỗ người khác. Thí dụ, mới đây tôi đến thành phố Mexico, sắp sửa phải chia sẻ cho một Hội thánh lớn do mục sư Vega thành lập. Sau khi chia sẻ với tám-trăm lãnh đạo của ông, tôi sắp bước vào buổi nhóm sáng Chúa Nhật trong một khán phòng rất lớn của họ. Đang đợi bên ngoài sân khấu cùng với mục sư Vega thì tôi muốn được biết câu chuyện của ông.

Ông nói rằng: “Đơn giản lắm, tôi chỉ là người bình thường,

một lãnh đạo tại Hội thánh. Tôi là người thích đọc sách, đôi khi có thể đọc vài cuốn mỗi tuần”.

Ông nói: “Có người cho tôi cuốn Kinh Thánh mà tôi chưa hề thấy bao giờ!” Rồi ông đọc Kinh Thánh. Khi đọc xong, ông nhận ra ông không hiểu quyển sách nói gì, thế là ông đọc thêm lần nữa. Chậm hơn. “Rồi Kinh Thánh mở mắt tôi”.

Ông ngồi lại với vài người bạn. Tám người bắt đầu đọc Kinh Thánh với nhau. Họ đọc và áp dụng vào đời sống của mình.

Mục sư Vega nói: “Chúng tôi tiếp tục giữ thì giờ đọc Kinh Thánh như thế. Bây giờ đã có đến mười-một ngàn người trong Hội thánh của chúng tôi”.

Sự tăng trưởng ở Hội thánh của Mục sư Vega và hàng ngàn Hội thánh khác giống như vậy đang mọc lên khắp các lục địa khi có những giáo sĩ được sai đi từ các Hội thánh. Ở một hội nghị diễn ra ở Châu Mỹ La-tinh được gọi là Cooperación Misionera Iberoamericana (COMIBAM) ở São Paulo, Brazil, vào năm 1987, họ tuyên bố rằng: “Chúng ta không còn là cánh đồng truyền giáo nữa, bây giờ chúng ta là nguồn lực cho công tác truyền giáo”. Họ có 1,635 giáo sĩ từ Châu Mỹ La-tinh đang làm việc xuyên văn hoá vào năm 1987 khi họ đưa ra lời tuyên bố đó. Bây giờ con số ấy đã lên tới 8,000 giáo sĩ đang làm việc tại 150 quốc gia.

Đến những nơi khó khăn

Trong chính sứ mạng của chúng ta, chúng ta đã chứng kiến hàng ngàn người trẻ tình nguyện gia nhập YWAM ở La-tinh. Họ đang đi đến những nơi khó khăn. Họ sẵn sàng sống ở những

nơi còn rất ban sơ và khó khăn. Họ là những người dạn dĩ và yêu mến Chúa Jêsus bằng cả tấm lòng của mình.

Sự tăng trưởng vô cùng quan trọng này có tác động đến cơ cấu của đất nước họ không? Có chứ. Điều rất rõ ràng đó là sự thay đổi có xảy ra ở Châu Mỹ La-tinh. David Martin, là giáo sư xã hội học đã về hưu, từng dạy ở trường Kinh tế tại Luân-đôn, đã viết về sự tăng trưởng rất ngoạn mục của giới Tin Lành ở Châu Mỹ La-tinh, cụ thể là giữa vòng những người thuộc phong trào ân tứ và Ngũ Tuần, cũng như sự biến đổi kèm theo. Đó chưa phải là sự biến đổi hoàn toàn; nhưng lại là một sự thay đổi khác về mặt xã hội.

Thay đổi trước mắt

Martin cho thấy thông điệp Phúc Âm đang làm mạnh dạn những con người bên lề xã hội. Giống như phong trào nông dân của Hauge ở Na-uy, người nghèo ở Nam Mỹ học được cách từ bỏ thói quen xấu, truyền thông hiệu quả hơn, đôi khi còn có người biết đọc chữ nữa. Họ đang học cách ủng hộ lẫn nhau và sống kỷ luật bản thân cũng như quản lý tốt tài chánh. Martin nói rằng niềm tin từ Kinh Thánh đem đến ích lợi cho xã hội và nền kinh tế. Dần dần đất nước hình thành tầng lớp trung lưu, đời sống cá nhân được phát triển khi họ áp dụng các nguyên tắc của Lời Chúa.

Tom Wheaton, một giáo sĩ đã về hưu ở Brazil, kể về một người trong Hội thánh của ông mô tả sự biến đổi diễn ra khắp Châu Mỹ La-tinh. Người đó và gia đình sống ở Belo Horizonte, một thành phố lớn thứ ba ở Brazil. Hồi trước họ phải vất vả để tồn tại. Người cha đã phải rất khó khăn để duy trì công việc, gia

đình thường phải nhịn đói. Mỗi tuần, người cha phung phí số tiền còn lại vào mấy trò đá banh, nhậu nhẹt và chơi gái. Nhưng khi người đó biết Đấng Christ, mọi thứ được thay đổi. Anh ta bắt đầu học và áp dụng Lời Chúa, rồi anh trở thành một công nhân chăm chỉ. Mặc dù không làm ra nhiều tiền, nhưng bấy giờ số tiền kiếm được đủ dùng để trang trải nhu cần trong gia đình – nào là thức ăn, quần áo, giày dép cho con cái. Gia đình còn được chuyển đến ở nơi tốt hơn. Khi người cha biết cách sống nhờ Quyển Sách, cả gia đình liền được phước.

Wheaton còn nói anh đã chứng kiến điều này xảy ra với vài người trong hội chúng của mình. Đó là một câu chuyện ngắn cho những gì đang xảy ra ở khắp Trung và Nam Mỹ. Sự trung tín và ngay thẳng là những gì được nhìn thấy ở hàng ngàn tín hữu đang chủ động làm việc để có một đời sống tốt hơn. Các tín hữu này cũng đang tạo ra một xã hội tốt hơn.

Tôi còn thấy Châu Mỹ La-tinh đang thay đổi trước mắt khi nhiều lần trở lại nơi này hơn năm-mươi năm qua. Tôi từng thấy nhiều sự biến động ở chính quyền. Một kẻ độc tài vô dụng phải được thay thế bằng người khác, ông ta chỉ ở vị trí đó cho tới khi có người khác thay thế. Sự tham nhũng là chuyện bình thường; các lãnh đạo từ nghèo trở nên giàu có. Mặc kệ nguồn dầu mỏ, các kim loại quý, những viên ngọc quý, nền kinh tế của các nước Châu Mỹ La-tinh luôn trong tình trạng suy sụp, vài người có được vinh dự để cai trị người dân đang sống trong sự nghèo nàn. Bây giờ thì có sự thay đổi.

Vào năm 1992, một vài điều ngạc nhiên đã xảy ra: ngay cả Tổng thống Fernando Collor de Melo của Brazil và Tổng thống Carlos Andrés Pérez của Venezuela ra hình phạt cho tội tham nhũng và bị đuổi khỏi văn phòng. Làm thế nào điều này được xảy ra trong khi đó là những gì *bình thường* ở các nước Châu

Mỹ La-tinh? Lời Chúa được tìm thấy và áp dụng trong đời sống hằng ngày. Chile là một thí dụ. Bây giờ, người nào muốn hối lộ cảnh sát sẽ bị bắt. Nói như vậy không có nghĩa tình trạng tham nhũng không còn xảy ra nữa ở Châu Mỹ La-tinh. Nhưng rất nhiều nguyện vọng của nhân dân đã được thay đổi. Hiện nay, ở Hàn Quốc đang có luật được áp dụng cho các lãnh đạo trong nước.

Tôi còn để ý vài điều khác nữa. Vào năm 1993, những nhà độc tài ở Châu Mỹ La-tinh không còn nữa. Khi tôi viết điều này, mỗi quốc gia, ngoại trừ Cuba, đã được tự do bầu chọn tổng thống. Có những thách thức lớn lao – không phải lãnh đạo nào ở Châu Mỹ La-tinh đều công bằng và chánh trực. Chúng ta còn chứng kiến sự đi xuống về mặt ổn định và tự do, giống như Tổng thống Venezuela đã tống khứ nhiều giáo sĩ khỏi nước. Chúng ta có thể mất đi chiến trường giống như thế, nhưng trên hết sự đắc thắng đang xảy ra nhanh chóng. Sự phát triển niềm tin theo Kinh Thánh ở Châu Mỹ La-tinh đang tiếp tục từng bước mà không ai có thể dừng lại. Sự biến đổi ở Châu Mỹ La-tinh vẫn còn xa vời nhưng đang diễn ra rất tốt.

V

ĐEM QUYỀN SÁCH CỦA
ĐỨC CHÚA TRỜI CHO CẢ
THẾ GIỚI

HƯỞNG TÂM NHÌN RA THẾ GIỚI

Khi tôi còn nhỏ, vào những năm 1940, tôi nghe thấy mọi người nói về việc đem Phúc Âm đến mọi dân tộc. Tôi nghĩ tới nghĩ lui làm thế nào đạt được điều đó. Rồi tôi quay lại với ý tưởng. Nếu chúng ta đặt chân đến mặt trăng rồi tìm những phiến đá to bự, thì chúng ta có thể viết lên đó một câu Kinh Thánh để cả trái đất có thể nhìn thấy!

Nên chọn câu Kinh Thánh nào đây? Giăng 3:16 thì quá dài. Tôi thấy mấy phiến đá cũng nặng lắm, chúng ta không thể di chuyển quá nhiều tảng đá như vậy. Thế là tôi tìm được một câu Kinh Thánh đủ ngắn đó là: “Đức Chúa Trời là sự yêu thương”. Tôi đảm bảo chúng ta có thể viết lên những phiến đá to màu đen trên mặt trăng để mọi người ở trái đất có thể đọc.

Bây giờ, tôi buồn cười vì cái ý tưởng trẻ con viết chữ trên mặt trăng đó. Cho dù có làm được đi nữa thì đâu phải ai cũng biết tiếng Anh, hàng trăm triệu người còn chưa biết đọc. Nhưng mục tiêu vươn đến toàn cầu bằng Phúc Âm chưa bao giờ ngừng thôi thúc trong tôi.

Tôi vẫn nghĩ về nó. Làm thế nào giúp mọi người nghe được Tin Lành? Làm thế nào tác động các dân tộc trên thế giới – các quốc gia giống như Nhật Bản và những nước ở châu Phi hay Châu Mỹ La-tinh? Làm thế nào đem đến sự biến đổi trong xã hội, đời sống của chúng ta và cho nhiều người còn đang ở rất xa?

Chúa Jêsus kêu gọi tất cả môn đồ của Ngài trở thành những người xây dựng quốc gia. Ngài phán rằng chúng ta phải đi khắp thế gian và môn đồ hoá muôn dân. Những người xây dựng quốc gia có thể là những giáo sĩ truyền thống được sai đi, hoặc là có thể được Chúa dẫn dắt áp dụng Lời Chúa vào một khía cạnh xã hội nào đó, giống như Vories đã làm cho nước Nhật Bản.

Nhiều người xây dựng quốc gia không rời khỏi quê hương của mình. Họ áp dụng lẽ thật của Chúa ngay tại nơi làm việc của họ – trong kinh doanh, chính phủ, giáo dục, truyền thông, hay một trong những khía cạnh xã hội khác. Những người khác cầu nguyện và hỗ trợ cho người được sai đi. Còn gia đình là nền tảng kiên cố cho xã hội, có thể những người xây dựng quốc gia quan trọng nhất là cha mẹ đang nuôi dạy con cái theo các nguyên tắc Kinh Thánh. Điều cốt yếu đó là hễ người nào vâng theo Chúa Jêsus bằng cách cầu nguyện, dâng hiến, đi ra và rao truyền – hễ người nào nỗ lực để nhìn thấy ý muốn của Ngài được nên ở dưới đất cũng như ở trời – đều đóng góp một phần trong nỗ lực môn đồ hoá muôn dân.

Tuy nhiên, chúng ta đặc biệt cần những người sẵn sàng đi đến các quốc gia với vai trò là giáo sĩ – tức là *người được sai đi*. Chúng ta cần các giáo sĩ vì vẫn còn nhiều nơi tối tăm. Cần phải có ai đó đem đến ánh sáng. Chúng ta đã chứng kiến sự tối tăm ở Ấn Độ vào cuối thế kỷ mười-tám khi William Carey đặt

chân đến đó. Bóng tối dày đặc hơn nữa khi John Wesley bắt đầu rao giảng ở Anh hay khi Calvin đến thành phố Geneva. Còn nhiều khu vực chìm trong sự tối tăm ở trên thế giới ngày hôm nay, trong thế kỷ hai-mươi-mốt.

Thay đổi toàn cầu

Chúa Jêsus đã đến để cứu rỗi mọi người, để nhìn thấy từng dân tộc được thay đổi. Cho dù chúng ta xuất thân từ đâu, chúng ta cần phải tập chú vào phần còn lại của thế giới. Ngày nay nhiều người đang nói về phương diện toàn cầu. Nhưng điều này được Đức Chúa Trời đề cập lần đầu tiên khi Ngài phán cùng Áp-ra-ham rằng dòng dõi của ông sẽ là nguồn phước cho các dân tộc trên đất. Chúa Jêsus đã phán với người nào theo Ngài phải đi khắp thế gian môn đồ hoá muôn dân, phải đi đến tận cùng cõi đất. Ngài mong muốn người nào theo Ngài có thể thiết lập sự công chính, áp dụng các nguyên tắc Kinh Thánh một cách toàn cầu.

Kể từ 1974, khi Billy Graham kêu gọi các lãnh đạo trong thân thể Đấng Christ gặp nhau tại Lausanne, Thụy Sĩ, để dự Hội nghị Truyền giáo Toàn cầu, thì Hội thánh vẫn đang nỗ lực với cường độ cao để hoàn thành Đại Mạng Lệnh. Các lãnh đạo truyền giáo đã có nhiều nỗ lực để ước lượng nhiệm vụ còn lại – để tìm thấy nơi nào chưa được nghe Tin Lành. Nhưng sau ba thập kỷ, không ai biết được nhiệm vụ còn lại là gì. Giống như Tiến sĩ Ralph Winter của Trung tâm Truyền giáo Thế giới ở Mỹ nói rằng: “Chúng ta phải biết chuyện gì đang xảy ra ngoài kia”.

4K các khu vực cuối cùng

David Hamilton, trợ lý giám đốc trường Đại học Các dân tộc của YWAM đã đưa ra một phương án miêu tả tốt nhất cho những gì còn lại phải hoàn thành. Một đội ngũ các lãnh đạo và các nhà nghiên cứu cùng với các chuyên gia kỹ thuật từ các nhóm như Global Mapping International đã đưa ra một mô hình mới để thấy rõ nhu cầu còn lại trên thế giới. Đó là 4K, đây là mô hình chia thế giới thành nhiều khu vực. 4K bao gồm các thống kê nhân khẩu toàn cầu từ các nhà nghiên cứu Cơ Đốc, Bách Khoa Toàn Thư của Anh quốc, Bách Khoa Toàn Thư của World Christian, Liên hiệp quốc và số liệu điều tra dân số từ các nước. David nói rằng: “4k sẽ giúp các giáo sĩ và Hội thánh nhìn thấy *chỗ nào chưa được vươn tới*, để tập trung vào các khu vực có nhu cầu lớn nhất”.

Tại sao chúng ta gọi là 4K? Bởi vì nó chia thế giới thành 4,000 đơn vị nhỏ tương ứng về dân số. Mỗi đơn vị được gọi là “khu vực cuối cùng” bởi vì chúng ta muốn mỗi người trong từng khu vực cuối cùng trên thế giới biết về Chúa Jêsus là “Đấng An-pha và Ô-mê-ga”. Từ omega là ký tự cuối cùng trong bảng chữ cái Hy-lạp, nên chúng tôi hy vọng mô hình mới này sẽ giúp huy động các tín hữu có thêm động lực để hoàn thành Đại Mạng Lệnh.

4K chia thế giới theo những giới hạn về địa-chính trị. Trong số 238 các quốc gia và các nước còn lệ thuộc trên thế giới, thì 103 khu vực chỉ có ít hơn ba triệu người. Mỗi quốc gia nhỏ bé như Jamaica là một khu vực. Nhưng các quốc gia lớn bị chia thành những đơn vị nhỏ hơn như tiểu bang hay tỉnh thành, các đơn vị nhỏ này hình thành rất nhiều khu vực omega. Thí dụ như Ấn Độ được chia nhỏ thành 653 khu vực omega.

Các khu vực omega này là công cụ thu hút sự chú ý của người nào muốn đi đến những nơi chưa nghe biết về Phúc Âm trên thế giới – sự tối tăm thuộc linh vẫn còn. Cho nên, những nơi nào đang tiếp cận Lời Chúa, như các khu vực nội thành ở Brazil, có dân số rất đông trong một khu vực omega – lên đến chín triệu người. Một khu vực với khả năng tiếp cận Phúc Âm điều độ như đất nước Kenya sẽ có tới sáu triệu người. Những nơi nào ít tiếp cận Lời Chúa như đất nước Iran sẽ không có tới ba triệu người trong một khu vực omega. Mô hình này giúp thu hút các nỗ lực truyền giáo đến những nơi nào có nhu cầu cấp bách hơn.

Mỗi khu vực omega bao gồm bản đồ và số liệu nhân khẩu – đang cho thấy nhu cầu thuộc thể và thuộc linh trong tổng số. Bạn có thể tìm thấy nhiều chi tiết như tỷ lệ biết chữ, nơi nào có nước sạch, các nhóm dân tộc chưa được vươn đến, và nhiều điều khác nữa. Tài liệu này cho thấy các lãnh đạo đang cầu nguyện và lên kế hoạch chiến lược để bày tỏ đặc tánh của Đức Chúa Trời ở mỗi khu vực omega. Đội ngũ 4K sẽ giám sát tiến trình, cập nhật thông tin cho các nhóm đang làm công tác môn đồ hoá. Mọi thứ đều hướng về một mục tiêu – đó là tìm kiếm các nhóm dân tộc chưa được nghe Lời Chúa.

Đặt Kinh Thánh vào tay họ

Chúng ta đã nhìn thấy nhiều ảnh hưởng xảy ra ở các nước như Na-uy và Hàn Quốc khi những người tin Chúa đem Kinh Thánh đến với nhiều người. Chúng ta cần làm mọi cách cần thiết để Kinh Thánh đến với từng khu vực omega. Theo như các dịch giả thuộc Hội Kinh Thánh Wycliffe thì 93% thế giới đã có Kinh

Thánh trong tiếng mẹ đẻ. Nhưng như vậy không có nghĩa là các giáo sĩ đã được sai đến và phân phát Kinh Thánh cho 93% đó rồi. Đó là vì Kinh Thánh đang tồn tại trong ngôn ngữ của họ ở nhà kho hay họ được môn đồ hoá bởi lẽ thật của Kinh Thánh.

Một thách mắc dai dẳng

Phân phát Kinh Thánh cho từng người là ao ước của tôi từ lâu, kể từ khi còn nhỏ với suy nghĩ viết Lời Chúa trên mặt trăng. Tôi biết chúng ta có thể đem Kinh Thánh đến với từng người.

Khi tôi còn trẻ, Chúa đã ban cho tôi một thí dụ kỳ lạ cho thấy chúng ta có thể đem Lời Chúa đến với từng người. Vào năm 1967, tôi đang cùng với YWAM đi qua Mexico để vào Trung Mỹ. Chúng tôi dừng lại ở một thị trấn lấm bụi của Mexico để vá vỏ xe. Đang lúc sửa chữa, mấy người còn lại của chúng tôi đã đi phát Phúc Âm Giăng đến từng hộ gia đình, rồi mở một buổi nhóm ngoài trời.

Sau buổi nhóm, có một phụ nữ với chiếc váy màu đỏ nhạt đến gặp tôi. Tiếng Tây Ban Nha của tôi không tốt lắm, nhưng tôi hiểu người phụ nữ nói rằng: “Không có chỗ nào trong thị trấn có Kinh Thánh, cũng không có quyển nào ở các thị trấn xung quanh đây. Anh có Kinh Thánh tiếng Tây Ban Nha không?”

Tôi cố tìm một quyển Kinh Thánh tiếng Tây Ban Nha. Cô ấy ôm nó vào lòng nói rằng: “;Muchisimas gracias, señor!”

Khi chúng tôi rời đi, câu hỏi của người phụ nữ vẫn còn đeo đuổi tôi. *Anh có quyển Kinh Thánh tiếng Tây Ban Nha không?* Sau đó, một hình ảnh đột nhiên hiện ra trước mắt tôi – tôi tin Kinh Thánh gọi đó là “khải tượng”. Tôi nhìn thấy một chiếc xe

tải lớn – không phải bán tải, mà trông giống một chiếc xe tải chở hàng lớn. Bên sườn xe vẽ mấy chữ sau: Sólo los deshonestos temen la verdad. Santa Biblia, gratis.

Tôi không biết tiếng Tây Ban Nha đủ để gọi là biết ngôn ngữ, cho nên khi thấy dòng chữ đó là chuyện vô cùng kỳ lạ. Tôi dịch mấy chữ đó chậm chậm trong trí mình. Chúng có nghĩa là: “Chỉ có kẻ nói dối mới sợ lẽ thật. Hãy tặng Kinh Thánh miễn phí”. Một suy nghĩ thú vị! Cụm từ “Chỉ có kẻ nói dối mới sợ lẽ thật” là điều rất mới mẻ với tôi, nó đánh động tâm trí tôi. Đặc biệt là ngay lúc chính quyền vô thần lan tràn khắp các nước Châu Mỹ La-tinh.

Khải tượng đó tiếp tục, tôi nhìn thấy những người trẻ đang đứng đằng sau xe tải với rất nhiều quyển Kinh Thánh phân phát cho người khác nhanh nhất có thể.

Trong khi Khải tượng đó chưa được ứng nghiệm một cách hoàn toàn, chúng tôi đã dự phần vào rất nhiều dự án phân phối Kinh Thánh. Ngay sau lần đó, chúng tôi đến thành phố Mexico, tôi đi thẳng đến Kinh Thánh Hội để xem thử họ có thể cho tôi bao nhiêu quyển. Sau đó, tôi gọi bạn bè và kêu gọi tài chánh, mua năm-mươi-ngàn quyển Tân Ước. Đội của tôi phân phát ở rất nhiều trường đại học trong thành phố. Vài năm sau đó, rất nhiều nhân sự của chúng tôi có thể tặng quyển Tân Ước cho từng gia đình ở các làng mạc và thị trấn, cũng như vài tiểu bang ở Mexico. Chúng tôi cảm thấy rất vui, nhưng Đức Chúa Trời có những thách thức lớn hơn và phấn khởi hơn – ở trong tương lai dành cho chúng tôi.

HÃY PHÂN PHÁT KINH THÁNH

Không lâu sau có một dự án phân phối Kinh Thánh đã diễn ra và được hoàn thành một cách rất nhanh, đó là lần để lại những kết quả lâu dài nhất. Tất cả đều xảy ra rất dễ dàng.

Chúng tôi đang ở Châu Âu vào những năm 1970. Đó là lúc xã hội xảy ra nhiều cuộc biểu tình chống đối Chiến tranh Việt Nam và cũng vì có quá nhiều sự lạm dụng ma túy, ngay cả giữa vòng lính Mỹ ở doanh trại. Nhiều đội của chúng tôi đang làm khách ở chỗ mấy người giáo sĩ trong quân đội Mỹ, cố gắng vươn đến thật nhiều lính Mỹ ở Đức.

Một ngày nọ vào năm 1972, tại trường YWAM ở Lausanne, Thụy Sĩ, chúng tôi chia ra thành nhiều nhóm nhỏ để cầu thay. Trong nhóm nhỏ, chúng tôi cầu nguyện xin Chúa cho chúng tôi phải cầu thay cho điều gì, đó mới chỉ là lúc thực tập của chúng tôi mà thôi. Vài người có cùng cảm nhận – cầu thay cho lính Mỹ ở doanh trại tại Đức. Chúng tôi có thể cầu nguyện rằng: “Chúa

ơ, hãy chúc phước cho những người lính ở đó. Xin cứu họ!” Nhưng chúng tôi đã hỏi Chúa cụ thể là cầu thay cho việc gì.

Tôi có một ý tưởng: *cầu xin 100,000 quyển Kinh Thánh sẽ được phát cho tất cả chiến sĩ*. Điều đó nghe có vẻ xa vời, nhưng tôi đã cầu nguyện lớn tiếng xin Chúa 100,000 quyển Kinh Thánh để phát cho tất cả chiến sĩ.

Tôi biết Đại tá Jim Ammerman, là một tuyên úy chỉ huy Quân đoàn V – nghĩa là tất cả các chiến sĩ Mỹ ở Đức. Ông và vợ đã đến thăm chỗ chúng tôi tại Lausanne. Tôi nghĩ có thể người này là câu trả lời cho những lời cầu nguyện của chúng tôi. Thế là, nhóm chúng tôi cầu xin Chúa chuẩn bị tinh thần của gia đình Ammermans, để phòng trường hợp họ sẽ góp phần vào trong kế hoạch này.

Một suy nghĩ khác đến với tôi trong thì giờ cầu nguyện: *hãy liên hệ Tiến sĩ Kenneth Taylor*. Tôi có nghe nói về người này. Ông là người xuất bản *The Living Bible*. Ông cũng là người sáng lập NXB Tyndale House. Tôi thắc mắc làm sao liên lạc với người này. Một suy nghĩ lại đến nữa: *hãy hỏi Brother Andrew*. Ý tưởng hay, tôi nghĩ vậy. Brother Andrew từng là người bạn thân của tôi, một Cơ Đốc nhân người Hà-Lan dũng cảm đã phân phát Kinh Thánh ở các nước đóng cửa với Phúc Âm. Tôi sẽ liên lạc với anh ta.

Nhưng trước hết, đây là lúc chúng tôi kết hợp với nhiều người khác, là lúc mỗi nhóm chia sẻ điều họ nhận được trong thì giờ cầu nguyện. Khi chúng tôi nói với mọi người trong trường – về 100,000 quyển Kinh Thánh cho các chiến sĩ Mỹ ở Đức – một tiếng ầm ừ phấn khích lan khắp phòng. Chuyện này sẽ xảy ra thế nào?

Không vận Kinh Thánh

Sau ngày hôm đó tôi gọi hỏi Brother Andrew: “Anh có biết làm thế nào để tôi gặp Tiến sĩ Kenneth Taylor không?”

Brother Andrew giúp tôi xác định vị trí của Tiến sĩ Taylor, là người sắp sửa đến Châu Âu trong tuần đó. Tôi gọi cho ông ở Athens. Ông đang trên đường về Mỹ nhưng đã đồng ý nán lại gặp tôi ngày hôm sau đang lúc quá cảnh ở Đức.

Tôi di chuyển đến Frankfurt và tìm gặp Tiến sĩ Taylor ở sân bay. Tôi kể với ông về buổi cầu nguyện và những gì chúng tôi cảm nhận được phải tặng 100,000 quyển Kinh Thánh cho các chiến sĩ Mỹ. Ông gật đầu nở nụ cười: “Tôi còn 100,000 quyển Kinh Thánh sau chiến dịch của Billy Graham. Tôi sẽ cho anh đem tặng các chiến sĩ nếu anh có thể di chuyển số Kinh Thánh đó từ Mỹ”.

Wow! Một-trăm-ngàn quyển Kinh Thánh miễn phí! Nhưng làm thế nào có đủ tiền để di chuyển một số lượng lớn từ Mỹ đến nước Đức bây giờ? Tôi biết Chúa đang dẫn dắt, cho nên tôi tiếp tục bước từng bước một. Trong đầu tôi đã liên tưởng đến hàng loạt chiếc xe tải chở Kinh Thánh đến doanh trại Mỹ ở Đức. Phải. Chuyện đó sắp sửa xảy ra rồi.

Tối hôm đó tôi về nhà Đại tá Ammerman ngoại ô Frankfurt. Ông với vợ là Charlene chào tôi trước cửa. Họ ân cần mời tôi vào nhà dùng bữa rồi dành thời gian buổi tối đó. Trong khi Charlene nấu một bữa ăn thịnh soạn, tôi đề cập ngay vấn đề.

“Thưa ông, chúng tôi đang cầu nguyện để phát Kinh Thánh cho các chiến sĩ”. Tôi nín thở. “Trong tâm linh, tôi nhìn thấy một đoàn hộ tống rất nhiều xe tải chở Kinh Thánh đến doanh trại của lính Mỹ ở Đức”.

Tôi dừng lại. Viên đại tá nghe thấy mấy lời kỳ lạ nhưng vẫn điềm tĩnh với đôi mắt nhấp nháy: “Tuyệt vời! Tiếp tục đi”.

“Đó là những quyển Kinh Thánh hoàn chỉnh”.

Viên đại tá gật đầu: “Ừ”.

Rồi tôi kể với ông về gợi ý của Kenneth Taylor: “Một-trăm-ngàn quyển Kinh Thánh Living”.

Đại tá Ammerman nghiêng người tới trước. “Loren, anh đã nghe thấy chính xác điều Chúa phán. Tôi đang cầu xin Chúa có những quyển Kinh Thánh tặng cho các chiến sĩ – một quyển Kinh Thánh hoàn chỉnh với bản dịch dễ hiểu”.

Nhưng còn vấn đề vận chuyển thì sao? Ông nói sẽ lo liệu việc đó. Đại tá Ammerman đã sắp xếp quân đội chở Kinh Thánh đến Đức. Khi dự án lên tới các lãnh đạo ở NXB Tyndale, một nhà biên tập tên là Wendell Hawley nhận ra tên Jim Ammerman. Người này mới vừa phục vụ dưới trướng của Ammerman với tư cách là tuyên úy giám sát ở Việt Nam. Tyndale đã chi trả cho số tiền vận chuyển Kinh Thánh đến Đức. Những chiếc xe tải xuất hiện ở nhiều địa điểm trong Quân đoàn V, mấy chiếc xe chở hàng phân phát Kinh Thánh giống như những gì Chúa đã bày tỏ với tôi trong khái tượng.

Chiến sĩ nào mong muốn có quyển Kinh Thánh đều nhận được một quyển. Khi hàng ngàn lính Mỹ đặt chân đến nơi đó mỗi tháng trước khi tới Việt Nam, Hàn Quốc, hay nhiều nơi khác trên thế giới, 100,000 quyển Kinh Thánh được trao tận tay các chiến sĩ đi đến khắp nơi trên thế giới. Đại tá Ammerman còn bắt đầu cho đọc Kinh Thánh trên nhiều hệ thống công cộng của quân đội tại Đức để kêu gọi mọi người đến nhận Kinh Thánh miễn phí.

Nhiều năm sau, Đại tá và bà Ammerman đến dự lễ tang của cha tôi. Sau đó, tôi ngồi xuống với họ. Đại tá Ammerman nói

rằng việc phát Kinh Thánh đã cho thấy một trong những hành động vĩ đại chưa từng thấy trước đây của Đức Chúa Trời. Rất nhiều lính Mỹ tin nhận Chúa khi đọc Kinh Thánh. Vài người trở thành giáo sĩ. Bà Ammerman còn nói thêm rằng trước kia không có sĩ quan cấp cao nào là người tận hiến theo Chúa Jêsus. Bà nói rằng: “Bây giờ có nhiều người lắm, chúng tôi phải truy trở lại khoảng thời gian phân phát Kinh Thánh mới biết lý do là gì”.

Chỉ có cõi đời đời mới cho thấy ảnh hưởng của những lời cầu nguyện mà các bạn trẻ đã làm trong căn phòng nhỏ của trường YWAM tại Thụy Sĩ.

Lan tràn Lời Chúa ở Hawaii

Kinh Thánh là Quyển Sách biến đổi các dân tộc – nhưng chỉ khi nào người dân ở các nước tiếp cận Kinh Thánh và áp dụng trong đời sống. Những người tin theo Chúa Jêsus có trách nhiệm đem Phúc Âm đến với những ai chưa nghe biết về nó. Chúng ta cần phục hồi vị trí đã bị lu mờ của Quyển Sách. Mọi người đều có cơ hội lắng nghe và làm theo Lời Chúa.

Vào năm 1983, Tổng thống Ronald Reagan tuyên bố Năm Kinh Thánh ở Mỹ. Tiến sĩ Bill Bright của Chiến dịch Chinh phục Sinh viên (CCC) đã bắt đầu dự án quốc gia, họ mời tôi giữ chức chủ tịch ở Hawaii, là nơi tôi đang sống lúc đó.

Trước đó không lâu, Chúa đã phán với tôi không được rời khỏi đảo Hawaii suốt năm 1983. Tôi đã đi lại vì chức vụ mỗi năm kể từ năm 1954, nhưng tôi ở lại Mỹ suốt năm 1983. Tôi nhận ra vì sao Bill Bright mời tôi phát động dự án đầy phấn khởi ở trên đảo này.

Hawaii có số người tin Chúa rất ít so với các tiểu bang khác ở Mỹ. Một trong chín gia đình theo đạo Phật. Rất nhiều người không nói tiếng Anh đang sống ở trên đảo. Điều này cho thấy một thách thức lớn vô cùng.

Chúng tôi quyết định đưa ra chiến lược phân phát Kinh Thánh trở thành đề tài của lịch sử. Chúng tôi in một bản Tân Ước làm kỷ niệm, Steve Regas vẽ lên bìa sách. Bức tranh miêu tả *Thaddeus*, là con thuyền đưa các giáo sĩ đầu tiên đến Kona vào năm 1820. Nền của bức tranh là Hội thánh Mokuaiakaua, hội chúng đầu tiên trên đảo Hawaii. Một khúc mười-hai trang giấy sau cùng của quyển Kinh Thánh này kể về các giáo sĩ đầu tiên và lịch sử Hội thánh ở Hawaii. Câu chuyện có thật này đã giúp chống lại mấy câu chuyện hư cấu đã tàn sát nhiều giáo sĩ và bẻ cong lịch sử thực sự ở trên đảo.

Người truyền đạo, thầy tế lễ, Ra-bi

Hội thánh Tin Lành và Thiên Chúa giáo chính thức tán thành việc phân phát sách Tân Ước cho từng gia đình trên đảo Hawaii. Với vai trò lãnh đạo của một Ra-bi, Cựu Ước đã được phân phát cho các gia đình Do Thái. Người dân trên đảo nói đến mười-lăm ngôn ngữ. Thế là chúng tôi tìm kiếm những bản Tân Ước trong ngôn ngữ của người dân để đem Kinh Thánh tặng cho họ.

Gần như từng hệ phái đều góp phần trong chương trình này. Hơn sáu-ngàn tình nguyện viên giúp phân phát Tân Ước theo đúng ngôn ngữ cho từng gia đình trên đảo. Chúng tôi làm tràn ngập cả tiểu bang bằng Lời Chúa. Hầu như mọi người đều rất vui khi nhận được quyển Tân Ước.

Kết quả trong Năm Kinh Thánh là gì? Tôi không thể chứng minh một cách khoa học, nhưng hơn hai-mươi năm sau, tôi có thể thấy sự khác biệt ở Hawaii. Khi chúng tôi đến đây vào những năm 1970, không có Hội thánh lớn nào cả. Hội chúng đông nhất có vài trăm người tại Honolulu. Trên đảo của chúng tôi, chỉ một vài Hội thánh đang giảng Phúc Âm, các tín hữu thì nhóm lại rất ít. Vào đầu thế kỷ 19 đã từng có một cuộc phẫn hưng lớn diễn ra khắp đảo Hawaii. Hội thánh lớn nhất trên thế giới vào lúc bấy giờ nằm trên đảo Hawaii. Nhưng ngọn lửa phẫn hưng không lâu sau đã trở thành nổi thờ ơ lạnh lẽo.

Bây giờ, khi tôi viết điều này, một vài hội chúng trên đảo có số tín hữu lên đến hàng ngàn. Trong vòng năm năm sau Năm Kinh Thánh, số lượng Hội thánh giảng về Phúc Âm ở khu vực Kona là chỗ ở của tôi đã tăng lên đến hai-mươi-sáu. Hàng ngàn nhóm giáo sĩ ngắn hạn và dài hạn được huấn luyện và sai đi từ Kona đến khắp nơi ở châu Á và phần còn lại của thế giới. Hawaii đã trở thành hải đăng cho Thái Bình Dương. Tôi tin rằng sự lan tràn Kinh Thánh vào năm 1983 đã đóng vai trò quan trọng.

LỢI THẾ VƯỢT TRỘI

Kinh Thánh với sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh có thể biến đổi bất kỳ dân tộc nào trên đất. Chúng ta cần biến niềm tin thành hành động. Bạn có biết nếu mỗi người tin Kinh Thánh dâng hiến khoảng 10\$ thì chúng ta có thể cung ứng Kinh Thánh cho từng gia đình trên thế giới không? Người tin Chúa đã có đủ sức và tiền bạc để đem Kinh Thánh trong ngôn ngữ thích hợp đến từng gia đình trên đất. Chúng ta còn chần chừ gì nữa?

Tất nhiên, dự án này cần có sự nhạy bén về văn hoá. Chúng ta cũng cần các phương pháp dung hoà việc phân phát Kinh Thánh với nhu cầu của từng đối tượng dân số, giống như chúng tôi đã làm trong Năm Kinh Thánh ở Hawaii. Chúng ta đi đầu trong việc phân phát Kinh Thánh bằng cách tuyên bố những gì chúng ta sắp sửa làm. Chúng ta có thể nói rằng: “Chúng ta đang cho đi một món quà rất quan trọng đến từng gia đình ở trong cộng đồng – một Quyển Sách để chúc phước cho các dân tộc”.

Sau khi phân phát Kinh Thánh, chúng ta có thể cung ứng các khoá học để dạy các dân tộc biết đọc hiểu Kinh Thánh. Một lần nữa, chúng ta phải làm sao để các kế hoạch thích ứng với những nhu cầu cụ thể của từng đối tượng dân số. Các giáo sư dạy Kinh Thánh phải sẵn sàng mở ra các lớp học miễn phí cho người nào muốn tìm hiểu nhiều hơn. Bruce Wilkinson, tác giả của quyển sách *The Prayer of Jabez* và là người sáng lập khoá Bộ hành qua Kinh Thánh (Walk through the Bible), đang thiết lập WorldTeach, là chương trình dạy Kinh Thánh lớn nhất trên thế giới. Mục tiêu của chương trình này là huấn luyện 120,000 giáo viên dạy Kinh Thánh – một đối tượng trong số 50,000 người trên đất.

Còn điều nào quan trọng hơn thế nữa? Chúng ta phải cho đi các phương pháp nghiên cứu tìm hiểu Quyền Sách thích hợp với từng văn hoá trên thế giới. Làm như vậy chúng ta sẽ biến đổi nhiều đời sống và đẩy lên những người xây dựng quốc gia.

Kinh Thánh ở gần nơi bạn ở

Người thuộc về Đức Chúa Trời đã sử dụng công tác phân phát Kinh Thánh đem lại ảnh hưởng rất to lớn. Một cách khác để ban phát Lời Chúa đó là công khai đọc Lời Chúa. Để tôi cho bạn một thí dụ điển hình mới đây.

Vào chiều thứ Bảy tại quán ăn ở Perth, Úc. Ba sinh viên YWAM ngồi trong quán uống nước. Sau một hồi cầu nguyện trong yên lặng, một phụ nữ trẻ bắt đầu đọc lớn Kinh Thánh với giọng bình thường.

“Thần của Đức Giê-hô-va ngự trên ta, vì Đức Giê-hô-va đã xức dầu cho ta, đặt giăng Tin Lành cho kẻ khiêm nhường...”

Khi cô ấy tiếp tục, giọng đọc của cô trở thành một âm thanh êm dịu vang khắp cửa hàng. Nhiều người địa phương và khách du lịch đều ngoái nhìn, không còn để ý đến thức ăn nước uống của họ, tất cả đều lắng nghe trong sự thán phục.

“...Ngài đã sai ta đến đặt rịt những kẻ vỡ lòng, đặt rao cho kẻ phu tù được tự do...”

Một người ngồi gần đó hỏi: “Xin lỗi, cô đang đọc gì vậy?”

“Chúng tôi là sinh viên trường Kinh Thánh. Một bài tập trong trường là đọc thật to Kinh Thánh. Vì chúng tôi thích đọc Kinh Thánh, chúng tôi muốn chia sẻ với người khác”, cô ấy giải thích rồi đọc tiếp.

Vài người nghĩ là làm phiền người khác. Nhưng hầu hết mỗi lần sự việc như vậy xảy ra đều nhận được phản ứng tích cực từ cộng đồng. Theo như Debbie Hicks từ Úc, chuyện này xảy ra hàng tuần. Debbie đã mở ra hơn năm-mươi trường Kinh Thánh SBS trong YWAM ở Thụy điển, Nepal, Ấn Độ, Thụy Sĩ, Barbados, Nhật Bản, Úc, Anh, Pháp, Nam Phi, Malaysia, Ukraine và Mỹ. Mỗi thứ Bảy, cô yêu cầu các sinh viên SBS tìm một chỗ nào đó để đọc Kinh Thánh thật to.

Các sinh viên đọc Kinh Thánh rất to ở quán cà-phê, quán rượu, công viên, ngay cả ở Ấn Độ nữa. Người ta nói họ không dùng hệ thống âm thanh công cộng, cũng không chỉ đọc nhỏ. Họ đọc ở các bệnh viện đa khoa, cho người vô gia cư, trên xe buýt và bến phà. Họ còn đọc Kinh Thánh rất to khi cuời lạc đà cùng với khách du lịch ở những nơi xa xôi tại Úc.

Có khách vãng lai từ chối kiểu đọc sách như thế; nhiều người không tin mấy vào chuyện đọc Kinh Thánh ở nơi công cộng. Một

vài trường hợp có người ngồi xuống lắng nghe hay cũng ghé qua đọc to cùng với nhau. Hiếm có những trường hợp phản ứng tiêu cực – hầu như đều xảy ra ở các trường đại học. Tôi thấy hơi tò mò khi các trường đại học là những nơi không thể kiên nhẫn nhất trên thế giới, không để ý mấy đến chuyện đọc sách và suy gẫm.

Hầu như người ta đều phản ứng tích cực. Có lẽ đó là quyền năng của Lời Chúa. Khi các sinh viên đọc xong một phân đoạn Kinh Thánh, họ hỏi những người đang lắng nghe rằng: “Các bạn có câu hỏi nào không?” Thường thì người ta có những câu hỏi, rồi có những lần khác người ta muốn tiếp nhận Chúa.

Chạy bộ đọc Kinh Thánh

Một cách khác để đọc Kinh Thánh ở nơi công cộng đó là sắp xếp một cuộc chạy bộ đọc Kinh Thánh. Phương pháp này cần phải có sự cho phép ở những nơi công khai. Một nơi công cộng được cho phép sẽ rất hữu ích. Hãy thông báo với giới truyền thông trước khi sự kiện xảy ra. Chỉ mất bảy-mười-hai giờ đồng hồ để đọc xong cả Kinh Thánh từng trang một. Hoặc là bạn có thể chọn để đọc Kinh Thánh vào lúc ban ngày. Có thể mất khoảng một tuần để hoàn thành cả cuốn Kinh Thánh. Nếu đọc ở công viên, thì người ta có thể đến vào giờ cơm trưa và lắng nghe Lời Chúa. Việc chạy bộ thu hút sự chú ý của cộng đồng vào Kinh Thánh.

Từ xưa...

Có một tiền lệ trong việc đọc Kinh Thánh công khai. Vào thời kỳ quyết định trong lịch sử dân Y-sơ-ra-ên, thầy tế lễ Ê-xơ-ra đọc Lời Chúa trong bản gốc trước mặt dân sự. Câu chuyện được ký thuật lại trong Nê-hê-mi chương 8. Người dân Y-sơ-ra-ên trở về từ cuộc lưu đầy ở Ba-by-lôn để tái xây dựng lại đền thờ và thành phố Giê-ru-sa-lem. Nhưng đời sống riêng tư của họ không hề gọn gàng. Thầy tế lễ Ê-xơ-ra đọc lớn trước mặt dân sự từ lúc trời tờ mờ sáng cho đến giữa trưa của ngày đầu tiên. Sự kiện đó kéo dài đến sáu ngày. Dân sự đã ăn năn và đời sống thuộc linh bắt đầu được phấn hưng.

Tân Ước cũng ký thuật lại Lời Chúa được đọc một cách công khai. Sứ đồ Phao-lô nói với Ti-mô-thê phải làm sao để Lời Chúa được đọc một cách công khai rõ ràng.

...cho đến siêu thị Walmart ngày nay

Những thí dụ đó không hề bị giới hạn trong thời kỳ của Kinh Thánh. Mới gần đây đã có hơn năm-mươi em thiếu niên ở Ephrata, Pennsylvania, đã được phép khai mạc một sự kiện chạy bộ đọc Kinh Thánh ở trước Siêu thị Trung tâm Wal-Mart. Bắt đầu chạy từ lúc 3 giờ chiều cho đến nửa đêm của ngày hôm sau, các em thiếu niên và tình nguyện viên của Hội thánh đọc Kinh Thánh không ngừng nghỉ trên hệ thống âm thanh công cộng. Không có người nào phàn nàn. Thay vì thế, rất nhiều khách hàng đã hỏi người quản lý cho phép mấy bạn trẻ này có thể làm lại lần nữa vào năm sau được không!

Lén đem một triệu quyển Kinh Thánh

Công việc của chúng ta là đem Kinh Thánh đến với mọi người. Tổ chức Operation Mobilisation (OM), Scripture Union, Thánh Kinh Hội, và Open Doors của Brother Andrew, đã hoàn thành rất nhiều lần phân phát Kinh Thánh. Một buổi tối vào năm 1981, các tình nguyện viên thuộc tổ chức Open Doors đã lén lút đem một triệu quyển Kinh Thánh vào Trung Hoa trong một chiến dịch mà họ gọi là Dự Án Trân Châu. Đó là lần mạo hiểm đến cả tính mạng con người để các lãnh đạo Hội thánh thăm lặng nhận được nhiều quyển Kinh Thánh rồi đem phát cho mỗi tỉnh thành.

Cảnh sát địa phương ở từng khu vực phía nam Trung Hoa đã bắt được nhiều người đem hàng ngàn quyển Kinh Thánh của Dự Án Trân Châu. Họ bỏ tù những người đó, rồi ném Lời Chúa vào hố phân. Những người bị bắt được thả ra vài ngày sau đó. Họ chờ đến lúc màn đêm buông xuống, rồi trèo xuống hố phân, tìm lại từng quyển Kinh Thánh đầy mùi hôi thối. Họ lau sạch cẩn thận, xịt mùi thơm lên Kinh Thánh, rồi đem phát cho các tín hữu Trung Hoa.

Sự việc đã xảy ra hai-mươi-lăm năm về trước. Quyền Sách của Đức Chúa Trời vẫn còn được xem là “trân châu quý giá”, đáng để liều lĩnh cả mạng sống của mình. Chúng ta cần tìm ra nhiều cách mới mẻ để đem Kinh Thánh đến với mọi người, đặc biệt là các nước có luật cấm Quyền Sách của Đức Chúa Trời. Chúng ta phải cầu xin Chúa tạo nên một làn sóng tư tưởng mới.

Khai thác kỹ thuật mới

Có rất nhiều cách để đem Lời Chúa đến với thế giới, Đức Chúa Trời sáng tạo của chúng ta luôn mở ra nhiều phương tiện cải tiến mới. Kỹ thuật mới, cùng với Kinh Thánh, có thể làm thay đổi thế giới. Vài năm trước tôi để ý một điều đang khi nghiên cứu lịch sử về các dân tộc của Đức Chúa Trời. Thường thì một kỹ thuật mới xuất hiện trước khi có một thông điệp mới nói về Đức Chúa Trời. Thí dụ:

- Bảng chữ cái được phát minh vào đúng thời điểm Lời Chúa cần được viết ra thành văn tự.
- Kỹ thuật in ấn xuất hiện đúng lúc đã cho phép các nhà Cải Chánh đem Kinh Thánh và những lời dạy dỗ từ Kinh Thánh đến với con người.
- Con người phát minh ra các phương tiện điện tử – ra-đi-ô và phim ảnh – làn sóng truyền giáo được hình thành, cho phép người tin Chúa sử dụng các công cụ này để lan truyền Lời Chúa.
- Ti-vi và vệ tinh nhân tạo được phát triển trong thời kỳ phồn hưng của phong trào ân tứ và Jesus People, cho phép các kênh truyền hình nói về Phúc Âm lan khắp nơi trên thế giới.

Còn bây giờ, Internet đã chiếm lĩnh bức tranh thời nay, ảnh hưởng đến tất cả chúng ta. Đúng là có một số người sử dụng nó để làm nhiều điều kinh khủng. Phim ảnh đồi trụy, cờ bạc, tư tưởng phân biệt chủng tộc, ngay cả các hành động khủng bố đang đầu độc hàng triệu người dùng Internet. Nhưng tôi tin rằng Đức Chúa Trời cho phép Internet được phát minh để những ai thuộc về Ngài có thể dùng nó thúc đẩy công tác vươn đến khắp thế giới.

Khi Internet xuất hiện cùng với các kỹ thuật kèm theo đó, chúng ta có thể làm được nhiều thứ mà chúng ta không thể tưởng tượng được cho đến ngày hôm nay. Tôi không biết người của Đức Chúa Trời sẽ dùng Internet để lan truyền Lời Chúa như thế nào, nhưng tôi đã chứng kiến nhiều điều mới mẻ đang vào cuộc.

Kỳ Thế Vận Hội Olympic Mùa Hè năm 2000 diễn ra tại thành phố Sidney và Kỳ Thế Vận Hội Mùa Đông năm 2002 diễn ra tại thành phố Salt Lake, các thanh niên YWAM đã phân phát Kinh Thánh bằng đĩa CD. Tưởng tượng mà xem – cả Kinh Thánh với hơn bốn-mươi thứ tiếng lúc đó đều ở trong một chiếc đĩa CD!

Tại sao chúng ta không làm được xa hơn thế nữa? Chúng ta có thể dùng Internet cung cấp một thuật toán để dịch Kinh Thánh ra từng ngôn ngữ. Cần kỹ thuật như thế nào để cập nhật các bản dịch trực tuyến để rồi hàng tỷ người có thể tiếp cận Kinh Thánh trong ngôn ngữ của họ?

Bạn không nhìn thấy điều đó là có thể sao?

Hàng ngàn người tải Kinh Thánh tiếng Ả-rập

Có ít nhất tám-mươi-lăm mục vụ sẵn sàng cải tiến cách sử dụng Internet để vươn đến các nhóm dân tộc ở Trung Đông, Bắc Phi, bán đảo Ả-rập, theo như Strategic Resource Group. Mặc kệ nỗ lực từ rất nhiều chính quyền đang ngăn chặn các trang mạng này, vẫn còn một tổ chức mỗi ngày có đến bốn-mươi-hai ngàn người dùng mỗi ngày. Một báo cáo khác là có hơn hai ngàn lượt Kinh Thánh tiếng Ả-rập được tải xuống hàng tháng. Một tổ chức nói rằng họ đang chứng kiến hai-mươi người mỗi tháng tiếp nhận Đấng Christ qua mạng. Từ khi Trung

Đông có hơn một nửa dân số dưới hai-mươi tuổi, thanh niên bắt đầu hiểu biết về máy tính hơn các bậc tiền bối của họ, thì rất nhiều người trẻ trong giới Ả-rập đã tiếp nhận Chúa.

Chúng ta đang sống trong một thời kỳ vô cùng hào hứng!

Là những người tin theo Chúa Jêsus, chúng ta có trách nhiệm đem thông điệp của Chúa đến với từng người trên đất, dạy họ hết thảy những gì Ngài đã dạy chúng ta. Những người nam và người nữ trung tín vẫn đang đeo đuổi nhiệm vụ này qua hàng thế kỷ. Nhiều cuộc đời không thể đếm hết đang được thay đổi cũng như rất nhiều xã hội. Chỉ cần nghĩ đến những người đã tiên phong với rất ít công cụ để sử dụng. Hãy suy nghĩ đến việc tiếp tục chia sẻ Lời Chúa trong khi phải chịu khó ghi chép từng chữ bằng tay – để xuất bản từng quyển Kinh Thánh! Rồi tưởng tượng việc đi bộ đem Phúc Âm (hoặc là nếu bạn may mắn hơn thì cỡi ngựa hay cỡi con la) hàng ngàn dặm qua những đoạn đường nguy hiểm và khó khăn đến một nơi xa lạ. Suốt nhiều thế kỷ, các ngôn ngữ mới phải được cập nhật, đôi khi viết ra những ngôn ngữ tượng hình phải dùng đến sự sáng tạo và cần rất nhiều bản dịch để có thể hoàn thành. Những người đi trước chúng ta đã trả giá đắt để hoàn thành những điều đó.

Ngày hôm nay, có nhiều phương tiện tìm kiếm việc làm rất dễ dàng. Vài nơi vẫn còn bị cô lập. Rất khó hay cũng rất nguy hiểm để đi lại ở những nơi này. Thách thức về ngôn ngữ vẫn còn ở trước mắt chúng ta. Nhưng chúng ta có thể vươn đến nhiều người hơn, họ cần Lời Chúa hơn là cái nhanh chóng và dễ dàng của phương tiện hiện đại. Chúng ta có thể dùng rất nhiều kỹ thuật truyền thông khác nhau. Thay vì viết Kinh Thánh bằng tay sẽ rất phức tạp, đắt đỏ, hiếm hoi, chúng ta có thể sản xuất nhiều quyển Kinh Thánh với mô hình dễ dàng hơn. Trên

hết, chúng ta có sự sẵn sàng để vâng lời Chúa và bước theo hay không, đó mới là rào cản thực sự.

Nếu chúng ta đáp ứng được những thách thức này, rất nhiều người không đếm được sẽ tìm thấy cuộc sống mới và hoàn thành tiếng gọi mà Chúa đã giao cho họ. Khi chúng ta vươn đến nhiều người hơn nữa, chúng ta sẽ nhìn thấy từng nhóm dân tộc sẽ bắt đầu ảnh hưởng lên đất nước của họ. Đây là cách chúng ta sẽ nhìn thấy nước Đức Chúa Trời được lan rộng ra khắp đất. Chúng ta có thể thấy điều đó đang xảy ra.

VƯỜN ĐẾN CON SỐ 7%

Vào một sáng Chúa Nhật trước lễ Giáng Sinh, một vị mục sư đang sống ở một đất nước bị đóng cửa nói rằng: ông đang đọc bảy câu Kinh Thánh từ chương hai của sách Lu-ca.

Khi ông bắt đầu, có gì đó như dòng điện chạy khắp hội chúng rất ít người của ông. Họ được nghe đọc các câu Kinh Thánh bằng tiếng mẹ đẻ của mình lần đầu tiên! Các dịch giả SIL của Wycliffe và một nhóm ở địa phương vừa mới hoàn thành một phần Kinh Thánh cho nhóm người này.

Vị mục sư dừng lại rồi ngược mắt lên, tấm lòng ông dâng trào. Ông không thể dừng thông điệp Giáng Sinh như mấy năm trước nữa. Ông nói rằng: “Lời Chúa thật ngọt ngào, Lời Chúa thật ngọt ngào!” rồi cứ đọc tiếp như vậy. Các thành viên trong nhóm dịch thuật, đang ngồi trên dãy đầu một hàng ghế gỗ xù xì, cong cong, bắt đầu bật khóc. Ở một chỗ khác bên dưới hội chúng, các em gái thiếu niên bắt đầu nhìn nhau, rồi ôm lấy

nhau. Khi mục sư đọc xong, mọi người đều vui mừng reo lên “A-men!” và “Ha-lê-lu-gia!”

Để Lời Chúa thấm nhuần tấm lòng bạn

Sau đó, một bác sĩ nói rằng: bà đã nhắm mắt lại khi ông mục sư đọc. “Tôi muốn thưởng thức từng Lời. Đó là lần đầu tiên trong đời, tôi được gội sạch bằng Lời Chúa. Tôi thấy giống như lần đầu tiên [nghe về câu chuyện Giáng Sinh]”.

Mọi người có nên cho mình cơ hội để thưởng thức, để được gội sạch bằng Lời Chúa chẳng? Có 7% dân số thế giới không kinh nghiệm điều này. Họ vẫn chưa có Kinh Thánh được dịch ra trong tiếng mẹ đẻ của mình. Theo như tổ chức Wycliffe, các nhóm dân tộc có hơn 2,644 ngôn ngữ và tiếng nói vẫn đang chờ đợi điều đó. Trong số đó có các nhóm dân tộc đang nói và đọc Kinh Thánh bằng ngôn ngữ thứ hai của họ, nhưng có Lời Chúa trong tiếng mẹ đẻ của họ mới là quan trọng. Đó là “tiếng nói từ trái tim” của họ. Đó là ngôn ngữ mà họ có thể hiểu thấu Lời Chúa.

Tất nhiên, có các nhóm dân tộc trong số 7% này không nói được ngôn ngữ thứ hai. Họ không hề có Kinh Thánh.

Lời Chúa trong từng thứ tiếng

Vài năm trước tôi tham dự một cuộc họp các uỷ ban truyền giáo. Nhân sự của mục vụ này là những người có bằng cấp cao về ngôn ngữ học đang thực hiện công tác dịch thuật Kinh

Thánh. Lãnh đạo của họ hỏi tôi rằng: “Chúng ta phải làm sao để có nhiều người trẻ dự phần vào công tác này?”

Thế là tôi chia sẻ những gì đang xảy ra tại trường Đại Học Các Dân Tộc ở Kona, Hawaii. Ba người đến từ một dân tộc thiểu số có chừng hai-mươi-ngàn người ở Nagaland, thuộc Đông Bắc Ấn Độ, đang học ở đó. Một ngày họ nói với người diễn giả YWAM là Tiến sĩ Ron Smith rằng: “Chúng tôi không có Kinh Thánh trong ngôn ngữ của mình – đó là tiếng Khoibu. Ông có thể giúp chúng tôi không?”

Tiến sĩ Smith và ba sinh viên đó, ngồi trước hai chuyên gia máy tính, bắt tay vào giải quyết thách thức này. Họ đã mất đến ba năm. Kết quả là một bản dịch Tân Ước tiếng Khoibu ra đời. Tiến sĩ Smith ước lượng rằng các chuyên gia máy tính đã tiết kiệm được khoảng mười năm công sức. Họ làm lễ cung hiến bản dịch đã hoàn chỉnh tại một buổi nhóm ở Nagaland rồi trao tặng quyển Tân Ước Khoibu cho từng gia đình nói tiếng Khoibu.

Đẩy nhanh tốc độ

Để xuất bản một quyển Tân Ước tiếng Khoibu, chúng tôi đã sử dụng kỹ thuật máy tính và các sinh viên để giúp đẩy nhanh quá trình dịch Kinh Thánh. Đây chỉ là một thí dụ – chúng ta cần tìm ra cách mới để rút ngắn sự chờ đợi của 2,644 các nhóm ngôn ngữ chưa có Kinh Thánh.

Wycliffe sử dụng các nhà ngôn ngữ học được huấn luyện một cách tổng quát. Nhưng người bình thường cũng có thể dự phần vào việc dịch Kinh Thánh. Chúng ta cần nhìn thấy những

người có đầu óc tham gia vào công tác này. Bạn có thể tìm thấy giải pháp nào? Làm thế nào để có nhiều người bắt tay vào thực hiện? Làm thế nào để tổ chức hợp lý tiến trình dịch Kinh Thánh? Chúng tôi đã nhìn thấy nhiều người bình thường nầy ra rất nhiều giải pháp mới trong những năm gần đây – trong các dự án đa dạng như xây nhà cho người vô gia cư của chương trình Xây Nhà Nhân Đạo và những dự án ngân hàng thực phẩm từ các tiệm tạp hoá giúp đỡ người có nhu cầu. Chúng ta có thể làm gì để thực hiện công tác dịch Kinh Thánh?

Hội thánh của bạn có thể làm được

Chỉ cần có 2,644 Hội thánh địa phương, mỗi Hội thánh tiếp nhận một nhóm ngôn ngữ làm mục tiêu vươn ra để hoàn thành Đại Mạng Lệnh. Các tình nguyện viên từ một Hội thánh có thể kêu gọi tài chánh để đi đến một trong số 2,644 nhóm ngôn ngữ – ở đó họ sẽ tìm thấy ít nhất vài người nói được tiếng Anh. Những người tiêu biểu – có thể là hai hoặc ba người từ một nhóm ngôn ngữ nào đó – có thể nghe được một bản dịch Kinh Thánh tiếng Anh phù hợp. Người nói tiếng bản xứ có thể nghe được từng câu, thảo luận, rồi ghi âm lại bằng cách dịch nói từng cụm từ sang tiếng mẹ đẻ của họ. Các tình nguyện viên từ Hội thánh có thể sống tại đó để theo sát tiến trình, giúp đỡ, cầu nguyện, ngay cả phục vụ nước uống cho họ. Nếu các giáo sĩ địa phương không thể tìm được người đã tin Chúa để tiến hành công tác, họ có thể sử dụng ngay cả người chưa tin Chúa. Sau cùng, công tác chuyển ngữ Kinh Thánh từng câu một sẽ chinh phục nhiều người cho Đấng Christ.

Một khi các tình nguyện viên từ người thiểu số không tìm

được ý tưởng nào nữa cho bản văn Kinh Thánh, thì nhóm khác nói cùng ngôn ngữ hay tiếng địa phương có thể thay thế họ. Thành viên từ nhóm thứ hai sẽ nghe lại đoạn ghi âm từ nhóm đầu tiên. Rồi chuyển ngữ trở lại sang tiếng Anh. Công đoạn này sẽ giúp các tình nguyện viên từ Hội thánh bắt kịp bất kỳ chỗ nào sai trật hay không rõ nghĩa. Có thể bạn muốn lặp lại một hoặc hai lần theo vòng tròn trong quá trình này để đảm bảo bản dịch thật chính xác. Các tình nguyện viên từ Hội thánh có thể đánh vần cho nhau nghe, chỉ cần giám sát vài tuần một lần để theo dõi tiến độ.

Sau đó, các bản dịch nói này có thể đại diện cho một nhóm dân tộc nào đó để giúp Wycliffe hoàn thành bản dịch Kinh Thánh bằng chữ cho họ. Điều này không hề thay thế được công tác của các nhà ngôn ngữ học. Nhưng nó có thể bổ sung cho những gì còn thiếu để giúp đẩy nhanh tiến độ hơn.

Hội thánh của bạn có làm được không? Tổ chức YWAM và Global Recording đã bắt tay vào công tác dịch nói các sách bằng phương pháp tương tự trong rừng Amazon. Đó là một quá trình tẻ nhạt, nhưng rất hiệu quả. Nó có thể hoàn thành ở bất kỳ đâu, sản xuất ra bản Kinh Thánh nói trong từng ngôn ngữ. Hơn là mất quá nhiều năm, như lúc các nhà dịch thuật phải tạo ra bảng chữ cái rồi hình thành nên ngôn ngữ để hoàn thành một bản Kinh Thánh bằng văn tự, thì mỗi bản Kinh Thánh nói có thể hoàn thành trong vòng vài tháng mà thôi. Chúng ta có thể không thích một bản Kinh Thánh nói. Nhưng người nghe từ các nền văn hoá không có chữ viết là nhóm người rất giỏi trong việc ghi nhớ những gì đã nghe. Rất nhiều người không biết đọc và chỉ có thể đón nhận Lời Chúa bằng cách truyền miệng mà thôi. Điều quan trọng nhất là họ có Lời Chúa trong tiếng mẹ đẻ của mình.

Trường học trong rừng rậm

Một cách khác để quá trình dịch Kinh Thánh xảy ra tốt hơn đó là huấn luyện các dịch giả ngay trên cánh đồng truyền giáo. Bráulia Ribeiro, một lãnh đạo người Brazil, là nhà ngôn ngữ học đầy kinh nghiệm đã được huấn luyện. Bà đang làm việc với mười-lăm nhóm dân tộc thiểu số trong rừng Amazon, mỗi nhóm dân tộc đều có ngôn ngữ riêng của họ. Bà dạy một khoá về ngôn ngữ học và ngữ âm ngay tại trung tâm YWAM ở trong rừng. Bất kỳ ai muốn học đều có thể tham dự và được trang bị. Các lớp giới thiệu về đề tài này có thể trình bày trong các trường đại học. Nhưng hãy hình dung một lớp học kỹ năng *ngay trên cánh đồng truyền giáo*, dạy dỗ một cách cụ thể để đáp ứng ngay nhu cầu dịch Kinh Thánh, với những thí dụ và cách áp dụng lập tức trong đời thực! Các sinh viên có thể hoàn thành bản dịch Kinh Thánh nói đầu tiên. Các chuyên gia dịch thuật có thể sử dụng những tài liệu được ghi âm cho việc phát triển Kinh Thánh bằng chữ sau này.

Các thiết bị được xức dầu

Làm thế nào con người tiếp cận được các bản dịch đó? Một bản dịch nói có thể được sản xuất thành một bộ đĩa CD hay DVD. Hoặc chúng có thể được sản xuất thành một cấp độ kỹ thuật thấp hơn nào đó. Global Recording đã phát minh ra rất nhiều thiết bị để sử dụng không cần điện năng, ngay cả máy nghe bằng cách quay tay.

Ken Crowell, CEO của Glatronic ở Israel, đã phát triển MegaVoice, một chuỗi các thiết bị âm thanh cầm tay không cần băng ghi âm hay đĩa CD. Chúng có kích cỡ và độ dày chỉ bằng thẻ tín dụng. Chúng không có các bộ phận chuyển động và tự bảo quản tốt, chống nước và cứng cáp. Thiết bị đặc biệt này chỉ chạy thông tin đã được lập trình sẵn từ một con chip siêu nhỏ được thiết kế không thể xoá hay thay đổi mà không sử dụng hệ thống an ninh của MegaVoice. Pin sạc bằng năng lượng mặt trời, mỗi thiết bị có thể chạy hay sạc bằng một ổ cắm 9-Vôn. Nó có thể dùng cho một người nghe hay một nhóm nhỏ. Một trong các thiết bị của MegaVoice là Ambassador có khả năng lưu trữ toàn bộ Kinh Thánh trong cùng một thiết bị. Các thiết bị khác của MegaVoice vẫn còn đang được phát triển.

Kể chuyện

Tập trung vào việc huấn luyện cũng vì rất nhiều lý do hơn là chỉ đẩy nhanh tốc độ dịch Kinh Thánh.

Một chiến lược “mới” để vươn tới các nhóm dân tộc đã có từ thời A-đam và Ê-va. Từ buổi sơ khai của loài người, công cụ kể chuyện đã được chuyển giao qua lịch sử, cũng như các giá trị và thông tin khác.

Khi Chúa Giêsu còn bước đi trên đất, khoảng 93% dân số thế giới đã biết cách kể chuyện. Đó là lý do Ngài sử dụng công cụ này để bày tỏ cho mọi người biết Đức Chúa Trời là ai và Ngài muốn con người phải sống thế nào.

Ngày hôm nay, các giáo sĩ dự phần trong làn sóng “kể chuyện” đang bắt chước Chúa Giêsu để vươn tới người hư

mất. Số người chủ yếu chưa hề nghe Phúc Âm – khoảng 70% – đều là những người không biết chữ. Tổ chức Truyền Giáo Cho Các Dân Tộc Thiếu Số Mới (*New Tribes Mission*) đã phát triển phương pháp “kể chuyện” Kinh Thánh theo thứ tự thời gian đầu tiên ở Papau New Guinea vào những năm 1970. Bây giờ, có các tổ chức YWAM, Chinh Phục Sinh Viên cho Đấng Christ (Campus Crusade for Christ), Wycliffe/SIL, Trans World Radio và International Mission Board (IMB) của Hiệp hội Báp-tít Nam Phương đang sử dụng hình thức kể chuyện này để vươn tới nhiều cộng đồng còn lại là những nhóm người đón nhận thông tin bằng cách lắng nghe.

Cách tốt nhất để giải thích công tác của các giáo sĩ kể chuyện là chia sẻ một trong những điều đang xảy ra ngay bây giờ. Một nhân sự của YWAM tên là Sarah và năm người thanh niên từ các tổ chức truyền giáo khác đang chuẩn bị rất kỹ lưỡng ở một trong các thành phố thủ đô của Châu Âu. Họ sẽ mau chóng di chuyển đến một đất nước bị giới hạn trong việc ra vào để sống với một nhóm dân tộc chưa được vươn tới.

Mấy người trẻ này đã học thuộc lòng sáu-mươi đến tám-mươi câu chuyện trong Kinh Thánh từ Sáng Thế Ký đến Khải Huyền. Những câu chuyện này chuyển tải tất cả những gì rất cơ bản từ Lời Chúa đã được thiết kế để dẫn dắt người khác tiếp nhận Đấng Christ và cũng để dạy họ các nguyên tắc biến đổi đời sống cá nhân và một nền văn hoá nào đó. Sarah và các bạn trẻ cùng làm việc với mình đã nghiên cứu đầy đủ để đảm bảo rằng những câu chuyện thích hợp với văn hoá và dễ hiểu; khi đến nơi, họ sẽ tìm ai đó biết nói tiếng Anh để thông dịch cho họ.

Đội của cô sẽ kể nhiều câu chuyện theo dòng thời gian, thường thì sẽ diễn ra trong buổi họp cộng đồng. Vì rất nhiều

nhóm dân tộc chưa được vươn đến cần có cả cộng đồng đưa ra quyết định hơn là chỉ một cá nhân nào đó, cho nên tất cả mọi người có thể cùng nhau hiểu được câu chuyện và quyết định tin Chúa. Cả đội sẽ được sai tới một nhóm dân tộc chưa được vươn đến trong vòng một năm. Những người tin Chúa sẽ phải thuộc lòng câu chuyện để có thể kể lại với người khác.

Đây là một thí dụ cho thấy những gì đang xảy ra ở nhiều nơi. Tôi chắc chắn chúng ta đang nhìn thấy một số lượng lớn rất nhiều tín hữu trong vài năm tới. Giống như Chủ tịch tổ chức International Orality Network nói rằng: “Câu chuyện phục vụ như một sự bắc cầu, xoá đi những cản trở và làm cho những kẻ hờ của Phúc Âm trở nên sống động hơn và thực tế hơn với người nghe”.

Các tổ chức sử dụng hình thức kể chuyện quan trọng như thế nào để vươn tới những người chưa biết Đấng Christ và để biến đổi cộng đồng, thì chúng ta cũng nhận ra rằng biết đọc cũng rất quan trọng để chúng ta có thể vươn tới những người đó một cách sâu sát hơn. Cứ sáu người trên thế giới thì có một người không biết đọc. Cho nên, khi tình trạng biết đọc biết viết được đề cao, thì số lượng đó lại nhiều hơn. Chúng ta cần phải làm gì khác để giúp đỡ những người này biết Lời Chúa?

Ngõ tắt lạ lùng để biết đọc

Tôi nhìn thấy bàn tay của Đức Chúa Trời đang phóng thích và phát triển các công nghệ kỹ thuật. Tôi thấy Ngài đang cổ vũ chúng ta hãy tiếp tục, để cho người khác khám phá rồi dọn sẵn con đường phía trước cho chúng ta, để đem Lời Ngài đến với từng người trên đất. Một trong những bước đột phá ngoạn

mục là một hệ thống viết chữ đơn giản có thể dạy người khác biết đọc trong chính ngôn ngữ của họ trong vòng hai tuần.

Tôi biết rất khó tin. Làm sao dạy một người không biết chữ biết đọc trong vòng hai tuần? Nhưng đó là chuyện có thật. Đó là hệ thống phát âm tự nhiên trong cơ thể chúng ta, dễ hiểu và nhanh hơn hàng trăm lần. Kỹ thuật mới này là phát minh của Tiến sĩ Sek Yen Kim-Cho, một nhà ngôn ngữ học và là giáo sư Hàn Quốc đang dạy các sinh viên tiến sĩ ở trường Đại học Quốc gia New York tại Buffalo.

Hơn ba-mươi năm qua, Tiến sĩ Kim-Cho đã cầu nguyện nhiều đêm liền, bà hỏi Chúa muốn làm gì với cuộc đời của bà. Chúa phán rằng Ngài muốn bà viết ra một hệ thống chữ viết để giúp các giáo sĩ dạy các dân tộc biết đọc Kinh Thánh.

Sau ba mươi năm làm việc với chương trình này, tiến sĩ Kim-Cho đã phát minh ra một hệ thống chữ viết tổng quát. Bà đặt tên là *nurigeul* theo như bảng chữ cái đầu tiên được Vua Sejong của đất nước Triều Tiên tạo ra vào thế kỷ mười-lăm. Hệ thống chữ cái của Vua đã truyền cảm hứng cho bà nghiên cứu ra các biểu tượng diễn tả từng âm thanh phát ra từ miệng của con người để hình thành nên năm hình miệng kết hợp giữa cổ họng và miệng. Những âm thanh này là rất cơ bản trong từng ngôn ngữ trên thế giới. Tiến sĩ Kim-Cho nói rằng thí nghiệm của bà cho thấy con người có thể học cách đọc chính ngôn ngữ của họ trong vòng hai tuần nếu có sự hướng dẫn; sử dụng hệ thống của bà có thể bắt kịp rất nhanh các biểu tượng.

Khi Tiến sĩ Kim-Cho trình bày *nurigeul* tại tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên Hiệp Quốc (UNESCO), các đại biểu đã tặng bà một tràng vỗ tay hoan hô. Họ có thể thấy tiềm năng đáng kể cho sự phát triển của từng quốc gia. Còn *nurigeul* sẽ được dùng để phát triển các quốc gia: Tiến sĩ Kim-

Cho nói với UNESCO rằng hệ thống chữ viết của bà chủ yếu dành cho giáo sĩ để họ dạy các nhóm dân tộc trên thế giới biết đọc Kinh Thánh.

Hai người Mông Cổ

Đối với người nào sinh ra và lớn lên ở các nước có cơ hội đi học, thì khó chấp nhận hệ thống chữ viết của Tiến sĩ Kim-Cho có thể giúp đỡ mọi người. Lấy Trung Hoa làm thí dụ. Theo Tiến sĩ Kim-Cho, các chuyên gia nói rằng Trung Hoa đang có 70% tỷ lệ người dân không biết chữ, ngay cả các báo cáo chính thức từ chối điều này, họ nói rằng Trung Hoa chỉ còn 10% dân số không biết chữ. Tiến sĩ Kim-Cho giải thích sự không nhất quán này – nhà nước Trung Hoa cho rằng tất cả học sinh vượt qua lớp hai đều đã biết chữ, mặc kệ vấn đề có thực sự biết đọc biết viết hay không. Tuy nhiên, mẫu tự Trung Hoa rất khó đọc. Hầu hết học sinh lớp hai không hề thông thạo các ký tự này. Phải mất rất nhiều năm để các bé trai và bé gái ở Trung Hoa biết đọc biết viết.

Bạn có thể thấy vấn đề khi so sánh với hai người Mông Cổ: nước Nga kiểm soát người Mông Cổ ở ngoài nước trong nhiều năm, cho nên người dân học được cách viết ngôn ngữ của họ bằng các ký tự cổ Kirin. Nhưng dọc theo chiều biên giới, người Trung Hoa dạy người dân Mông Cổ trong nước biết viết ngôn ngữ của họ bằng các ký tự Trung Hoa. Ngày hôm nay, mặc dù người Mông Cổ nói cùng một ngôn ngữ, nhưng người Mông Cổ ở ngoài nước có đến 80% dân số biết chữ, còn người Mông Cổ trong nước chỉ có 10% dân số biết chữ.

Tại sao điều này lại quan trọng? Bởi vì một đất nước cần

phải có người biết đọc và biết viết. Một đất nước không thể nào phát triển nếu tình trạng thất học làm tê liệt người dân. Quan trọng hơn nữa, các dân tộc đó sẽ không bao giờ đọc được Kinh Thánh nếu họ không biết đọc.

Nhiều công cụ đất lực nằm trong tầm tay của chúng ta

Một ngày nọ, tôi nhận được cuộc gọi ở Kona. Một người bạn của tôi là Tiến sĩ Kun Mo Chung gọi từ Hàn Quốc. Ông là chủ tịch của một trường đại học ở Seoul. Ông nói với tôi về tiến sĩ Kim-Cho và hệ thống chữ viết của bà. Chúng tôi sắp xếp để bà có thể đến Kona. Ở đó, bà trình bày hệ thống chữ viết của mình với tôi và nhiều lãnh đạo tại trường Đại Học Các Dân Tộc. Bà cho chúng tôi thấy một bản dịch Tân Ước mới bằng hệ thống *nurigeul*, các dấu hiệu của hệ thống chữ viết tổng quát cùng các ký tự Trung Hoa. Chúng tôi nhìn trong sự trầm trồ. Tiến sĩ Kim-Cho đã dùng nó để dạy người Trung Hoa không biết chữ biết đọc tiếng mẹ đẻ của họ trong vòng *hai tuần*. Bây giờ, tiến sĩ Kim-Cho đang cung cấp hệ thống chữ viết của bà cho các giáo sĩ để giúp họ hoàn thành Đại Mạng Lệnh.

Chúng ta có một vinh dự lớn vô cùng khi còn sống trong thời đại này. Chúng ta sắp sửa chứng kiến tuyệt tác mà rất nhiều người tin Chúa đã phải đeo đuổi hàng ngàn năm qua. Những người đã đi trước chúng ta và những ai đang cố gắng, giờ đây đã được đặt trong tay nhiều công cụ đất lực. Bây giờ còn tùy thuộc vào chúng ta. Chúng ta phải mở to mắt lòng và tâm trí của mình – để nghe thấy tiếng gọi của Đức Chúa Trời, để bước theo sự dẫn dắt và sức lực của Ngài, để nắm bắt thật nhiều cơ hội. Lúc nào cũng vậy, Đức Chúa Trời luôn kêu gọi chúng ta sử dụng khả năng sáng tạo hết mức có thể. Chúng ta

đừng để bị mắc kẹt với lối mòn trong cách làm việc. Đức Chúa Trời muốn chúng ta nhìn thấy những gì có thể làm được, sẵn sàng nghĩ đến ý tưởng mới và thực hiện bằng sức lực Chúa ban. Bởi vì cùng với Đức Chúa Trời, chúng ta có thể làm được mọi sự.

VI

TẬP CHÚ VÀO ĐỨC
CHÚA TRỜI

ĐỨC THÁNH LINH VÀ LỜI CHÚA

Một làn sóng cầu nguyện rất lớn đang lan rộng khắp nơi trong vòng ba-mươi năm qua. Sự cầu thay cho các dân tộc và các nhóm sắc tộc riêng lẻ đang ngày một nhiều hơn, đây là một trong những bước quan trọng của Đức Chúa Trời trong thời đại của chúng ta. Hội thánh cũng đang thúc đẩy công tác truyền giáo ở một quy mô chưa từng có trước đây, cũng như các công tác thương xót đối với người nghèo và người có nhu cầu. Thêm vào các hoạt động mạnh mẽ này là cách con cái của Đức Chúa Trời tái tổ chức lại sự thờ phượng.

Tuy nhiên, khi tôi đi lại ở các quốc gia trong suốt vài thập kỷ gần đây, tôi để ý thấy vẫn còn có điều thiếu sót. Chúng ta không đang môn đồ hoá các dân tộc bằng Lời Chúa. Hầu hết các Hội thánh, từ những hội chúng ít người cho đến rất nhiều Hội thánh lớn, chúng ta dành một tiếng đồng hồ –thậm chí là một tiếng rưỡi đồng hồ – để hát thờ phượng. Chúng ta thích điều đó. Một thói quen tốt. Nhưng nếu diễn giả giảng Lời Chúa

hơn hai mươi phút – nhiều lắm là ba mươi phút – thì người nghe lại phàn nàn. Còn đối với rất nhiều người, hai mươi phút đó là tất cả những gì họ nhận được từ Lời Chúa cho nhiều tuần dài!

Điều này nhắc tôi nhớ lại một người bạn trước đây đã từng nói rằng: “Bài giảng ngắn nuôi nấng Cơ Đốc nhân ngắn hạn”. Chúng ta phải phục hồi sự cân bằng. Chúng ta cần dạy Lời Chúa cách mạnh mẽ *cùng với* sự cầu nguyện và sống với Đức Thánh Linh. Nếu chúng ta dành thời gian để ca ngợi, thờ phượng và cầu thay nhưng lại thất bại trong việc đeo đuổi Lời Chúa, thì tâm trí và thói quen của chúng ta sẽ vẫn như cũ – không được đổi mới. Cũng vậy đối với tư tưởng và hành động của đất nước chúng ta.

Thấm nhuần Lời Chúa, nhưng lại hư mất

Một khía cạnh khác cũng rất nguy hiểm ở mặt còn lại đó là vài người thích dành thời gian với Kinh Thánh, đi tìm kho báu chứa trong Lời Chúa. Nhưng nếu học Kinh Thánh mà không có sự đầu phục Thánh Linh, thì họ vẫn thất bại. Chữ nghĩa trong Kinh Thánh là không đủ, Kinh Thánh nói rằng biết văn tự không thôi là sự chết. Có một xu hướng gọi là “tôn sùng Kinh Thánh”, chính là mối đe dọa cho con người. Việc tôn sùng quyển Kinh Thánh xảy ra khi con người đặt hy vọng và niềm tin quá nhiều vào văn tự hơn là Đấng đã hà hơi vào Kinh Thánh. Họ trở thành những người lỗi lạc về thần học và cuối cùng dẫn họ đến chỗ quá cứng nhắc, luật pháp và đầy vẻ tôn giáo. Họ không sẵn sàng thay đổi quan điểm ngay cả những lúc chính Chúa muốn họ chú ý về Ngài.

Người Pha-ri-si là một thí dụ điển hình cho thái độ này. Các lãnh đạo tôn giáo trong thời Chúa Jêsus là những người thông thạo Lời Chúa. Họ tôn sùng Kinh Thánh đến mức chúng ta không thể làm được như họ. Mỗi bé trai Do thái bị ép phải học thuộc lòng Ngũ Kinh – tức là năm sách đầu tiên của Kinh Thánh – đến lúc 12 tuổi. Người Pha-ri-si biết rất rõ từng dòng Kinh Thánh, từng dấu vết, đằng trước và đằng sau, cũng như rất nhiều lời dạy dỗ được bổ sung vào từ các ra-bi trải qua hàng thế kỷ. Họ được tắm mình trong Kinh Thánh, nhưng lại là những người phải hư mất. Chúa Jêsus phán rằng họ là kẻ mù dẫn đường cho kẻ mù. Khi họ môn đồ hoá người khác, họ làm cho người ta khổ sở gấp hai lần họ. Người Pha-ri-si tự hào về kiến thức Kinh Thánh của mình, nhưng họ không biết chính mình đã từ chối Tác Giả của mấy lời đã thuộc, là Đấng đã từng xuất hiện trước mắt họ.

Chúng ta có thể tránh khỏi cái bẫy này thế nào? Làm sao để chúng ta yêu mến Kinh Thánh và tìm kiếm lẽ thật mà không vướng phải cái bẫy kiêu ngạo, dối trá, văn tự luật pháp và sự chết của tôn giáo? Chúng ta phải cầu xin Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời giải bày Lời Chúa cho chúng ta. Chính Đức Thánh Linh và Lời Chúa mới đem đến sự sống.

Fiji: một sự sống lại ngoạn mục

Đôi khi sự sống đến từ Đức Thánh Linh và Lời Chúa có thể coi là tầm thường mà kỳ diệu đến vô cùng. Gần đây, tôi có được một sự viếng thăm bất thường của ba đại diện đến từ đảo quốc Fiji tại trường Đại Học Các Dân Tộc của YWAM ở Kona, Hawaii. Đây là những người được cử đi với mục đích rất quan

trọng từ chính phủ, Hội Đồng Tối Cao của các Lãnh tụ và rất nhiều mục sư ở Fiji.

Chúng tôi giới thiệu những vị khách mời đặc biệt trước tám trăm nhân sự và sinh viên YWAM trong một buổi gặp mặt cả cộng đồng. Họ mặc bộ *sulus* của người Fiji – là kiểu quần áo xà-rông được thêu dệt với loại áo thun của phương Tây. Với sự trịnh trọng họ đã ngồi bắt chéo chân xuống đất trong sân trường rộng lớn của chúng tôi và bắt đầu đồng dục cất tiếng nói theo phong thái của những người đến từ đảo quốc. Đầu tiên, họ bày tỏ lòng tôn trọng đối với tôi bằng cách tặng tôi rằng cá voi. Sau này tôi mới biết họ rất hiếm trao tặng những thứ như thế. Rằng cá voi được truyền lại từ thế hệ này đến thế hệ khác trong gia đình của những người Tù trưởng và hoàng tộc. Để bày tỏ lòng tôn trọng tối cao của người Fiji đối với người nào được trao tặng rằng cá voi. Khi họ trao cho tôi rằng cá voi, họ đang kết nối bạn với họ và lịch sử của họ bằng một kết ước chặt chẽ.

Khi lời phát biểu của họ được dịch ra từ tiếng Fiji, chúng tôi biết được mục đích viếng thăm của họ là muốn xin sự giúp đỡ của YWAM để hoàn thành sự kêu gọi của Chúa cho đất nước mình. Họ mời chúng tôi đến Fiji và dạy họ nhiều hơn về Lời Chúa.

Trong vài năm qua, đảo quốc Fiji đã chứng kiến một sự thức tỉnh mang tầm vóc quốc gia. Một sự biến đổi mà chúng ta đã nói rất nhiều từ đầu sách cho đến lúc này. Tất cả đều bắt đầu sau khi Fiji trải qua hai sự kiện đầy biến động vào năm 2000. Mặc dù các lãnh đạo đã chế ngự được cuộc nổi dậy và bỏ tù những kẻ chủ mưu, nhưng lãnh đạo đất nước Fiji vẫn cảm thấy quốc gia này bị che khuất trước cả thế giới. Nền kinh

tế của họ gặp phải vấn đề. Thanh niên của họ đang lạc lối. Đất nước họ đang mất đi định hướng ở nhiều khía cạnh.

Một buổi rửa chân đặc biệt

Đối với người nào cảm thấy xa lạ với đất nước Fiji thì đây là một trung tâm truyền thông, giáo dục và thương mại của phía Nam Thái Bình Dương (quần đảo của người Polynesia và người Melanesia). Dân số ở đây chỉ hơn một nửa những người Fiji bản địa (hầu hết là Cơ Đốc nhân) và gần một nửa người Fiji gốc Indonesia (là cộng đồng Ấn Độ giáo và Hồi Giáo rất lớn), tổ tiên của họ được đem đến Fiji để làm nô lệ dưới thời thuộc địa Anh.

Nhiều năm gần đây, vài người Fiji bắt đầu tỏ ra không hài lòng trước những thành công về chính trị và kinh tế của những người Fiji gốc Indonesia. Trong cuộc nổi dậy năm 2000, người Fiji đã cướp phá và thiêu trụi nhiều cửa hàng của người Ấn Độ. Những kẻ nổi dậy đã cưỡng bức phụ nữ Fiji và làm bị thương nhiều người. Cuộc bạo loạn khiến tám người chết.

Trong thời kỳ khủng khiếp của đất nước, vị thủ tướng mới nhậm chức là Laisenia Qarase đã tìm đến các mục sư và những lãnh đạo tin kính, ông hỏi họ làm sao để kết thúc cuộc tranh chấp giữa các phe phái. Ông cảm nhận được sự cay đắng trong thân thể Đấng Christ đã dẫn tới nhiều sự chia rẽ trong nước. Các lãnh đạo thuộc linh đã ngồi lại với nhau, tha thứ cho những dã tâm và nhiều lời vu khống đối với nhau.

Rồi Thủ tướng Qarase xin các mục sư tìm cầu ý muốn của Chúa đối với đất nước. Các lãnh đạo Hội thánh bắt đầu kiêng

ăn và cầu nguyện. Thủ tướng và chủ tịch nước đã tham gia với họ, đồng thời cũng kêu gọi mọi người trong nước kiêng ăn và cầu nguyện.

Sau khi họ phục hồi lại sự ổn định về chính trị, Thủ tướng Qarase đã tổ chức một buổi họp tại công viên Albert ở Suva, thủ đô của Fiji. Các lãnh đạo Hội thánh cũng ở đó cùng với các lãnh đạo chính trị. Họ đã có những lời tạ lỗi chính thức đối với cộng đồng người Fiji gốc Indonesia. Rồi với một hành động ăn năn cách công khai, thủ tướng đã quỳ xuống trước lãnh đạo đối nghịch là Mahendra Chaudhry, một người Ấn Độ giáo, để xin sự tha thứ từ người này. Sau đó, thủ tướng đã lấy thau và khăn để rửa chân của vị chính khách thù địch với mình.

Hàng trăm người Fiji đã bắt chước tấm gương của vị thủ tướng tại công viên Albert vào ngày hôm đó, họ đã đến với nhau, khóc lóc và cầu xin sự tha thứ lẫn nhau.

Sự chữa lành cho cả nước

Sự ăn năn và sự bù đắp đã không hề dừng lại từ ngày hôm đó tại công viên Albert. Các mục sư tiếp tục gặp nhau, xin Đức Chúa Trời cho họ biết phải đem đến sự chữa lành cho cả nước như thế nào và họ cần phải đưa ra lời khuyên như thế nào cho các lãnh đạo nhà nước.

Khi các mục sư tìm kiếm Chúa, họ nảy ra một kế hoạch cụ thể. Bây giờ, kế hoạch này đang được thực hiện, bao gồm cả một đội ngũ mục sư lưu động và những tình nguyện viên gọi là nhóm Chữa Lành Cả Nước. Đội ngũ này sẵn sàng đi đến bất kỳ làng mạc nào mà họ được người Trưởng làng mời đến. Tại đó,

họ kiêng ăn và cầu nguyện một tuần. Rồi họ đi thăm tất cả mọi người trong làng từ nhà này đến nhà kia. Họ dạy Kinh Thánh mỗi buổi tối. Lịch làm việc của họ có tổ chức và dễ nắm bắt, họ dạy nhiều về tài cơ bản và tạo cơ hội cho người dân trong làng đáp ứng lại trong sự ăn năn và chiến trận thuộc linh.

Bill Efinger và một đội từ YWAM Kona gần đây đã làm việc với nhóm Chữa Lành Cả Nước trong một lần đến thăm đất nước. Họ đến làng Saunauka có dân số khoảng năm-trăm người.

Ăn năn dưới ánh nắng mặt trời

Bill nói rằng: “Mỗi tối cả làng đến nghe dạy về Kinh Thánh”. Sau đó cả đội yêu cầu mọi người ăn năn và làm hoà với nhau, họ cho dân làng cơ hội để đáp ứng. Từng người trong làng kết ước phục vụ Đức Chúa Jêsus Christ. Vào thứ Bảy, họ có một buổi nhóm chính thức để ăn năn và làm hoà với nhau. Họ ngồi bắt chéo chân dưới đất giữa ngày nắng nóng. Những người đứng đầu các thị tộc và phó thị tộc, tù trưởng của họ, và mọi người thay phiên nhau xưng nhận tội lỗi giữa cộng đồng.

Bill nói rằng: “Sự kiện diễn ra rất đàng hoàng, theo đúng nghi thức của đảo quốc, nhưng chúng tôi có thể cảm nhận được sự chân thành của họ. Chúng tôi ngạc nhiên khi mấy người thông dịch nói chúng tôi phải cẩn thận với những gì xảy ra. Người Fiji đang bày tỏ sự trong sạch, cầu xin sự tha thứ lẫn nhau”. Một goá phụ đã xưng nhận rằng bà đã dùng hết số tiền mà người chồng trước đã lấy cắp từ Hội thánh. Các vận động viên thể thao trong làng – từ đội bóng đá, các cầu thủ chơi

bóng bầu dục, và đội bóng chuyền – cũng tiến lên phía trước cả cộng đồng. Tất cả thanh niên gầy còm và cao ráo trong làng đã đứng dậy, cúi đầu trong im lặng khi người đại diện xin tha thứ vì sự nổi loạn, nhậu nhệch và không vâng lời cha mẹ của họ.

George Otis Junior nói trong phim tài liệu tên là Hãy Để Biển Cả Reo Mừng (Let the Sea Resound) cũng có những buổi nhóm tương tự như vậy xảy ra ở mười-bốn ngôi làng tại đất nước Fiji. Ở một ngôi làng có những tổ tiên đã từng giết và ăn thịt một giáo sĩ vào thế kỷ mười chín, người Fiji ở đó bị cáo trách vì tội lỗi. Họ trả tiền máy bay cho con cháu của nạn nhân từ nước Anh có thể đến đảo để họ xin người đó tha thứ.

Nhiều hành động ăn năn khác, những người trồng cây cần sa đã bứng gốc và thiêu trụi 13,864 cây trồng ở các vùng núi ở Fiji, bấy nhiêu đáng giá mười-một-triệu đô-la. Một lãnh đạo trong phong trào hoà giải tên là Savenaca Nakauyaca nói rằng: “Họ nhận ra mình mắc tội làm ô uế đất đai và đang ở dưới sự rửa sả của Đức Chúa Trời, [cho nên] họ từ bỏ các nông trại thuốc phiện và dâng tấm lòng mình cho Đức Chúa Trời”.

Nhiều người khác đã từ bỏ các phép phù thủy đã được truyền lại từ tổ tiên. Bill Efinger kể rằng đã chứng kiến người dân trong làng Saunaka đốt bỏ những hình tượng và nhiều đồ vật làm phù thủy tại một cánh đồng mênh mông.

Tất cả những điều xảy ra là vì họ đã hiểu được lời dạy dỗ từ Kinh Thánh. Nhóm Chữa Lành Cả Nước vẫn còn dạy dỗ Kinh Thánh ở các làng đã cải đạo, cho mỗi người và cả làng biết phải sống như thế nào.

Khi mọi người đã ăn năn và bắt đầu sống đúng đắn, Đức Chúa Trời đã phục hồi sự sống cho đất nước họ.

Phục hồi môi trường

Một điều đầy kinh ngạc khác đã xảy ra ở ngôi làng gần biển của Rukua. Dây đá ngầm san hô gần làng bắt đầu chết đi vài năm trước. Người dân ở đây chỉ biết sống lệ thuộc vào việc đánh bắt những con cá thường hay ăn san hô, nay phải đối diện với sự bất lực. Sau khi họ hạ mình trước mặt Đức Chúa Trời, thì dây san hô hồi sinh và loài cá quay trở lại. Hãy nghĩ thử xem! Phải mất hàng trăm năm để hình thành dây san hô đó. Nhưng Đức Chúa Trời đã phục hồi dây san hô đá ngầm chỉ vùn vện qua một đêm. Bây giờ điều tương tự đã xảy ra ở một ngôi làng khác ở Nateleira.

Ở làng Nuku, bên trong khu vực Naitasiri, nguồn nước chủ yếu đã bị ô nhiễm và có độ a-xít cao hơn bốn mươi năm qua. Chỉ ba ngày sau khi cả làng ăn năn, Nakauyaca nói rằng: “Đức Chúa Trời đã phục hồi con sông”. Dòng sông đã trở lại là nước sạch và tinh khiết.

Người Fiji đang thuật lại nhiều câu chuyện tương tự ở khắp nước. Vài nơi, loài cá trở lại sống trong khu vực không có sự sống trước đây ở ngoài biển. Những nơi khác, heo rừng thường huỷ hoại vụ mùa rồi đột nhiên bỏ đi. Khi các câu chuyện này được thu thập, các tù trưởng và lãnh đạo ở nhiều đảo mời đội ngũ Chữa Lành Cả Nước đến trong khu vực của họ. Ở một số nơi mà nhóm đã giúp đỡ, họ đã chứng kiến 100% người dân ăn năn và tuyên bố sẽ trung thành với Đức Chúa Jêsus Christ.

Viết lại kịch bản

Lời Đức Chúa Trời không chỉ tác động đến trong nước. Vini Guanavinaka, một lãnh đạo trường Tâm Vấn Theo Kinh Thánh của YWAM ở Kona nói với người dân Fiji bản địa rằng: “Đang có một mức độ gia tăng không ngừng trong khía cạnh truyền giáo...và một tấm lòng khao khát sống đạo mỗi ngày”. Cô ấy nói rằng những người Fiji gốc Indonesia, hầu hết là người theo Ấn Độ giáo, cũng đang trở lại với Chúa.

Số lượng người tin Chúa đã tăng gấp bội. Cơ sở phước hưng cũng đang kết quả trong đời sống cá nhân.

Trong lĩnh vực thương mại, một người Fiji là Kalara Vusoni-wailala nói rằng: “Tại Suva [thủ đô của Fiji], hầu như từng ngành kinh doanh đều có thì giờ học Kinh Thánh diễn ra trong tuần. Có một sự thức tỉnh, và họ muốn hiểu được đức tin của mình”.

Tương tự, các nhóm chuyên ngành trong lĩnh vực truyền thông gặp nhau thường xuyên để đào sâu Lời Chúa, cầu xin Chúa bày tỏ cho biết phải sống như thế nào trong ngành công nghiệp của mình. Vini nói chuyện riêng với người viết lại kịch bản của một chương trình truyền hình nổi tiếng rằng phải đảm bảo tin tức có sự công bằng.

Tôi không nghĩ mình đang nhìn thấy một sự việc rõ ràng hơn cả II Sử ký 7:14 trong thời đại này. Chúng tôi hứa với những người Fiji được cử đến rằng sẽ giúp đỡ bằng mọi cách trong khả năng để tối ưu hoá những gì đã xảy ra. Chúng tôi sẽ huấn luyện nhiều hơn ở Fiji. Mục tiêu của chúng tôi là giúp người dân đem sự biến đổi này lan đi xa hơn đường biên giới của họ.

Điều này không chỉ dành cho đất nước Fiji. Đức Chúa Trời hứa với mỗi người chúng ta rằng: “Nhược bằng dân sự ta, là dân gọi bằng danh ta, hạ mình xuống, cầu nguyện, tìm kiếm

mặt ta, và trở lại, bỏ con đường tà, thì ta ở trên trời sẽ nghe, tha thứ tội chúng nó, và cứu xứ họ khỏi tai vạ” (II Sử ký 7:14). Tôi mong nhìn thấy điều này xảy ra. Chúng ta sẽ thấy những gì Đức Chúa Trời đang làm ở Fiji và nhiều đất nước khác có người Fiji đến làm giáo sĩ.

CHÚA JÊSUS, LỜI HẰNG SỐNG

Dù chúng ta đang đối diện với hoàn cảnh nào, dù chúng ta đang ở đất nước nào, Đức Chúa Trời đang có câu trả lời. Cho dù sự cứng lòng, vô tín, vô đạo đức, áp bức xảy ra, Ngài muốn nơi đó có sự sống và sự phục hồi. Chúng ta không chỉ cần có kế hoạch hay chiến lược. Như chúng ta đã nhìn thấy đảo quốc Fiji, cần phải có quyền phép của Đức Thánh Linh và Lời Chúa mới có sự chữa lành.

Chính Chúa Jêsus là nguồn của sự sống và sự chữa lành. Chúng ta cần biết Ngài qua Lời của Ngài, nhìn thấy Chúa Jêsus qua từng trang một. Kinh Thánh không giống như những quyển sách khác. Kinh Thánh được nhiều người có trí hiểu, được cảm động bởi Đức Thánh Linh, mà viết ra. Kinh Thánh cũng cần được đọc như vậy. Bạn càng dành thì giờ ở trong Lời Chúa cùng Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời, bạn sẽ càng khám phá thấy Chúa Jêsus qua Lời Đức Chúa Trời.

Chương đầu tiên của Phúc Âm Giăng nói rằng: “Ban đầu có Ngôi Lời, Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời, và Ngôi Lời là Đức

Chúa Trời...Ngôi Lời đã trở nên xác thịt, ở giữa chúng ta”. Chúng ta đang xây dựng một nền móng đúng đắn để biến đổi các dân tộc và các quốc gia khi chúng ta hiểu Đức Chúa Trời là ai, khi chúng ta yêu mến Ngài và nhận biết đường lối Ngài.

Khi còn là cậu bé mới bảy tuổi, tôi nhớ tên tất cả sáu-mươi-sáu sách của Kinh Thánh. Nhiều năm sau, một người bạn là mục sư ở Nam Phi nói với tôi về một bài giảng từ Oral Roberts. Một nhà truyền giáo vĩ đại với mục vụ chữa lành nói rằng bạn có thể tìm thấy Chúa Jêsus trong từng sách Kinh Thánh. Ngay khi bạn tôi nói điều đó, tôi bắt đầu liệt kê ra các sách trong đầu mình, rồi suy nghĩ về những thí dụ đó ngay lập tức. Tôi bắt đầu đi sâu hơn, tìm kiếm trong Lời Chúa. Tôi sẽ khích lệ bạn làm điều tương tự. Hãy tìm kiếm Chúa Jêsus qua từng sách. Như vậy bạn có thể tìm thấy những gì như dưới đây.

Chúa Jêsus khắp cả Kinh Thánh

Chúa Jêsus, Lời hằng sống, là Đấng sáng tạo trong Sáng-thế-ký, là Đấng giải cứu trong Xuất Ê-díp-tô-ký, là Thầy tế lễ thượng phẩm trong Lê-vi-ký, là sứ giả chân thật của Dân-số-ký, là Đấng ban luật pháp trong Phục Truyền, là Đấng đắc thắng trong sách Giô-suê, là Quan án công bình trong Các-quan-xét, và là Đấng giải cứu bà con mình trong sách Ru-tơ. Chúa Jêsus là Đa-vít thứ hai trong I và II Sa-mu-ên, là Vua muôn vua trong I và II Các-vua; còn trong I và II Sử-ký Ngài là Đấng ghi nhớ. Ngài là Đấng tại thiết đền tạm trong Ê-xơ-ra. Chúa Jêsus là Đấng xây dựng tường thành bảo vệ trong Nê-hê-mi. Ngài là Vua cứu rỗi dân tộc trong Ê-xơ-tê.

Trong sách Gióp, Ngài là Đấng Cứu Chuộc hằng sống, là Đấng ban ơn gấp bội sau khi Sa-tan cướp phá chúng ta. Ngài là Đấng mà chúng ta ngợi khen và thờ phượng trong Thi Thiên. Ngài là Đấng khôn ngoan của Châm Ngôn, là Người truyền đạo trong sách Truyền-đạo, là Lương nhân trong sách Nhã-ca.

Chúa Jêsus là Vua chí cao và được tôn rất cao trong Ê-sai, quyền cai trị được nẩy trên vai Ngài; nhưng Ngài cũng là Đầy tớ chịu khổ bị đánh bị giết vì cố chúng ta. Ngài là Đấng tiên tri hay than khóc trong Giê-rê-mi, lòng của Ngài tan vỡ trước tội lỗi của dân sự Ngài. Ngài là giọt nước mắt của Đức Chúa Trời trong Ca-thương. Trong Ê-xê-chi-ên, vị tiên tri sắp mình bất động trước mặt Chúa Jêsus, là Đấng xuất hiện như đồng được đánh bóng. Trong Đa-ni-ên, Ngài là người nam thứ tư trong lò lửa hừng và là đá không bởi tay người làm ra để huỷ diệt nền các nước thế gian.

Chúa Jêsus là người chống đầy lòng tan vỡ trong sách Ô-sê. Ngài là mưa cuối cùng được hứa ban trong Giô-ên. Ngài là dòng suối công bình tuôn chảy từ trên cao trong sách A-mốt. Ngài là Đức Chúa Trời của cơ hội thứ hai trong sách Giô-na. Ngài làm sự chính trực, yêu sự nhân từ và bước đi cách khiêm nhường với Đức Chúa Trời mình trong Mi-chê. Trong Na-hum, Ngài là cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Ngài viết ra và làm rõ khải tượng trong Ha-ba-cúc, còn chúng ta được hứa rằng sự hiểu biết về Chúa Jêsus, vinh quang của Đức Chúa Trời, sẽ đầy dẫy khắp đất như nước tràn biển hồ.

Ngài hát vui mừng về chúng ta trong Sô-phô-ni. Ngài là vinh hiển sau cùng trong A-ghe và là Đấng làm rung động các nước. Trong Xa-cha-ri, Ngài là Đấng lau sạch áo thầy tế lễ thượng phẩm và nói với chúng ta rằng: “Không bởi quyền, bởi năng lực, mà là bởi Thần ta”. Trong Ma-la-chi, Chúa Jêsus gắn kết

các thể hệ với nhau, lòng cha trở lại cùng con cái, lòng con cái trở lại cùng cha.

Trong Ma-thi-ơ, Ngài là Đấng Mê-si; trong Mác, Ngài là Chỉ huy tối cao; trong Lu-ca, Ngài là Con người; còn trong Giăng, Ngài là Con Đức Chúa Trời. Ngài là Đấng thiết lập và là đầu Hội thánh trong Công-vụ. Ngài là A-đam thứ hai đem chúng ta đến cùng Cha là A-ba trong Rô-ma, khiến chúng ta được nhận làm con nuôi và là kẻ đồng kế tự với Ngài. Trong I Cô-rinh-tô, Chúa Jê-sus là tình yêu thương, là điều trọng hơn so với đức tin và sự trông cậy. Trong II Cô-rinh-tô, Ngài là sứ đồ thật. Ngài là nguyên mẫu để kết quả bông trái Thánh Linh trong Ga-la-ti; trong Ngài không còn phân biệt người Giu-đa hay người Gô-réc, nô lệ hay tự chủ, đàn ông hay đàn bà. Chúng ta làm một trong Ngài, là chi thể hiệp nhất trong Thân.

Ê-phê-sô bày tỏ Chúa Jê-sus là đá góc nhà và là khí giới của Đức Chúa Trời cho chúng ta: mào trụ cứu rỗi, giáp công bình, dây nịt lưng lễ thật, Tin Lành bình an làm giày dép, thuẫn đức tin, và gươm Thánh Linh. Trong Phi-líp, Ngài là Đấng đã từ bỏ mình đi, lìa ngôi vinh hiển, hạ mình xuống cho tới chết rồi được Cha Ngài đem lên rất cao, là Danh trên hết mọi danh. Mọi đầu gối đều sẽ quỳ và xưng Ngài là Chúa, và tôn vinh Đức Chúa Cha; chúng ta làm được mọi sự nhờ Đức Chúa Jê-sus Christ. Trong Cô-lô-se, chúng ta thấy Ngài đã tạo nên thế gian và nâng đỡ mọi vật, bao gồm cả sự sống, gia đình và mục vụ của chúng ta.

I Tê-sa-lô-ni-ca cho thấy Chúa Jê-sus chăm sóc chúng ta như người vú nuôi con mình và như cha dạy dỗ con cái. II Tê-sa-lô-ni-ca bày tỏ Ngài là Vua hồi lai, đến trong vinh hiển và oai nghi. Trong I Ti-mô-thê, Ngài là Đấng trung bảo giữa Đức Chúa Trời và loài người, Ngài còn là nguyên mẫu cho vai trò trưởng

lão. Chúa Jêsus vươn đến nhiều thế hệ một lần nữa trong II Ti-mô-thê, hiệp nhất đức tin của bà Lô-ít, mẹ Ô-nít, và đưa con Ti-mô-thê.

Ngài là Đấng làm cho Hội thánh nên thánh khiết trong Tít và là Đấng giải phóng nô lệ trong Phi-lê-môn. Trong Hê-bơ-rơ, Chúa Jêsus là sự yên nghỉ thật của đức tin, là thầy tế lễ thượng phẩm theo ban Mên-chi-xê-đéc, là Tác giả và là Đấng thành toàn của đức tin. Ngài là Đấng làm việc lành qua đời sống đức tin mỗi ngày trong Gia-cơ. Trong I Phi-e-rơ, trong thời kỳ bắt bớ và tử đạo, Chúa Jêsus phán cùng những người theo Ngài rằng: “Hãy trao mọi điều lo lắng mình cho Ngài vì Ngài hay săn sóc anh em”. Ngài là Chúa yêu dấu trong II Phi-e-rơ.

Ngài phán trong I Giăng rằng nếu chúng ta xưng tội mình, thì Ngài sẽ tha thứ và làm sạch chúng ta. Nếu chúng ta biết Ngài, chúng ta sẽ yêu mến Ngài và giữ các điều răn Ngài. Trong II Giăng Ngài là người chặn hoàn hảo chăm nom bầy mình, còn trong III Giăng Ngài là lãnh tụ tiên phong với mục vụ lưu động. Trong Giu-đe, Ngài cảnh báo về các tiên tri giả – là những kẻ giống như Ca-in đã giết chết em mình; Ba-la-am là kẻ rửa sả dân sự của Đức Chúa Trời; còn Cô-rê là kẻ gây chia rẽ anh em.

Ngài là sự vinh hiển, oai nghi, quyền thế, và là Đấng cầm quyền từ trước muôn đời vô cùng, bây giờ và mãi về sau. Trong sách Khải huyền, Chúa Jêsus bày tỏ chính Ngài với Giăng, là người ngã té như chết rồi. Thật quá tuyệt vời, quá kinh khiếp, cho Giăng nhìn thấy vinh quang Ngài. Mọi người từ các dân tộc, sắc tộc, các dân và các thứ tiếng sẽ tôn vinh và ngợi khen Ngài bằng những bài hát trong ngôn ngữ và điệu múa văn hoá của họ.

Ngài là Đấng cưỡi bạch mã và đánh bại con rồng và con thú. Người nào chết sẽ sống lại để đứng trước mặt ngai cao

trắng sáng của Ngài. Ngài sẽ đoán xét mọi người, để người công bình riêng với kẻ không công bình. Khải huyền chương 21 cho thấy các dân tộc sẽ đến và cởi bỏ mũ miện vinh hiển để dưới chân Ngài, là vinh hiển mà họ học biết về Chúa Jêsus qua Lời Đức Chúa Trời. Chương cuối cùng nói rằng: Ngài là An-pha và Ô-mê-ga, là đầu tiên và cuối cùng, là Đấng đã có, hiện có và còn mãi, là Đấng toàn năng. Chúa Jêsus là Ngôi Lời, được Đức Thánh Linh bày tỏ ra. Ngài sẽ trở thành Ngôi Lời trong đời sống, xã hội và trong từng quốc gia trên đất.

Hãy cùng tiến tới!

Khi chúng ta học Kinh Thánh, chúng ta có thể học biết đường lối của Đức Chúa Trời. Chúng ta thấy cách Ngài dẫn dắt con người trong quá khứ. Điều này cho chúng ta một khuôn mẫu hành động khi chúng ta đối diện với những khó khăn ngày nay. Chúng ta càng học biết Lời của Ngài, chúng ta càng khám phá nhiều câu trả lời, ngay cả những vấn đề nổi cộm trong thời đại ngày nay.

Đôi khi thế giới có nhiều vấn đề không thể giải quyết. Làm thế nào một người bình thường có thể thay đổi một dân tộc bằng những thói quen xấu và trái đấng đã bị đâm rể từ lâu trong lòng họ?

Đức Chúa Trời đang xử lý vấn đề tương tự khi Ngài giải cứu dân sự ra khỏi tình trạng nô lệ tại Ai-cập. Sau đó là bốn-trăm năm, người Hê-bơ-rơ vẫn còn tâm lý của một dân nô lệ. Mặc dù họ đã được cứu nhờ huyết rải ra trong ngày Lễ Vượt Qua, họ không biết phải sống thế nào, gây dựng gia đình, xã hội hay đất nước như thế nào.

Đức Chúa Trời dùng Môi-se để môn đồ hoá hàng triệu người nô lệ, để khiến họ trở thành một dân tộc. Nhiều thế kỷ sau, thay vì một nhóm thiểu số sẽ chúc phước cho toàn thế giới, giống như Đức Chúa Trời đã hứa với Áp-ra-ham. Họ đã làm điều đó bằng cách cho chúng ta có một quyển Kinh Thánh và Chúa Jêsus, Con Đức Chúa Trời. Bây giờ, chúng ta có thể đem Lời Chúa và Lời hằng sống đến với những ai đang mong chờ – những người đã bị thất lạc Quyển Sách hàng nghìn năm qua, những người đã đào thải Kinh Thánh, những người chưa hề có cơ hội nghe hay nhìn thấy Kinh Thánh.

Cánh cửa đang mở ra!

Vào năm 1985, có một điều bất thường đã xảy ra khi tôi chia sẻ ở Tuscula, Phần Lan, tại một hội nghị toàn quốc được diễn ra trong khu nhà lều tạm rất to. Đột nhiên, tôi bắt đầu nhận ra điều Chúa sắp sửa làm ở khu vực phía Đông của chúng tôi, trong Liên Bang Xô-viết. Tôi kể với Finns rằng: “Đức Chúa Trời đang nói với tôi rằng Liên Ban Xô-viết đang được mở ra”. Sau đó tôi nhìn thấy một hình ảnh có rất nhiều người tin Chúa rao giảng rất tự do trên đường phố ở Nga. Tôi thấy Kinh Thánh được phân phát rộng rãi và các giáo sĩ Xô-viết đi đến nhiều nơi khác trên thế giới. Tôi chia sẻ tất cả những gì Đức Chúa Trời bày tỏ với hội chúng ở Phần Lan. Tôi còn nhớ rất rõ phản ứng của họ khi tôi nói ra điều này. Gương mặt của họ muốn nói rằng: “Chúng ta phải nghe người diễn giả này sao!”

Một năm sau, tức là năm 1986, Gorbachev tuyên bố *glasnost*, trong tiếng Nga nghĩa là “mở ra”, đã xảy ra với Liên Bang Xô-viết. Theo sau đó là bi kịch xảy ra tại Chernobyl, một sự đối

trá to lớn trong giới chức nhà nước lúc đó bị lộ ra, Liên Bang Xô-viết bắt đầu được giải phóng. Tất nhiên, còn rất nhiều yếu tố khác dẫn đến sự kết thúc của chủ nghĩa vô thần, có quá nhiều thứ để giải thích cho thời điểm này. Nhưng khi tôi theo dõi các sự kiện xảy ra rất nhanh ở Nga và Đông Âu lúc đó, tôi nhớ lại những gì Chúa đã phán với tôi dưới mái lều tạm vào buổi tối ở Tuscula, Phần Lan. Đức Chúa Trời đã phán về sự giải phóng đang xảy ra. Ngài muốn chúng ta sẵn sàng.

Trong một khoảng thời gian ngắn, tôi thấy mình đang đứng giảng trên các con đường của nước Nga mà không bị can thiệp, giống như Đức Chúa Trời đã phán trước đó. Thật ra, tôi đã chia sẻ tại quảng trường của một thành phố kia, những cảnh sát đã tìm tôi để hỏi xin mấy quyển Kinh Thánh.

Boris Yeltsin, tân lãnh đạo của nước Nga vào thời bấy giờ, đã yêu cầu Hội thánh gửi đi 125 triệu quyển Kinh Thánh để phát cho từng sinh viên. Rất nhiều nhóm truyền giáo đã hiệp lại cùng nhau vào năm 1990 để phân phát 25 triệu quyển Kinh Thánh. Nhưng chúng tôi không được chuẩn bị để có đủ người đáp ứng yêu cầu của nhà nước. Thật tiếc!

Bây giờ, chúng ta đang đứng sát một thách thức khác trong lịch sử.

Chúng ta phải sẵn sàng!

Nhiều năm trước, Brother Andrew đã tổ chức đợt phân phát Kinh Thánh bí mật vào Trung Hoa. Với rất nhiều thành tựu quý giá, các tình nguyện viên của ông đã điều phối để một triệu quyển Kinh Thánh được đưa vào Trung Hoa bằng sà lan từ Hong Kong. Sau đó, các doanh nhân ở Bắc Kinh đã thách thức

chính quyền Trung Hoa cho phép mở nhà in Kinh Thánh. Họ hỏi: “Tại sao các anh lại sợ Kinh Thánh?”

Nhà nước đồng ý mở nhà in Kinh Thánh. Vài nhân sự YWAM dự phần trong công việc in ấn. Mỗi năm, từ lúc chương trình này bắt đầu đã có khoảng một triệu đến ba triệu cuốn Kinh Thánh được in ra ở Trung Hoa. Với sự chấp thuận từ chính quyền, nhiều người khác đã đem Kinh Thánh vào Trung Hoa để phân phát. Cho đến nay vẫn chưa xảy ra bất kỳ sự chống đối nghiêm trọng nào. Tất nhiên, dân số Trung Hoa bây giờ vào khoảng 1 tỷ 281 triệu người. Với số lượng người tin Chúa tăng hàng ngàn người mỗi ngày, thì vẫn còn thiếu rất nhiều Kinh Thánh ở Trung Hoa.

Chúng ta không nên lãng phí bất kỳ cơ hội nào nữa. Chúng ta phải đem Lời Chúa đến với mọi người. Ngài đang giao phó điều này cho chúng ta và mong muốn cùng với chúng ta đem Lời của Ngài đi đến khắp đất. Ngài muốn chúng ta, với tinh thần cầu nguyện, tìm kiếm Lời Chúa để có câu trả lời cho từng nan đề mà con người đang đối diện. Ngài đang đặt kho báu vô giá này trong tầm tay chúng ta. Đây là thời điểm để hành động.

MỘT THÍ DỤ CHO CÁC DÂN TỘC

Tôi biết ơn Bob Moffit đã cho phép tôi sử dụng thí dụ sau đây từ quyển sách Nếu Chúa Jêsus Là Nhà Chủ Tịch của anh. Thí dụ này tóm tắt ngắn gọn tinh thần mà tôi muốn đặt để trong quyển sách này.

Câu chuyện của Juan

Juan cảm thấy Chúa muốn anh chuyển đến sống tại một khu vực chưa có Hội thánh trong một thành phố rất phát triển để mở Hội thánh. Thật ra, mỗi lần đi xe buýt từ chỗ làm về tới nhà, chiếc xe buýt cứ đi ngang cộng đồng của mấy người mới đến lập nghiệp từ Las Pavas. Juan cảm thấy một sự thu hút lạ thường đối với những người sống tại đó. Anh không được huấn luyện mấy – chỉ từng học các lớp bổ túc ở trường Kinh

Thánh mà thôi. Điều anh có là lòng nhiệt thành muốn nhìn thấy người khác biết Chúa Jêsus.

Juan nói chuyện này với vợ, rồi họ quyết định chuyển đến Las Pavas cùng với hai đứa con gái nhỏ của mình. Họ thuê một phòng nhỏ với mấy miếng ván lỏng lẻo để ở. Las Pavas không có nước, không có điện, không có trường học và không có bệnh viện đa khoa. Đường xá rất dơ dáy. Người dân thì nghèo thiếu. Họ đã sống trong mấy chỗ bọc bằng ván nhựa, hộp thiếc, những bánh xe cũ mòn, mấy miếng các tông, những tấm ván đã qua sử dụng, và bất cứ thứ gì còn dùng được để làm nhà ở. Đó là một cuộc sống khó khăn, nhưng Juan và vợ mình tin rằng Đức Chúa Trời đã kêu gọi họ đến sống và phục vụ ở đó.

Juan đi làm cả ngày, nhưng anh có những buổi tối đi thăm hàng xóm và mời họ đến nhà mình để học Kinh Thánh. Anh đã dành mấy ngày cuối tuần để làm người chăn bầy ở đó. Trong vài tháng, một nhóm nhỏ gồm mấy người phụ nữ và trẻ em nhóm lại mỗi Chúa Nhật ở nhà Juan. Vài tháng sau đó, họ thuê được một gian phòng dùng để nhóm lại. Juan có khoảng hai-mươi phụ nữ và vài đứa trẻ là hội chúng của mình, nhưng không có đàn ông nào cả. Mấy người ở cộng đồng rất thích Juan nhưng nghĩ rằng tôn giáo là thứ dành cho phụ nữ và trẻ con.

Juan là một người chăn bầy rất trung tín và đầy yêu thương. Anh thức dậy mỗi buổi sáng sớm để cầu nguyện cho người dân và học Kinh Thánh. Sau năm đầu tiên, anh có được mối quan hệ rất tốt nhưng chẳng mấy phát triển. Juan và vợ mình biết được tình cảnh đang khiến họ mệt mỏi về thể xác. Hai đứa con gái nhỏ của họ luôn mắc bệnh. Juan không làm ra

nhiều tiền để con cái được chăm sóc tốt. Anh cảm thấy nản lòng.

Vào khoảng 4 giờ sáng, Juan thức dậy như bình thường. Anh cố gắng không đánh thức vợ và mấy đứa con. Anh đã treo một cái màn bằng nhựa để ngăn cách phòng. Buổi tối, cái màn đó chia khu vực nằm ngủ với khu vực khác, là chỗ có một cái bàn và bốn cái ghế. Juan ngồi vào bàn rồi bật đèn được thiết kế ở trong hộp sữa. Nó được đổ đầy dầu và dùng làm cái đèn để bàn. Anh mở quyển Kinh Thánh và bắt đầu đọc. Buổi sáng đó là một ngày đặc biệt khi anh đọc Ê-sai chương 58. Anh đọc thấy tấm lòng của Đức Chúa Trời đối với người đói, người bị trần truồng, người vô gia cư, người bị áp bức.

Tấm lòng của Juan quặn thắt: Đức Chúa Trời ơi, con thấy tấm lòng của Ngài dành cho người nghèo trong Kinh Thánh. Tại sao con không thấy điều đó ở Las Pavas? Juan cảm nhận người dân có rất nhiều nhu cầu, rồi những giọt nước mắt chảy dài nơi gò má khi anh đang cầu nguyện. Đang lúc ngẫm nghĩ về sự khác biệt giữa kinh nghiệm thực tế với những gì anh đang đọc, liền có một tiếng gõ cửa nhẹ ở ngoài phòng.

Ngay lập tức, Juan bước ra cửa, nhưng anh không mở cửa. Nếu mở cửa cho người lạ thì sẽ nguy hiểm vì trời còn tối. “Ai đó?” Juan thì thào.

Một tiếng nhỏ nhẹ trả lời rằng: “Ta là Chúa Jêsus đây, Juan”.

“Ai chứ?”

Giọng nói lại trả lời: “Ta là Chúa Jêsus đây, Juan”.

Âm thanh nhẹ nhàng đến nỗi Juan gần như tin rằng đó là Chúa Jêsus. Anh nhẹ nhàng kéo khoá và mở cửa ra. Anh có thể thấy bóng hình của một người trong bóng tối, người đó

không có vẻ đáng sợ. Juan mở cửa thêm tí nữa rồi nói: “Xin mời vào”.

Nhưng Chúa Giêsu nói rằng: “Không, Juan, ta nghe tiếng khóc của anh sáng nay. Ta đến để anh chỉ cho ta thấy những gì đang làm anh bận tâm ở Las Pavas”. Juan nhanh chóng và lặng lẽ bước ra ngoài, thật ngạc nhiên khi anh đồng ý với lời mời đó. Anh đóng cửa lại đằng sau mình.

Juan nói: “Được chứ, thưa Chúa Giêsu, nhưng xin hãy đi sát tôi. Đây là mùa mưa, tôi biết phải đi chỗ nào để né mấy vùng nước”.

“Được, Juan”, Chúa Giêsu nói. “Ta sẽ theo anh”.

Họ bắt đầu đi xuống con đường rít gió. Vừa đi Juan nói rằng: “Chúa Giêsu ơi, cái lều đằng kia là của một người phụ nữ độc thân. Cô ấy đang bán thân – trong nhà và ngay trước mặt mấy đứa con – để kiếm tiền mua thức ăn”. Họ đi xa thêm chút nữa. “Còn dưới cái lều bằng nhựa đó là một gia đình. Người chồng là một tên nghiện rượu. Anh thường về nhà say xỉn rồi đánh đập vợ con. Cả vùng có thể nghe thấy tiếng anh ta la lối. Chúa Giêsu ơi, tôi không chịu được khi nghe thấy tiếng la khóc, nhưng tôi chẳng làm gì được”.

Cả hai đi xa hơn rồi Juan nói rằng: “Xin hãy bịt mũi lại khi chúng ta đi qua chỗ này. Đây là chỗ mọi người bỏ rác và đi vệ sinh”. Họ có thể nghe tiếng mấy con chuột chạy lon ton trong đồng rác. Rồi Juan chỉ một chỗ khác. Nơi này còn rộng hơn rất nhiều chỗ khác trong vùng. Juan nói: “Còn đây, thưa Chúa Giêsu, là nơi chủ tịch của Las Pavas đang sống. Ông ta nghĩ mình là người “cao trọng”. Ông thu tiền rồi nói với người dân là số tiền dùng để cung cấp nước và điện cho nơi này. Nhưng ai cũng biết ông ta dùng để mua rượu và chơi gái”.

Juan quay sang một góc khác, đi xuống dưới đồi, rồi bắt

đầu đi vòng trở lại nơi họ đã xuất phát. Juan chỉ một túp lều nhỏ ở dưới chân đồi. Anh nói: “Chúa Giêsu ơi, đây là một trong những nơi tôi thấy buồn nhất ở Las Pavas. Người phụ nữ sống ở đây bị chồng mình là cha của ba đứa nhỏ bỏ rơi. Họ ngủ dưới đất. Khi trời mưa, nước lênh láng túp lều của họ. Có lúc cô ấy phải ngồi cả đêm, ôm mấy đứa con để chúng không bị nhận chìm”.

Juan nghe thấy tiếng thốn thức của ai đó. Anh nhìn quanh. Anh có thể thấy đôi vai run rẩy của Chúa Giêsu rằng Chúa đang khóc. Juan nhìn thấy điều đang làm anh quặn thắt cũng đang khiến Chúa Giêsu đau lòng. Với giọng nói không rõ ràng, Chúa Giêsu quay lại và nói rằng: “Juan, ta muốn anh biết ý định của ta cho Las Pavas”.

Juan không biết chuyện đã xảy ra thế nào, nhưng đột nhiên anh và Chúa Giêsu đang nhìn xuống Las Pavas. Juan có thể thấy cả cộng đồng. Chúa Giêsu bắt đầu nói về chất lượng nhà cửa. Thành linh, mấy túp lều trở thành những mái nhà nhỏ ngăn nắp. Chúng không quá đẹp, nhưng trông rất ổn. Chúa Giêsu nói về công việc, Juan nhìn thấy người dân Las Pavas đi làm. Bằng cách nào đó Juan có thể thấy công việc không trả lương cao. Nhưng anh biết họ được trả lương đủ để hỗ trợ các gia đình ở Las Pavas.

Chúa Giêsu nói về nước sạch. Đột nhiên có nhiều ống nước được lắp đặt thích hợp trong cộng đồng, rồi mọi người có nước sạch. Chúa Giêsu nói về giáo dục và sức khỏe. Ngay trước mắt của Juan là một trường học và một bệnh viện. Chúa Giêsu nói về cảnh quang. Juan thấy đồng rác không còn nữa. Tại đó, trẻ em chơi đùa ở một nơi có cây cối và hoa. Chúa Giêsu nói về gia đình lành mạnh là nơi có đàn ông, phụ nữ và con cái biết tôn trọng và yêu thương nhau. Rồi Chúa Giêsu nói

về sự chữa lành thuộc linh. Juan nhìn thấy một Hội thánh nhỏ có nhiều gia đình – bao gồm cả những người đàn ông. Anh rất vui. Anh nghĩ đó là *cộng đồng mà mình hằng mong ước*.

Tất nhiên, Chúa Jêsus biết suy nghĩ của anh nên Ngài nói rằng: “Juan, đây là ý định của ta dành cho Las Pavas. Ta muốn anh nói với mọi người về kế hoạch của ta rồi bắt đầu hướng dẫn họ làm”.

Juan lên tiếng: “Nhưng mà, Chúa Jêsus ơi, tôi không thể làm được. Làm sao hội chúng chỉ toàn là phụ nữ và trẻ con thì làm được gì chứ? Chúng tôi đang cố gắng để tồn tại mà thôi.

“Juan ơi, hãy nghe ta. Ta muốn anh chia sẻ kế hoạch cùng người dân ở đây, ta muốn anh hướng dẫn hội chúng để bắt đầu phục vụ hàng xóm. Hãy thăm người bệnh, những bà mẹ độc thân. San sẻ với mấy người hàng xóm. Họ có thể đem đến một lon gạo, một miếng xà phòng, đường hay muối, rau quả, quần áo đến Hội thánh vào ngày Chúa Nhật. Hãy thu gom tất cả bỏ vào giỏ, rồi đem tặng cho người nào đang rất cần. Họ phải làm như vậy mỗi tuần. Sau đó, anh hãy phát triển mối quan hệ với những người có quyền trên thành phố. Tìm hiểu những việc nào cần thiết để đem nước sạch và điện đến Las Pavas”.

Juan nói rằng: “Chúa Jêsus ơi, chúng tôi cần thực tế. Những việc nhỏ nhặt này sẽ không bao giờ tạo ra khác biệt gì đâu. Tôi...”

“Juan, ai tạo nên thế giới?”

“Là Ngài, thưa Chúa, nhưng mà...”

“Juan, ai rẽ Biển Đỏ để dân Y-sơ-ra-rên đi qua?”

“Là Ngài, thưa Chúa, nhưng...”

“Juan, ai cho năm-ngàn người ăn với năm cái bánh và hai con cá?”

“Là Chúa, nhưng...”

“Juan, ta là Đấng hôm qua, ngày nay và cho đến đời đời. Hãy làm phần của anh và ta sẽ làm phần còn lại. Có những việc sẽ không ứng nghiệm cho đến khi nào ta trở lại, nhưng ta muốn anh bắt đầu quá trình đó. Anh và bảy chiên nhỏ là những đại sứ của ta. Khi anh vâng lời, ta sẽ bắt đầu chữa lành Las Pavas”.

Juan đang nghĩ về những gì Chúa Giêsu vừa nói. Thành linh, anh nghe thấy tiếng gà gáy. Anh nghe tiếng vợ mình ở đằng sau tấm màn ngăn cách. Anh nhìn xung quanh. Anh vẫn đang ngồi trước cái bàn. Đèn dầu đã không còn nữa. Trời bên ngoài đã sáng.

Juan nhìn quanh tìm Chúa Giêsu nhưng chẳng thấy ai. Chuyện gì đã xảy ra? Juan nghĩ rằng có phải *anh vừa thấy khái tượng chẳng? Hay đó là một giấc mơ?* Juan không biết chắc. Nhưng anh biết mình đã gặp Chúa, Ngài có một khái tượng cho Hội thánh và cộng đồng ở Las Pavas.

Chuyện gì nếu bạn đi cùng Chúa Giêsu qua một cộng đồng? Chuyện gì nếu bạn nói chuyện với Ngài về mục vụ, hướng kinh doanh, hay đất nước của mình? Bạn có thấy tấm lòng của Ngài, bạn có nghe thấy tiếng Ngài đang khóc? Bạn có sẵn sàng làm những điều không thể chưa? Bạn có tin rằng Đấng đã làm phép lạ với những cái bánh và con cá cũng có thể nhân rộng nỗ lực của bạn không? Bạn có tin cậy Ngài để dùng bạn ảnh hưởng một nơi nào đó trên thế giới này chẳng?

Nếu bạn lắng nghe Ngài và làm theo những gì Ngài phán, thì chúng ta sẽ môn đồ hoá các dân tộc. Chúng ta sẽ thay đổi thế giới. Chúng ta sẽ chứng kiến sự nhận biết vinh quang của Ngài đầy đầy khắp đất như nước tràn biển hồ.

TÁC GIẢ



Loren Cunningham là người đồng sáng lập tổ chức Thanh Niên Với Sứ Mạng (gọi tắt là YWAM), một gia đình liên mục vụ ở khắp toàn cầu được ra đời vào năm 1960, đến nay đã lan rộng đến từng quốc gia trên đất. Loren vừa là người đồng sáng lập và cũng là hiệu trưởng danh dự của Trường Đại học Các dân tộc. Ông đã cùng vợ là Darlene, người cộng sự trong chức vụ của mình kể từ

ngày thành lập YWAM, hiện đang hướng dẫn Trường Đại học Các dân tộc ở Kona, Hawaii. Loren đã đặt chân đến từng quốc gia có chủ quyền trên đất, tất cả các nước thuộc địa và hơn 100 địa phận và hải đảo vì có Đấng Christ và Đại Mạng Lệnh. Ông thường làm mục vụ ở sáu lục địa mỗi năm.

MỤC VỤ TIỀN PHONG

Mục vụ Tiên Phong ra đời với mục đích “chuyển ngữ và xuất bản tài liệu Cơ Đốc để rao truyền sự vinh hiển của Đức Chúa Trời vì sự vui mừng của người Việt, đặc biệt là qua sự chịu khổ, *trong Đức Chúa Jêsus Christ*”.

Quyển sách biến đổi các dân tộc là sản phẩm đầu tiên do Mục vụ Tiên Phong xin phép tác giả xuất bản tại Việt Nam vì tinh thần và nội dung của sách đã thôi thúc chúng tôi phải gửi đến người Việt tựa sách này.

Từ đó, chúng tôi đã tiếp tục nỗ lực chuyển ngữ và xuất bản các tựa sách Cơ Đốc khác nữa nhằm mang lại nguồn tài liệu quý báu cho người Việt ở trong và ngoài nước. Các tài liệu này không thể thay thế Lời Chúa và tài liệu của Hội thánh mà quý con cái Chúa đang nhóm lại hàng tuần. Chúng tôi chỉ mong con cái Chúa sử dụng các tài liệu này để bày tỏ Phúc Âm của Đức Chúa Jêsus Christ cho gia đình, người thân, bạn bè và cộng đồng xung quanh.

Nếu bạn muốn biết làm thế nào để dâng hiến, hỗ trợ và nhận tin tức về các tựa sách khác mà Mục vụ Tiên Phong đang chuyển ngữ, xin hãy liên hệ chúng tôi bằng thư điện tử info@tienphong.org hoặc bạn có thể tìm đến trang điện tử www.tienphong.org để tải về các tài liệu miễn phí.

Chúng tôi chân thành biết ơn các anh chị em con cái Chúa

đã tin tưởng hỗ trợ mục vụ và các dự án Cơ Đốc cho người Việt của Mục vụ Tiên Phong.

Xin Chúa dẫn dắt,

Mục vụ Tiên Phong

